



# ĐẶC SAN LUẬT KHOA

2023

## ĐẠI GIA ĐÌNH LUẬT KHOA và **CHIẾN TRANH** VIỆT NAM



Gia Đình Luật Khoa Bắc CA.

# MỤC LỤC

- 3- Lời Phi Lộ.....Ban Báo Chí  
5- Quốc Ca VNCH.....Luu Hữu Phước  
6- Hội Ngộ Mùa Thu.....Mai Tinh Tuấn  
7-Luật Khoa VN Hành Khúc.....Ls Võ Văn Đình  
8- Hội Ngộ Mùa Thu LK 2022.....Ý Dân  
11- Hộp Mặt LK Vinh Danh Các Bà Mẹ.....Ý Dân  
14-40: Một Thời Kỳ Niệm.....Nguyễn Vạn Bình  
42- Đại Hội LK Nam Cali.....Ý Dân  
46- Đại Gia Đình LK thăng trầm.theo vận nước....  
Nguyễn Vạn Bình  
52-Chiến tranh VN:1955-1975.....Nguyễn Vạn Bình  
58- Công hàm Phạm Văn Đồng bán nước.....  
Gs Nguyễn Văn Canh  
70- Thơ: Quê Hương vùng lên.....Thiền Nhân  
71-Thực chất chiến tranh VN.....Phạm Mạnh Tuấn  
74- Những khó khăn của TT Thiệu.....Lê Đình Cai  
87-Thơ: Chiến thắng Quảng Trị .....Lê Trung Hiếu  
88- Tháng Bảy, nghĩ gì,?.....Phạm Quang Trinh  
92- Thơ: Cam Phận, Tai Địch.....Vân Đình  
93- 50 năm Hiệp Định Paris.....Thiện Ý  
95- Thơ: Bất chiến.....Nguyễn Vạn An  
96-Tái chiếm Quảng Trị.....ĐT Ngô Văn Định  
102- Thơ:Mài Sừng, Sinh Hoạt Hội LK...Vân Đình  
103- Diễn biến đưa đến biến cố 30/4.....Lữ Giang  
113- So sánh nội chiến HK và chiến tranh VN.....  
Nguyễn Vạn Bình  
117- Quốc Hận 30/4 Nam Bắc VN đều thua.....  
Nguyễn Vạn Bình  
120 - Thơ: Mục vụ trong nghịch cảnh.....  
LM Thạch Linh  
121- 20/7/1954 Ngày Quốc Hận Hồng...Trần An Bài  
125-Thơ: Biến động kinh khủng.....  
LM Nguyễn Đình Đệ  
126- Thảm Phán và Ls.....Ls Dương Tấn Trương  
129-Thơ: Tại Em đó.....Nguyễn Vạn Thắng  
130- Việt Quốc, Việt Cộng..... Gs Bửu Lịch  
131- Thơ: Người tù cải tạo.....Nguyễn Vạn Thắng  
132- Một chuyến ra khơi.....Ls Nguyễn Hữu Thụy  
136- Thơ:Con nào quên..... Nguyễn Vạn Thắng  
137- Tôi đã đào ngũ.....Nguyễn Tường Tâm  
146-Tam quyền phân lập.....Nguyễn Vạn Bình  
149-Cái nhục lớn.....Ls Lê Duy San  
152-Tại sao mất Miền Nam VN?.....  
TS Nguyễn Tiến Hưng  
158- Những người mất gốc.....Ls Đỗ Đồn Quế  
161- Sát thủ thi hành bản án tướng Loan...Chu Việt  
167- Thơ:Thu tha hương .....Nguyễn Vạn Thắng  
168- Tầm quan trọng của Living Trust.....  
Ls Triết Võ  
169- Thư trả lời ông Cao Hồng...Nguyễn Vạn Bình  
172- Chuyến Hành Hương ở Âu Châu.....  
Nguyễn Vạn Bình  
179- Thơ: Tuổi Học Trò..... Nguyễn Vạn Thắng  
180- Mắt Biếc và ngưỡng cửa trường Luật.....  
Ls Lê Công Tâm  
183- Thơ:Cô gái VN ơi.....Hồ Dzếnh  
184- Chuyến di tản của HQ 502..... PhanLạc Tiếp  
190-Vĩnh biệt chị Trương Gia Vy.....  
Nguyễn Vạn Bình  
193- Cánh hạt trời không .....Ngọc Thủy  
195- Vĩnh biệt anh Ngô Văn Bằng .....  
Nguyễn Vạn Bình  
198- Cảm nghĩ .....Ls Võ Duy Thường  
198- Thơ:Giỗ Thân Phụ (3)..... Nguyễn Vạn Thắng  
199- Những ngày tháng còn lại... Đỗ Hữu Phương  
201- Thơ:Giờ thân phụ (1) .....Nguyễn Vạn Thắng  
202- Một góc đời tỵ nạn.....Nguyễn Tấn Ích

# LỜI PHI LỘ



Kính thưa quý giáo sư  
cùng các anh chị đồng môn Luật Khoa Sài Gòn - Huế - Cần Thơ thân mến,

Như mọi năm, chúng tôi cố gắng phát hành Đặc San Luật Khoa năm 2022, dù dưới hình thức on line thay vì in thành sách.

Chủ đề của đặc san năm 2023 là: “**Đại Gia Đình Luật Khoa Và Chiến Tranh Việt Nam**”

Vì thế, ước vọng của chúng tôi là qua quyển Đặc San Luật Khoa này với nội dung gồm những tài liệu quý báu, những hình ảnh lưu niệm về ngôi trường, của các giáo sư đáng kính, các bạn đồng môn thân yêu, các vị thẩm phán, các luật sư với những hồi tưởng về sự thăng trầm của Đại Gia Đình Luật Khoa Việt Nam theo vận nước.

Thêm vào đó, những bài viết dưới dạng hồi ký, tùy bút, tham luận, sưu tầm, truyện ngắn, thơ, nhạc của các vị giáo sư, các thẩm phán, các luật sư, các cựu sinh viên Luật và các thân hữu sẽ giúp cho đặc san Luật Khoa thêm phong phú.

Chúng tôi hy vọng Đặc San Luật Khoa năm 2023 sẽ được các vị giáo sư, các anh chị đồng môn và thân hữu đón tiếp nồng hậu.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý giáo sư, quý đồng môn, các thân hữu đã đóng góp bài vở, hình ảnh, tài liệu để chúng tôi có dịp ra mắt đặc san này.

Trân trọng

San Jose, ngày 1-10 -2023

**Ban Báo Chí và Ban Mỹ Thuật**  
**NGUYỄN VĂN BÌNH - MÃ PHƯƠNG LIỄU**  
**CAO ÁNH NGUYỆT - QUÁCH HUỆ ANH**



*Các giáo sư và các sinh viên Luật Khoa Sài Gòn*



*Các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali.*



# Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa

Độc Lập từ năm 1956

Đệ Nhất và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa

*Nhịp Quân Hành*

Này công dân ơi! Quốc  
gia đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân  
sống! Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên, Làm  
sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dầu cho thây phơi trên gươm  
giáo, Thù nước lấy máu đào đem báo. Nòi giống lúc  
biến phải cần giải nguy, Người công dân luôn vững bền tâm trí, Hùng  
tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi Vang tiếng người nước  
Nam cho đến muôn đời! Công dân ơi! Mau hiến thân dưới  
cờ! Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ Thoát cơn tàn phá, về  
vang đời sống, Xưng danh ngàn năm dòng giống Lạc Hồng.

# HỘI NGỘ MÙA THU

Mai Tinh Tuấn



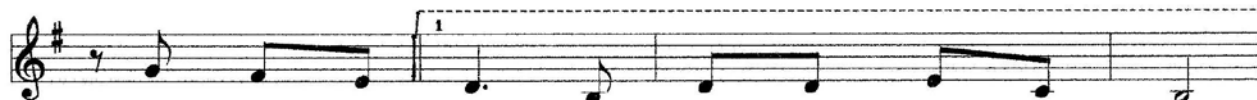
Hội Ngộ Mùa Thu về đây chúng ta kết đoàn.  
(Hội Ngộ Mùa) Thu là nơi chúng ta sum vầy.



Hợp mặt tình thân Luật Khoa ba trường thân mến  
Hợp mặt Luật Khoa tựa như gia đình thân ái.



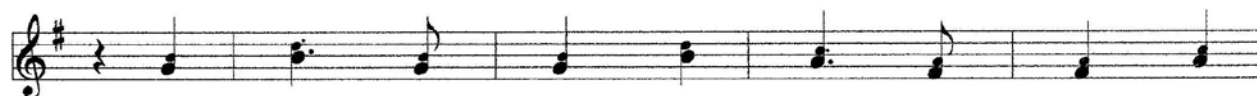
Sài Gòn cùng Huế mộng mơ, đồng hành cùng với Cần Thơ.  
Tình thầy trò cũ hàn huyên, tình bạn đồng lớp, đồng môn.



Nắm tay kết đoàn mừng vui giây phút tương phùng.  
Biết bao kỷ



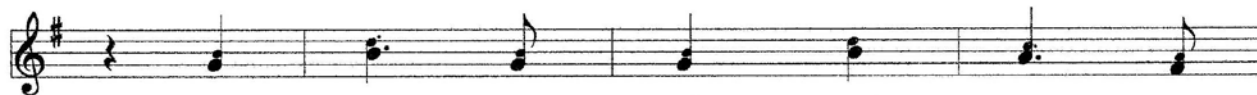
Hội ngộ mùa... niệm, đẹp thay ôi thời gấm hoa.



Luật khoa đào tạo chúng ta, nhiệt thành thiết



tha: Yêu quê hương, yêu tự do, công bằng nhân ái.



Dựng xây rạng ngời Nước Nam, ngàn



đời về vang. Danh tiếng Rừng Tiên.

# Luật Khoa Việt Nam

## Hành Khúc

Nhạc và lời: Võ Văn Đình

The musical score is written in 2/4 time and consists of two staves. The lyrics are as follows:

Luật Khoa Việt Nam quyết chí chúng ta đứng lên. Cùng nhau làm cho vẻ  
Nào Luật Khoa tiến Tiến lên tiến lên Nào cùng làm  
vang giống nòi Tiên Rồng Ngày mai mọi nơi yêu thương Công Bằng Nhân Ái.  
cho vẻ vang giống nòi. Mọi nơi yêu thương nhân loại là  
Ánh Vinh Quang Luật Khoa Việt Nam Luật Khoa tiến  
Ánh Vinh Quang. Ánh Vinh Quang Luật Khoa Việt Nam Luật Khoa tiến  
Tiến lên cho đời rạng ngời Công Lý. sáng danh Nhân Quyền  
Tiến cho đời rạng Công Lý sáng Nhân Quyền.  
Luật Khoa Thắng quyết tâm chiến thắng bạo tàn Ánh Vinh Quang  
Luật Khoa thắng. quyết tâm chiến thắng Ánh Vinh Quang muôn đời  
Muôn đời sáng soi Ánh Vinh Quang Muôn đời sáng soi  
Muôn đời Vinh Quang sáng soi/-

# HỘI NGỘ MÙA THU LUẬT KHOA NĂM 2022



sóc phu quân chị Thành, Ls Lê Công Tâm (từ Nam Cali), Lê Thu Trang và Đào Thái.

Mở đầu, anh Nguyễn Vạn Bình, trưởng Ban Điều Hành của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali cho biết lý do tổ chức buổi tiệc là sau 2 năm, Hội đã không tổ chức được Hội Ngộ Mùa Thu Luật Khoa kỳ 11 và 12 vì dịch bệnh Covid 19. Nay thấy tình trạng khả quan, nên vợ chồng anh cố gắng tổ chức tiệc Hội Ngộ Mùa Thu này. Vì tổ chức tại nhà, nên số lượng

**San Jose ( Ý Dân):** 47 người gồm các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali và thân hữu đã đến tham dự buổi Hội Ngộ Mùa Thu Luật Khoa vào năm 2022 tại tư gia của anh chị Nguyễn Vạn Bình & Mã Phương Liễu vào 4 giờ chiều ngày chủ nhật 9-10-2022 vừa qua.

Chúng tôi ghi nhận có sự hiện diện của các anh chị: Nguyễn Vạn Bình, Mã Phương Liễu, Hà Kim Tinh, Nguyễn Ngọc Mai, Lê Quang Truật, Vũ Thị Xuyên, Anh Tý & Thi Hoa ( từ San Francisco), Phạm Mạnh Tuấn, Dương Thị Tiến, Lê Đình Cai, Võ Thị Hạ, Phạm Quang, Hàn Thụy Tiến, Nguyễn Kim Oanh, Nguyễn Thanh Hương, Nguyễn Đình Dũng, Nguyễn Mậu Quế, Huỳnh Minh Quang, Võ Ngọc Hòa, Huỳnh Văn Xôi, Hồ Tô Hà, Châu Minh Hoàng, Trịnh Như Bằng, Ls Vũ Hữu Kỳ & Phan Thúy Phượng (từ Sacramento), Phạm Thanh Đồng, Nguyễn Bạch Yến, cháu Thomas, Dương Bích Trâm, Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Đình Bì, Ls Nguyễn Bích, Ls Nguyễn Đình Phương, Chị Nguyễn Đình Phương, Huỳnh Văn Đồi, Ngô Bình Kỳ, Quách Huệ Anh, Quách Huệ Lan (từ North Carolina), TP Nguyễn Thi Vinh, Ls Phan Hiệp Thành, phu quân chị Thành, người sản



Ô. Nguyễn Vạn Bình gửi lời chào mừng





khách mời bị hạn chế. Anh Bình cho rằng các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali mong muốn gặp gỡ để thăm hỏi nhau, thường thức những món ăn ngon và cùng nghe giọng ca của các thành viên và thân hữu trong một chương trình văn nghệ ấm cúng. Anh cảm ơn mọi người đã đến dự tiệc, đặc biệt đến hiền thê của anh là chị Mã Phương Liễu đã lo chu đáo phần ẩm thực, trang trí và sắp xếp mọi việc. Anh cảm ơn các anh chị đã giúp một tay với chị Liễu, cũng cảm ơn chị Lê Lợi đã tặng chiếc bánh Thạch Flan, các anh Tý, Huỳnh Văn Đồi và chị Thi Hoa đã lo phần đệm nhạc, âm thanh, anh Nguyễn Mạnh Hùng lo phần MC, anh Thái Đào, chị Huệ Anh lo phần quay phim và anh Lê Quang Truật lo phần chụp hình..

Sau đó, mọi người đã dùng cơm chiều. Thực đơn của buổi ăn gồm có: Khai vị, Gỏi Xoài, Bò Tái Chanh. Soup, Bún Chả, Chả Tôm, Chả Cá Thăng Long, Xôi cùng Gà Hấp Muối, Thạch, Trái Cây, Rượu Vang, Beer, và Nước Ngọt.



*Các thành viên GDLKBC cắt bánh*

Trước khi bước vào phần văn nghệ, 6 cựu sinh viên Luật đại diện cho 3 trường Luật SaiGon, Huế và Cần Thơ là các anh chị Nguyễn Vạn Bình, Võ Ngọc Hòa, Nguyễn Đình Dũng, Võ Thị Hạ, Mã Phương Liễu và Hà Kim Tinh đã cắt bánh mừng Hội Ngộ Mùa Thu Luật Khoa năm 2022.

Mở đầu văn nghệ, các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali đã hợp ca bài Hội Ngộ Mùa Thu do anh Hà Kim Tinh sáng tác.

Sau đó qua phần giới thiệu của MC Nguyễn Mạnh Hùng đã giới thiệu phần trình diễn của: Chị Võ Ngọc Hòa: Mùa Thu cho Em và Lời Yêu Thương. Anh Nguyễn Thi Vinh: Anh Còn Nợ Em. Chị Nguyễn Mậu Quế: Thu Quyển Rũ.



*Các chị trong Gia Đình LK Bắc Cali.*



*Anh chị Hàn Thụy Tiến & Nguyễn Kim Oanh*

Nguyễn Vạn Bình: Mộng Dưới Hoa và Trở Về Bến Mơ. Chị Thi Hoa: Hương Xưa và Mùa Thu Hà Nội. Anh Huỳnh Minh Quang: I Love You So. Anh Lê Công Tâm: Riêng Một Góc Trời.

Dương Thị Tiến: Suối Tóc cùng song ca với anh Nguyễn Vạn Bình để nhớ lại màn song ca của hai người vào Hội Ngộ Mùa Thu năm 2013.



Anh chị Nguyễn Vạn Bình & Mã Phương Liễu



Chị Thi Hoa với nhạc phẩm Hương Xưa



Anh chị Vũ Hữu Kỳ & Phan Thúy Phượng



Khách tham dự tiệc



MC Anh Nguyễn Mạnh Hùng

Anh Phạm Quang: Nỗi Đau Muộn Màng. Chị Nguyễn Kim Oanh: Bài Không Tên số 50 và Khúc Thùy Du. Anh Vũ Kỳ: Phụng Yêu. Chị

Anh Nguyễn Mạnh Hùng: Không Còn Mùa Thu Anh Tý: My Way và anh Huỳnh Văn Đồi chấm dứt phần văn nghệ qua bài Chuyển Bến .

Sau cùng, thay mặt Ban Tổ Chức, anh Nguyễn Vạn Bình một lần nữa cảm ơn mọi người, đặc biệt là những anh chị từ xa đến đây. Anh chị Tý & Hoa từ San Francisco. Anh Lê Công Tâm từ Nam Cali. Anh Hà Kim Tinh từ Oakland và anh Nguyễn Mạnh Hùng khi đưa hiện thê đi Nevada, đã từ Carson City, Nevada lái xe 5 tiếng về lại đây. Anh Bình mong sẽ gặp mọi người trong một dịp khác và chúc tất cả về ngủ ngon. Buổi tiệc đã được chấm dứt vui vẻ và đầm ấm vào 8 giờ tối cùng ngày./.

**Ý DÂN**

# HỌP MẶT LUẬT KHOA

## VINH DANH CÁC BÀ MẸ VÀ MỪNG SINH NHẬT

**San Jose (Ý Dân):** 75 người đã đến tham dự buổi tiệc do Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali tổ chức nhằm Vinh Danh Các Bà Mẹ và mừng sinh nhật cho các thành viên tại nhà hàng Pier 42, tọa lạc 238 Race Street, San Jose, Cali vào 12 giờ trưa ngày chủ nhật 7-5-2023 vừa qua.

Ngoài các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali gồm có các anh chị Nguyễn Vạn Bình & Mã Phương Liễu, Phạm Mạnh Tuấn & Dương Thị Tiến, Hà Kim Tinh & Nguyễn Ngọc Mai, Phạm Quang & Kathy Mai, Huỳnh Văn Xôi & Hồ Tô Hà, Lê Quang Truật & Vũ Thị Xuyên, Nguyễn Đình Dũng & Nguyễn Mậu Quế, Huỳnh Minh Quang & Võ Ngọc Hòa, Vũ Hữu Kỳ & Phan Thúy Phượng, Châu Minh Hoàng & Trịnh Như Bằng, Trì Ngọc Bình & Phan Mỹ Kim, các chị Cao Ánh Nguyệt, Trần Mai Hương, chúng tôi còn nhận thấy có LM Nguyễn Đình Đệ, đại tá Trần Thanh Điền, Ls Nam Thị Hồng Vân, Ls Nguyễn Đình Phương cùng phu nhân, TP Nguyễn Thị Vinh, Ls Phan Hiệp Thành, Ls Nguyễn Ngọc Diệp cùng phu nhân, Ls Bùi Lệ Khanh cùng phu quân, Ls Nguyễn Bích, Bs Võ Tá Đồng cùng phu nhân, ông Trần Hữu An, đại diện Câu Lạc Bộ LK đến từ Louisiana, ông Thái Văn Hòa cùng phu nhân, bà Nguyễn Song Hà cùng phu quân, các cựu sinh viên Luật Khoa, các thân hữu và giới truyền thông gồm có các ông Nguyễn Xuân Nam, Nguyễn Mùi, Lê Đình Bì, Nguyễn Tường Tâm, Huỳnh Lương Thiện và bà Ngọc Thủy.



### Khách tham dự

Sau nghi thức chào cờ VNCH, các cựu sinh viên LK đã hợp ca bài “Luật Khoa Hành Khúc’ được sáng tác bởi Ls Võ Văn Dinh.

Tiếp đến, ông Nguyễn Vạn Bình, trưởng BTC đã ngỏ lời chào mừng quan khách, tuyên bố lý do của buổi tiệc, ông cảm ơn sự hiện diện của mọi người, cảm ơn anh chị Đức & Dung chủ nhà hàng, anh chị Ls Nguyễn Ngọc Diệp cùng anh Trần Hữu An đã yểm trợ tài chánh,



cảm ơn hiện thể là Mã Phương Liễu đã lo chu đáo mọi việc, đồng thời cũng nói sơ qua về những nét đẹp của các bà Mẹ. Theo ông Bình thì ai cũng có Mẹ. Chúng ta

có Mẹ ruột, Mẹ Vợ hay Mẹ Chồng, Mẹ quê hương VN và có Đức Mẹ là Mẹ của Thiên Chúa và cũng là người Mẹ thiêng liêng nhân từ của các giáo dân Công Giáo,

Ông Bình cho rằng chúng ta phải cảm ơn Thượng Đế đã ban cho nhân loại các bà Mẹ tuyệt vời. Người Mẹ không những xinh đẹp về thể xác mà còn có những nét đẹp về tâm hồn



Luật Khoa VN tại Bắc Cali. 2023

đáng quý. Người Mẹ không những cho chúng ta cuộc sống mà còn nuôi nấng và dạy dỗ cho chúng ta được nên người. Ngoài lòng thương yêu, sự nhẫn nại cùng sự chịu đựng bao khổ cực và nhất là sự hy sinh vô bờ bến của người Mẹ chỉ để mong đem về sự bình an và hạnh phúc cho các con.

Câu chuyện hai mẹ con bị kẹt trong một đồng gạch vụn qua một cơn động đất, các lính cứu hỏa sau khi tìm được hai mẹ con thì người Mẹ đã qua đời, chỉ vì bà đã cắn đầu ngón tay của mình để cho con trẻ nút máu của mình thay cho sữa trong cơn đói khát. Trong cuộc chiến VN, vào tháng 3 năm 1975, trong cuộc di tản từ miền Trung vào Sài Gòn, một sĩ quan TQLC đã chợt thấy một bé gái miệng đang còn miệng ngậm bú vú của mẹ, dù bà đã chết vì bị trúng đạn pháo kích của VC, ông sĩ quan này đã mang bé gái này đi chạy nạn. Những hình ảnh đó thật quá cảm động cho chúng ta thấy bất cứ người Mẹ nào cũng thương yêu con và đưa con nào cũng cần có Mẹ để nương tựa.

Qua cuộc sống của chính bản thân của ông thì Mẹ ông qua đời ngày 11-5-2004, nhân dịp lễ hiện mẫu. Những năm tháng cuối đời, Mẹ ông phải nằm liệt giường, quên trước quên sau. Nhưng mỗi khi ông sang thăm Mẹ ông ở Denver, Colorado, ông thường hỏi Mẹ: “Má có biết ai nói chuyện với Má không?” Bà với hình hài tiêu tụy nhìn ông rồi nói: “Thằng cưng Bình của Má chứ ai”. Thật thế, Mẹ ông không bao giờ quên tên của các con.

Khi lập gia đình, ông được chung sống với bà Mẹ vợ, bà cũng hết lòng thương yêu và lo lắng cho ông trong suốt 46 năm. Tại Mỹ, mỗi sáng khi ông thức dậy, chuẩn bị đi làm thì ông đã thấy bà đã chuẩn bị sẵn cho ông hộp cơm để đem đi vào sở làm. Bà mất vào ngày 5-6-2020. Những ngày cuối của cuộc đời, sức khỏe suy sụp, bà đã trấn trối với ông: “Bình con, Má rất buồn vì Má ra đi mà không để lại cho con và các cháu tiền bạc gì cả.” Ông nhìn bà trong niềm xúc động nói: “Con không cần tiền của Má đâu, con chỉ mong Má được khỏe mà sống với gia đình.”

Sau đó, ông Bình đã đọc bài thơ do cậu em là nhà báo Nguyễn Vạn Thắng đã sáng tác

về Mẹ như sau:

## THĂM MỒ MẸ YÊU

Chiều hôm qua, con đến mồ thăm Mẹ  
Để nhớ ngày Hiền Mẫu kính dâng hoa  
Nhưng Mẹ ơi! Lệ con bỗng nhạt nhòa  
Nhìn mộ Mẹ, con cúi đầu lặng lẽ

Con làm dẫu, đọc kinh lời thật khế  
Cho Mẹ hiền an giấc ngủ ngàn thu  
Hè chưa sang, còn vương chút sương mù  
Lòng đau xót thương Mẹ hiền đã khuất

Ngày Mẹ đi lòng con buồn ray rứt  
Giòng thơ này con viết tặng Mẹ yêu  
Mà giờ đây, nhìn mộ Mẹ tiêu điều.  
Tim đau xót chạnh lòng thương tiếc nhớ.

Gió vi vu, chỉ mình con bên mộ  
Giọt lệ buồn con khóc để tiếc thương  
Tình Mẹ con, chia cắt nỗi đoạn trường  
Ơn nghĩa Mẹ, bao giờ con quên được

Mẹ ra đi, sao ngăn giòng lệ khóc  
Mắt lệ nào vui lấp nỗi thương đau  
Chiếc khăn tay con lau giọt lệ trào  
Giòng nước mắt ...cho Mẹ hiền yêu dấu



*Lm Nguyễn Đình Đệ và ông Trần Hữu An*

Tiếp đến, LM Nguyễn Đình Đệ và ông Trần Hữu An cũng đọc hai bài thơ ca ngợi tình yêu thương cao quý của các bà Mẹ.

Mọi người đã ngồi dùng cơm trưa với các món ăn thật ngon gồm có: Clam Chowder, Calamari Salad, Garlic Noodle, Brilled Salmon, Losber (hay Steak) cùng các món dessert gồm có Tiramisu, Cheese cake và trái cây cùng uống rượu vang.



đề về Tình Yêu qua các giọng ca: Vũ Hữu Kỳ ( bài Em đến thăm em một chiều mưa), Kathy Mai ( bài Mùa Xuân không còn nữa ), Nguyễn Ngọc Diệp( bài Tôi đi giữa hoàng hôn), Nguyễn Kim (bài Đường Xưa Ướt Mưa), Kim Oanh ( bài Xin còn gọi tên

Mở đầu phần văn nghệ là màn các chị mặc áo dài đỏ và vàng theo đội hình của quốc kỳ VNCH đã hợp ca bài Cô Gái Việt của nhạc sĩ Hùng Lô thật ý nghĩa và được cử tọa tán thưởng nhiệt liệt. Sau đó các bà Mẹ đã được các vị phu quân và các bà đọc thân cũng được các ông tặng cho một lọ hoa hồng thật tươi đẹp nhằm bày tỏ lòng cảm ơn các bà Mẹ.

Phần văn nghệ gồm các bài ca về Mẹ lần lượt đã được trình bày qua các giọng ca Trần Hữu An (bài Khóc Mẹ đêm mưa), Trần Mai Hương ( bài Lòng Mẹ), Nguyễn Vạn Bình (bài Mẹ tôi của Nhị Hà), Phạm Quang (bài Bông Hồng cái áo), Kim Oanh ( bài Mẹ tôi của Trần Tiến), Phạm Mạnh Tuấn ( bài Nhớ Mẹ), Nguyễn Mậu Quế (bài Đường Xưa lối cũ) và Kiều Đông Phương ( Mẹ Yêu con).

Tiếp đến là phần mừng sinh nhật cho các anh chị có ngày sinh từ các tháng 1 đến tháng 6. Mọi người được BTC cho mang vòng hoa, để nghe lời chúc mừng qua bài Happy Birthday, cùng thổi nến sinh nhật thật vui nhộn. Chúng tôi thấy có Ks Nguyễn Sỹ Tuất mừng 92 tuổi, LM Nguyễn Đình Đế và các Ls Nam Thị Hồng Vân và Ls Bùi Lê Khanh sắp bước vào tuổi 90.

Phần văn nghệ được tiếp nối với chủ

nhau), Võ Ngọc Hòa (bài Nắng Chiều), Nguyễn Mậu Quế (bài Hoa Soan bên thềm cũ), Nguyễn Vạn Bình (bài Mộng Dưới Hoa), Phạm Quang (bài Giữ đời cho nhau), Trần Mai Hương (bài Nổi đầu muện màng) và Huỳnh Minh Quang (bài Carol và Let's Twist again).



Phần văn nghệ với chủ đề có ý nghĩa khá thành công với sự đóng góp của ban nhạc với hai nhạc sĩ La Vân, Huỳnh Văn Đời và các MC Phạm Quang, Ngọc Thủy và Nguyễn Mậu Quế.

Buổi tiệc đã chấm dứt tốt đẹp và 4 giờ trưa cùng ngày../

**Ý Dân**

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Giáo Sư Luật



*Gs Vũ Văn Mẫu*



*Gs Vũ Quốc Thúc*



*Gs Nguyễn Cao Hách*



*Gs Nguyễn Độ*



*Gs Bùi Tường Chiêu*



*Gs Vũ Quốc Thông*



*Gs Nguyễn Văn Bông*



*Gs Nguyễn Ngọc Huy*



*Gs Bùi Tường Huân*



*Gs Tăng Thị Thành Trai*



*Gs Mai Văn Lễ*



*Gs Trần Văn Tuyên*



*Gs Trần Văn Liêm*



*Gs Nguyễn Quang Quỳnh*



*Gs Châu Tiến Khương*



*Gs Nguyễn Huy Chiêu*



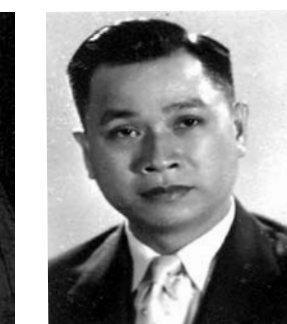
*Gs Nghiêm Xuân Việt*



*Gs Tăng Kim Đông*



*Gs Vũ Văn Hiền*



*Gs Trần Chánh Thành*

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Giáo Sư Luật



*Gs Phan Tân Chức*



*Gs Phạm Văn Thuyết*



*Gs Nguyễn Văn Canh*



*Gs Trần Như Tráng*



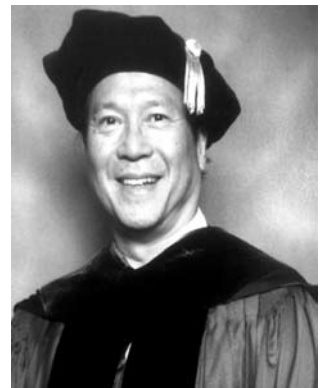
*Gs Nguyễn Mạnh Hùng*



*Gs Tạ Văn Tài*



*Gs Quách Thị Nho*



*Gs Vũ Quốc Thụy*



*Gs Nguyễn Quốc Trị*



*Gs Vũ Thị Việt Hương*



*Gs Đặng Xuân Hà*



*Gs Đặng Thị Tâm*

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Tòa Án và Các Thẩm Phán



Tối Cao Pháp Viện



Trần An Bài



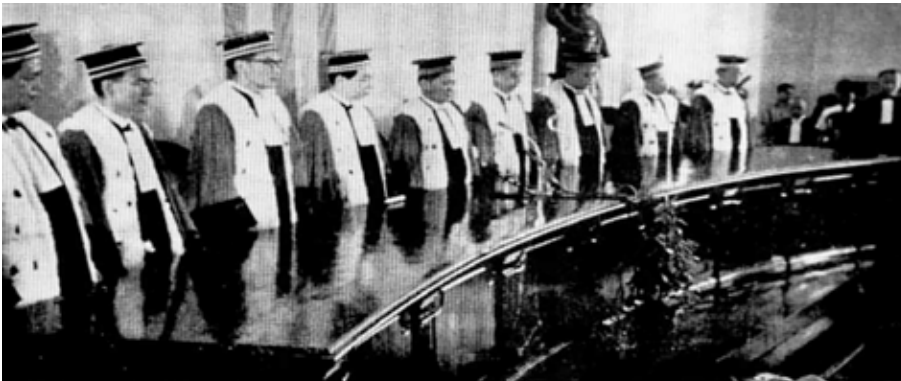
Trần Thanh Giang



Trang Sĩ Tấn



Trịnh Ngọc Dung



Members of the new Supreme Court (from left): Justices Nguyen Van Bien, Tran Van Linh, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Lien.

Các Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện



Trương Tiến Đạt



Vũ Mạnh



Pháp đình Sài Gòn



Tối Cao Pháp Viện

Các Thẩm Phán Tòa Sài Gòn



# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Thẩm Phán



Nguyễn Thành Hương



Nguyễn Mạnh Quỳnh



Nguyễn Văn Thành



Lê Duy Sơn



Đặng Xuân Thanh



Đỗ Đức Du



Nguyễn Độ



Hà Ngọc Phúc Lưu



Hoàng Mạnh Hải



Hoàng Tuấn Lộc



Nguyễn Đình Kỳ



Huỳnh Trung Chánh



Khuất Duy Trác



Lâm Lễ Trinh



Lê Thế Hiển



Lê Văn Tiến



Lê Đắc Trọng



Lê Tài Bôn



Lương Đức Hợp



Lương Tấn Bảo



Mai Văn An



Nguyễn Đức Huy



Nguyễn Hữu Cẩn



Nguyễn Thị Vệ



Nguyễn Cẩn

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Thẩm Phán



Nguyễn Cao Quyền



Nguyễn Hồng Nhuận Tâm



Nguyễn Hữu Thành



Nguyễn Hữu Thụy



Nguyễn Quốc Sứ



Nguyễn Thành Lôi



Nguyễn Văn Biên



Nguyễn Văn Quý



Nguyễn Văn Thông



Nguyễn Y Nhac



Nguyễn Duy Linh



Phạm Văn Huệ



Hà Dương Vỹ



Đặng Vũ Mai



Trần Chấp Trinh



Bùi Trọng Tường



Bùi Văn Thanh



Cao Văn Thân



Đặng Đình Long



Đình Văn Huân



Đỗ Đức Du



Đỗ Hữu Phúc



Dương Khang



Dương Kiên



Dương Lân

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Thẩm Phán



Hà Xuân Tế



Hà Xuân Thao



Hồ Đắc Cần



KHỔNG Trọng Hình



Lê Quang Phục



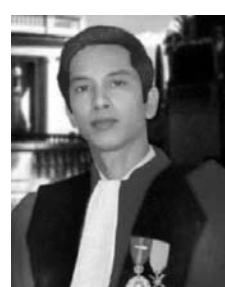
Lê Thanh Sơn



Lê Thị Ngọc Trân



Lê Văn Thu



Ngô Bút



Nguyễn Huân Trinh



Nguyễn Anh Hoàng



Nguyễn Công Đán



Nguyễn Đình Hùng



Nguyễn Đình Kỳ



Nguyễn Đức Quý



Nguyễn Hải



Nguyễn Mộng Bích



Nguyễn Ngọc Điện



Nguyễn Nhu Tuấn



Nguyễn Quốc Chân



Nguyễn Sĩ Huyền



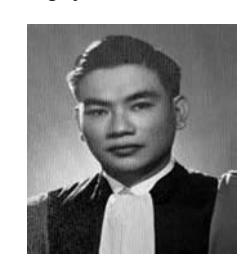
Nguyễn Thanh Lộc



Nguyễn Thế Cường



Nguyễn Ứng Chung



Nguyễn Văn Hào

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Thẩm Phán



Nguyễn Văn Sửu



Nguyễn Văn Thành



Phạm Gia Hệ



Phạm Kim Quy



Phạm Ngọc Tông



Phạm Văn Hàm



Phan Quang Khải



Phan Tam Tuấn



Phù Tuyết Hồng



Tô Sơn Lâm



Tôn Thất Hiệp



Tống Đức Hoàn



Trần Cẩm Tựu



Trần Khương Trinh



Trần Kim Thủy



Trần Nguyên Tá



Trần Văn Thuận



Trịnh Viết Tân



Trương Kim Thạch



Việp Văn Tỷ



Võ Nhật Minh



Vũ Tiến Xuân



Nguyễn Thế Sinh



Nguyễn Trọng Liệu



Trần Cẩm Tựu

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Luật Sư



Ls Trần Văn Tốt

Ls Võ Văn Quan



Ls Trần Văn Tốt, cựu thủ lĩnh LS Đoàn và Ls Võ Văn Quan

Ls Trần Văn Tuyên, cựu thủ lĩnh LSD



Ls Thân Thị Hoài Phương

Thân thị Hoài Phương



Ls Trần Thị Ánh Tuyết

Trần thị Ánh Tuyết



Bà Ls Nguyễn Hữu Thông

Nam Thị Hồng Vân



Ls Huyền Ngọc Anh

Huyền Ngọc Anh



Quách Thị Nho



Ls Trương Hồng Thị Trinh

Trương Hồng Thị Trinh



Ls Nguyễn Thúy Loan

Nguyễn Thúy Loan



Nguyễn Thị Chính



LS  
Bùi Lệ Khanh

Bùi Lệ Khanh



Ls Nguyễn Sĩ Thủy

Nguyễn Sĩ Thủy



Đoàn Tường Mỹ



Nguyễn Thị Phượng Huy



Trần thị Thanh Thủy



Trần Hoàng Vân



Nguyễn Tuyết Mai

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Luật Sư



Nguyễn Văn Lộc



Trần Văn Chương



Hồ Tri Châu



Trần Văn Tốt



Nguyễn Văn Huyền



Nguyễn Mạnh Tường



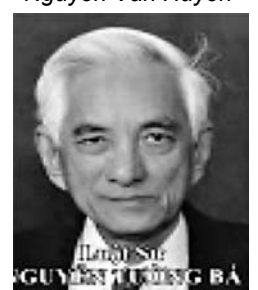
Trần Chánh Thành



Trương Đình Dzu



Phan Tấn Chức



Nguyễn Tường Bá



Đinh Thạch Bích



Ngô Khắc Tĩnh



Nguyễn Thúy Phương



Đàm Quang Lâm



Lý Quốc Sinh



Bùi Bích Hợp



Nguyễn Thành



Đỗ Đức Hậu



Khuất Duy Trác



Lê Tất Hào



Đoàn Văn Tiên



Trần Thị Lan



Trương Ánh Nguyệt



Hoàng Thị Thân



Nghiêm Thục Nhân

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Luật Sư



Đỗ Xuân Hòa



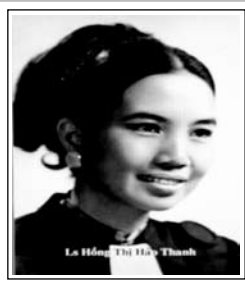
Đặng Xuân Thanh



Đào Hữu Phan



Đỗ Ngọc Phú



Hồng Thị Hảo Thanh



Đỗ Xuân Hiệp



Phan Ngọc Cẩn



Huỳnh Thị Xuân Hoàng



Lại Đình Cẩn



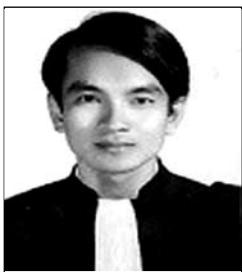
Trác Quan Trường



Bùi Trần Phú



Nguyễn Ngọc Anh Trang



Bùi Thế Bằng



Lê Như Thọ



Tôn Tịnh Phần



Lê Thanh Phương



Vũ Thị Sâm



Trần Tử Huyền



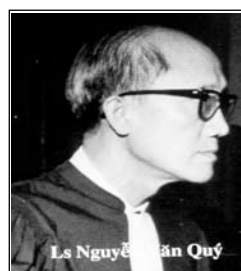
Lý Vĩnh Thông



Vũ Ngọc Oanh



Nguyễn Thị Hồng



Nguyễn Văn Quý



Lưu Đức Quỳnh



Trần Sơn Hà



Nguyễn Thúy Liên

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Luật Sư



Lê Duy San



Đoàn Thanh Liêm



Nguyễn Thúy Phương



Trương Tiến Đạt



Nguyễn Tiến Đạt



Đinh Thành Châu



Ngô Hữu Liên



Võ Duy Thường



Lê Công Tâm



Nguyễn Thành



Nguyễn Hồng Nhuận



Nguyễn Hữu Thụy



Lê Chí Hiếu



Trần Đức Thông



Huỳnh Quang Khải



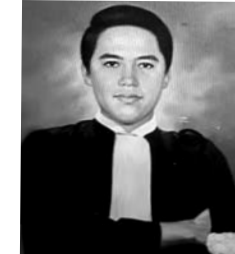
Vũ Ngọc Anh



Nguyễn Văn Định



Đỗ Đức Hậu



Hoàng Đức Trí



Phạm Minh Anh



Nguyễn Đình Sơn



Nguyễn Minh Hiển



Trần Bích Tệp



Huỳnh Văn Trai



Vũ Hữu Kỳ



# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Luật Sư



*Phạm Nam Sách*



*Lê Tùng Lâm*



*Nguyễn Hữu Thống*



*Vũ Ngọc Tuyên*



*Đỗ Doãn Quế*



*Hoàng Cơ Long*



*Ngô Tăng Giao*



*Trần Minh Nhựt*



*Nguyễn Công Bình*



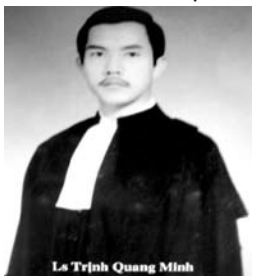
*Phùng Văn Tuệ*



*Ngô Văn Tiệp*



*Nguyễn Mai*



*Trịnh Quang Minh*



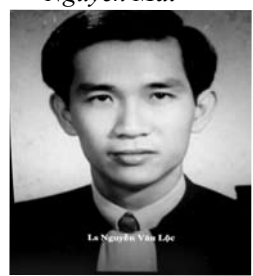
*Nguyễn Viết Đình*



*Võ Văn Đình*



*Nguyễn Đăng*



*Nguyễn Văn Lộc*



*Huỳnh Quan Trung*



*Phan Trọng Hàm*



*Huỳnh Bửu Khương*



*Nguyễn Đình Phương*



*Phạm Ngọc Anh*



*Trần Minh Lợi*



*Nguyễn Vạn Bình*



*Nguyễn Văn Thắng*

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Càc Luật Sö



Tăng Thị Thành Trai



Trần Tân Thái



Ls Vũ Phương Liên



Trần Thanh Hiệp



Ngô Văn Quang



Đặng Tiến Đạt



Đào Trọng Vinh



Nguyễn Kim Dung



Nguyễn Thị Vui



Đoàn Văn Thịnh



Đoàn Văn Tiên



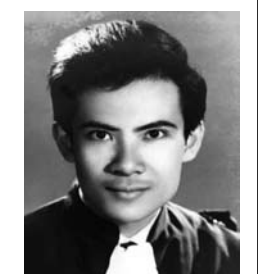
Nguyễn Ngọc Ánh



Dương Mỹ Linh



Đỗ Cẩm Phương



Trần Văn Vương



Nguyễn Phước Đại



Mai Văn Đại



Lê Kim Thoa



Lại Đình Cẩn



Lê Minh Việt



Nguyễn Hữu Thi



Trần Văn Du



Đặng Tấn Lợi



Lưu Nguyên Đạt



Lưu Vĩnh Khương

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Luật Sư



Trần Thị Cẩm



Trương Hồng Thị Trinh



Hoàng Châu Qui



Đào Thị Tuyền



Đào Ngọc Thụy



Lê Thị Hồng Diễm



Nguyễn Thị Chính



Nguyễn Thị Quý



Nguyễn Mộng Châu



Nguyễn Thị Hoàn



Phạm Phú An



Trần Loan Phượng



Phạm Thu Hồng



Bùi Thắng Lợi



Phan Thu Hương



Vũ Thị Tiến



Lê Kim Ngọc



Nguyễn Thị Chúc



Nguyễn Ngọc Dung



Đỗ Cẩm Phương



Trần Thanh Hải



Phạm Ngọc Dung



Phan Ngọc Cẩn



Lê Thị Kim Thanh



Trần Thu Phương

# CÁC CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA



ĐT Mã Sanh Nhon



ĐT Trần Thanh Điền



HT Nguyễn Thanh Liêm



LM Vũ Minh



Ngô Văn Kim



Trần Hữu An



Ls Nguyễn Duy Tiếp



Ls Nguyễn Ngọc Diệp



Nguyễn Phú



Bs Trần Công Luyện



Nguyễn Toàn



Đỗ Trọng Dũng



Huỳnh Lương Thiện



Nguyễn Trung Tính



Phạm Huy Khuê



Bùi Tuyết Sơn



Đỗ Huy Huệ



Nguyễn Bạch Túc



Phạm Hữu Diên



Nguyễn Công Sum



Nguyễn Tường Tâm



Trần Tất Đạt



Nguyễn Hiền



Nguyễn Hoàn



Nguyễn Văn An

# MỘT THỜI KỶ NIỆM CÁC SINH VIÊN LUẬT SÀI GÒN



Cao Ánh Nguyệt



Trương Gia Vy



Phan Xuân Hương



Nguyễn Bạch Yến



Nguyễn Thanh Hươu



Võ Kim Tuấn



Thái Hà



Vũ thị Gấm



Nguyễn thị Ngọc Mai



Nguyễn Ngọc Dung



Võ Thị Ngọc Hòa



Catherine Tố Ngọc



Nguyễn Thị Hồng



Nguyễn Thị Nhung



Phạm Liên Hương



Nguyễn Mỹ Ngọc



Nguyễn Song Hà



Phan Thị Hòa



Ngô Vũ Thu



Trần Mai Hương



Phạm Minh Tâm



Kathy Trần



TP Trần Thanh Giang



Trần Nguyệt Ánh



Vũ Trần Thanh Tú

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Cựu SV Luật Khoa



Trần Nguyên Cường



Như Hảo



Nguyễn Trung Hòa



Lê Trung Hiếu



Nguyễn Trần Quý



Huỳnh Văn Yên



Lê Tích Sơn



Lê Trung Tâm



Trì Ngọc Bình



Vũ Văn Chiến



Phạm Hữu Điện



Nguyễn Văn Hùng



Lâm Quốc Bảo



Ls Nguyễn Đăng Khoa



Nguyễn Văn Lê



Hà Đình Huy



Lưu Hữu Phúc



Nguyễn Huy Thuyết



Lưu Anh Hùng



Lê Mộng Nam



Lê Thị Lộc



Hà Như Việt Anh



Nguyễn Xuân Sơn



Lưu Kim Yến



Lưu Kim Oanh

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Cựu SV Luật Khoa



Ls Nguyễn Tường Bá



Nguyễn Hữu Trương



Nguyễn Thu Lê



Nguyễn Thị Minh Châu



Nguyễn Sang



Phạm Mạnh Tuấn



Dương Thị Tiến



Nguyễn Gia Dân



Võ Đạp



Trần Tân



Đoàn Phúc Hữu



Nguyễn Thu Hà



Nguyễn Hồng Xuyên



Phạm Quang



Nguyễn Vạn Thắng



Vũ Hữu Trường



Nguyễn Thị Phương



Nguyễn Quý Long



Phạm Kim Điền



Ls Nguyễn Cao Thăng



Lê Quang Truật



Đỗ Hữu Phương



Đỗ Trung Triêm



Phạm Như Thành



Võ Duy Thành

# HÌNH ẢNH GIÁO SƯ & CỤ SV LUẬT KHOA CẦN THƠ

		<p>Giáo Sư  <b>QUÁCH THỊ NHO</b>                      giảng dạy                      môn                      Quốc Tế                      Tư Pháp</p>	
			
<b>HÀ KIM TINH</b> 1968-1972	<b>CHÂU MINH HOÀNG</b> 1968-1973	<b>MÃ PHƯƠNG LIỄU</b> 1970-1974	<b>QUÁCH HUỆ ANH</b> 1970-1974
			
<b>TRẦN CHIÊU HIỀN</b> 1970-1974	<b>ĐẶNG T. MỸ HOA</b> 1970-1974	<b>TRẦN LINH PHƯỢNG</b> 1970-1974	<b>LÂM HỮU LỘC</b> 1970-1974





Gs. NGUYỄN  
DUY XUÂN

Gs. NGUYỄN  
NGỌC HUY

Gs. NGUYỄN  
QUANG QUÝNH

Gs. TẠ VĂN TÀI



Gs. BŨU LỊCH

LÊ MINH BÊN

HUỖNH VĂN XÔI

HUỖNH TẤN VEN



NGÔ TRUNG DŨNG

NGUYỄN HỮU LỤC

TRẦN TRUNG DŨNG

ĐỖ VĂN ĐIỂN



QUÁCH HUỆ LAN

NGUYỄN T. TRƯƠNG  
1970-1974

HUYỀN T. XUÂN  
1973-1975

CHÂU T. MINH HOÀNG  
1973-1975



VĂN THỊ CÔNG  
1970-1975

LÝ KỲ MỸ  
1970-1975

PHAN THANH VÂN  
1970-1975

NGUYỄN T. HOÀNG  
OANH 1969-1973

Đại Học Luật Khoa Cần Thơ nằm trong Viện Đại Học Cần Thơ,  
Viện Đại Học Cần Thơ được thành lập vào ngày 31 tháng 03, năm 1966.  
Khi khai giảng vào tháng 10, có 5 phân khoa:

1. Đại Học Khoa Học
2. Đại Học Văn Khoa
- 3. Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội**
4. Đại Học Nông Nghiệp
5. Đại Học Sư Phạm

Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ lúc bấy giờ là Gs. Nguyễn Duy Xuân,  
và Khoa Trưởng Đại Học Học Luật Khoa là Gs. Nguyễn Hữu Lành.

# CÁC CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA HUẾ – SÀI GÒN



Lê Đình Cai



Võ Thị Hạ



Dương Diên Nghị



Nguyễn Thu Hương



Phan Hiệp Thành



Nguyễn Phú



Phan Văn Hưng



Tôn Nữ Thúy Diễm



Nguyễn Đình Dũng



Trần Thị Huệ



Phan Tịnh Dung



Ls Đặng Thanh Phương



Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Thị An Nhiên



Phan Thúy Phương



Tạ Ngọc Quý



Ls Bùi Thúy Phương



Phan Ánh Nguyệt



Phan Kiều Nga



Ls Phan Ánh Nguyệt



Ls Nghiêm Thục Nhân



Nguyễn Thanh Tâm



Ls Trần Ngọc Tuyết



Trần Thị Thanh Tâm



Huỳnh Ngọc Hương

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## Các Giáo Sư và Các Sinh Viên Luật



Gs Vũ Quốc Thông, Gs Nguyễn Văn Canh và các sinh viên



Các chị Vũ Tuyết Trinh và Vũ Thị Gấm



Mã Gia Trí



Trần Kim Thuần



TP Hoàng Tuấn Lộc



Ls Trương Minh Nguyệt



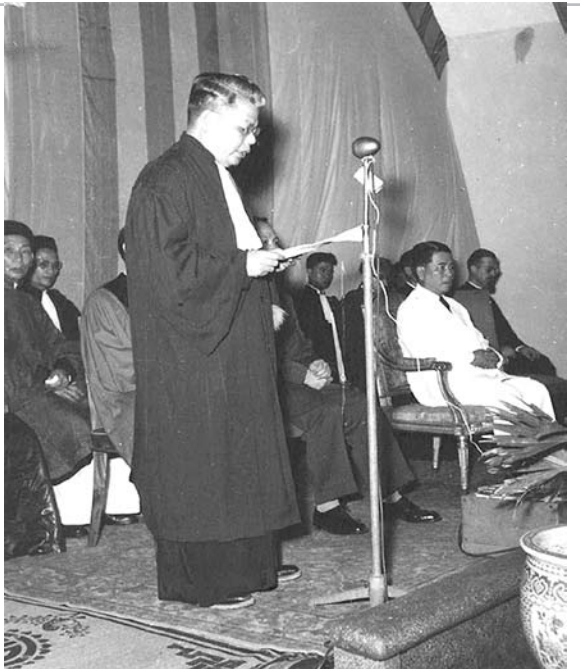
Morgan Phạm



Phạm Văn Ái

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

Viện Đại Học và Trường Luật Huế

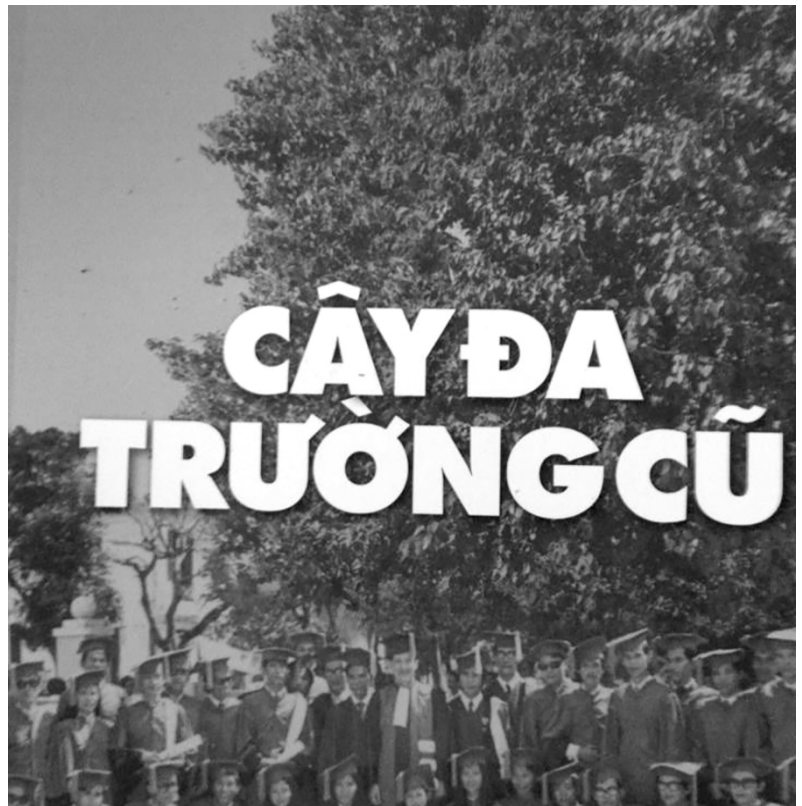


LM Cao Văn Luận, Viện Trưởng Đại Học Huế

Gs Bùi Tường Huân, Khoa trưởng Đại Học Luật Huế



phía sau bức tường này tạm gọi là "phòng trung tâm" vì không biết là giảng đường gì

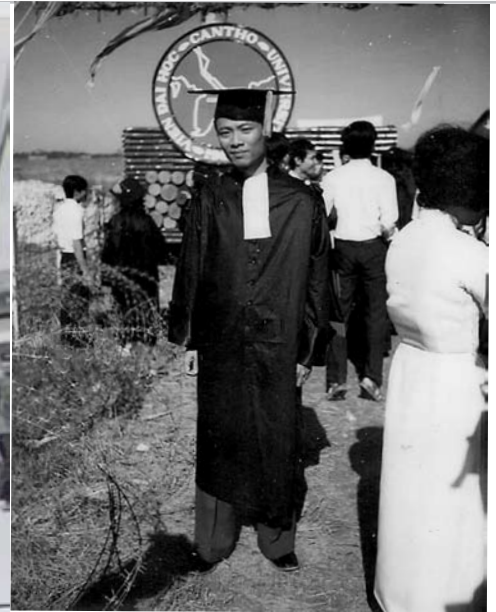


# MỘT THỜI KỶ NIỆM

Trường Luật Cần Thơ



Anh Hà Kim Tinh



Anh Châu Minh Hoàng




Gs Công và các sinh viên Luật Cần Thơ tốt nghiệp niên khóa 1970-1974

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## CÁC THẺ LUẬT SƯ

Số: 180/TS




**LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

**THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :  
Ông Ngô Văn Tiếp  
sinh ngày 2-3-1919  
tại Hà Đông  
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực Cầu  
Saigon, ngày 1 tháng 12 năm 1965  
Số: 180/TS  
Trần Văn Tuyên

Kiểm thị và chứng thật :  
**CHƯƠNG-LÝ**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON  
Saigon, ngày 9 tháng 12 năm 1965  
**CHƯƠNG-LÝ**  
Trần Văn Tuyên

Số: 324




**LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

**THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :  
Ông Nguyễn Việt Linh  
sinh ngày 20-2-1914  
tại Nam Định  
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực Cầu  
Saigon, ngày 15 tháng 11 năm 1972  
Số: 324  
Trần Văn Tuyên

Kiểm thị và chứng thật :  
**CHƯƠNG-LÝ**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON  
Saigon, ngày 21 tháng 4 năm 1972  
**CHƯƠNG-LÝ**  
Trần Văn Tuyên

Số: 460/TS



**LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

**THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :  
Ông Lê Công Cẩm  
sinh ngày 26-11-1946  
tại Cholon  
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực Cầu  
Saigon, ngày 30 tháng 12 năm 1970  
Số: 460/TS  
Trần Văn Tuyên

Kiểm thị và chứng thật :  
**CHƯƠNG-LÝ**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON  
Saigon, ngày 15 tháng 1 năm 1971  
**CHƯƠNG-LÝ**  
Trần Văn Tuyên

Số: 415



**LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

**THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :  
Ông Võ Văn Đình  
sinh ngày 26-11-1946  
tại Kiên Hòa  
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực Cầu  
Saigon, ngày 5 tháng 12 năm 1973  
Số: 415  
Trần Văn Tuyên

Kiểm thị và chứng thật :  
**CHƯƠNG-LÝ**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON  
Saigon, ngày 15 tháng 12 năm 1973  
**CHƯƠNG-LÝ**  
Trần Văn Tuyên

Số: 190




**LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

**THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :  
Ông Phạm Ngọc Anh  
sinh ngày 31-8-1949  
tại Hồ Nam  
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực Cầu  
Saigon, ngày 18 tháng 4 năm 1975  
Số: 190  
Trần Văn Tuyên

Kiểm thị và chứng thật :  
**CHƯƠNG-LÝ**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON  
Saigon, ngày 18 tháng 4 năm 1975  
**CHƯƠNG-LÝ**  
Trần Văn Tuyên

Số: 576/TS



**LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

**THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN**  
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :  
Ông Nguyễn Văn Bình  
sinh ngày 9-12-1947  
tại Giáp Bình  
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực Cầu  
Saigon, ngày 3 tháng 01 năm 1972  
Số: 576/TS  
Trần Văn Tuyên

Kiểm thị và chứng thật :  
**CHƯƠNG-LÝ**  
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON  
Saigon, ngày 6 tháng 1 năm 1972  
**CHƯƠNG-LÝ**  
Trần Văn Tuyên

# MỘT THỜI KỶ NIỆM

## CÁC THẺ LUẬT SƯ







# VIỆN BẢO TÀNG NGƯỜI VIỆT TỰ DO ÚC CHÂU

Một công trình kiến trúc độc đáo  
Một di sản ý nghĩa và giá trị cho thế hệ mai sau

Xin hãy cùng nhau đóng góp xây dựng  
**VIỆN BẢO TÀNG Người Việt Tự Do**

**Mỗi Gia Đình Một Viên Gạch (500 Úc kim)**  
Đóng góp từ \$500 trở lên, sẽ được khắc tên trên  
"Bức Tường Tri Ân" mãi mãi (30 ô)

#### Liên lạc:

- Đồng môn Lâm Hữu Lộc  
+61 425 806 006



#### Đóng góp:

- Chuyển ngân:  
- Electronic Fund Transfer  
Vietnamese Museum Holding Ltd  
Bank: Commonwealth Bank of Australia  
BSB: 063 009  
Account Number: 1074 1697  
- PayPal / Thẻ tín dụng qua Raisely:  
[www.vietnamesemuseum.com.au](http://www.vietnamesemuseum.com.au)
- Sưu tầm và trưng bày: Xin gửi tới Viện Bảo Tàng những câu chuyện, kỷ vật trong hành trình tỵ nạn của quý vị.

Xin ghé vào trang mạng của Viện Bảo Tàng:

- [www.vietnamesemuseum.com.au](http://www.vietnamesemuseum.com.au)
- [info.vma@vietnamesemuseum.com.au](mailto:info.vma@vietnamesemuseum.com.au)
- VMA YouTube Channel
- [www.facebook.com/VietMuseumAus](https://www.facebook.com/VietMuseumAus)
- PO. Box 2362, Footscray, VIC 3011 Australia



Kính thưa Quý Thầy, Cô, Niên Trưởng, Đồng Môn,

Tôi tên Lâm Hữu Lộc, đồng môn Trường Luật Đại học Cần Thơ và Sài-gòn, định cư tại Melbourne, Úc Châu, từ năm 1980.

Cộng đồng người Việt Tự Do được sự tài trợ từ Chính Phủ Tiểu Bang Victoria \$4.45 triệu và Chính Phủ Liên Bang \$9.7 triệu và Cộng Đồng Việt Nam cần đóng góp \$3,85 triệu để xây dựng Viện Bảo Tàng Người Việt Tự Do (VBT) trị giá 18 triệu Úc Kim. VBT sẽ là nơi:

- Lưu trữ di sản của người Việt tỵ nạn
- Truyền cảm hứng cho thế hệ mai sau
- Sinh hoạt cộng đồng đa văn hóa v.v..

Tháng 9/2021 tôi được đề cử làm Giám Đốc và tháng 10/2021 tôi được yêu cầu đảm nhiệm Trưởng Ban Gây Quỹ VBT. Công việc này có muôn vàn khó khăn vì tình hình dịch Covid 19 , nhiều chương trình gây quỹ bị hủy bỏ, Ban Gây Quỹ cần ngân khoản để tiến hành xây cất trong năm 2022 để kịp khánh thành Viện Bảo Tàng ngày 30/4/2025 kỷ niệm 50 năm định cư người Việt tỵ nạn tại Úc và thế giới.



### VIỆN BẢO TÀNG Người Việt Tự Do

Xin Quý Thầy, Cô, Niên Trưởng, Đồng Môn ủng hộ và phổ biến chương trình xây dựng Viện Bảo Tàng Người Việt Tự Do để công trình được hình thành.

Xin liên lạc đồng môn Lâm Hữu Lộc để biết thêm chi tiết:

- Điện thoại: +61 425 806 006, via Viber, WhatsApp
- Email: [locclam1@gmail.com](mailto:locclam1@gmail.com) hay [loc.lam@vietnamesemuseum.com](mailto:loc.lam@vietnamesemuseum.com)
- Web: [www.vietnamesemuseum.com.au](http://www.vietnamesemuseum.com.au)

**Kính Chúc Quý Thầy, Cô, Niên Trưởng, Đồng Môn và gia đình sức khỏe, bình an.**

# ĐẠI HỘI LUẬT KHOA NĂM 2023 TẠI NAM CALI

**Nam Cali (Ý Dân):** Khoảng 400 người gồm có giáo sư, các cựu thẩm phán, luật sư, sinh viên luật khoa Sài Gòn, Huế, Cần Thơ và quan khách đã đến tham dự tiệc Đại Hội Luật Khoa năm 2023 do Hội Ái Hữu Luật Khoa Nam Cali tổ chức tại Golden Sea Restaurant, Anaheim, Cali vào 5:30 chiều ngày thứ bảy 17-6-2023 vừa qua.



*Phái đoàn LK Nam Cali*



*Phái đoàn LK Bắc Cali*

Trong thành phần khách tham dự, chúng tôi nhận thấy có Gs Nguyễn Văn Canh, bà Jackie Bông phu nhân của cố Gs Nguyễn Văn Bông, các thẩm phán Hoàng Tuấn Lộc, Nguyễn Thị Vinh, Trần An Bài, Nguyễn Quốc Sứ, Đặng Đình Long, Lê Văn Tiến, Nguyễn Hữu Thụy, Phù Tuyết Hồng, các luật sư Lại Đình Cẩn, Nguyễn Hồng Nhuận, Đỗ Đức Hậu,



*Gs Nguyễn Văn Canh, bà Jackie Bông, Ls Nguyễn Hồng Nhuận*

Võ Văn Dinh, Lê Công Tâm, Đào Thị Tuyền, Nguyễn Đình Sơn, Nguyễn Vạn Bình, Đào Ngọc Thụy, Nguyễn Việt Đĩnh, Đỗ Xuân Hiệp, Đỗ Xuân Hòa, Trần Sơn Hà, Phan Ánh Nguyệt, Vũ Thị Tiến, Trần Ngọc Tuyết, Nguyễn Thị Quý, Vũ Hữu Kỳ, Nguyễn Đình Phương, Phan Hiệp Thành, Vũ Ngọc Oanh, Nguyễn Cao Thăng, các cựu sinh viên LK Sài Gòn, Huế, Cần Thơ, các vị dân cử Tạ Đức Trí, Nguyễn Mạnh Chí, Nguyễn Quốc Lân, các thân hữu và giới truyền thông có báo Người Việt, các chị Như Hảo, Kiều Mỹ Duyên, anh Nguyễn Mạnh Tùng v.v..



*Phái đoàn LK Bắc Cali.*

Tại nhà hàng, ban tổ chức đã cho trang trí các hình ảnh về cổng trường Luật Sài Gòn, Tòa án Sài Gòn, Danh Biểu Luật Sư, các giáo sư LK, các sách Luật Khoa, quán Bà Chi làm các cựu sinh viên nhớ về các ngôi trường



*Pháp đình Sài Gòn*



*Lễ chào quốc kỳ Mỹ - Việt*



*Áo luật sư*



*Hợp Ca Luật Khoa Hành Khúc*

Luật thân yêu và những kỷ niệm một thời làm Thẩm phán, Luật Sư trước đây tại quê nhà.

Từ 5:30 pm đến 7pm, mọi người có dịp dùng các món ăn khai vị cùng thưởng thức văn nghệ.

Vào 7pm nghi thức khai mạc đã được diễn ra một cách trang trọng. Lễ chào quốc kỳ VNCH với giọng ca của các thành viên của hai hội LK Nam, Bắc Cali. Quốc Ca Hoa Kỳ qua giọng ca của Ls Christine Lê Công và màn hợp ca bài Luật Khoa VN hành khúc qua giọng ca của các thành viên của hai hội LK Nam, Bắc Cali thật hùng hồn.

Đặc biệt các chị của hội LK Nam Cali đã mặc áo dài màu vàng và đồ tạo thành hình lá cờ VNCH cùng các chị của Hội Ái Hữu LK Nam Cali trong áo dài đồng phục màu đen và

các chị thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali trong áo dài đồng phục màu xanh lá cây đã tạo nên hình ảnh thật đẹp và ý nghĩa.

Sau đó, Ls Nguyễn Đình Sơn, đại diện BTC đã ngỏ lời chào mừng và cảm ơn sự hiện diện đông đảo của mọi người. Ông Sơn cho biết lý do buổi tiệc là để mừng 30 năm hoạt động của hội Ái Hữu LK Nam Cali. và mục tiêu của hội là tạo tình tương thân, tương trợ giữa các thành viên. Ls Sơn cho rằng mục tiêu của nền tư pháp VNCH là đem lại sự công bình, công lý cho xã hội. Ông cảm tạ sự đóng góp của Gs Nguyễn Cao Hách trong sự thành lập và phát triển hội.



*Ls Nguyễn Đình Sơn - Gs Nguyễn Văn Canh*

Kể đến, Gs Nguyễn Văn Canh, nguyên phó khoa trưởng đại học Luật Sài Gòn cảm ơn sự tiếp đãi ân cần của Ban Tổ Chức. Gs Canh đã so sánh nền tư pháp của miền Nam VN là một chế độ pháp trị thực thi công lý và công bằng cho mọi người dân. Trái lại nền tư pháp của CSVN chỉ để phục vụ cho quyền lợi của đảng thay vì cho mọi người dân.



*Ls Lê Công Tâm, Ls Nguyễn Vạn Bình và Gs Nguyễn Văn Canh*

Ls Nguyễn Vạn Bình, đại diện cho Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali đã gửi lời chúc mừng Hội Ái Hữu LK Nam Cali luôn được phát triển và ông xin mọi người cùng ông vỗ tay chúc mừng sự thành công của ngày đại hội. Ông Bình cho biết chủ đề của tiệc tối nay cũng là ngày đánh dấu 68 năm thành lập của trường Luật Saigon, 66 năm của trường Luật Huế và 57 năm của trường Luật Cần Thơ. Hầu hết các cựu sinh



*Ls Nguyễn Vạn Bình, Ls Lại Đình Cần và TP Trần An Bài*



**Các Thẩm Phán**

viên Luật tham dự tiệc tối nay phải hãnh diện đã từng học tại một trong những trường Luật nêu trên.

Ông Bình cho biết khi nói đến các trường Luật tại miền Nam trước ngày 30-4-1975, chúng ta phải liên tưởng đến ngôi trường thân yêu, đến các vị giáo sư khả kính và các đồng môn thân thiết. Tuy nhiên, vì thời gian giới hạn, ông chỉ xin đề cập đến quý giáo sư.

Ông Bình cho biết các trường Luật tại miền Nam có đến hàng trăm vị giáo sư giảng dạy. Họ là những vị khoa bảng, giàu kiến thức, từng đảm nhận những chức vụ cao cấp trong hính quyền, nhưng điểm đáng nói hơn cả là tấm lòng yêu nước, sự đạo đức và tinh thần bất khuất trước bạo quyền CSVN..

Ông Bình nhắc lại Gs Nguyễn Văn Bông đã bị CS ám sát tại Sài Gòn vào năm 1971.

Nhiều vị giáo sư đã bị nhà cầm quyền CSVN bắt cầm tù và một số vị đã chết trong tù



*Ls Nguyễn Văn Bình và Ls Đỗ Đức Hậu*

như các giáo sư Nguyễn Duy Xuân, viện trưởng Viện Đại học Cần Thơ, Gs Bùi Tường Huân khoa trưởng Luật Huế, Gs Nghiêm Xuân Việt, Gs Mai Văn Lễ, Gs Khoa trưởng Luật khoa SG Vũ Quốc Thông bị chết sau khi ra tù.v.v..

Ngoài ra, Gs, Ls Trần Chánh Thành đã tự sát vào ngày 30-4-1975, gia đình Gs Nguyễn Hữu Lành, khoa trưởng Luật Cần Thơ bị chết trên biển cả trên đường đi vượt biển tìm tự do.

Trong tinh thần đó, ông Bình kêu gọi các cựu sinh viên Luật Khoa ngoài việc tri ân công lao dạy dỗ của các giáo sư trường Luật vì đã dạy cho chúng ta những kiến thức quý báu về Luật pháp, chúng ta cũng cần phải noi theo tấm gương yêu nước, sự can đảm và tinh thần bất khuất của quý Giáo sư. Dù các hội Luật Khoa hiện nay của chúng ta không chủ trương hoạt động chính trị, nhưng chúng ta cần phải giữ lập trường Quốc Gia kiên định không để bị đồng tiền và danh lợi mua chuộc.

Sau đó, các vị dân cử là dân biểu Tạ Đức Trí, Thị Trưởng Westminster Nguyễn Mạnh Chí, Ủy viên giáo dục Ls Nguyễn Quốc Lân đã ngỏ lời ngưỡng mộ sự đóng góp của các trường Luật VN trước đây và đã trao bản ghi ơn cùng quà tặng về sự đóng góp của Gs Nguyễn Văn Canh trong đại gia đình Luật Khoa VN.

Tiếp đến, thực khách được dùng nhiều món ăn ngon cùng thưởng thức một chương



*TP Hoàng Tuấn Lộc, TP Trần An Bài*



*Các Luật Sư và phu nhân*



trình văn nghệ, dạ vũ thật đặc sắc do các cựu sinh viên Luật và thân hữu trình bày qua các màn đơn ca, song ca, hợp ca, trình diễn thời trang và

các màn vũ với trang phục thật đẹp.

Đại Hội Luật Khoa qua sự điều khiển chương trình khéo léo của Ls Lê Công Tâm đã được chấm dứt tốt đẹp vào 11 giờ đêm cùng ngày./.

# ĐẠI GIA ĐÌNH LUẬT KHOA VIỆT NAM THĂNG TRẦM THEO VẬN NƯỚC



**NGUYỄN VĂN BÌNH**

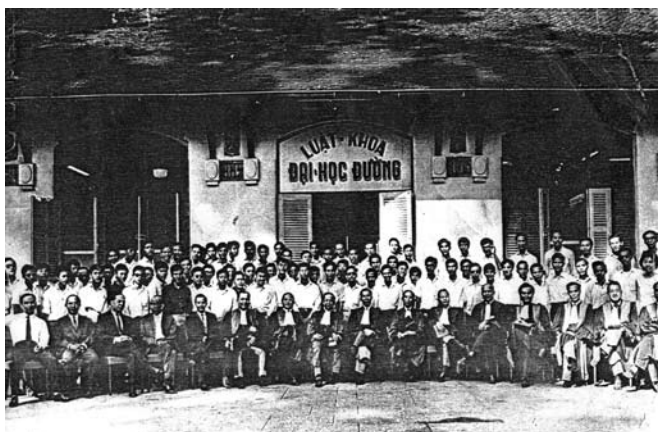
Đại gia đình Luật Khoa Việt Nam gồm các giáo sư, các luật gia, các thẩm phán, các luật sư cùng nhiều sinh viên luật và các trường luật Saigon, Huế, Cần Thơ, các tòa án đã có những giai đoạn thăng trầm theo vận mệnh của Miền Nam Việt Nam.

Bài viết này, chúng tôi chỉ sơ lược sự thăng trầm của Đại Gia Đình Luật Khoa qua các biến cố chính trị đã xảy ra cho Miền Nam Việt Nam. Những chi tiết về sự thăng trầm này đã được trình bày qua những bài viết sâu sắc, giá trị của nhiều tác giả.

Hiệp Định Genève 20-7-1954 chia đôi đất nước lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh theo chế độ độc tài Cộng Sản. Miền Nam theo chế độ dân chủ, tự do dưới sự lãnh đạo của quốc trưởng Bảo Đại và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Nhưng sau đó, qua cuộc trưng cầu dân ý vào tháng 10-1955 quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế và ông Ngô Đình Diệm được bầu làm Tổng Thống kể từ 26-10-1955. Một năm sau 26-10-1956, bản Hiến Pháp của Đệ Nhất Cộng Hòa được ra đời.

Qua sự chia đôi đất nước, vì không thể sống dưới chế độ cộng sản, một số các giáo sư, thẩm phán, luật sư, luật gia, sinh viên Luật đã di cư vào miền Nam tỵ nạn năm 1954. Trong số đó có các giáo sư Vũ Văn Mẫu, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Huy Chiêu, Vũ Quốc Thông, các luật sư Vũ Văn Hiến, Phan Anh, Trần Chánh Thành v.v...

Thời gian này, trường Luật ở Hà Nội cũng được di chuyển vào Sài Gòn. Trường đại học Luật Khoa Sài Gòn được chính phủ Ngô Đình Diệm cho



*Trường Luật Sài Gòn*



*Trường Luật Sài Gòn*

thành lập vào ngày 30-4-1955, có trụ sở tại 17 đường Duy Tân, Saigon. Các khoa trường đại học Luật Khoa Sài Gòn lần lượt là các Gs Vũ Văn Mẫu, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Độ, Bùi Tường Chiêu và Vũ Quốc Thông. Trường Luật Sài Gòn đào tạo các sinh viên cho Ban Cử Nhân, Cao Học và Tiến Sĩ. Ban Cử Nhân khởi đầu học trình là 3 năm đến năm 1966 thì tăng lên 4 năm. Trường Luật Khoa Sài Gòn có 3 ban: Công Pháp, Tư Pháp và Kinh Tế. Số sinh viên được tăng dần theo thời gian. Vào năm 1970, số sinh viên ghi danh đã được 13 ngàn người cho Ban Cử Nhân. Chỉ trong vòng 20 năm từ ngày 30-4-1955 đến ngày 30-4-1975, tổng cộng số sinh viên ghi danh học Luật gần đến 60 ngàn người. Ban giảng huấn gồm nhiều giáo sư tên tuổi với văn bằng Thạc Sĩ, Tiến Sĩ cả ba ngành



*Các giáo sư trường Luật Sài Gòn*



*Các sinh viên Luật Sài Gòn tốt nghiệp năm 1974*



*Từ trái: Các Gs Phan Tấn Chúc, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Huy Chiêu, Vũ Quốc Thông*

Công Pháp, Kinh Tế và Tư Pháp.

Đến năm 1957, trường đại học Luật Khoa Huế được thành lập trên đường Lê Lợi, Huế. Các vị Khoa Trưởng lần lượt gồm có các giáo sư Tăng Thị Thành Trai, Phan Văn Thiết, Bùi Tường Huân, Mai Văn Lễ và Nguyễn Sĩ Hải. Số sinh viên theo học ít hơn so với trường luật Sài Gòn. Trường Luật Huế đào tạo các sinh viên cho Ban Cử Nhân, muốn lấy bằng Cao Học hay Tiến Sĩ thì sinh viên phải vào Sài Gòn.

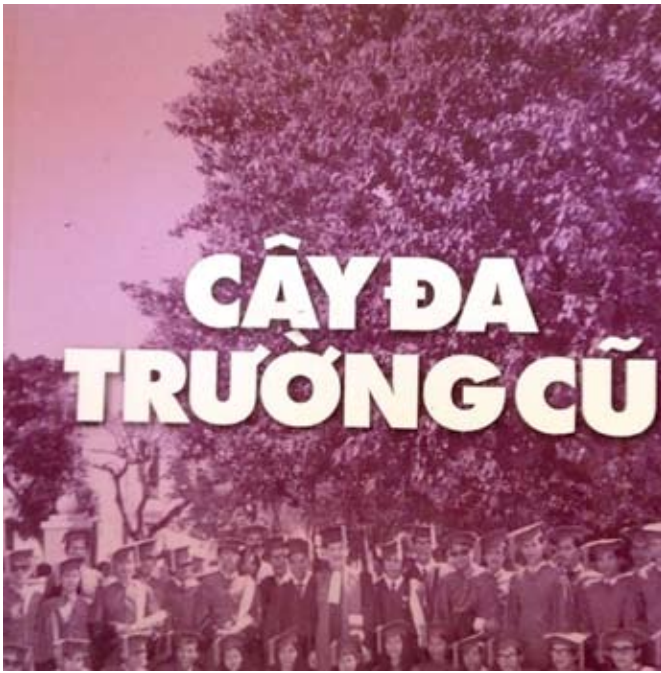
Sau cuộc đảo chính ngày 1-11-1963, Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ và giết hại. Sau những biến loạn do các tướng lãnh tranh quyền, đến thời của thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, với tư cách Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương cho thành lập Viện Đại Học Cần Thơ, trong đó có đại học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội vào ngày 31-3-1966. Trường chỉ cấp văn bằng cử nhân Luật Khoa



*Các sinh viên Luật Cần Thơ tốt nghiệp năm 1974 và Khoa Học Xã Hội (Kinh Tế). Trường áp dụng chế độ học Tín Chỉ. Mỗi tín chỉ gồm trên 30 giờ học lý thuyết. Sinh viên muốn theo học Cao Học và Tiến Sĩ phải lên Sài Gòn. Các vị khoa trưởng của đại học Luật Cần Thơ gồm có Gs Nguyễn Ngọc Huy, Gs Nguyễn Hữu Lành. Số sinh viên theo học trường Luật Cần Thơ khoảng vài ngàn người trong vòng 9 năm.*

Thời gian từ năm 1954 đến ngày 30-4-1975, có thể nói đại gia đình Luật Khoa đã phát triển không ngừng trong Miền Nam Việt Nam, một quốc gia tự do, dân chủ và pháp trị.

Cả hai bản Hiến Pháp Đệ I Cộng Hòa ngày 26-10-1956 và Đệ II Cộng Hòa ngày 1-4-1967 được xem là tiến bộ, vì đã qui định một thể chế dân chủ,



*Trường Luật Huế*



*Trường Luật Cần Thơ*

tam quyền phân lập không thua kém gì so với các quốc gia tự do khác trên thế giới, đặc biệt là vượt trội giá trị so với bản Hiến Pháp có nhiều điều mâu thuẫn và thiếu dân chủ của Cộng Sản Việt Nam. Công trình soạn thảo hai bản Hiến Pháp này đã có sự đóng góp quý báu của các luật sư Trần Chánh Thành, Nguyễn Hữu Thống, Đinh Thành Châu v.v. tài giỏi, thông thạo luật hiến pháp và kinh nghiệm soạn thảo.

Nền Tư Pháp của VNCH qua hai nền Cộng Hòa đã được tổ chức một cách khá hoàn hảo. Hệ thống tư pháp của miền Nam đã qui định một cách hợp lý, hợp tình hầu đem lại công lý cho mọi người dân.



*Tối Cao Pháp Viện*

Tòa án đã qui định, quyền truy tố nghi can dành cho Biện Lý, Điều Tra sự việc dành cho Dự Thẩm, Biện Hộ dành cho Luật Sư và cuối cùng quyền Phán Quyết dành cho Thâm Phán Xử Án. Nhờ thế mà tránh được nhiều bản án sai lầm.

Hệ thống Tòa án dưới thời TT Ngô Đình Diệm tại các tỉnh chỉ có Tòa án Hòa Giải Rộng Quyền khi mà vị chánh án phải kiêm nhiệm luôn việc làm của Biện Lý và Dự Thẩm. Nhưng đến thời đệ II Cộng Hòa, các Tòa Hòa Giải Rộng Quyền đều được cải tiến thành Tòa Sơ Thâm với đầy đủ các vị Biện Lý, Dự Thẩm và Chánh Án.

Để bảo đảm tránh những phán quyết sai lầm của các tòa cấp dưới, hệ thống Tư Pháp của VNCH có thành lập các tòa án cấp cao hơn để đôi bên liên can có quyền kháng cáo lên Tòa Thượng Thâm Huế hay Sài Gòn và sau cùng là Tối Cao Pháp Viện. Tổng số các thẩm phán tòa dân sự và quân sự có gần 200 thẩm phán thuộc ngành xử án và công tố trải dài khắp các tỉnh của miền Nam Việt Nam.

Về Luật Sư Đoàn có Luật Sư Đoàn Tòa Thượng Thâm Sài Gòn gồm có vài trăm luật sư thiết thọ và cả ngàn luật sư tập sự. Riêng Luật Sư Đoàn Tòa Thượng Thâm Huế có vài trăm luật sư thiết thọ và tập sự.

Các thành viên của đại gia đình Luật Khoa cũng tham gia vào ngành Hành Pháp của VNCH. Chúng ta nhận thấy có Gs Vũ Văn Mậu làm Bộ Trưởng Ngoại Giao, Gs Vũ Quốc Thúc làm Quốc Vụ Khanh đặc trách Kinh Tế và Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia, Ls Trần Chánh Thành làm Bộ Trưởng Thông Tin, Ls Lâm Lễ Trinh làm Bộ Trưởng Nội Vụ, Ls Nguyễn Văn Lộc làm thủ tướng.





*Tòa Sơ Thẩm và Thượng Thẩm Sài Gòn*

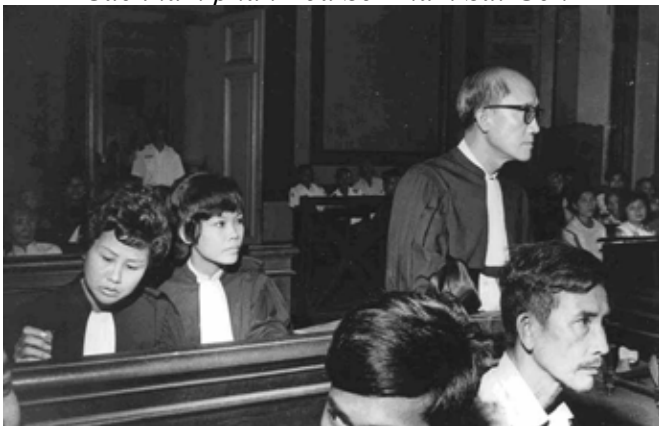


Members of the new Supreme Court (from left): Justice Nguyen Van Binh, Tran Van Lich, Nguyen Mong Binh, Trinh Xuan Nuan, Nguyen Van Di, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Lien.

*Các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện*



*Các thẩm phán Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn*



*Các luật sư*

Ls Trần Văn Tuyên làm Phó Thủ Tướng, thẩm phán Trang Sĩ Tấn làm Giám Đốc Nha Cảnh Sát Đô Thành, Gs Nguyễn Văn Canh và TP Trần An Bài dạy tại Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia, ông Trần Minh Công làm Viện Trưởng Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia v.v.. cùng nhiều sinh viên Luật phục vụ trong mọi bộ, mọi ngành và ngay trong quân đội của VNCH.

Trong ngành Lập Pháp cả Hạ Viện và Thượng Viện đều có nhiều Luật sư làm Dân Biểu và Nghị Sĩ. Chúng tôi nhận thấy có các Ls Nguyễn Văn Huyền, Vũ Văn Mẫu, Trương Tiến Đạt, Nguyễn Văn Chức, Phạm Nam Sách, Đinh Thành Châu, Trần Minh Nhựt v.v..

Biến cố đau thương 30-4-1975 xảy ra khi Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm được Miền Nam VN, đại gia đình luật khoa VN đã gặp đại nạn. Các trường luật ở Huế, Sài Gòn và Cần Thơ đều bị đóng cửa. Một số các giáo sư như Vũ Quốc Thông, Bùi Tường Huân, Nguyễn Duy Xuân, Mai Văn Lễ, Nghiêm Xuân Việt v.v.. bị bắt đi tù. Nhiều thẩm phán thuộc Tối Cao Pháp Viện, Bộ Tư Pháp, thuộc hai tòa thượng thẩm Huế, Sài Gòn cùng các tòa sơ thẩm, cụ chương khế Nguyễn Bích Lưu và một số các luật sư như Trần Văn Tuyên, Nguyễn Lâm Sanh, Đoàn Thanh Liêm, Ngô Khắc Tinh, Lý Quốc Sinh, Ngô Văn Tiếp v.v. cũng không thoát cảnh tù tội.

Một số người ghi nhận đã chết trong lao tù của Cộng Sản gồm có các thẩm phán: Dương Đức Thụy, chánh nhất tòa thượng thẩm Sài Gòn, Phạm Văn Hiền, chánh nhất tòa thượng thẩm Huế, Vũ Tiến Tuân, chương lý của Tối Cao Pháp Viện, Lưu Đình Việp, chương lý tòa thượng thẩm Sài Gòn, Nguyễn Mạnh Nhụ, phó chương lý tòa thượng thẩm Sài Gòn, Nguyễn Ngọc Lờ, hội thẩm, các chánh án Trương Văn Trước, Vũ Trung Vịnh, Ngô Văn Vũ



*Phiên xử án với phó chương lý Nguyễn Mạnh Nhụ*



*Phát bằng tiến sĩ cho TP Trần An Bài*



*Hội ngộ Luật Khoa toàn cầu năm 2010 tại Texas*

Nguyễn Văn Doanh, Ngô Quý Thuyết v.v.. cùng các luật sư Trần Văn Tuyên, Lê Sĩ Giao v.v

Một số người đã chết trên đường đi vượt biên tìm tự do là Gs Nguyễn Hữu Lành, các TP Huỳnh Văn Ngãi, Tô Lai Chánh, Vương Quốc Cường, Nguyễn Thành Nhẫn, Cao Quang Chơn, Ls Đặng Như Kỳ, Ls Đàm Quang Đôn v.v..

Vì không chấp nhận chế độ Cộng Sản, một số đồng thành viên của đại gia đình Luật Khoa VN



*Hội ngộ Luật Khoa tại Nam Cali.*



*Các thành viên của Gia Đình Luật Khoa BC.*



*Nhạc cảnh “Còn Gặp Nhau”*

đã ra đi tỵ nạn tại nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Pháp, Úc, Canada, Đức v.v..

Một số các luật sư đã cố gắng học lại và đã hành nghề luật sư tại hải ngoại. Số đông các thành



*Nhạc cảnh “Ghé Bến Sài Gòn”*



*Các giáo sư và các cựu sinh viên Luật họp mặt năm 2019 do GDLKBC tổ chức*

viên khác vì sinh kế đã chuyển sang các nghề khác như kỹ sư, giáo sư, chuyên viên địa ốc, chuyên viên bảo hiểm, chuyên viên thuế vụ, cán sự điện tử, y tá, thương gia, lo dịch vụ pháp lý v.v.. Để tạo dịp gặp gỡ cho các giáo sư, các cựu sinh viên Luật VN, bốn hội đoàn luật khoa tại Hoa Kỳ đã được thành lập gồm có Hội Luật Gia tại Bắc Cali., Hội Ái Hữu Luật Khoa tại Nam Cali, Câu Lạc Bộ Luật Khoa tại Houston, Texas và Gia Đình Luật Khoa tại Bắc Cali. Những buổi tiệc hội ngộ luôn quy tụ được hàng trăm các giáo sư, thẩm phán, luật sư cùng cựu sinh viên của ba trường Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ và diễn ra trong sự đầm ấm tình thầy trò và đồng môn.

Sau khi ra hải ngoại, vì các thành viên của đại gia đình Luật Khoa VN sống rải rác khắp nơi, nên việc hội ngộ cũng gặp nhiều khó khăn. Ngay tại tiểu bang California, nơi có nhiều người Việt cư ngụ và có đến 3 hội đoàn Luật Khoa, nhưng vẫn chưa lần nào quy tụ được 500 cựu sinh viên tham dự tiệc.

Tuổi tác và sức khỏe của các giáo sư, các thẩm phán, các luật sư và nhiều cựu sinh viên Luật cũng là một trở ngại khá lớn. Lần lượt đã có nhiều giáo sư như Gs Nguyễn Cao Hách, Gs Trần Như Tráng, Gs Bùi Tường Chiêu, Gs Mai Văn Lễ, Gs Nguyễn Huy Đầu, Gs Phạm Văn Thuyết, Gs Nguyễn Độ, Gs Trần Văn Liêm, Gs Nguyễn Quang Quýnh, Gs Vũ Quốc Thúc v.v và nhiều thẩm phán, luật sư và cựu sinh viên Luật đã vĩnh viễn ra đi. Số người còn lại thì tuổi đã cao, sức khỏe suy kém nên việc đi lại cũng quá khó khăn.



Nhưng cũng may, các hội đoàn luật khoa cũng đã thiết lập

được các trang website, phát hành đặc san Luật Khoa hàng năm, các slide show về hình ảnh của các giáo sư, các thẩm phán, các luật sư là những tài liệu quý báu về đại gia đình Luật Khoa Việt Nam. Nó đã giúp cho nhiều người trong đại gia đình Luật Khoa nhớ lại những kỷ niệm xưa, đồng thời cũng hãnh diện đã có một thời chính mình đã góp phần vào việc xây dựng Miền Nam Việt Nam.



*Thánh lễ cầu nguyện cho Gs Vũ Quốc Thúc*

Thực trạng của đất nước dưới chế độ độc tài Cộng Sản hiện nay, quyền tự do của người dân bị bóp nghẹt, quyền lợi của đảng Cộng Sản được đặt trên quyền lợi của quốc gia, dân tộc nên luật pháp và nền công lý không thể thực thi và phát triển.

Đại tướng Mc Arthur đã nói: “*Người lính già không báo giờ chết, mà chỉ phai dần theo thời gian.*”.

Vì thế, so với những thành quả mà các thành viên của đại gia đình Luật Khoa VN đã đóng góp cho quê hương miền Nam VN đã là những việc làm quý báu, đáng ghi nhớ. Vì thế, đại gia đình Luật Khoa VN không bao giờ chết trong lòng của hàng triệu người dân Việt yêu nước, yêu tự do mà chỉ phai dần theo thời gian ./

**NGUYỄN VĂN BÌNH**

# CHIẾN TRANH VIỆT NAM: 1955-1975



**NGUYỄN VĂN BÌNH**

Chiến tranh Việt Nam giữa Quốc Gia và Cộng Sản xảy ra tại Việt Nam từ ngày 1-11-1955 đến 30-4-1975 đã gây bao tang thương cho quê hương và người dân Việt Nam. Đây là một đề tài lịch sử đã được nhiều tác giả tên tuổi Mỹ-Việt-Pháp nghiên cứu, phê bình và viết thành nhiều sách.

Trong phạm vi hạn hẹp của bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập sơ lược đến những nét chính về Nguyên Nhân, Diễn Tiến và Hậu Quả của chiến tranh Việt Nam, hầu giúp cho độc giả và đặc biệt là giới trẻ Việt Nam hiểu rõ hơn về cuộc chiến này.

## **I-NGUYÊN NHÂN:**

Sau khi Hồ Chí Minh cướp được chính quyền từ vua Bảo Đại vào ngày 25-8-1945 cùng cướp công kháng chiến của toàn dân chống thực dân Pháp và loại trừ các đảng phái Quốc Gia, Hồ Chí Minh liền tuyên bố thành lập nước VN Dân Chủ Cộng Hòa vào ngày 2-9-1945.

Trận đánh Điện Biên Phủ chấm dứt vào ngày 7-5-1954 với kết quả là thực dân Pháp bị thất trận trước lực lượng của Cộng Sản VN cùng sự chỉ huy và viện trợ dồi dào của Trung Cộng về vũ khí và nhân sự. Qua sự kiện này, Pháp phải ký Hiệp Định Geneve ngày 20-7-1954 với sự tham dự của Nga, Trung Cộng,

Mỹ, Pháp, Anh và CSVN nhằm chấm dứt sự hiện diện của quân đội Pháp tại VN. Riêng chính quyền VNCH của miền Nam chỉ được tham dự với tước cách là quan sát viên, không có quyền quyết định.

Hiệp định Geneve lấy vĩ tuyến 17 chia đôi VN. Miền Bắc do Hồ Chí Minh lãnh đạo theo chế độ Cộng Sản. Miền Nam theo chế



độ tự do dân chủ do Thủ tướng Ngô Đình Diệm lãnh đạo. Hiệp định cho thời hạn 300 ngày để người dân của hai miền có quyền quyết định chọn nơi cư ngụ. Với sự ngăn cản, hăm dọa đủ điều, nhưng cũng có khoảng 1 triệu

người dân miền Bắc đã di cư vào Nam tìm tự do. Riêng chỉ có gần 100 ngàn cán bộ Cộng Sản từ Nam đi tập kết ra Bắc. Một số còn lại được CSVN cho gài lại ở miền Nam để sử dụng cho cuộc chiến sau này.

Hiệp định cũng qui định hai năm sau tức vào năm 1956 sẽ có cuộc Tổng Tuyển Cử thống nhất đất nước với sự giám sát của tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, cuộc tổng tuyển cử đã không thành hình. Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho rằng Miền Nam VN vì không tham dự Hiệp Định Geneve nên không có bổn phận phải thi hành. Tổng Thống Eisenhower của Hoa Kỳ thì cho rằng, dân số của Bắc Việt đông hơn miền Nam 2 triệu và với chính sách độc tài của Hồ Chí Minh, người dân miền Bắc không có quyền tự do để bầu cử. Trong khi ấy, Hà Nội cũng lâm vào tình trạng khó khăn là qua cuộc Cải Cách Ruộng Đất kéo dài từ năm 1953 đến 1956 xảy ra rất tàn độc đã giết hại trên 50 ngàn người và trên 100 ngàn người bị bắt giam, khiến người dân Bắc Việt oán hận chế độ. Chính vì những

lý do trên, Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến Đông Dương đã không tiến hành cuộc tổng tuyển cử.

Thất bại trước giải pháp Tổng Tuyển Cử, Hồ Chí Minh dưới sự yểm trợ mạnh mẽ của Trung Cộng và Liên Xô liền tiến hành cuộc chiến xâm lăng Miền Nam VN hầu bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản.

## II- DIỄN TIẾN CUỘC CHIẾN:



*Lính Nhảy Dù*

Cuộc chiến kéo dài 20 năm từ ngày 1-11-1955 cho đến ngày 30-4-1975 qua hai nền đệ I và đệ II Cộng Hòa của Miền Nam VN

Chiến tranh VN không thuần nhất là cuộc nội chiến giữa người dân của hai miền Nam Bắc mà là một cuộc chiến ý thức hệ giữa hai khối Cộng Sản và Tự Do. Vì thế, với chủ trương bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản, nên Cộng Sản Bắc Việt đã được yểm trợ dồi dào của Liên Xô và Trung Cộng cho cuộc chiến xâm lăng miền Nam VN. Phía Nam Việt Nam thì được Hoa Kỳ cho rằng phải yểm trợ và xem Miền Nam VN là tiền đồn chống Cộng hầu ngăn chặn sự bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản do Liên Xô và Trung Cộng chủ trương.

Tổng thống Ngô Đình Diệm sau khi lãnh đạo đất nước, ông đã ra sức đón nhận và định cư cho 1 triệu người Bắc di cư vào Nam. Ông cố gắng ổn định đất nước qua việc dẹp các sứ quân như Bình Xuyên, Cao Đài và Hòa Hảo và thiết lập một thể chế tự do dân chủ qua bản Hiến Pháp 26-10-1956. Ngoài việc xây dựng, kiến thiết đất nước qua việc phát triển giáo dục,

kinh tế, thương mại, hành chánh v.v.. Tổng thống Diệm cũng cố cho thành lập Quân Đội Quốc Gia và nhiều quân trường tên tuổi như Võ Bị Quốc Gia, Trường Bộ Binh Thủ Đức, Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, Vạn Kiếp, Nha Trang v.v. để đương đầu với cuộc xâm lăng của Cộng Sản Bắc Việt.

Phía Hồ Chí Minh thì cho cán bộ Cộng Sản ra sức phá rối, áp dụng chiến thuật du kích nhằm tạo tình trạng bất an cho miền Nam VN.

Phải công nhận rằng thời gian từ năm 1955 đến 1960, Miền Nam VN tương đối yên ổn, vì lực lượng của Việt Cộng còn yếu kém. Nhưng đến ngày 20-12-1960, Hà Nội cho thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam giao cho Lê Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ Tịch và đến ngày 15-2-1961 chính thức cho thành lập Quân Đội Giải Phóng thì lực lượng Việt Cộng bắt đầu phát triển mạnh. Chúng ta phải nhìn nhận rằng đây là một đòn chính trị mà Hà Nội đã tung ra để lừa bịp quốc tế và người dân cả hai miền Nam Bắc. Vì thực tế, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ là công cụ của Hà Nội đặt dưới quyền điều động và chỉ huy của Hà Nội.

Nhận thấy đòn chính trị của Hà Nội cho rằng chiến tranh VN là cuộc nội chiến giữa nhân dân Miền Nam tranh đấu đòi độc lập, tự do dân chủ, Tổng Thống Diệm yêu cầu Hoa Kỳ chỉ viện trợ vũ khí, tiền bạc và cố vấn để gìn giữ chính nghĩa và chủ quyền cho miền Nam là không cho quân nước ngoài tham chiến. Năm 1962, Tổng Thống Diệm cho phát động chiến dịch Ấp Chiến Lược tại vùng nông thôn nhằm bảo đảm an ninh và ngăn chặn tầm ảnh hưởng của Việt Cộng đến nông dân VN. Chính sách Ấp Chiến Lược đề ra đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Tiếc rằng sau ngày đảo chánh 1-11-1963, các tướng lãnh của QLVNCH đã hủy bỏ chính sách này.

Chính vì không cho quân đội Mỹ vào VN, chính phủ Hoa Kỳ tìm mọi cách để lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Hoa Kỳ đã yểm trợ nhiều cuộc biểu tình của Phật Giáo, Sinh Viên, các đảng phái đối lập và nhất là cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963 do các tướng lãnh cầm đầu cuối cùng đã chấm dứt được chế độ Đệ I Cộng Hòa Miền Nam. Tổng Thống Ngô Đình

Diệm và bào đệ là ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu bị sát hại. Trước sự việc này, Hồ Chí Minh đã thú nhận là ông ta rất sung sướng và nhận định rằng cuộc xâm lăng miền Nam của Hà Nội sẽ càng dễ dàng hơn.



Miền Nam những năm sau đó không còn được ổn định chính trị. Các cuộc đảo chính, chỉnh lý liên tục xảy ra qua các thời của các tướng Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh và Nguyễn Cao Kỳ tạo thuận lợi cho cuộc xâm

lăng của CS Bắc Việt. Cũng trong thời gian này, Hoa Kỳ liên tục cho đổ quân vào Miền Nam VN và Trung Cộng cùng Liên Xô càng gia tăng viện trợ cho Cộng Sản Bắc Việt. Sang thời chính quyền của các tướng lãnh từ năm 1964 và TT Nguyễn Văn Thiệu từ năm 1966, Hoa Kỳ đã có lúc gửi quân sang VN lên đến 500 ngàn người. Hoa Kỳ cũng sắp xếp cho các quốc gia Úc, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Đại Hàn, Đài Loan đem quân sang yểm trợ cho miền Nam VN.

Nhưng điểm khó khăn cho Miền Nam VN là chính sách tham chiến của Hoa Kỳ chỉ là chiến đấu cầm chừng với quân CS Bắc Việt vì e ngại cuộc chiến sẽ lan rộng với sự tham chiến của Liên Xô và Trung Cộng. Riêng phía CS Bắc Việt ngoài sự viện trợ dồi dào của Liên Xô, Trung Cộng và khối Cộng Sản còn có lợi thế là Miền Bắc luôn được an toàn không bị quân đội Hoa Kỳ và Miền Nam VN tấn công, còn được dùng lãnh thổ của hai nước Lào và Campuchia là hậu phương an toàn sau những trận chiến tại miền Nam VN và dùng đường mòn Hồ Chí Minh để chuyển quân và vũ khí vào Nam VN.

Hoa Kỳ chỉ viện trợ những vũ khí có tầm hạn hẹp cho Miền Nam để không cho quân đội Miền Nam tấn công ra Bắc. Phía CS Bắc Việt đã chuyển từ chiến thuật du kích sang chiến thuật tập trung quân rồi tấn công vào địa điểm chiến trường mà chúng chọn, rồi sau đó rút quân về các nơi an toàn tại Lào và Campuchia. Phía quân đội VNCH với quân số một triệu quân với

các đơn vị tổng trừ bị thiện chiến như Nhảy Dù, TQLC, Biệt Động Quân cùng 10 sư đoàn Bộ Binh và lực lượng Địa Phương Quân cùng 125 ngàn Cảnh Sát Quốc Gia, nhưng vì phải gìn giữ dân và lãnh thổ nên phải trải quân mỏng ra khắp nơi, vì vậy hầu hết các trận chiến, quân đội VNCH phải đương đầu với số lượng quân CS Bắc Việt đông hơn gấp bội.

Tuy thế, tinh thần chiến đấu của người lính VNCH rất cao và đã thắng lợi trước nhiều trận tấn công ác liệt với lực lượng đông đảo của quân Bắc Việt được trang bị nhiều vũ khí tối tân hơn miền Nam VN. Trong cuộc chiến có cả ngàn trận đánh, QLVNCH có lúc thắng, lúc thua nhưng người lính QLVNCH luôn chiến đấu anh dũng. Điển hình là các trận Tết Mậu Thân 1968, tấn công vào hậu cần của VC tại Campuchia vào năm 1970 và các trận tại An Lộc, Quảng Trị, Kon Tum vào mùa hè đỏ lửa năm 1972.

Trong trận chiến Tết Mậu Thân năm 1968, Việt Cộng đã trắng trợn vi phạm lệnh hưu chiến. Lợi dụng ngày Tết khi mà số đông quân nhân QLVNCH đang nghỉ phép, Việt Cộng liền mở cuộc tổng tấn công 44 tỉnh của Miền Nam ngay cả thủ đô Sài Gòn và Tòa Đại Sứ của Hoa Kỳ. Kết quả, quân đội VNCH dù tự chiến đấu với vũ khí trang bị kém hơn Việt Cộng nhưng đã đẩy lui được các cuộc tấn công của Việt Cộng, tái chiếm lãnh thổ và tiêu diệt được 60 ngàn quân của Việt Cộng.

Tuy thất bại về quân sự, nhưng CS Bắc Việt lại có lợi trên lãnh vực chính trị, ảnh hưởng đến người dân Mỹ và tạo nên phong trào phản chiến tại Hoa Kỳ, vì cho rằng Hoa Kỳ không thể thắng trận chiến tại VN. Nó cũng là dịp để làm cho lực lượng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bị tổn thất nặng nề để không còn làm eo sách sau này. Cũng trong trận Tết Mậu Thân, quân đội Bắc Việt đã giết hại dã man bằng cách chôn sống gần 6 ngàn quân dân cán chính của VNCH tại cố đô Huế.

Tổng Thống Johnson của Hoa Kỳ từ khi cầm quyền sau khi TT Kennedy bị ám sát vào cuối năm 1963, ông đã phát động chiến tranh ra Bắc Việt nhưng chỉ bằng các cuộc oanh tạc có giới hạn. Trong khi đó, Liên Xô viện trợ cho

Bắc Việt nhiều hỏa tiễn Sam chống lại các phi cơ của Hoa Kỳ.

Vào ngày 29-4-1970, nhằm tiêu diệt hậu cần của CS Bắc Việt tại Campuchia, lực lượng Hoa Kỳ và QLVNCH đã phối hợp tấn công vào Mỏ Vẹt, Lưỡi Câu là những nơi trú ẩn của quân đội CSBV. Trận chiến đã loại 30 ngàn bộ đội Bắc Việt.

Vào ngày 8/2/1971, QLVNCH đã mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 kéo dài đến ngày 23-3-1971 tấn công vào Tchepone cách 42 km biên giới Việt-Lào nhằm cắt đứt đường tiếp vận của CSBV qua ngã đường mòn Hồ Chí Minh với hầu hết những đơn vị thiện chiến như Nhảy Dù, TQLC, Biệt Động Quân, SĐ 1 BB, Thiết Giáp, Pháo Binh với quân số 55 ngàn quân để đương đầu với 60 ngàn quân của CSBV với trang bị vũ khí tối tân cùng nhiều xe thiết giáp T 54. Tiếc rằng, vì nhu cầu bảo mật làm hạn chế việc lập kế hoạch kỹ càng nên QLVNCH đã bị thất bại và làm tổn thất nặng nề những đơn vị thiện chiến nhất của mình



*Lính Bộ Binh của QLVNCH*

Vào mùa hè đổ lửa năm 1972, CSBV lần lượt mở các cuộc tấn công vào các tỉnh An Lộc, Kontum và Quảng Trị của miền Nam VN.

Tại mặt trận An Lộc, quân CSBV với lực lượng hùng hậu gồm các Sư Đoàn 5,7,9 cùng các đơn vị Pháo Binh, Thiết Giáp, Phòng Không với quân số gần 36 ngàn quân đã ồ ạt tấn công các đơn vị phòng ngự của QLVNCH gồm có SĐ 5/BB, 3 Liên Đoàn BĐQ cùng lực lượng ĐPQ chỉ có khoảng 7.5 ngàn quân vào ngày 13/4/1972. Sau đó, QLVNCH phải tiếp

viện thêm 25 ngàn quân cùng sự yểm trợ hữu hiệu của Không Quân và Pháo Binh của Việt-Mỹ và đến ngày 12/6/1972 QLVNCH đã hoàn toàn đẩy lui quân CSBV ra khỏi An Lộc và thu về nhiều chiến lợi phẩm.

Tại mặt trận Kontum, quân CSBV với các SĐ 2 và SĐ 320 cùng sự yểm trợ của lực lượng xe tăng, trọng pháo và phòng không đã tấn công vào các đơn vị phòng thủ gồm SĐ 23/BB của chuẩn tướng Lý Tòng Bá, lực lượng Dù và ĐPQ. Trận chiến khai diễn từ ngày 14/4/1972 và kết thúc vào ngày 5/6/1972, sau 3 đợt tấn công quân CSBV đành phải rút lui vì tinh thần chiến đấu anh dũng cùng sự yểm trợ hữu hiệu của ông Paul Vann qua các cuộc không kích bằng phi cơ B52 của Hoa Kỳ.



*Tái chiếm Quảng Trị*

Tại mặt trận Quảng Trị, nhằm dành lợi thế cho cuộc hội đàm tại Paris, quân CS Bắc Việt đã tấn công Quảng Trị. Đây được xem là trận chiến ác liệt nhất trong mùa Hè đổ lửa kéo dài đến 81 ngày từ ngày 28/6/1972 đến ngày 16/9/1972 làm tổn hại nặng nề về nhân mạng cho cả đôi bên. Riêng phía QLVNCH khiến cho hai lực lượng thiện chiến là Nhảy Dù, đặc biệt là TQLC bị tổn thất nặng nề. Phía CSBC cũng thiệt hại nặng nề gần như tan hàng.

Trước áp lực phản chiến tại Hoa Kỳ và sau chiến công du của TT Nixon cùng ngoại trưởng Kissinger đến Bắc Kinh năm 1972, chính quyền Hoa Kỳ tìm cách rút lui khỏi chiến tranh VN trong danh dự. Nhằm ép CS Bắc Việt vào bàn hội nghị, TT Nixon cho phát động chiến dịch oanh tạc Bắc Việt từ năm 1972 khiến chính quyền Hà Nội đã sắp sửa muốn đầu hàng, nhưng tiếc rằng Hoa Kỳ sau đó lại ngưng các cuộc oanh kích. Trong khi đó, Liên Xô cũng

leo thang viện trợ cho Bắc Việt nhiều hỏa tiễn Sam chống lại các phi cơ của Hoa Kỳ.

Hội đàm Paris với danh nghĩa chấm dứt chiến tranh và tái lập hòa bình cho VN đã diễn ra với sự tham dự của bốn bên là Hoa Kỳ, Bắc Việt, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và VNCH chấm dứt vào ngày 27-1-1973. Đây là hiệp định hoàn toàn bất lợi cho VNCH vì chỉ cho Hoa Kỳ rút quân ra khỏi VN mà vẫn chấp nhận sự hiện diện của quân Bắc Việt tại miền Nam VN. Ngoài ra, phía VNCH bị ép phải chấp nhận nhiều điều khoản bất lợi cho Miền Nam VN.

Sau Hiệp định Paris 1973, phía VNCH đã bị Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ quân sự. Trong khi ấy, Liên Xô và Trung Cộng không ngừng gia tăng viện trợ vũ khí và nhân sự cho phía Hà Nội.

Biến động chính trị tại Hoa Kỳ lại càng bất lợi cho VNCH, khi TT Nixon vì vụ Watergate do vụ nghe lén tin tức của đảng Dân Chủ khiến ông phải từ chức tổng thống vào ngày 9-8-1974. Sự việc này khiến những điều cam kết của TT Nixon với TT Nguyễn Văn Thiệu là tái oanh tạc Bắc Việt khi họ vi phạm hiệp định Paris đã không thực hiện được. Vì Phó Tổng Thống đã từ chức, nên Chủ tịch Hạ Viện là Gerald Ford lên thay thế TT Nixon dù muốn giúp VNCH nhưng luôn bị Quốc Hội do đảng Dân Chủ nắm đa số cản trở.

Cuộc chiến đã cho ta thấy hoàn toàn bất lợi cho Miền Nam VN và vì thế phía CSBV đã gia tăng cuộc xâm lăng miền Nam bằng cả hai mặt trận quân sự và chính trị. Hà Nội vận động chính trị quốc tế nhất là dư luận Hoa Kỳ phải cắt mọi viện trợ cho VNCH và tạo tình trạng bất ổn chính trị tại miền Nam bằng nhiều cuộc biểu tình chống TT Thiệu. Riêng về quân sự, chính quyền Hà Nội lần lượt đem tất cả lực lượng quân sự của CSBV với sự viện trợ dồi dào của Liên Xô và Trung Cộng mở nhiều mặt trận đánh chiếm miền Nam VN.

Nhằm xem Hoa Kỳ có tái can thiệp vào cuộc chiến VN hay không, CSBV đã cho lực lượng tấn công và chiếm tỉnh Bình Long vào ngày 6-1-1975. Phía Hoa Kỳ không lên tiếng và phía TT Thiệu vì làm eo sách với Hoa Kỳ nên đã không cho lực lượng tái chiếm Bình Long.

Vì thế, lực lượng CSBV liền mở rộng các cuộc tấn công vào miền Nam VN.

Vào ngày 10/3/1975 CSBV tấn chiếm thị xã Ban Mê Thuột đưa đến quyết định di tản của Tổng Thống Thiệu thất bại tại Vùng II đến Vùng I và sau cùng làm QLVNCH phải thất trận vì sự thiếu đạn dược, vũ khí, tiếp liệu và qua lệnh đầu hàng của tổng thống Dương Văn Minh dù các quân nhân QLVNCH thuộc mọi binh chủng đã chiến đấu rất anh dũng.

Nhìn qua diễn tiến của cuộc chiến tranh VN thì Miền Nam VN luôn ở vào vị thế bất lợi vì miền Nam luôn ở vào thế thủ mà không được tấn công ra Bắc. Tổng thống Ngô Đình Diệm đã nhìn thấy rõ cuộc chiến sẽ bị khó khăn khi có quân Hoa Kỳ trực tiếp tham chiến. Đây là lý do khiến CSBV ra sức tuyên truyền với nhân dân Bắc và Nam VN là phải đem quân vào “giải phóng” miền Nam mà quên đi sự độc tài và tàn ác của chủ nghĩa Cộng Sản. TT Diệm cũng thấy rõ chủ quyền của Quốc Gia sẽ bị xâm phạm và suy giảm chính nghĩa khi Hoa Kỳ lãnh trách nhiệm chính trong cuộc chiến. Thực tế cho chúng ta thấy Hoa Kỳ quyết định tham chiến và sau đó tự quyết định rút lui bỏ rơi Miền Nam chỉ vì quyền lợi của Hoa Kỳ.

### III- HẬU QUẢ:

Sau cuộc chiến, sự tổn thất nhân mạng và vật chất cho cả hai miền Nam Bắc VN thật nặng nề. Cả nước có khoảng khoảng 3 triệu người gồm binh sĩ và thường dân chết và hàng triệu người bị thương. Phía CSBV có khoảng 900 ngàn lính tử trận, 500 ngàn lính bị thương. Phía VNCH có khoảng 310 ngàn quân nhân tử trận và hàng trăm ngàn quân nhân bị thương. Phía Hoa Kỳ có 58 ngàn quân nhân tử trận, gần 1900 quân nhân mất tích và 100 ngàn quân nhân bị thương. Hoa Kỳ đã chi tiêu 685 tỷ mỹ kim (khoảng 900 tỷ mỹ kim hiện nay) cho chiến tranh VN. Hậu quả của chất da cam và bom đạn còn sót lại cũng đã giết hại và làm tàn phế hàng trăm ngàn người.

Vì không chấp nhận chế độ độc tài CSVN, trước và ngay ngày 30-4-1975 đã có hàng trăm ngàn quân dân VNCH đi tị nạn tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tiếp theo đó, làn



sóng người dân bỏ nước ra đi bằng đường biển, đường bộ lên đến cả triệu người và có khoảng vài trăm ngàn người đã phải bỏ mạng trên biển cả.

Không như cuộc nội chiến của Hoa Kỳ kéo dài 4 năm từ năm 1861 đến 1865, Tổng thống Abraham Lincoln, sau khi chiến thắng miền Nam đã đối xử tử tế với quân miền Nam, ngược lại các cấp lãnh đạo của CSVN đã xem quân dân của VNCH là kẻ thù không đội trời chung.

Sau khi cưỡng chiếm Miền Nam, nhuộm đỏ toàn thể VN, CSVN liền ra tay trả thù tàn độc quân dân cán chính của VNCH, Hàng trăm ngàn quân dân cán chính VNCH phải bị đi tù nhiều năm, làm tan nát bao gia đình. Các thân nhân của quân dân cán chính của VNCH thì bị đày đi các vùng kinh tế mới. Con cái của họ không được lên học đại học và không có việc làm. Các mộ bia trong các nghĩa trang quân nhân của VNCH bị đập phá không thương tiếc. CSVN cũng cho dẹp ngay tổ chức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Trong suốt cuộc chiến, thanh niên của cả hai miền phải bị đưa ra chiến trường, bỏ dở việc học để thành nhân tái hầu xây dựng và tái thiết đất nước.

Trước biến cố 30-4-1975, dù phải lo cuộc chiến nhưng miền Nam vẫn có một nền kinh tế, giáo dục, thương mại vững mạnh và tự do tôn giáo. VNCH được xem có nền kinh tế vượt trội hơn Nam Hàn, Thái Lan, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba, Đài Loan, Lào và Campuchia. Nhưng nay thì Nam Hàn, Thái Lan, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân và Đài Loan đã vượt qua VN. Miền Tây của Nam VN là nơi sản xuất gạo cho cả nước và cho thế giới, thì nay phải nhập cảng gạo. Sông Cửu Lông thì bị cạn do Trung Cộng làm nhiều đập nước trên thượng nguồn mà CSVN không dám phản đối. Hối xuất tiền của VNCH là 500 đồng bằng 1 mỹ kim, nay dưới chế độ CSVN thì 1 mỹ kim bằng 24 ngàn tiền CSVN. Sau 48 năm thống nhất đất nước, nền kinh tế của VN vẫn còn yếu kém, nhiều thiếu nữ Việt phải bỏ quê hương đi làm vợ cho ngoại kiều và hàng ngàn công nhân Việt nghèo khổ phải đi lao động ở nước ngoài.

Thực chất của cuộc chiến xâm chiếm miền Nam VN là chỉ để bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản thay vì cho quyền lợi của dân tộc. Hồ Chí Minh đã khẳng định với Thủ Tướng Chu Ân Lai của Trung Cộng là: *“Việt Nam và Trung Quốc tuy hai mà một. Một dân tộc. Một nền văn hoá. Một phong tục, Một tổ quốc Nếu giúp chúng tôi thắng Pháp, thắng Nhật, thắng tất cả bọn tư bản vùng Đông Nam Á, nắm được chính quyền, thì nợ viện trợ sẽ hoàn trả dưới mọi hình thức, kể cả cắt đất, cắt đảo, lùi biên giới nhượng lại cho Trung Quốc, chúng tôi cũng làm để đền ơn, đáp nghĩa.”*



Chính vì thế, vào ngày 14-9-1958, Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho Phạm Văn Đồng ký “Công Hàm” giao đứt quần đảo Hoàng Sa cho Trung Cộng. Tổng Bí Thư Lê Duẩn trong cuộc chiến xâm lăng Miền Nam VN đã từng tuyên bố: *“Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô và*

*Trung Cộng”*. Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh thì để lại câu nói phản quốc: *“Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc là mất nước, nhưng còn hơn mất Đảng”*.

Thực trạng của cuộc chiến tranh kéo dài 20 năm chỉ gây tang thương cho dân tộc Việt. Cả hai miền Nam Bắc VN đều bị thua mà kẻ hưởng lợi lại là Trung Cộng. Lần lượt Trung Cộng đã chiếm hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của VN. Nhà cầm quyền CSVN đã nhượng cho Trung Cộng nhiều lãnh hải và lãnh thổ trong những năm qua.

Đây là điều bất hạnh và bi thảm cho dân tộc Việt, dù CSVN đã thống nhất đất nước bằng giải pháp quân sự, nhưng lại dốt về việc kiến thiết và nhất là đã đặt quyền lợi của đảng Cộng Sản lên trên quyền lợi của quốc gia và dân tộc./.

**NGUYỄN VĂN BÌNH**

**Note: Tài liệu Tham khảo từ:**

*\*Chiến Tranh Quốc Cộng tại VN của Gs Lê Đình Cai và Các tài liệu trên Google*

# HỒ VÀ CỘNG SẢN VIỆT NAM

## Bán Nước Cầu Vinh: Công Hàm Phạm Văn Đồng



GS NGUYỄN VĂN CANH

**Bài Phỏng vấn về  
CÔNG HÀM PHẠM VĂN ĐỒNG ngày 16  
tháng 5, 22.**

**Tâm An giới thiệu.** Bài nói chuyện quan trọng của GS Nguyễn Văn Canh qua internet, ngày 23 tháng 4 năm 2022 do nhóm anh chị em thanh niên trí thức thực hiện có trực trực về kỹ thuật, nên âm thanh có nhiều tiếng vọng. Diễn giả phải mệt mỏi, cúi xuống áp tai vào màn hình của computer để lắng nghe các câu hỏi trong suốt 2 tiếng đồng hồ liên tục. Các chi tiết quan trọng cần được xác nhận hay bổ túc thêm cho đầy đủ vì đây chính là đầu mối của mọi đau thương của dân tộc Việt. Để yểm trợ cho các anh chị trí thức trẻ trong nhóm mà anh Phan Thanh Châu thuộc Việt nam Quốc Dân Đảng đại diện, hầu có hiểu biết đầy đủ hơn để thực hiện một chương trình mà các anh chị dự trù.

You Tube VNCH nhấn mạnh rằng vì có nhiều dữ kiện lịch sử quan trọng -không có ai nêu ra, liên quan đến vận mệnh của dân tộc mà Hồ và đảng Cộng sản Việt nam đã che dấu, nên You Tube VNCH chúng tôi xin đến thăm Giáo sư tại tư gia để trực tiếp thực hiện cuộc

phỏng vấn này.

Trước hết chúng tôi nói qua về GS Canh:

Ông sinh ra và lớn lên tại tỉnh Bắc Ninh. Ông di cư vào Sài Gòn năm 1954. Trước năm 1975, ông dạy tại trường Đại Học Luật, Sài Gòn, trường Đại học Luật, Huế và Phân Khoa Khoa Học Xã Hội, Đại Học Vạn Hạnh; Thuyết trình tại trường Chỉ Huy và Tham Mưu, và trường Cao Đẳng Quốc Phòng, Quân Lực VNCH.

Ông di cư sang Hoa Kỳ, năm 1975, làm nghiên cứu tại Viện Nghiên Cứu Hoover Về Chiến Tranh, Cách Mạng và Hòa Bình, Đại Học Stanford và đồng thời làm Đồng Giám Đốc Dự Án Oral Life History với ông Douglas Pike, tại Viện Nghiên Cứu Đông Á, Đại Học Berkeley.

GS Canh **viết nhiều bài** về VN Cộng Sản. Năm 1983, Hoover Press xuất bản cuốn **“Vietnam Under Communism”** và Viện này đánh giá rất cao cuốn sách này. Sách được Hoover xếp hàng đầu ở Hoover trong 2 năm liền dựa vào ý kiến của đồng nghiệp của Viện và khoảng 26 book reviews của các học giả trong giới Hàn lâm, khắp nơi mà Hoover Press thu thập để gửi cho Tiểu Ban lượng giá.

Theo tài liệu lưu trữ của Phong Trào Vận Động Bảo Vệ Hoàng Sa và Hoà Bình Thế Giới (PTVĐ) do Thiếu tá Thái Văn Hòa làm chủ tịch, thì Free Press Association (FPA) của Hoa Kỳ có đề nghị giải thưởng Menken vào 1985. Trong thư thông báo của FPA gửi cho Viện Nghiên Cứu Hoover, Giám Đốc của tổ chức này là Michael Grossberg cho biết trước đó có 4 học giả đoạt giải này trong đó có thấy tên Tom Sowell của Hoover; và yêu cầu Hoover Press gửi 4 cuốn sách cho Ủy Ban để họ nộp vào hồ sơ.

Căn cứ vào thư của ông Grossberg trên, thì từ trước đến lúc đó chỉ có 2 tác phẩm thuộc Hoover được “nominated” để lĩnh giải thưởng Menken. Cuốn đầu tiên của Tom Sowell viết về vấn đề “chủng tộc” tại Mỹ, và cuốn thứ 2 là Vietnam Under Communism của GS Canh.

Bản dịch ra tiếng Anh (năm 2021) **cuốn sách Hồ sơ Hoàng Sa & Trường Sa và Chủ Quyền Dân Tộc** (ấn bản lần 8 vào 2017) đã được Phong Trào Vận Động, gồm các cựu sỹ quan Cảnh sát và thân hữu, gửi cho 100 Thượng Nghị Sỹ Mỹ và 435 Dân Biểu Liên Bang và nhiều Thư Viện, và Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị, gửi cho các khoảng 20 nguyên thủ quốc gia và các nhân vật đầu não của các nước này, **để cảnh giác về hiểm họa gây ra do Trung Cộng bắt nguồn từ Hoàng Sa và Trường Sa của Việt nam**. Cuốn sách này cũng gây được chú ý đáng kể. Nhận xét sau đây của một nhân vật người Canada là thí dụ. Ông là một nhà ngoại giao Gia Nã Đại lão thành, nay đã hồi hưu hiện sống tại thủ đô Ottawa, viết cho tác giả thư như sau (trích một e-mail):

Có lẽ ông Tim England đọc cuốn sách này do ông Nguyễn hữu Ninh, đại diện Liên Minh Dân Chủ ở Vancouver gửi 30 cuốn cho các nhà lãnh đạo Canada. Một số cũng được thành viên Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị thuộc Canada gửi đi.

**Cuối cùng**, tác giả đã đến nói chuyện tại nhiều Hội Nghị, tổ chức tại nhiều nơi ở Hoa Kỳ, nhất là các Đại Học. Cũng nói chuyện tại các diễn đàn quốc tế ở Âu Châu, Á Châu. Tác giả được mời đến phát biểu tại Hội Nghị Quốc Tế Nhân Quyền kỳ II được tổ chức ở Leningrad, thời Liên Bang Xô Viết, vào tháng 9, 1990 do lời mời của Nhà Vật Lý Học Ba Lan, Romaszewski, lúc đó là Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Quyền Thượng Viện Ba lan. Thượng Nghị Sĩ Romaszewski là Đồng Chủ Tịch Hội Nghị cùng với Tổng Thống Nước Cộng Hoà Lithuania, Vytautas Landsbergis. Bài phát biểu nhan đề là (dịch) Nhân Quyền và Dân Chủ tại Cộng Hòa XH CNVN, được 4000 đại biểu tán thưởng nhiệt liệt.

Bây giờ xin Chị Thế Thủy bắt đầu cuộc phỏng vấn.

**Thế Thủy:** Kính chào Giáo sư Canh..

*Câu hỏi đầu tiên mà Thế Thủy nêu ra là khi nói tới Công Hàm Phạm văn Đồng, người ta nghĩ ngay đến việc bán nước của Hồ chí Minh.*

*Vậy Công hàm là gì có phải là văn tự bán đất, bán biển hay là bán nước không?*

**GS Canh:** Trong lãnh vực ngoại giao, người ta dùng chữ Công Hàm thay vì dùng chữ **văn thư hành chánh** của một Thủ Tướng gửi cho một Thủ tướng của một nước khác. Trường hợp này, Thủ tướng Phạm văn Đồng của Việt Cộng gửi văn thư, được gọi là **công hàm** cho Thủ tướng Chu ân Lai của Trung Cộng. Công Hàm không bao giờ là văn kiện bán nước.

**Thế Thủy:** Hai quần đảo HS & TS là đối tượng hay "vật" mà Hồ chí Minh dùng để bán cho Mao. Vật này lại thuộc quyền sở hữu của VNCH. Và việc mua bán này có nhiều mờ ám và Hồ cũng như Mao hai bên đều giữ kín.

*Vậy xin Giáo sư nói rõ về căn bản pháp lý của chủ quyền trên 2 quần đảo này. Và mặt khác, chúng ta cần xem lại các văn kiện mà Mao và Hồ nói về mua bán như thế nào?*

**GS Canh:**

**1) Hội Nghị Genève**, Thụy sỹ, năm 1954 về chấm dứt chiến tranh Đông Dương và Việt nam bị chia ra làm 2 ở vĩ tuyến 17. Phần về phía Bắc dành cho Cộng sản, gọi là Việt nam Dân Chủ Cộng Hoà hay Việt cộng (VC). Phần phía Nam, cho Quốc gia, gọi là Việt nam Cộng Hoà (VNCH).

**Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở dưới vĩ tuyến 17, nghĩa là tài sản của VNCH.**



**Vĩ Tuyến 17, phân đôi Việt Nam, quần đảo HS và Trường Sa nằm dưới. 2 Quần đảo này không thể là các đảo kế cận, ví cách quá xa Hoa Lục.**

**2) Có 2 văn kiện cần được bàn tới trong bài**

nói chuyện này: Bản Tuyên Bố của Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa (TC) về lãnh hải và Công Hàm Phạm văn Đồng gửi cho Chu ân Lai về vấn đề này.

## Ta phân tích nội dung hai văn kiện:

1). **Bản tuyên bố** của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được Thường Vụ Quốc Hội Nhân Dân Trung Hoa thông qua nhân kỳ họp thứ 100 vào ngày **4 tháng 9, năm 1958**.

Sau đây là điểm chính trong bản Tuyên Bố để phân tích trong buổi nói chuyện hôm nay.

“Lãnh hải của Trung Quốc là 12 hải lý. Điều khoản này bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo ngoài khơi..., và các đảo phụ cận gồm quần đảo Tây Sa và Nam Sa...”

Tây Sa là Hoàng Sa của Việt nam, và Nam Sa là Trường Sa.

## Hình chụp Bản Tuyên cáo của Quốc Hội TC:

Cap 2402 Sched 3 DECLARATION OF THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REP... Page 1 of 1

〈中華人民共和國政府關於領海的聲明〉

(1958年9月4日全國人民代表大會常務委員會第一百次會議批准)

中華人民共和國政府宣布：

(一)中華人民共和國的領海寬度為十二海里(哩)。這項規定適用於中華人民共和國的一切領土，包括中國大陸及其沿海島嶼，和可大陸及其沿海島嶼隔有公海的台灣及其周圍各島、澎湖列島、東沙群島、西沙群島、中沙群島、南沙群島以及其他屬於中國的島嶼。

(二)中國大陸及其沿海島嶼的領海以連接大陸岸上和沿海岸外緣島嶼上各基點之間的各直? 為基?，從基? 向外延伸十二海里(哩)的水域是中國的領海。在基? 以內的水域，包括渤海灣、瓊州海峽在內，都是中國的內海。在基? 以內的島嶼，包括東引島、高登島、馬祖列島、白犬列島、烏島、大小金門島、大擔島、二擔島、東嵛島在內，都是中國的內海島嶼。

(三)一切外國飛機和軍用船舶，未經中華人民共和國政府的許可，不得進入中國的領海和領海上空。

任何外國船舶在中國領海航行，必須遵守中華人民共和國政府的有關法令。

(四)以上(二)(三)兩項規定的原則同樣適用於台灣及其周圍各島、澎湖列島、東沙群島、西沙群島、中沙群島、南沙群島以及其他屬於中國的島嶼。

台灣和澎湖地區現在仍然被美國武力佔領，這是侵犯中華人民共和國領土完整和主權的非法行為。台灣和澎湖等地尚待收復，中華人民共和國政府有權採取一切適當的方法，在適當的時候，收復這些地區，這是中國的內政，不容外國干涉。

Bản dịch Tiếng Anh của TC phổ biến:

## DECLARATION OF THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA ON THE TERRITORIAL SEA

(Approved by the 100th Session of the Standing Committee of the National People's Congress on 4th September, 1958)

The People's Republic of China hereby announces:

(1) This width of the territorial sea of the People's Republic of China is twelve national (nautical, mới đúng) miles. This provision applies to all Territories of the People's Republic of China, including the mainland

China and offshore islands, Taiwan (separated from the mainland and offshore islands by high seas) and its surrounding islands, the Penghu Archipelago, the Dongsha Islands, the Xisha Islands, the Zhongsha Islands, the Nansha Islands and other islands belonging to China.

(2) The straight lines linking each basic point at the mainland's coasts and offshore outlying islands are regarded as base lines of the territorial sea of the mainland China and offshore islands. The waters extending twelve nautical miles away from the base lines are China's territorial sea. The waters inside the base lines, including Bohai Bay and Giongzhou Strait, are China's inland sea. The islands inside the base lines, including Dongyin Island, Gaodeng Island, Mazu Inland, Baiquan Island, Niaoqin Island, Big and Small Jinmen Islands, Dadam Island, Erdan Island and Dongding Island, are China's inland sea islands.

(3) Without the permit of the government of the People's Republic of China, all foreign aircrafts and military vessels shall not be allowed to enter China's territorial sea and the sky above the territorial sea. Any foreign vessel sailing in China's territorial sea must comply with the relevant orders of the government of the People's Republic of China.

(4) The above provisions (2) and (3) also apply to Taiwan and its surrounding islands, the Penghu Islands, the Dongsha Islands, the Xisha Islands, the Zhongsha Islands, the Nansha Islands and other islands belonging to China.

Taiwan and Penghu are still occupied with force by the USA. This is an illegality violating the People's Republic of China's territorial integrity and sovereignty. Taiwan and Penghu are waiting for recapture. The People's Republic of China has rights to take all appropriate measures to recapture these places in due course. It is China's internal affairs which should not be interfered by any foreign country.

2). **Thư của Phạm văn Đồng** đề ngày **14 tháng 9, 58**.

Phạm văn Đồng gửi cho Chu ân Lai một văn thư về Bản Tuyên bố của Quốc Hội TC với nội dung như sau:



ANNEXE 4  
La note adressée le 14 septembre 1958 par le premier ministre vietnamien Pham Van Dong au premier ministre Zhou Enlai.

“Thủ Tướng Nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa

Thư Đồng chí Tổng lý,

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để Đồng chí Tổng lý rõ:

Chính phủ nước Việt-nam Dân Chủ Cộng Hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố, ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng Hòa Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung-quốc.

Chính phủ nước Việt-nam Dân Chủ Cộng Hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm **triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung-quốc**, trong mọi quan hệ với nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa trên mặt bể...-

Chúng tôi xin kính gửi Đồng chí Tổng lý lời chào rất trân trọng./.

Hà nội, ngày 14 tháng 9 năm 1958.

Phạm văn Đồng

Thủ tướng Chính Phủ Nước VNDCC

## PHÂN TÍCH VĂN KIỆN

**Nhìn vào 2 bản văn trên, ta thấy có 2 vấn đề được nêu ra:**

**Vấn đề 1.** CHNDTH (TC) phổ biến bản tuyên bố để loan báo cho toàn thế giới (không gửi riêng cho VC) biết về lãnh hải của TC là 12 hải lý, bao gồm cả đất liền, các hải đảo ngoài khơi, và các đảo phụ cận.... Về các đảo, bản tuyên bố có nói tên các đảo: ngoài khơi gồm Đài Loan..., phụ cận gồm Hoàng Sa và Trường Sa.... Điều này có nghĩa là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã là của TC (mặc dù là tài sản của VNCH).

Để đáp ứng loan báo của TC, Phạm văn Đồng tự nguyện gửi thư trên ghi nhận và tán thành quyết định của TC. Văn thư ấy nói thêm rằng “ sẽ chỉ thị cho các cơ quan nhà nước triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý.” của TC.

Tuy nhiên, văn thư của Phạm văn Đồng bỏ ngỏ vấn đề TC đơn phương tự nhận có chủ quyền trên Hoàng Sa và Hoàng Sa của quốc dân Việt nam, trong khi đó vào dù lúc này thuộc VNCH. Trước mắt quần chúng, thì sự im lặng trước một vấn đề rõ rệt như vậy có điều gì khuất tất bên trong, có gì mờ ám. Sự im lặng là thú nhận, là đồng ý, là chấp thuận, dù quần đảo này không phải là của Hồ. Phạm văn Đồng không dám công khai nói rõ ý định của VC, nhưng **mặt mờ này có mục đích làm cho TC hài lòng.**

Đây là một điều rất bất thường

**Vấn đề 2:** Văn thư của Phạm văn Đồng công nhận 2 quần đảo của Việt nam có giá trị trong việc chuyển nhượng tài sản hay không?

## Đó là Giá trị pháp lý của Công Hàm?

-----

**Thế Thủy:** *Thư Giáo sư, Việc chuyển nhượng Hoàng Sa và Trường Sa cho TC được phơi bày trước công chúng sau khi VC chiếm được Miền nam. Làm sao các chi tiết bí mật của sự chuyển nhượng này giữa 2 bên được tiết lộ?*

**GS Canh:** Những gì được thỏa thuận giữa 2 bên đều được giữ kín.

Cho đến khi Miền Nam bị Công Sản Bắc Việt thôn tính vào năm 1975, hai quần đảo này là của Miền Nam Việt nam, nay chúng trở

thành lãnh thổ của Chính quyền mới. Và lúc này, TC đòi VC chuyển giao hai quần đảo này. VC không chấp thuận.

**Vì thế vấn đề này nay được TC công khai hoá để làm áp lực với VC. Truyền thông TC viện các lý do sau đây để chứng minh chúng là chủ của 2 quần đảo ấy:**

1). Bằng chứng quan trọng nhất mà TC dựa vào đó để biện minh rằng chúng có chủ quyền là **văn thư của Phạm Văn Đồng (nói trên) đã công nhận Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về TC.**

2). Tuyên bố của Ung văn Khiêm:

Các tài liệu sau đây còn ghi thêm một chi tiết mà TC viện dẫn để biện minh chủ quyền trên Biển Đông. Đó là lời nói của thứ trưởng Ngoại giao của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa **Ung văn Khiêm** với Đại lý sự vụ của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa **Li Zhimin** vào ngày 15 tháng 6 năm 1956 rằng “Hoàng Sa và Trường Sa về phương diện lịch sử thuộc về Trung Hoa.” Lời tuyên bố này được phát biểu ở văn phòng Bộ Ngoại Giao Bắc Việt, có sự chứng kiến của một viên chức Bộ Ngoại Giao VC là Lê Đốc.

3). Sách Giáo Khoa về Địa Lý của Hà Nội trước năm 1974:

Bài học về Địa lý dạy học sinh nói rằng: Hoàng Sa và Trường Sa lập thành vòng đai bảo vệ Trung Quốc. Từ đó, người ta hiểu rằng nếu Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Hoa, thì các quần đảo ấy được sử dụng để bảo vệ Trung Hoa.

**Thế Thủy:** *Như trên Giáo Sư nói rằng VC không chịu chuyển giao 2 quần đảo này theo đòi hỏi của TC. Và nay TC trưng ra các bằng cứ nêu trên để chứng minh chúng là chủ thể quyền lợi của 2 quần đảo này. Vậy, VC phản bác như thế nào khi mà đã “tán thành” bản tuyên bố của Quốc Hội TC qua văn thư gửi cho Chu ân Lai?*

**GS Canh:** **Để phản bác lại quan điểm của TC, Bộ Ngoại Giao nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vào ngày 7 tháng 8 năm 1979 biện minh:**

“Ngày 30 tháng 7 năm 1979 tại Bắc Kinh, phía Trung quốc đã cho công bố một vài tài liệu

với ý định để minh chứng cho việc tuyên bố chủ quyền của họ trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Về vấn đề này, Bộ Ngoại Giao nước CHXHCN Việt Nam tuyên bố:

.....  
*Sự diễn giải của Trung quốc về bản công hàm ngày 14 tháng 9 năm 1958 của Thủ tướng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà như một sự công nhận chủ quyền của phía Trung quốc trên các quần đảo là một sự xuyên tạc trắng trợn khi tinh thần và ý nghĩa của bản công hàm chỉ có ý định công nhận giới hạn 12 hải lý của lãnh hải Trung Quốc”.*

Với phản bác trên VC lờ đi không nói gì tới chi tiết trong Bản tuyên bố của TC là “12 hải lý này áp dụng cho cả các hải đảo kề cận, trong đó có ghi cả Tây Sa và Nam Sa (Hoàng Sa và Trường Sa của VN.) **Đây là gian xảo của Hồ chí Minh khi cho Phạm văn Đồng công khai tán thành 12 hải lý dù trong Tuyên Bố của Trung cộng có nói Hoàng Sa và Trường Sa và lờ đi không nói gì về Tuyên bố ấy nói “áp dụng cho các các hải đảo ở ngoài khơi hay kề cận”**

**Thế Thủy:** *Trong bài viết, Giáo sư có nói là Phạm văn Đồng có thú nhận chuyển nhượng 2 quần đảo □y cho TC. Không có chi tiết nào trong công hàm nói về điểm này.*

**GS Canh:** Đúng thế. Có dấu hiệu hé mở sự việc này. Đó là sự phản hồi “tích cực và mau lẹ” đối với Bản Tuyên Cáo của TC, thay vì việc này không ai làm, và không cần thiết phải làm như Nhật Bản và Phi Luật Tân cũng có đảo bị Tuyên Cáo của TC coi là đất của TC. Họ đâu có lên tiếng. Hơn nữa, Bản lên tiếng của VC lại là một văn thư chính thức, một Công Hàm của Thủ Tướng Chính Phủ của Nhà Nước VC gửi đích danh cho Thủ tướng Chu ân Lai của Nhà Nước TC công nhận lãnh hải 12 hải lý của họ. Bản Tuyên Bố ( Công hàm) của Thủ tướng Chính phủ VC hàm ý là xác nhận những gì đã thỏa thuận không công khai giữa 2 bên trước đó.

Do áp lực của TC quá mạnh, đòi hỏi VC phải thi hành cam kết năm 1958, Phạm văn Đồng thú nhận có nhượng 2 quần đảo ấy cho TC dù trước đó đã phản bác. Điều này được

Phó thủ tướng TC công khai công bố. “*Phó thủ tướng Lý tiên Niệm của TC nói rằng vào năm 1958, Thủ tướng Phạm văn Đồng tán thành bản Tuyên Bố của CHNDTH nhận có chủ quyền trên 2 quần đảo này, nhưng từ năm 1975, Việt nam kiểm soát được một phần nhóm Hoàng Sa. Năm 1977, Đồng đổi dòng : “lúc đó là thời gian chiến tranh và tôi phải nói như vậy”* Far Eastern Economic Review ( FEER), 16 tháng 3, 1979

Biện minh của Đồng lại gây **thêm thắc mắc**, vì lẽ trong khu vực này vào thời kỳ ấy, không có một cuộc chiến tranh nào xảy ra.

Rồi phải tới năm 1992, trước sức ép của công luận về hành vi này, Nguyễn mạnh Cầm, với tư cách Bộ trưởng Ngoại Giao của Việt nam Dân Chủ Cộng Hoà khai triển thêm lời phát biểu về ‘cuộc chiến tranh’ mà Đồng nói như ở trên, trong cuộc họp báo của Cầm vào ngày 2 tháng 12 năm 1992.

**Thế Thủy:** Bộ trưởng Ngoại Giao Nguyễn mạnh Cầm đã thú nhận những gì, thưa Giáo sư?

GS Canh: Tôi trích dẫn Bài Báo của Tập Chí Kinh Tế Viễn Đông “*Các nhà lãnh đạo của chúng tôi đã có tuyên bố (công nhận TC có chủ quyền) lúc trước về Hoàng Sa và Trường Sa dựa trên tinh thần sau: Lúc đó, theo Hiệp định Genève 1954 về Đông Dương, các lãnh thổ từ vĩ tuyến 17 về phía nam, bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền miền Nam. Hơn nữa, Việt Nam (nghĩa là VC) đã phải tập trung tất cả các lực lượng cho mục tiêu cao nhất để chống lại cuộc chiến tranh xâm lăng của Mỹ, nhằm bảo vệ nền độc lập quốc gia. Việt Nam đã phải kêu gọi sự ủng hộ của bè bạn trên toàn thế giới. Đồng thời, tình hữu nghị Trung-Việt rất thân thiết và hai nước tin tưởng lẫn nhau. Đối với Việt Nam, Trung Quốc đã là một sự ủng hộ rất vĩ đại và trợ giúp vô giá. Trong tinh thần đó và bắt nguồn từ những đòi hỏi nêu trên, tuyên bố của các nhà lãnh đạo của chúng tôi ‘ủng hộ Trung Quốc trong việc tuyên bố chủ quyền của họ trên Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa’ là cần thiết vì nó trực tiếp phục vụ cho sự đấu tranh bảo vệ độc lập và tự do cho tổ quốc.*

*Đặc biệt thêm nữa là cái tuyên bố đó đã nhằm vào sự đòi hỏi cần thiết lúc bấy giờ nhằm ngăn ngừa bọn đế quốc Mỹ dùng những hải đảo này để tấn công chúng tôi. Nó không có dính dáng gì đến nền tảng lịch sử và pháp lý trong chủ quyền của Việt Nam về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*

“...*Trung Hoa đã thuận cung cấp cho Việt Nam (VC) một yểm trợ đồ sộ và viện trợ vô giá. Trong bối cảnh đó và bắt nguồn từ nhu cầu cấp bách kể trên, việc lãnh đạo của chúng tôi công nhận chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa mà Trung Hoa đòi hỏi là điều cần thiết để ngăn ngừa đế quốc Mỹ dùng các hải đảo tấn công chúng tôi, vì nó phục vụ trực tiếp cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập và tự do của tổ quốc.*”

(Hợp báo tại Hà Nội ngày 2/12/1992, được loan tải bởi Thông Tấn Xã Việt Nam ngày 3/12/1992.)

Như vậy, Nguyễn mạnh Cầm đã khai triển rõ hơn về cuộc “chiến tranh” mà Phạm văn Đồng nêu ra. Đó là cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Nhằm vào cái mà gọi là bảo vệ độc lập quốc gia, Hồ đã phải nhượng bộ theo đòi hỏi của Mao, cho Phạm văn Đồng chuyển nhượng 2 quần đảo ấy cho Mao với danh nghĩa là ngăn ngừa đế quốc Mỹ dùng hai quần đảo ấy tấn công Việt Nam.

Thực sự, Đồng và Cầm nói về vấn đề chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra để chạy tội bán nước.

Đây lại là vấn đề Nói Dối của Phạm văn Đồng. Viện trợ mà TC thoả thuận cho VC thực sự là để VC có tiền để đánh chiếm Miền nam Việt nam.

Tóm lại, tuyên bố của Nguyễn Mạnh Cầm về việc Mao đòi Hồ công nhận hai quần đảo trên của Việt nam để đổi lấy viện trợ to lớn của TC là hành vi bán nước.

**Thế Thủy:** Trong bài viết, Giáo sư có dịch một trang của Tập Chí Kinh Tế Viễn Đông số ra ngày 16 tháng 3 năm 1979 về những gì mà Hồ và Mao trong hậu trường thoả hiệp với nhau. Tập Chí này đã bỏ ra 30 năm để theo dõi hồ sơ này. Nên, tiếng nói của họ có thẩm quyền. Xin Giáo sư đọc lại đoạn đó để cho thánh giả hiểu

rõ vấn đề.

**GS Canh:** “Tập San Kinh Tế Viễn Đông (FEER) số ra ngày 16 tháng 3 năm 1979 kể trên nhận xét về vấn đề này: “Những gì xảy ra ngày nay có liên hệ đến 2 quần đảo chỉ là những hậu quả của sự dàn xếp mờ ám của hai người cộng sản anh em trong quá khứ. Không một ai trong cộng đồng thế giới muốn bước vào để dàn xếp sự bất đồng giữa Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc. Lý do rất rõ ràng: cái công hàm ngoại giao và sự công nhận của Cộng sản Việt Nam (2 quần đảo này là của TC) không thể nào xoá bỏ được bởi một nước nhỏ như Việt Nam, kẻ đã dùng tiểu xảo lừa Trung Quốc. Hơn nữa, Cộng sản Việt Nam không thể nào thoát được khỏi bàn tay của Trung Quốc, trong khi họ lại phải theo cách ‘đổi mới’ của Trung Quốc để tiến lên chủ nghĩa xã hội.”

“Do sự hồ hởi muốn tạo ra một cuộc chiến thể thảm cho cả hai miền Bắc và Nam, và góp phần vào phong trào quốc tế cộng sản, ông Hồ Chí Minh đã hứa, mà không có sự tự trọng, nhượng một phần đất “tương lai sẽ có” để cho Trung Quốc, dù biết không chắc gì có thể nào sẽ nuốt được miền Nam Việt Nam.

“Vậy thì ai đã tạo ra cuộc chiến Việt Nam và sẵn sàng làm tất cả mọi sự có thể làm được để chiếm miền Nam Việt Nam, ngay cả việc bán đất? Bán đất trong thời chiến và khi cuộc chiến đã chấm dứt, Phạm Văn Đồng lại chối bỏ điều đó bằng cách bịa đặt ra việc đổ thừa cho chiến tranh”.

“Frank Ching trong Tạp Chí này trong Bài báo khác ra ngày 10, tháng 3, 1994 kết luận:

“Rõ ràng là Hồ chí Minh qua tay của Phạm Văn Đồng đã dâng hiến cho Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa một cái “ bánh ngọt to lớn” (món quà quá hậu hĩ) vì lúc đó họ Hồ đang chuẩn bị xâm lăng Miền Nam. Hồ cần viện trợ to lớn và đã nhắm mắt chấp nhận mọi điều kiện Bắc Kinh đưa ra. Thật là rất dễ cho Hồ chỉ bán trên giấy hai quần đảo ấy vì vào lúc đó thuộc Miền Nam.”

**Thế Thủy:** Tạp chí Kinh Tế Viễn Đông như được Giáo sư trích dẫn, có viết: “Hồ chí Minh dùng một ‘tiểu xảo’ để lừa dối Trung

Quốc”. Xin Giáo sư khai triển chi tiết cho rõ “kế hoạch tiểu xảo” này của Hồ?

**GS Canh:** Như tôi đã trình bày, Hồ đã có ý định đánh lừa Mao tất cả là hai lần: 1. Hồ cần tiền để chi tiêu trong việc xâm chiếm Miền Nam, đã thương thảo với Mao xin viện trợ. Như thú nhân của Nguyễn mạnh Cầm, Mao đòi Hồ chuyển nhượng 2 quần đảo trên cho TC để được viện trợ, Hồ đã chấp thuận điều kiện trên. Khi Hồ làm việc này, Hồ biết rằng y không là chủ 2 quần đảo ấy, nghĩa là y bán một vật mà y không có. Đó là tội lừa gạt. Mao dư biết điều này, nhưng chấp nhận. Và Hồ bán 2 quần đảo này, trên giấy tờ, nên thấy dễ dàng quá. Vả lại, việc chiếm được Miền Nam để trở thành chủ nhân ông 2 quần đảo này thì không chắc đã đạt được mục tiêu.

2. Trong Công hàm, Hồ đã khôn khéo khi viết rằng y ”tán thành” chiều rộng lãnh hải của TC là **12 hải lý, mà không đã động gì đến “lãnh hải của TC này áp dụng cho cả các đảo kề cận, gồm cả HS và TS.** Nghĩa là, Hồ có cơ hội phủ nhận việc làm của y.

-----

Tóm lại, riêng nói về hai quần đảo này, thì một tay đại gian hùng như Hồ chí Minh, dù rất khôn ngoan, thành thạo dùng tiểu xảo trong mọi trường hợp, nay gặp phải Trung cộng là bậc Thầy thâm độc lừa lại vì lẽ TC biết rằng Hồ **đâu** có làm chủ 2 quần đảo ấy vào lúc đó. Hơn nữa, Trung Cộng theo truyền thống bành trướng của của Hán Tộc nên có thể “mai phục trường kỳ” dù mất 100 năm chờ cơ hội thuận tiện đánh chiếm “vật” ấy. Lấy một thí dụ cụ thể là Mao vẽ bản đồ chiếm Biển Đông từ năm 1954, và ngày nay, sau gần 70 năm, ta thấy những gì đã xảy ra trên 2 quần đảo này thì rõ. Xin xem hình ảnh và các tài liệu về các đảo TC đã cải tạo và đã xây dựng các căn cứ quân sự đồ sộ trên đó (xem hình trong cuốn Hồ Sơ HS & TS và Chủ Quyền Dân Tộc.)

Vì **trí đoản**, Hồ chỉ biết và quen dùng mưu thuật nhằm đạt chiến thắng nhất thời, như chỉ tìm kiếm ít lợi lộc trước mắt, nên đã bị mắc kẹt trong vụ này. Về sau, việc biện hộ rằng vì **bị chiến tranh**, vì cần phải **bảo vệ tổ quốc chống đế quốc Mỹ xâm lăng**, nên đã “tôn trọng quyết



định” ấy của Mao là một sự **chạy tội**, đối với quốc dân Việt, phản ảnh trạng thái trí tuệ u mê của họ Hồ. Không có bóng ma chiến tranh nào, cũng chẳng có đế quốc Mỹ nào hiện diện, hay dinh dập để thực hiện âm mưu xâm lăng vào lúc đó. Ngoài ra, đổ tội cho Đế quốc Mỹ dinh dập đánh phá là bịa đặt trắng trợn để che dấu mưu đồ đen tối là cần tiền để **xâm chiếm Miền Nam**.

Tuy nhiên, với “**yểm trợ đồ sộ và viện trợ vô giá**” cho Hồ, Mao đã đạt được cả 2 mục tiêu khác quan trọng hơn:

a) **Thu đắc được 2 quần đảo này một cách hoà bình**. Mao không mất một giọt máu để được làm chủ. Ngược lại, Hồ và đồng bọn tỏ ra rất hồ hởi vì hưởng được món viện trợ lớn, mà không thấy mất mát gì.

b) **Đánh chiếm Miền Nam, Việt nam**. Thay vì phải tự mang quân xuống đánh chiếm Nam Việt Nam, Mao không làm nổi và đã dùng Hồ và đồng bọn làm **lính tiên phong** cho công tác này.

**Thế Thủy:** Nguyễn Mạnh Cảm biện hộ rằng vì bị chiến tranh, vì cần phải bảo vệ tổ quốc chống đế quốc Mỹ xâm lăng, nên lãnh đạo VC lúc đó đã “tôn trọng quyết định” ấy của Mao. Điều này có nghĩa là Hồ bị Mao áp buộc chuyển nhượng 2 quần đảo ấy của Việt Nam cho Mao, là điều kiện khi Mao chấp thuận viện trợ đồ sộ cho Hồ để thực hiện cuộc xâm lăng Miền Nam. Việc này phải xảy ra một thời gian dài trước khi Quốc Hội TC tuyên bố lãnh hải 12 hải lý vào 4 tháng 9, 1958. Khi TC tuyên bố như vậy là TC đã gài Hồ vào vị trí phải công khai vấn đề thay vì ém nhem?

**GS Canh:** Đúng thế. Hồ phải công khai vấn đề chuyển nhượng cho công chúng biết. Tuy nhiên Hồ tỏ ra lưu manh vặt vì chỉ công nhận chiều rộng của lãnh hải TC 12 hải lý, mà lờ một phần của Bản Tuyên Bố của TC nói rằng “lãnh hải của TC gồm và các đảo kế cận như Hoàng Sa và Trường Sa”

**Thế Thủy:** *Những lời giải thích của Phạm văn Đồng và được Nguyễn mạnh Cảm khai triển rõ thêm cho thấy rằng đổ lỗi cho đế quốc Mỹ xâm lăng là cái cớ bên ngoài, thực sự làm để thực hiện âm mưu xâm chiếm Miền*

*Nam do TC chủ trương và tài trợ. Đây lại là một sự lừa gạt trắng trợn đối với dân chúng Miền Nam và thế giới. Sau khi chiếm được Miền Bắc vào năm 1954, Hồ đã lập một dự án bành trướng thế lực cộng sản trên bán đảo Đông Dương trước khi tiến xa hơn, dĩ nhiên theo như tính toán của Mao: bành trướng của TC tới các quốc gia trong vùng Đông Nam Á và 2 quần đảo này của Việt nam sẽ làm các tiền đồn cho kế hoạch bành trướng trên.*

**GS Canh:** Nhìn lại những gì xảy ra từ hơn 70 năm qua, từ đầu thập niên 1950 cho đến nay, với những điều công khai tuyên bố của Mao, chúng ta thấy mục tiêu của Mao và Đảng CSTH đã phần nào từng bước được thực hiện.

Khởi đầu là Hiệp định Genève, tháng 7, 1954 chia đôi Việt nam. Hồ được phần nửa Việt nam về phía Bắc. Ngay trong thời gian thi hành Hiệp Định có 300 ngày để cho các viên chức chính quyền, quân đội và dân chúng có thể lựa chọn di cư đến vùng mà họ muốn, chờ cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong vòng 2 năm tới. Ngay trong thời gian này, Hồ có kế hoạch cài sẵn cán bộ VC để nắm vùng ở Miền Nam. Họ được lệnh chôn dấu vũ khí, lập các chi bộ Đảng và phối trí công tác. Từ 1958, công tác ám sát (khủng bố) các viên chức chính quyền của phe quốc gia ở nông thôn được tăng cường để giữ địa bàn, một mặt tê liệt hoá guồng máy cai trị, và mặt khác bảo trợ cho sự bành trướng thế lực của Đảng. Rồi năm 1959, lập đường mòn Hồ chí Minh để đưa quân đội vào Nam; năm 1960, phát động chiến dịch Đồng Khởi ở Mỏ Cày, Bến Tre để bắt đầu đấu tranh vũ trang. Vào thời điểm này, Hồ chia toàn vùng Bán đảo Đông Dương làm 4 chiến trường : A, Bắc Việt; B, Nam Việt; C, Miền Lào; và D, Thái Lan và Hồ lãnh nhiệm vụ tiên phong thực hiện cuộc chiến tranh này. Đây là một “nghĩa vụ cao cả” của Hồ với tư cách một cán bộ Cộng Sản quốc tế.

Kế hoạch này do Mao thiết lập như tính toán được vẽ trong Bản đồ của Trung Hoa từ năm 1953: chiếm Đông Nam Á và vùng Biển Đông

Hồ chỉ là kẻ thi hành kế sách của Mao,

dù phải vay nợ để trang trải các kinh phí, không kể đến tính mạng con dân Việt làm vật hy sinh cho Mao..

Trong kế hoạch này, B là Nam Việt nam, là mục tiêu đầu tiên. Hồ cần Mao gấp rút “yểm trợ đồ sộ” (*cần hậu thuẫn của các bạn bè khắp thế giới*) và viện trợ vô giá (*tiền bạc, súng ống và các quân dụng khác...*), vì đó là “nhu cầu cấp bách.”

Mao biết rằng Nam Việt Nam là bàn đạp để Mao tiến xa hơn trong chủ nghĩa bá quyền. Các lực lượng dân tộc Việt, đối kháng với bá quyền Bắc Kinh còn lại, nằm ở Nam Việt nam. Mao biết rằng kẻ ngoại xâm như Mao không làm nổi. Hơn 1000 Bắc thuộc đã là những bài học tử nhục cho Mao. Cách hay nhất là dùng người bản xứ làm công việc này. Mao đã quá khôn ngoan biến Hồ và các thế hệ tay em trở thành lính đánh thuê, mà các kẻ này không ý thức được vai trò của chúng. Chính những kẻ này gây ra cuộc chiến tranh tương tàn khùng khiếp giúp Mao tận diệt “các thế lực dân tộc Việt thù địch ấy”. Trong cuộc chiến này, Hồ và đồng bọn đã không nương tay chém giết tàn bạo đồng bào của họ, tiêu huỷ các giá trị nền tảng của chủ nghĩa dân tộc và các sức mạnh khác chống lại Mao để bảo vệ độc lập và tự chủ của dân tộc. Nếu xét về mọi phương diện như văn hoá, xã hội, lãnh thổ, kinh tế, chính trị...., những gì đã và đang xảy ra trên toàn cõi Việt nam từ thập niên 1950 đến nay, ta có thể thấy âm mưu thực hiện mục tiêu này đã lộ rõ.

Hồ và đàn em chiếm được Nam Việt nam vào tháng 4, 1975 và cho đến nay chúng vẫn còn đang nỗ lực làm tròn sứ mạng hoặc đặt ách thống trị trên lãnh thổ hay biến Việt nam thành một phần lãnh thổ của Hoa Lục. Liệu những kẻ nội thù này có đạt được mục tiêu này hay không?

Tóm lại, Hồ Chí Minh và Đảng CSVN đã phơi bày rõ ý định và đã thực hiện xong các hành vi chuyển nhượng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Cộng, đổi lại lấy được sự yểm trợ “đồ sộ” của TC để có phương tiện đánh và chiếm Miền Nam.

Viện trợ mà Nguyễn mạnh Cầm gọi là

đồ sộ và vô giá là bao nhiêu? Đặng tiểu Bình nói là 20 tỷ MK.

Hồ chí Minh và đồng bọn đã thực sự phạm tội bán nước.

**Thế Thủy:** *Xin Giáo sư tới Vấn đề 2. Vấn đề pháp lý của Công hàm. Dựa vào Công hàm của Phạm văn Đồng, TC công khai nói rằng đây là bằng chứng VC đã công nhận 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của TC.*

*Vậy xin Giáo sư cho biết ý kiến về Giá Trị Pháp Lý của Công hàm ấy khi Hồ công nhận 2 quần đảo này là của TC.*

**GS Canh:** Theo Công Pháp Quốc tế, không có hiệu lực pháp lý nào, khi dùng một công hàm công nhận hay chuyển nhượng một phần hay toàn thể lãnh thổ hay lãnh hải cho một quốc gia khác.

1. Việc chuyển giao một phần lãnh thổ hay lãnh hải của một dân tộc là do quyết định của toàn dân. Ý định của toàn dân về vấn đề ấy phải được phát biểu công khai và tự do. Nếu là trực tiếp, thì đó là trưng cầu dân ý. Nếu là gián tiếp, thì Quốc hội có trọng trách thể hiện ý định này của quốc dân.

Thường thì việc chuyển nhượng được thực hiện bằng một **hiệp ước** do 2 bên ký kết có sự phê chuẩn của quốc hội, và phải được **ban hành hợp lệ**.

**Lưu ý:** Ngay cả khi nếu thủ tục ban hành không theo đúng các qui định, vẫn kiện không có giá trị (due process).

**Đây là thẩm quyền của Lập Pháp.**

Hành pháp là một bộ phận công quyền của quốc gia với nhiệm vụ thi hành quyết định ấy của quốc dân. Hành pháp không có quyền quyết định tối hậu về việc này. Và **một văn thư hành chánh của Hành pháp**, như công hàm không hội đủ điều kiện để có giá trị trong việc chuyển nhượng lãnh thổ hay lãnh hải của quốc gia,

Nhìn vào sự việc, ta thấy Phạm văn Đồng với tư cách thủ tướng của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) trong công hàm đề ngày 14 tháng 9, 58 công nhận lãnh hải của Trung hoa trong bản tuyên bố 10 ngày trước đó

để đổi lấy viện trợ như trường hợp này đã vượt ra ngoài quyền hạn của Hành Pháp. Phạm văn Đồng đã làm một việc mà ông ta không có quyền và không được phép làm. Hành vi ấy như vậy là bất hợp pháp, nó không có hiệu lực gì về phương diện pháp lý.

**2. Tuyên bố của Chu ân Lai về 12 hải lý gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa là một hành vi xâm lăng** vì lẽ hai quần đảo này chưa bao giờ thuộc quyền sở hữu của Trung Hoa và TC chưa bao giờ thụ đắc 2 quần đảo ấy và nay đã tự coi là đất của Trung Hoa trong bản tuyên bố đó. Đây là hành vi bá quyền vi phạm luật pháp.

Hành vi của Phạm văn Đồng vốn dĩ đã là một sự lạm quyền (bất hợp pháp rồi), nay lại có mục đích công nhận hành vi bất hợp pháp của Chu ân Lai, thì hành vi đó không có một giá trị gì.

**3. Nội dung của công hàm tuyệt nhiên không nói gì đến chuyển nhượng 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam cho Trung Cộng.** Công hàm chỉ đề cập đến công nhận lãnh hải của TC là 12 hải lý. Sự công nhận này không thể được giải thích hay có nghĩa là một sự chuyển giao quyền sở hữu chủ một tài sản cho một chủ thể khác.

**4. Không ai có thể chuyển nhượng cho một đệ tam nhân cái gì mà mình không có.**

Khi thừa nhận hai vùng quần đảo này là của Trung Cộng, Phạm văn Đồng được hiểu là thay mặt VNDCCCH với tư cách là ‘chủ nhân ông’ hai vùng quần đảo ấy. Thực sự thì hai quần đảo này lúc ấy thuộc quyền sở hữu của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Như vậy Phạm văn Đồng đã mạo nhận, có ý định chuyển giao một cái mà mình không có, với âm mưu lừa gạt Trung cộng. Lời hứa sẽ có vật để chuyển giao tự bản chất là không có giá trị.

**5. Lãnh thổ hay lãnh hải là đối tượng chuyển nhượng phải được mô tả với chi tiết cụ thể, rõ rệt và đầy đủ,** hay nói khác đi là phải có **mô tả pháp lý rõ rệt** với các tọa độ như kinh tuyến và vĩ tuyến của từng đảo một, với các cột mốc tham chiếu thiên nhiên hay nhân tạo... Không

thể nói mơ hồ hay khơi khơi là “ các đảo ngoài khơi hay ở vùng phụ cận...và gồm Hoàng Sa, Trường Sa” như trong Tuyên Bố của CHNDTH kể trên.

**6. Động cơ thúc đẩy 2 bên sang nhượng lãnh hải phải được trong sáng hay nói rõ ra là chính đáng.** Thí dụ như có liên quan đến các tội phạm như buôn người, tổ chức cướp biển, buôn bán ma túy... không được luật pháp cho phép. Trong trường hợp này, VC cần viện trợ đồ sộ của TC để thực hiện xâm lăng hay gây chiến, không được chấp thuận.

**Về kỹ thuật pháp lý,** xin xem các trang 384-385, Hồ Sơ HS & TS và Chủ Quyền Dân Tộc (liệt kê ở dưới)

Tóm lại, công hàm của Phạm Văn Đồng về mọi mặt không có giá trị pháp lý về chuyển nhượng lãnh hải.

**Tâm An:** Để kết thúc buổi phỏng vấn quan trọng này, Tâm An xin kính gửi lời tri ơn sâu xa đến Giáo sư Canh đã cung cấp nhiều chi tiết có giá trị để trả lời các câu hỏi của Thế Thủy. Với kiến thức uyên bác về chính trị, và nhất là Quốc Tế Công Pháp, và với nhận xét sắc bén Giáo sư đã phơi bày ra các **bí mật** được che đậy bởi văn thư của Phạm văn Đồng gửi cho Chu ân Lai. Bí mật này thật là khủng khiếp. **Hồ chí Minh âm mưu với Mao để bán 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lấy tiền để đánh chiếm Miền Nam Việt nam.** Các điều mà Giáo sư trình bày ở trên giúp **xác nhận sự thật kinh hoàng này không thể chối cãi được.**

Sự lắt léo và lừa dối có chủ đích trong Công Hàm mà Hồ dùng làm bình phong che đậy khiến cho quần chúng không tin là có sự thật này.

~~————— Dừng 2 quần đảo của dân tộc để làm vật trao đổi nghĩa là trao một “món hàng” cho đối tác lấy “viện trợ” hay là tiền. Hồ và Đảng CSVN đã nhận đủ tiền và tiêu hết tiền, tuy nhiên chưa trao hết món hàng.~~

~~————— Như trên Giáo sư đã chứng minh, Hồ dùng khối tiền viện trợ khổng lồ của TC để gây biết bao tang tóc, chết chóc đau thương cho dân tộc từ 1954 trở đi, và đến ngày hôm nay,~~

dù cuộc chiến đã chấm dứt gần nửa thế kỷ, tội ác ấy vẫn còn tiếp diễn.

Hiện nay, toàn vùng Hoàng Sa đã nằm trong vòng khống chế của TC. Tại Trường Sa chúng đã lập 8 căn cứ kiên cố và trở thành tiền đồn to lớn do Mao dự tính để tiến chiếm toàn cõi Đông Nam Á như Mao dự trù từ năm 1965, rồi còn đi xa hơn nữa.

Mao và các lãnh đạo CSTH (TC) là những kẻ siêu lừa. Chúng khôn khéo tuyển chọn và che chở các lãnh đạo CSVN nào tích cực trung thành với chúng, sử dụng họ như Thái Thú, nhận mệnh lệnh và thay mặt chúng thực hiện những điều mà chúng không làm được. Trong mấy thập kỷ vừa qua, đám lãnh đạo Cộng Sản Việt nam tranh nhau, chém giết lẫn nhau bày tỏ lòng trung thành với giặc và tìm cách được Cộng Sản Trung Hoa tin dùng. Và họ đang tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đang dở của họ Hồ.

Hồ và toàn thể Đảng CSVN đã thực sự phạm trọng tội đối với dân tộc.

Vậy những ai từng là Cộng sản hay còn là đảng viên hay đang hoạt động cho Đảng, âm thầm hay công khai, bên vực lập trường của Đảng hãy trả lời với quốc dân về tội ác này.

Tâm An xin kính gửi lời chào tạm biệt đến tất cả quý thính giả..

Riêng với Giáo sư Canh, kính xin Giáo sư giữ gìn sức khoẻ để phụng sự lý tưởng cao đẹp của dân tộc Việt hào hùng..

Tóm lại qua công hàm đề ngày 14 tháng 9, 1958, Phạm văn Đồng đã công nhận 2 Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt nam là của Trung Cộng. Nguyễn mạnh Cầm cắt nghĩa rằng việc công nhận này là do Mao đòi hỏi để Hồ và Đảng CSVN được viện trợ với mục đích đánh chiếm Miền Nam Việt nam.

Hồ và Đồng bọn hân hoan được tiền và hãnh diện thi hành nhiệm vụ cao cả này với tư cách là đảng viên cộng sản quốc tế. Tuy nhiên, vì u mê và thiển cận do lãnh vực ý thức hệ chỉ đạo, Hồ không đủ khả năng nhận ra được thâm ý của Mao là VC đánh chiếm Miền Nam là phục vụ quyền lợi của Mao và Đảng CSTH (TC).

**Kết quả việc Hồ nhận viện trợ đồ sộ của**

**Mao.**

**GS NGUYỄN VĂN CANH**

**Hiện trạng Biển Đông như thế nào?**

Nhận tiền rồi, thì phải trao 'hàng' chứ. Định ăn quýt hay sao? Còn kêu oan nổi gì? Dĩ nhiên Hồ dở thói lưu manh với Mao, đâu có dễ.

**KHÔNG GIAO 2 QUẦN ĐẢO NÀY, TRUNG CỘNG DÙNG VÕ LỰC ĐÁNH CHIẾM.**

Ngoài việc chiếm đoạt phần Phía Đông của Hoàng sa vào 1956 (Khu Tuyên Đức), và mang quân đánh chiếm, khu Nguyệt Thiềm do VNCH làm chủ vào 1974 và chiếm giữ, Gạc Ma năm 1988,.... TC ban hành luật tuyên bố có thẩm quyền trên vùng Biển đông vào 1992, rồi từ đầu thập niên, 2000 Trung cộng đã lập Thành Phố Tam Sa, cơ quan hành chánh để quản trị toàn vùng. Chúng đã thiết lập Hội Đồng thành phố, có thị trường và bộ chỉ huy quân sự đặt tại đảo Phú Lâm, dù dân chúng chỉ là thân nhân quân đồn trú

Hình ảnh các căn cứ quân sự với các kiến trúc kiên cố:

**A. Hoàng Sa.**



**Figure 1. Phi trường, dài 3000m; hải cảng, radar. doanh trại.**



**Figure 2 Bộ Chỉ Huy quân đội**



**Figure 3 Văn Phòng và Cư Xá**

**B. Trường Sa**

Ba trong số 8 bãi cát, đá, rạn san hô ở Trường Sa nay trở thành căn cứ quân sự lớn. Đó là Chữ Thập (5 km<sup>2</sup>), Vành Khăn (3.6 km<sup>2</sup>) và Subi (hơn 4 km<sup>2</sup>) nay đã được cải tạo thành các đảo trên mỗi đảo TC đã xây một phi đạo dài 3000m cho phi cơ quân sự lớn lên xuống, bãi đậu và nhà chứa chiến đấu cơ phản lực. Trên mỗi đảo này chúng đã phối trí một không đoàn 24 chiếc, các dàn radar tối tân, các hỏa tiễn tầm xa, các kho vũ khí đạn dược..., các hải cảng, các bãi đậu cho trực thăng, doanh trại cho quân trú phòng. Thí dụ Subi có 400 căn nhà làm doanh trại. Có cả máy bay tiềm kích và nhà chứa được phối trí ở đó....

**Vài hình ảnh: trên căn cứ Chữ Thập:**



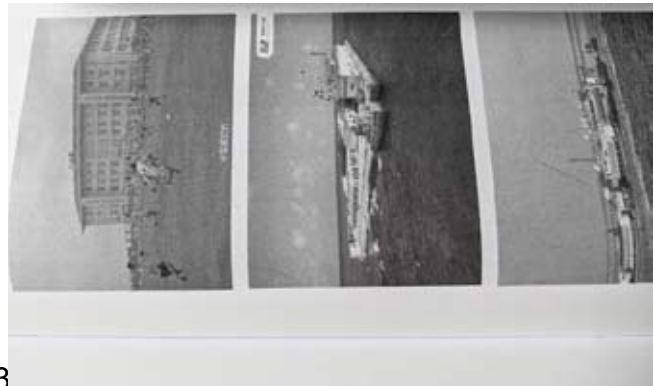
**Toàn cảnh căn cứ chính Chữ Thập**



**1) Bãi đậu và chiến đấu cơ. 2). Máy bay tiềm kích và nhà chứa trên đảo Vành Khăn**



**1) Nhà Thương, 2) Doanh Trại, và 3) các cơ sở khác**



3

1) Văn Phòng 4 tầng và Sân chơi banh cho quân trú phòng. 2). Hai cơ sở ngoài khơi



**Bộ phóng hoả tiền (94m x 116m), mục đích là bắn hạ vệ tinh của Mỹ nhằm tê liệt hoá hoạt động của Hàng Không Mẫu Hạm của Mỹ**

**Đây là vài “thành quả” mà Đảng CSVN tiếp tục dâng cho TC dù Hồ đã qua đời từ lâu, và ngày nay vẫn còn tiếp tục, vì TC đã viện trợ cho Hồ để thực hiện mục tiêu của Mao.**

**Tham chiếu & Trích dẫn: Nguyễn văn Canh, “Hồ sơ HS & TS và Chủ Quyền w Dân Tộc” ấn bản 8, UBBVSVTLT, 2017, các tra ng 197-227; 383-399.....**

Thành quả này chỉ phản ảnh các đóng góp của Hồ và Đảng Cộng Sản Việt nam những gì liên quan đến Công Hàm của Phạm văn Đồng ký năm 1958 về Biển Đông mà thôi. Còn những đóng góp khác có khi thì hai bên che dấu, và người ta chỉ nhận diện qua việc thi hành thực tế, có khi thì chính thức bằng các bản văn luật pháp

Đó là những chuyện nhượng lãnh thổ. Hơn thế nữa, gồm cả đến hoạt động đồng hóa dân Việt nữa..!.



## QUÊ HƯƠNG VÙNG LÊN



Dòng sông Tiên xuôi về biển cả  
Theo thời gian nuôi chí trở về  
Chốn cội nguồn vì đâu toi tả  
Dân âu lo than thở mọi bề.

Bầy sâu mọt mang cùm xã nghĩa  
Vốn tanh hôi hút máu dân lành  
Bọn báo cô tung hô chuyện phạ  
Ca tụng thời độc ác ô danh.

Mắt chim Quyên buồn lặng đại dương  
Nghe sóng vỗ nỗi đau lạ thường  
Bên kia biển Dân căm uất hận  
Sống kiếp người khốn khổ đau thương.

Biển bên này đồng tâm hiệp lực  
Dân làm Chủ lòng Dân nô nức  
Kết đoàn về xã hội đổi thay  
Xoá tan đi bao nỗi đắng cay,

Xây dựng lại non sông gấm vóc  
Lấy TÌNH NGƯỜI thu phục NHÂN TÂM  
Quyết chí cao sắt son tim óc  
Cùng một lòng diệt Cộng tham ô !

**THIÊN NHÂN**

# THỰC CHẤT CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM (1955 - 1975)



**PHẠM MẠNH TUẤN**

Cuộc chiến tại Việt Nam đã chấm dứt - trên mặt nổi - 48 năm rồi, nhưng đáng buồn thay, hình như nhiều người vẫn chưa nhận thức được đây là cuộc chiến gì?!

Chắc chắn đây **không phải là công cuộc giải phóng dân tộc** khỏi gông cùm đế quốc Mỹ như Việt cộng vẫn tuyên truyền. Ngày nay những tên Cộng sản dù cuồng tín đến đâu (vì bị tẩy não) hay cố chấp đến mấy (vì trót nghe những lời tuyên truyền bịa đặt) đã hy sinh nhiều trong cuộc chiến, cũng phải nhận chân một điều là miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa xâm lăng miền Nam Dân Chủ Tự Do chứ chẳng giải phóng giải phước gì hết. Bởi vì vào **năm 1975, so với miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa nghèo đói, miền Nam Dân Chủ Tự Do vượt trội trên mọi phương diện**. Từ nền kinh tế phồn thịnh, hệ thống chính trị dân chủ cởi mở, tổ chức y tế đại chúng, nền giáo dục tiên tiến, văn hóa văn nghệ nhân bản khai phóng,



Luật Khoa VN tại Bắc Cali. 2023



Cuộc chiến VN cũng **không hẳn là một cuộc nội chiến** (civil war). Vì “nội chiến” có nghĩa là trong nội bộ một quốc gia, như cuộc nội chiến Mỹ (1861–1865) (1), đang này đứng đằng sau - có khi còn đứng trước – hai miền Nam/Bắc VN là hai thế lực thuộc khối Cộng sản và Tư bản.

Hơn nữa, nếu là một cuộc nội chiến thì dù bên nào thắng, sau đó cũng sẽ đặt quyền lợi quốc gia dân tộc lên trên hết, để lo bù đắp vết thương chiến tranh, khôi phục đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh (như nước Đức sau khi thống nhất). Nhưng sau khi CS Bắc Việt chiếm được miền Nam, họ đã hành hạ dân miền Nam đủ điều, một cách vô cùng dã man trắng trợn:

- Từ việc tịch thu tài sản và những phương tiện sản xuất để chở về miền Bắc.
- Bắt tất cả quân cán chính miền Nam từ trung cấp trở lên phải đi tù cải tạo nhiều năm.
- Bần cùng hóa dân miền Nam qua 3 lần đổi tiền, đánh tư sản và lừa đi kinh tế mới.
- Bóp cổ dân miền Nam qua việc buộc phải vào hợp tác xã, ngăn sông cấm chợ đồng thời lập ra những đồn công an khắp nơi để thu tiền mồi lộ.

Việc CS Hà Nội đối xử với dân miền Nam khiến người ta liên tưởng đến cảnh Hoạn Thư hành hạ Thúy Kiều, được cụ Nguyễn Du mô tả. Cũng “*giết người không dao*”, cảnh “*Bắt khoan bắt nhặt đến lời/ Bắt quỳ tận mặt bắt mời tận tay*”.

Rõ ràng **Cuộc chiến VN là một cuộc chiến ý thức h** (Ideological War): Giữa cộng sản và tư bản, giữa độc tài và dân chủ, giữa chuyên chính và tự do. Cuộc chiến này thường được mệnh danh là “Chiến Tranh Lạnh” (the Cold War), thực ra đã bắt đầu ngay từ sau Thế Chiến Thứ II bằng cuộc phong tỏa Bá Linh (6/1948). Chiến Tranh Lạnh giống như nồi cháo lòng hay nồi cám heo luôn âm ỉ sôi. Có lúc nồi cháo này muốn trào ra như cuộc “Khủng hoảng Hỏa tiễn Cuba” (the Cubanssile Crisis) vào tháng 10, 1962. Có lúc sôi lên nổ lụp bụp một vài chỗ như hai cuộc chiến tại **Đại Hàn (1950-1953)** và **Việt Nam (1955-1975)**. (2)

Nhiều người trước đây từng phục vụ chế độ Cộng sản, nay đã tỉnh trí đứng vào hàng ngũ quốc gia nhưng vẫn còn cố chấp, cãi chày cãi cối rằng dù sao Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, ... cũng là những người yêu nước. - Thì cứ cho rằng những người này yêu nước đi, nhưng thực tế thì họ **yêu chủ nghĩa Cộng sản hơn yêu nước**, yêu bánh vẽ thế giới đại đồng hơn yêu dân tộc tổ quốc nhiều. Có muôn vàn bằng chứng làm sáng tỏ điều này, thí dụ:

- Người Cộng sản luôn treo cờ máu đỏ lòm – tượng trưng cho bạo lực cách mạng.

- Luôn tôn thờ và trưng hình những nhân vật như gã râu xồm (Karl Marx), râu dê (Lenin), mặt mẹt (Mao xénh xáng), ... thay vì vinh danh những anh hùng của dân tộc, những người đã có công dựng nước và giữ nước.

- Họ lấy biểu tượng búa liềm, lúc đầu Marx muốn ám chỉ giai cấp công nông, nhưng dưới thời “cải cách ruộng đất” từ bên Tàu rồi truyền sang miền Bắc VN, đội CCRĐ giải nghĩa: “liềm cắt cỏ cường hào, búa đập đầu địa chủ”, nhưng người dân lại cho rằng “liềm cắt cỏ đồng bào, búa đập đầu tổ quốc”!

Ông Hồ thì rõ ràng coi trách nhiệm làm

tay sai cho Đệ tam Quốc tế Cộng sản (Liên xô đứng đầu) là chính. Chẳng vậy mà trong **bản Di Chúc** (viết ngày 10 tháng 5, 1969), ông Hồ chỉ nghĩ đến việc gặp các tay tổ CS: “*Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác ...*” chứ ông ta có nói gì đến những anh hùng dân tộc như Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt, Quang Trung, ... đâu. Và đoạn khác: “*... VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI - là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, ...*”

Rồi bài thơ **Họ Hồ đề thơ tại đền Đức Thánh Trần** làm rất nhiều người Việt trong và ngoài nước phẫn nộ, trong đó có câu:

*... Bác đưa dân tộc qua nô lệ,  
Tôi dẫn năm châu đến đại đồng....*

Những câu thơ này đã bộc lộ chân tướng của một con chó đầu hung hăng, mang AK và lựu đạn đi xây dựng thế giới Cộng sản đại đồng theo lệnh Nga - Tàu của ông Hồ. (3)

Còn rất rất nhiều bằng chứng nói lên thân phận thực của ông Hồ. Nói đầu xa, chính **Lê Duẩn** người nói ngôi ông Hồ cũng công khai tuyên bố điều mà cả nước đều biết: **Ta đánh Mỹ nguy là đánh cho Liên xô, Trung Quốc!**

Tóm lại, cuộc chiến Việt Nam dĩ nhiên không phải là công cuộc giải phóng miền Nam của Cộng sản Bắc Việt, cũng không phải là cuộc nội chiến giữa hai miền Nam và Bắc Việt Nam mà là một cuộc xâm lăng miền Nam trắng trợn của Cộng sản miền Bắc để nhuộm đỏ cả nước.

Hoa Kỳ tham gia và hỗ trợ miền Nam vì “**Học thuyết Truman**” (the Truman Doctrine) hỗ trợ bất kỳ quốc gia nào cảm thấy bị chủ nghĩa cộng sản đe dọa và ngăn chặn sự lây lan của chủ nghĩa cộng sản. Đây cũng việc theo đuổi thuyết “**hiệu ứng Domino**” áp dụng cho hầu hết các chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, vì Mỹ đã từng sợ rằng nếu CS Bắc Việt chiếm được miền Nam thì không những Miên, Lào mà ngay cả Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Miến điện,



Phi Luật Tân cũng sẽ rơi vào móng vuốt Cộng sản!

Cho đến đầu thập niên 70 khi Hoa Kỳ khai thác được sự mâu thuẫn giữa hai nước đàn anh CS (Nga/Tàu), thỏa hiệp được với Trung Cộng (Nixon bắt tay Mao ngày 21 tháng 2, 1972 tại Bắc Kinh), được Tàu cộng hứa sẽ không cho phép Việt cộng tiến ra ngoài biên giới, lúc đó Mỹ đã vội vã ký Hiệp Định Paris để rút quân, ngừng viện trợ cho Nam VN, đi ngược lại lời hứa của TT Nixon ngày 14 tháng 11, 1972! (4)

Nỗi bất hạnh của dân tộc Việt Nam là trong cuộc chiến ý thức hệ giữa độc tài Cộng sản và Dân chủ Tự do, phe gian tà lại thắng thế! Hôm qua (29/4/2023) trong buổi lễ tưởng niệm ngày đau buồn của đất nước, tại Nguyễn đường Các Thánh Tử Đạo VN, San Jose, linh mục chánh xứ Lê Trung Tường đã ví von rằng phải chăng trong một đất nước toàn những người gù (Cộng sản) thì một ít người đứng thẳng (với tinh thần tự do dân chủ, dân tộc) sẽ bị coi là khuyết tật! Tuy vậy chúng tôi tin tưởng rằng tuyệt đại đa số người Việt trong và ngoài nước là những người đứng thẳng. Bây giờ một số người đang bị khuất phục (vì bạo lực - công an trị), một số đông khác đang “nín thở qua sông”, nhưng một ngày không xa người Việt khắp nơi, với tinh thần bất khuất, hun đúc bởi bốn ngàn năm dựng nước, sẽ đứng thẳng dậy, chỉ mặt những người CS và nói: “Các người là những tội đồ của dân tộc, những kẻ bán linh hồn cho loài quỷ dữ! Đã đến lúc phải trả lại đất nước yêu quý cho những người Việt chân chính chúng tôi.”

### Phạm Mạnh Tuấn

- viết nhân ngày đau buồn của đất nước  
30/4/2023

xxx

**(1) Cuộc nội chiến Mỹ (1861-1865):** Từ khi lập quốc (1776) người dân của những tiểu bang miền Nam và miền Bắc nước Mỹ đã tranh luận về ba vấn đề a) Các chính sách và thực tiễn kinh tế, các giá trị văn hóa. b) Vai trò và phạm vi hoạt động của chính phủ Liên bang.

c) Và quan trọng nhất là vai trò của chế độ nô lệ trong xã hội Mỹ. Cuối cùng 80 năm sau dẫn đến nội chiến.

**(2) Hai cuộc chiến Đại Hàn (1950-1953) và Việt Nam (1955-1975)** tuy đều là cuộc đối đầu giữa Tự do và Cộng sản, nhưng khác nhau ở điểm, trong chiến tranh Đại Hàn TT Mỹ Eisenhower quyết tâm giữ vững Nam Hàn bằng mọi giá, đã đuổi sạch hơn 1.200.000 quân Tàu chạy vất giò lên cỏ về nước sau khi đã diệt gọn hơn 500 ngàn tên. Trong khi tại chiến trường VN, năm 1975 chính quyền VNCH xin Hoa Kỳ viện trợ quân sự khẩn cấp có 300 triệu mà còn bị từ chối thì đánh đấm nổi gì!!

**(3)** Người Việt chân chính nào khi đọc bài thơ họ Hồ đề tại đền Đức Thánh Trần đều phẫn nộ. Không kể bản chất tay sai, họ Hồ còn “bác bác, tôi tôi” với một vị anh hùng dân tộc sống trước họ Hồ nhiều thế hệ. Ông Hồ có công trạng gì (chưa nói đến tội) mà dám tự coi mình ngang hàng với Đức Thái Sư Thượng Phụ Thượng Quốc Công Bình Bắc Đại Nguyên Soái Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn! Cái \_ này không phải là hỗn xược, láo lếu thì còn là gì?!

**(4)** Ngày 14 tháng 11, 1972. TT Nixon gửi cho TT Thiệu một lá thư trong đó nhấn mạnh: “Tôi nhắc lại lời đảm bảo của cá nhân tôi với ngài rằng Hoa Kỳ sẽ phản ứng rất mạnh mẽ và nhanh chóng đối với bất kỳ hành vi vi phạm thỏa hiệp nào.” (I repeat my personal assurances to you that the United States will react very strongly and rapidly to any violation of the agreement.) Đây đúng là lời hứa cuội chỉ để TT Thiệu yên tâm ký vào Hiệp Định, chứ nếu Hoa Kỳ giữ đúng lời hứa thì vào đầu mùa Xuân 1975, khi nhiều sư đoàn lính chính quy Bắc Việt khơi khơi di hành trên các quốc lộ miền Nam, chỉ vài chục phi tuần B-52 và hỏa lực của hải pháo từ Hạm đội 7 nã vào chắc chắn sẽ làm số quân này vơi đi quá nửa, rồi chỉ tội cho những thanh niên vô tội “sinh Bắc tử Nam”, nhưng chắc chắn kết quả cuộc chiến đã thay đổi./.

**PHẠM MẠNH TUẤN**

# NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA TỔNG THỐNG NGUYỄN VĂN THIỆU (1973-1975)

(Trích: CHIẾN TRANH QUỐC CỘNG TẠ VN: 1954-1975)



## GS LÊ ĐÌNH CAI

Sau khi hiệp định Ba Lê được ký kết ngày 27-01-73, vị thế của VNCH ngày càng suy yếu dần. Những khó khăn mà chính phủ Thiệu phải thường xuyên đối mặt xuất phát từ nhiều phía. CSBV đang chuẩn bị tấn công quân sự, Quốc Hội Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ và nhân dân miền Nam đang nổi dậy đòi lật đổ.

### 1.- Quyết tâm xâm lăng của CSBV:

Tài liệu của cộng sản ghi nhận: “Như vậy từ sau hiệp định Paris đến cuối năm 1973, với âm mưu và thủ đoạn chiến tranh của Mỹ ngụy ở miền Nam, không những chính quyền Thiệu vẫn tồn tại, quân đội Ngụy được tăng cường, bình định nông thôn được tiếp tục, hành quân càn quét lấn chiếm được đầy mạnh; mà địch còn có khả năng vô hiệu hóa hiệp định Paris, đẩy mạnh chiến tranh Mỹ tiếp tục thi hành chủ nghĩa thực dân mới”. Trước tình thế này, Bộ Chính Trị cho triệu tập hội tháng 5-1973 một hội nghị mở rộng gồm các vị như Trần Văn Trà, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc), Trần Nam Trung (Hai Hậu), Võ Văn Kiệt (Mười Khang), Võ Chí Công (Năm Công), Chu Huy Mẫn, Hoàng Minh Thảo.... để thảo luận tình hình và đề ra phương pháp hành động. Sau nhiều thời gian bàn cãi, đệ nhất Bí Thư Đảng



Lê Duẩn viết bản báo cáo và đính kèm dự thảo Nghị Quyết để đệ trình lên Hội Nghị Ban Chấp Hành Trung Ương lần thứ 21 được triệu tập vào tháng 7-1973. Nghị quyết 21 của Trung Ương Đảng (họp tháng 7-73) đã nêu lên quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976. Tài liệu ghi nhận trong tập “Tổng Kết Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước” do Bộ Chính Trị đảng cộng sản thực hiện có đoạn viết: “Trong hoàn cảnh trong nước và quốc tế lúc đó rất phức tạp, xong ta đã kịp thời xác định đúng con đường tiến lên của miền Nam là dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của Mỹ ngụy (nghị quyết 21-07-1973); nhạy bén phát hiện thời cơ chiến lược giải phóng miền Nam phù hợp với so sánh lực lượng trong nước và bối cảnh quốc tế lúc đó, hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác giải phóng miền Nam ngay trong hai



TT Nguyễn Văn Thiệu và TT Richard Nixon

năm (1975-1976). Nếu để chậm thì tình hình có thể sẽ rất phức tạp, nguy hiểm chưa thể lường hết được.”

Tuy thế, trong khoảng từ tháng 11-1973 đến 11-1974. Hà Nội chưa mở cuộc tổng tấn công miền Nam mà chỉ có những cuộc đột kích chiến lược, nghĩa là có những cuộc hành quân tuy mạnh nhưng cục bộ và chớp nhoáng, tức đánh rồi rút. Họ chỉ đánh đột kích để dò ý Hoa Kỳ. Những cuộc đột kích này thường nhắm vào việc phá hoại các phương tiện chuyển vận, các kho chứa dầu xăng, các hệ thống giao thông và công tác tranh giành thóc gạo.

Tướng Trần Văn Trà kể lại: “Còn một nội dung nữa của hoạt động mùa khô này (1973-74) của cả đôi bên là giành lúa. Ngày 24-8-73 Thiệu đã triệu tập ở Cần Thơ cái gọi là Hội nghị lúa gạo - Chỉ tiêu của chúng đề ra trong mùa khô này phải cướp cho được một triệu tấn lúa. Ngày 29-9-73 tướng Vĩnh Nghi, tư lệnh Vùng 4 Chiến Thuật, chỉ thị cho 16 tỉnh trưởng đồng bằng là đến cuối năm 1973, phải cướp và nộp lên trên 40 vạn tấn gạo (tương đương 1 triệu tấn lúa) - Ta (tức CS) phải kết hợp trừng trị địch với phá cho được kế hoạch cướp lúa này, bảo vệ tài sản cho dân và giành dự trữ cho ta. Không phải chỉ quân khu 8 và 9 (Tiền Hậu Giang) làm nhiệm vụ này mà cả quân khu 7 (miền Đông) và quân khu 6 (cực Nam Trung Bộ) cũng phải kết hợp. đánh trả và giành vụ mùa để có dự trữ lúa gạo tại chỗ.”

Vào ngày 6-11-73, chừng một sư đoàn

CSBV thực hiện cuộc đột kích đầu tiên và chiếm đoạt 3 đồn biên giới của VNCH ở Tây Bắc Sài Gòn. Tối hôm ấy, bộ đầu não của cộng sản ở Hà Nội hồi hộp lo lắng về cuộc trả đũa bằng B-52 của Hoa Kỳ có thể xảy ra. Nhưng tuyệt nhiên chẳng có phản ứng gì về phía Mỹ cả. Lại ngày hôm sau 7-11-73 Quốc Hội Mỹ lại biểu quyết đạo luật “War Power Act” nhằm ngăn cản quyền hành Tổng thống tự ý khởi phát chiến tranh. Với đạo luật “Bombing Prohibition” (cấm thả bom) biểu quyết ngày 20-06-1973 và luật “War Power Act” (về những quyền hạn chiến tranh) ngày 7-11-73, quả thật đã trói tay Tổng thống Hoa Kỳ trong các hành động trả đũa trên chiến trường Đông Dương. Điều này khích lệ rất nhiều đối với CSBV trong việc xử dụng vũ lực đến tiến chiếm toàn bộ miền Nam sau đó.

Trần Văn Trà cho biết là cuộc đột kích đầu tiên nhằm chiếm ba đồn biên giới ở Tây Bắc Sài Gòn gồm hai đồn tại Bù Bông và Tuy Đức thuộc tỉnh Quảng Đức và một đồn thuộc tỉnh Kiến Tường (tài liệu quân sự của VNCH gọi hai tiền đồn thuộc Quảng Đức đó là Bu Brong và Bu Brang) vào ngày 4-11-73. Rồi qua ngày 5 và 6-11-73 lại cho pháo kích vào sân bay Biên Hòa. Cũng theo nhận định của Trần Văn Trà thì những đột kích ấy có ý nghĩa chiến lược và “đồn Kiến Tường mở rộng hành lang nối đồng bằng Hậu Giang với miền Đông qua hướng Tây của tỉnh Tây Ninh; các đồn Bù Bông, Tuy Đức kết hợp bảo đảm hành lang nối liền với dãy trường sơn 559 (tức đường mòn Hồ Chí Minh), đồng thời cũng là hỗ trợ cho quân dân quân khu 6 đang bị địch (tức VNCH) lấn chiếm ở vùng Bình Thuận, Bình Tuy”.

Từ cuối năm 1973 đến đầu 1974, CSBV chưa tập trung đủ lực lượng để mở cuộc tiến quân, họ phải đợi sự tăng viện từ miền Bắc để thành lập các quân đoàn hầu chuẩn bị cho chiến dịch mà họ đặt tên là “chiến dịch Hồ Chí Minh” để “giải phóng” Sài Gòn. Năm 1973-75 miền Bắc đã tăng viện vào miền Nam 263.691 cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang. Hơn 30.000 cán bộ, chiến sĩ, công nhân, thanh niên xung phong đã tăng cường cho việc nâng cấp đường vận tải chiến lược mới, rộng 8 m, đi từ Tây Trường Sơn sang Đông Trường Sơn. Hàng vạn xe các



loại ngày đêm vận chuyển, nối liền Bắc hậu phương với các căn cứ ở khu 5, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Để chuẩn bị cho những chiến dịch quy mô nhằm “giải phóng miền Nam”, Hà Nội cho thành lập

gấp các quân đoàn chủ lực. Quân đoàn 1 được thành lập ngày 24-10-1973, gồm một số sư đoàn bộ binh và binh chủng hợp thành, đứng chân ở các tỉnh phía Bắc (tức Bắc Việt). Ngày 17-05-1974, thành lập quân đoàn 2 gồm một số đơn vị đang chiến đấu ở khu vực Trị Thiên. Ngày 20-07-1974 thành lập quân đoàn 4 gồm một số đơn vị đang chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ. Bộ đội chủ lực Tây Nguyên, sau khi đánh chiếm Ban Mê Thuột ngày 10-03-1975, thì ngày 17-03-1975 được tổ chức thành quân đoàn 3, sẽ tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh “giải phóng” Sài Gòn.

Riêng Richard Nixon cũng cho biết thêm: “Trong cùng thời gian ấy (từ Hè 1973 đến Xuân 1974), cộng sản đã cố gắng tột bực để tăng cường hệ thống hậu cần vào miền Nam. Họ thiết lập một chuỗi dài những giàn phóng hỏa tiễn SAM để phòng không. Nhiều bồn chứa xăng khổng lồ được xây cất trong các tỉnh Nam Việt là Quảng Trị và Thừa Thiên. Một đường đá và một đường ống dẫn dầu được tạo nên từ căn cứ họ ở mặt Nam khu phi chiến tới tổng hành dinh họ ở mặt Bắc Sài Gòn (đúng là Lộc Ninh). Chỉ có 12 tháng, Hà Nội đã tăng thêm 20.000 cây số cho hệ thống vận chuyển và giảm được 2 phần 3 thời giờ di chuyển bộ đội từ hậu cần BV vào tiền tuyến trong Nam, cách nhau chừng 2000 cây số. Quân lực BV tăng cường lên dữ dội, Hà Nội gửi vào Nam thêm 75.000 bộ đội, quân số lên thành chừng 170.000 người; số xe thiết giáp tăng gấp 5 thành ra 500 chiếc; trọng pháo từ 170 tăng thành 250 cỗ.”

Trong khi CSBV đang chuẩn bị kỹ cho một cuộc tổng tấn công dứt điểm thì TT Thiệu lại bị Quốc Hội Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ và lại còn gặp rất nhiều khó khăn trong chính trị nội bộ.

## 2.- Việc cắt giảm viện trợ của Hoa Kỳ:

Thi hành điều 5 của hiệp định Ba Lê (27-01-1973), cơ quan “The Military Assistance Command for Vietnam” (MACV) của tướng Weyand đã phải giải thể ngày 29-3-73, trao quyền lại cho Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH (đại tướng Cao Văn Viên). Hoa Kỳ chỉ còn lại tại VNCH là Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn với những cơ quan trực thuộc theo đúng các qui định ngoại giao, trong đó có một số các sĩ quan Hoa Kỳ với tư cách là tùy viên quân sự và nhiều tùy viên khác về văn hóa, kinh tế...., cộng thêm 5 tòa lãnh sự ở Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Biên Hòa và Cần Thơ. Theo ghi nhận của giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ thì: Tính đến cuối năm 1974, tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, theo thống kê chính thức có 2,270 nhân viên người Mỹ trong đó có 195 người thuộc văn phòng tòa đại sứ, còn thì làm việc với các cơ quan như:

1.- Sở Tùy Viên Quân Sự (Defense Attaché Office viết tắt là DAO) 2.- Cơ Quan Trung Ương Tình Báo (Central Intelligence Agency - CIA) 3.- Cơ Quan Phụ Tá Đặc Biệt Chiến Dịch (Special Assistance For Field Operation viết tắt là SAFFO) 4.- Sở Thông Tin Hoa Kỳ (United State Information Agency viết tắt là USIA) 5.- Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế (United State Agency for International Development viết tắt là USAID).

Ở trụ sở trung ương tòa đại sứ Hoa Kỳ có văn phòng Đại Sứ và các phòng chuyên môn như: Phòng Hành Chánh, Phòng Lãnh Sự, Phòng Chính Trị và Quân Chính và các Ban chuyên môn như Ban Bài Trừ Ma Túy, Ban Giao Liên, Ban Thương Mãi, v.v... Ngoài ra ở trụ sở trung ương này còn có văn phòng trung ương CIA và văn phòng trung ương SAFFO. Tòa đại sứ tại Sài Gòn điều khiển 5 tòa tổng lãnh sự và lãnh sự kể trên.

Graham Martin là vị đại sứ Hoa Kỳ

cuối cùng tại VNCH từ ngày 20-07-1973 cho đến ngày toàn bộ miền Nam sụp đổ. Căn cứ trên tài liệu của Frank Snepp, một chuyên gia hàng đầu của tinh báo Hoa Kỳ, trong “Decent Interval” - (sđd) mà giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ đã dẫn lại trong công trình biên khảo của ông “Những Ngày Cuối Cùng Của VNCH” (sđd, từ tr. 128 - 147), chúng tôi xin ghi lại những nét chính về 5 cơ quan nói trên như sau:

- Sở Tùy Viên Quân Sự DAO: DAO là cơ quan Hoa Kỳ có đông nhân viên nhất tại Việt Nam. Vào cuối năm 1974, cơ quan này có đến 50 sĩ quan, 800 nhân viên dân chính và trên 2.500 nhân viên dân sự khác làm việc với DAO với tư cách người của các nhà thầu. Ngoài ra cơ quan này còn mượn độ 3.800 nhân viên Việt Nam đủ các cấp. Trụ sở của cơ quan này đặt tại trụ sở Bộ Tư Lệnh Viện Trợ Quân Sự Hoa Kỳ tại Việt Nam (United State Military Assistance Command For Vietnam, viết tắt là MACV) ở gần phi trường Tân Sơn Nhất: trụ sở này thường được báo chí gọi là Ngũ Giác Đài Đông Phương. Đứng đầu cơ quan DAO là tướng Murray. DAO có cơ quan nằm rải rác khắp lãnh thổ VNCH và ở tất cả những nơi nào có quân đội VNCH trấn đóng, nhân viên DAO cũng hiện diện ở các đơn vị để trực tiếp giúp đỡ quân đội VNCH về việc tiếp liệu quân dụng, vũ khí, đạn dược, xăng nhớt, v.v... Họ trực tiếp điều hành việc bốc dỡ và chuyển đến các kho trước khi phân phối cho các đơn vị quân đội VNCH. Các chuyên viên của DAO cũng giúp quân đội VNCH về viễn thông, điều khiển các đài radar viễn liên ở Phú Lâm, Vũng Tàu, Côn Sơn, Tân Mỹ (Thừa Thiên), bảo trì, phát triển và tái tổ chức các hệ thống viễn thông trong quân đội. Ở các phi trường, các chuyên viên của DAO phụ trách việc bảo trì và sửa chữa các phần lực cơ, trực thăng và các phi cơ đủ loại, tiếp vận, vũ khí, đạn dược, v.v... Trong Hải Quân, các chuyên viên DAO cũng lo việc bảo trì, sửa chữa tàu bè và vũ khí. Chuyên viên Hoa Kỳ thường có mặt cả trên các chiến hạm của Hải Quân VNCH nữa. Vụ chuyên viên Hoa Kỳ ở trên chiến hạm Hải Quân VNCH đã xảy ra rắc rối khi có cuộc hải chiến giữa Hải Quân VNCH và Trung Cộng tại quần đảo Hoàng Sa

vào tháng 1 năm 1974. Lúc tàu VNCH bị bắn đắm, Trung Cộng bắt được một chuyên viên Hoa Kỳ tên là Eugene Kosh, nhân viên của tòa Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Đà Nẵng, Việt Cộng đem vụ này làm rùm beng lên, nói là Mỹ vẫn tham chiến tại miền Nam Việt Nam, tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn phải lên tiếng cải chính, nói là Kosh chỉ là một quan sát viên trên tàu trong một hải vụ huấn luyện thường lệ nhưng khi tàu được lệnh ra Hoàng Sa, Kosh không có phương tiện trở về nên bị mắc kẹt trên tàu. Trên thực tế thì các chuyên viên Hoa Kỳ nguy trang dưới hình thức các chuyên viên ngoại giao hay nhân viên các nhà thầu đều là các cựu sĩ quan được đặt ở các nơi để làm cố vấn cho quân đội VNCH đồng thời bắt buộc các đơn vị này phải làm theo ý của tòa Đại Sứ Hoa Kỳ kể cả việc mở các cuộc hành quân. Chính những chuyên viên này nắm giữ các kho vũ khí và quân dụng. Họ chỉ cung cấp các thứ trên khi nào quân đội VNCH làm theo ý của họ mà thôi.

- Cơ Quan Trung Ương Tình Báo (CIA): Từ giữa thập niên 1960, Cơ Quan Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa đã bành trướng lên đến 600 người gồm các chuyên viên kỹ thuật, phân tích viên, điệp viên, thư ký, v.v... cũng một số khá lớn người Việt Nam. Đây là cơ quan lớn nhất về nhân số của CIA tại ngoại quốc, chỉ đứng sau cơ sở trung ương tại Virginia mà thôi. Mục đích của CIA là bành trướng chính sách ngoại giao Hoa Kỳ bằng các phương tiện nguy trang hay bất hợp pháp đồng thời ngăn chặn sự bành trướng của địch, do đó tầm hoạt động của CIA rất rộng kể cả về phía địch và bạn. Trụ sở chính của CIA ở ngay 3 tầng trên cùng của tòa đại sứ Mỹ trên đại lộ Thống Nhất. Nhưng CIA còn nhiều cơ sở khác trong đó có khách sạn Le Duc trên đường Duy Tân, nằm sát bộ Ngoại Giao VNCH và dinh Độc Lập. Từ sau hiệp định Paris, trùm CIA là Tom Polgar. 2 Đễ theo dõi các hoạt động của chính phủ Nguyễn Văn Thiệu, CIA đã đặt các máy ghi âm tại các đường dây điện thoại liên lạc với phủ Tổng thống, phủ Thủ tướng và nhà các nhân vật quan trọng trong chính phủ VNCH. CIA cũng đặt các điệp viên tại các cơ quan trên để theo dõi những hoạt động của

chính phủ. Trong số những nhân vật tai to mặt lớn đã cộng tác với CIA có Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính Phủ, Đặng Văn Quang, cố vấn đặc trách An Ninh Quốc Phòng, Nguyễn Khắc Bình, tổng giám đốc Cảnh Sát Quốc Gia kiêm chỉ huy trưởng Trung Ương Tình Báo VNCH. Từ năm 1970, CIA đã cung cấp cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu một số tiền lớn dùng để vô hiệu hóa các phe đối lập. Số tiền này lên đến nhiều triệu đô la, do ông Hoàng Đức Nhã nắm và chi dùng. Sau này chính Hoàng Đức Nhã đã nói với Frank Snepp rằng số tiền này chỉ có một phần nhỏ được dùng trong mục đích trên còn phần lớn đã lọt vô tay các nhân vật trong chính quyền. Hoàng Đức Nhã không cho biết ông ta được bao nhiêu trong số tiền khổng lồ này. CIA cũng giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, kết nạp các nhân vật có thể lực với dân chúng Năm 1972, CIA đã kết nạp Trần Quốc Bửu, lãnh tụ Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam, làm cộng tác viên và dùng Bửu để buộc Tổng Liên Đoàn Lao Công trung thành với chính phủ, CIA còn dùng Tổng Liên Đoàn Lao Công để tung các tin tức có lợi cho Nguyễn Văn Thiệu vào hệ thống các Liên Đoàn Lao Công Thế Giới. CIA cũng dùng Trần Quốc Bửu để vận động các nghiệp đoàn công nhân Hoa Kỳ ủng hộ Nguyễn Văn Thiệu. Chính nhân viên CIA đã giúp Trần Quốc Bửu thảo các văn thư liên lạc với các lãnh tụ nghiệp đoàn trên. CIA cũng dùng mọi biện pháp như hối lộ, dọa dẫm để vô hiệu hóa các nhân vật chống chính quyền. Trường hợp dân biểu Trần Ngọc Châu là một trường hợp điển hình. (theo ghi nhận của GS Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, tr. 133 dựa trên tài liệu của Frank Snepp, "Decent Interval" sđd, tr. 14-15)

Về phía Việt cộng, CIA đã tìm cách móc nối với các nhân vật lớn của VC để họ cung cấp những tin tức cho cơ quan. Các nguồn tin này đã cung cấp cho CIA nhiều tin tình báo khá quan trọng. Chứng cứ là chỉ một hay hai tuần khi Trung Ương Bộ đảng Lao Động Việt Nam họp ở Hà Nội, ra quyết nghị số 21 và Trung Ương Cục Miền Nam ra quyết nghị số 12 về chiến lược chiến tranh tại miền Nam Việt Nam là CIA đã có ngay bản văn này. Các quyết nghị

này thường được Việt cộng giữ kín tối mật và chỉ các cán bộ cao cấp mới biết. Thế mà CIA có ngay thì đủ biết là CIA đã móc nối được với các nhân vật khá quan trọng của VC. Số người cộng tác với CIA như trên không biết là bao nhiêu nhưng Shackley đã thú nhận với Frank Snepp rằng có tới trên 100 nguồn tin Việt cộng mà các cơ quan đã móc nối trong thời gian ông tại chức là các nguồn tin lèo. Từ đó suy ra số nguồn tin Việt Cộng làm việc với CIA phải lớn hơn con số này nhiều lắm. Để vận động quần chúng cũng như thông tin với các điệp viên, CIA đã tổ chức nhiều đài phát thanh trong số có hai đài nói tiếng Căm Bốt và 3 đài nói tiếng Việt. 3 đài nói tiếng Việt là đài Tiếng Nói Miền Nam Nam Bộ, đài Gươm Thiêng Ái Quốc và đài Mẹ Việt Nam. Đài Tiếng Nói Miền Nam Nam Bộ giả làm một đài của Việt Cộng ở Miền Nam Nam Bộ ly khai với cộng sản Bắc Việt. Đài Gươm Thiêng Ái Quốc giả làm một đài của phe chống chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Đài Mẹ Việt Nam là đài nói thẳng ra miền Bắc nhờ một hệ thống khuếch đại đặt tại đèo Hải Vân, vì đài này chia thẳng ra miền Bắc nên chỉ nghe rõ từ Thừa Thiên, Quảng Trị trở ra mà thôi. Đài này bắt chước các đài địch vận Tokyo Rose của Nhật Bản và radio Berlin của Đức hồi đệ nhị thế chiến, có mục đích làm nản lòng các bộ đội Việt Cộng và nhân dân miền Bắc. CIA cũng yểm trợ cho các cơ quan khác của tòa đại sứ để giúp đỡ VNCH trong việc diệt trừ cộng sản.

- Cơ quan Phụ tá Đặc Biệt Đặc trách Chiến dịch (SAFFO). Cơ quan phụ tá đặc biệt đặc trách chiến dịch SAFFO (Special Assistant For Field Operations) hậu thân của cơ quan CORD. Sau khi ký hiệp định Paris, trên hình thức cơ quan CORD đã bị bãi bỏ nhưng thay vào đó tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn đã đặt ra cơ quan SAFFO để tiếp tục yểm trợ cho VNCH về phương diện phát triển và xây dựng nông thôn. Theo thống kê chính thức của tòa Đại Sứ thì tính đến tháng 10 năm 1974, SAFFO có 134 nhân viên người Mỹ làm việc tại văn phòng Trung Ương đặt tại tòa Đại Sứ trên đại lộ Thống Nhất. Ngoài ra SAFFO cũng có nhân viên làm việc ở các tòa tổng lãnh sự, lãnh sự và các tỉnh, các quận. Số nhân viên Việt Nam làm việc với

SAFFO lên đến 1.122 người nghĩa là đông hơn số nhân viên Việt Nam của CIA, DAO. Người chỉ huy SAFFO là George Jacobson, cố vấn đặc biệt của Đại Sứ, nhân vật số 2 của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Jacobson đã trên 60 tuổi, làm việc với 4 vị đại sứ liên tiếp trên 15 năm với tư cách chuyên viên về bình định. Vì ở Việt Nam lâu như thế nên ông quen biết rất nhiều tướng lãnh và các nhân vật dân sự trong cũng như ngoài chính quyền VNCH.

- Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ là một cơ quan phụ trách việc viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho VNCH. Phạm vi của cơ quan việc viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho VNCH. Phạm vi của cơ quan này rất lớn, bao gồm cả các ngành như giáo dục, canh nông, giao thông, công chánh, kinh tế, tài chính, v.v... Theo thống kê chính thức thì đến tháng 10 năm 1974, cơ quan này có 977 nhân viên người Mỹ chính thức và độ 2000 nhân viên người Mỹ khác làm việc với cơ quan qua 72 nhà thầu để giúp đỡ VNCH về kỹ thuật. Ngoài ra cơ quan này còn mướn 924 nhân viên Việt Nam. Phần lớn các nhân viên này đều phải làm việc tại trụ sở chính của cơ quan ở Sài Gòn, còn lại làm việc ở các địa phương. USAID có mặt tại các cơ quan trung ương cũng như địa phương của chính quyền VNCH giống như các cố vấn trong các đơn vị quân đội vậy.

- Sở Thông Tin Hoa Kỳ (USIA) Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ USIA hay còn gọi là Sở Thông Tin Hoa Kỳ (United States Information Service, viết tắt là USIS) là cơ quan phổ biến đường lối và chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Cơ quan này đặt trụ sở tại đường Lê Quý Đôn cùng với Phòng Thông Tin Hoa Kỳ nhưng cũng có nhiều chi nhánh tại các thành phố có tổng lãnh sự hay lãnh sự. Cơ quan này xử dụng đến hơn 200 nhân viên người Hoa Kỳ và người Việt Nam. Cơ quan này do ông Allan Carter điều khiển. Ông này không được lòng đại sứ Martin. Nhìn chung, ngành hành pháp Hoa Kỳ từ Tổng thống Nixon đến vị đại sứ Martin, tướng Murray (DAO), Polgar (CIA) đều hết lòng vận động Quốc Hội Hoa Kỳ viện trợ dồi dào cho VNCH để đủ sức tự vệ chống lại sự

xâm lăng của CSBV. Nhưng lưỡng viện Quốc Hội Mỹ mà đa số là đảng Dân Chủ thì đang ủng hộ phong trào phản chiến Mỹ, lại đang lên án Nixon về vụ Watergate, mà lại không ràng buộc gì về hiệp định Ba Lê (không có sự phê chuẩn của Thượng Viện như đã trình bày), nên đã thẳng thừng cắt giảm viện trợ quân sự trong các tài khóa 1973-74 và 1974-75. Ông Nguyễn Phú Đức cho biết viện trợ quân sự của Hoa Kỳ giành cho VNCH tài khóa 1972-73 là 1614 triệu đô la, qua tài khóa 1973-74 còn 1026 (nghĩa là mất gần 600 triệu) và đến tài khóa 1974-75 chỉ còn 1000 triệu, nhưng ngày 11-08-1974 Hạ Viện lại quyết định chỉ còn ban cấp cho VNCH là 700 triệu đô la mà thôi. Trong khi đó, viện trợ quân sự của Nga Sô cho Hà Nội về vũ khí và dụng cụ chiến tranh thì tăng gấp đôi năm 1973 là 2.8 triệu tấn và năm 1974 lên 3.5 triệu tấn, trị giá 1.700 triệu đô la). Ngoài số viện trợ sút giảm, xin nhắc lại một số quyết định khác từ phía Quốc Hội Hoa Kỳ dưới áp lực của phong trào phản chiến trong nước trước đó như:

- Ngày 24-06-70, Quốc Hội thâu hồi bản quyết nghị Vịnh Bắc Việt ngày 7-8-1964 (bản Quyết Nghị nhằm cho phép TT Johnson trả đũa Bắc Việt về vụ tấn công khu trục hạm Maddox ở Vịnh Bắc Việt).

- Ngày 30-06-70 Quốc Hội cấm quân đội Mỹ không được hành quân qua Cao Miên kể từ 30-06-1970.

- Tháng 12-1970: thông qua đạo luật Cooper-Church cấm dùng quân đội Mỹ ra ngoài lãnh thổ Nam Việt.

- Ngày 20-06-1973, Quốc Hội thông qua luật cấm ném bom trên lãnh thổ Cao Miên và cấm chỉ việc xử dụng ngân sách quốc gia cho mọi hoạt động chiến tranh của quân lực Mỹ, trực tiếp hay gián tiếp, trên các nước Cao Miên, Ai Lao, Bắc Việt và Nam Việt (như đã có lần nhắc đến ở phần trên).

- Ngày 7-11-1973: thông qua luật về những quyền hạn chiến tranh (War Power Act) quy định rằng: "Tổng thống sẽ phải hỏi ý kiến Quốc Hội trước khi cho quân lực Mỹ tham gia một cuộc chiến tranh võ trang; sau khi đã hỏi ý kiến, Tổng thống có thể can thiệp trong kỳ hạn 60 ngày, rồi có thể thêm 30 ngày nữa nếu ông

xác nhận bằng văn thư rằng đó là cần thiết cho sự an ninh của quân đội tham chiến; hết hạn ấy, nếu Quốc Hội không tuyên chiến thì quân lính Mỹ sẽ bắt buộc phải hồi hương”. Trước tình trạng viện trợ ngày càng bị Quốc Hội Hoa Kỳ cắt giảm Thiệu cùng các cố vấn nghĩ ra mưu kế rút lui khỏi đồn Tống Lê Chân, nhưng đổ cho Việt Cộng đã dùng chiến thuật biển người để tràn ngập đồn ấy. Làm vậy, họ hy vọng là Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ cứu xét gia tăng viện trợ quân sự trở lại. Tống Lê Chân là một tiền đồn của VNCH, nằm gần biên giới Việt-Miên, ở phía tây nam quận lỵ An Lộc, tỉnh Bình Long. Đồn Tống Lê Chân là Việt hóa con sông nhỏ (Tonlé Chàm chảy qua đó). Đồn này có 200 binh sĩ Biệt Động Quân trú đóng, đã bị VC vây hãm từ hơn một năm rồi (411 ngày), phải tiếp tế bằng trực thăng hay thả dù. Đồn không phải là một vị trí quan yếu, nhưng vì trước đây ông Thiệu chủ trương không nhượng đất cho VC nên đã ra lệnh phải giữ đồn với bất cứ giá nào. Vậy nay bộ Tổng Tham Mưu (Cao Văn Viên) đánh điện tín cho đồn Tống Lê Chân biết việc rút lui. Đêm hôm 11-4-74 toàn thể binh sĩ bèn rút khỏi đồn, mang theo 62 thương binh, chạy vào rừng và tìm đường về vùng VNCH kiểm soát. Ngày 12-4-1974 báo chí và đài phát thanh tung tin VC đã tràn ngập đồn. Đại sứ Martin biết là giả tạo, nhưng phụ họa để dựa vào đó mà xin Quốc Hội tái xét vấn đề viện trợ. Đại sứ Martin liên lạc với Kissinger (Bộ Ngoại Giao) và Schlesinger (Bộ Quốc Phòng) để vận động Quốc Hội Hoa Kỳ tái xét ngân sách viện trợ cho Việt Nam với ngân khoản 1.45 tỷ đô.

TT Thiệu cũng sai đại tướng Cao Văn Viên và bộ trưởng Nguyễn Tiến Hưng đi Hoa Kỳ để vận động thêm. Riêng Hưng được chỉ thị cố vận động cho được sự thông cảm của TNS Kennedy, người lãnh đạo phong trào cắt giảm viện trợ Việt Nam. Nhưng Kennedy thì nhất mực cho rằng viện trợ quân sự đã được dùng để kéo dài cuộc chiến và “nếu không đặt trọng tâm vào việc thi hành những mục tiêu chính trị của thỏa ước ngưng chiến (có nghĩa là thành lập Hội Đồng Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc và tổ chức tổng tuyển cử dưới sự giám sát quốc tế) thì mục đích của những món tiền chi tiêu

không lờ ở Việt Nam không phải là để... cứu nạn nhân chiến tranh, hay kiến thiết xứ sở mà chỉ để chính phủ Thiệu kéo dài chiến tranh”.

Thấy khó khăn trong việc thuyết phục TNS Kennedy đổi ý và sau khi nghe lời trình bày của Eric Von Marbod, phụ tá tổng trưởng Quốc Phòng về An Ninh Quốc Tế: “Tôi rất buồn phải nói thật với anh (tức Nguyễn Tiến Hưng) rằng quân viện năm nay (1974) cho VNCH thực sự chỉ có 625 triệu; và có thể chỉ có 500 triệu chứ không phải hơn 1 tỷ như đã được loan báo và như VNCH tưởng” (24), Hưng về ngay Sài Gòn và báo cáo tình hình lên cho Thiệu. Và Nguyễn Tiến Hưng kể tiếp: “Thiệu lặng thinh và suy tư. Ông mím môi, chấp tay sau lưng, và bước ra khỏi phòng, thung thủng đi về phía căn lầu riêng của gia đình ông, cặp mắt mờ hồ, lơ đãng. Còn lại một mình trong phòng Tình Hình, Hưng nhìn quanh và thấy trên bàn có tập hồ sơ đồ có hình ông Thiệu. Tò mò mở ra xem, Hưng thấy đó là tài liệu phân tích các mức độ quân viện do tướng Murray soạn và bộ Tổng Tham Mưu trình lên. Có bốn mức độ quân viện tương đương với 4 giới tuyến hay khả năng phòng thủ của quân đội VNCH. Nếu mức độ quân viện là 1.4 tỷ thì có thể giữ được tất cả những khu đông dân cư của cả bốn Vùng Chiến Thuật. Nếu 1.1 tỷ thì Vùng I phải bỏ. Nếu 900 triệu thì khó lòng giữ được Vùng I và Vùng II hoặc khó đương đầu với cuộc tổng tấn công của CSBV. Nếu 750 triệu thì chỉ phòng thủ được một vài khu vực chọn lọc và khó lòng điều đình với CSBV được. Nếu quân viện dưới 600 triệu thì chính phủ VNCH chỉ còn giữ được Sài Gòn và miền châu thổ sông Cửu Long. Đó là 4 tuyến phòng thủ tương đương với mức độ quân viện. Murray kết luận rằng: “Ta có thể ví sự cắt quân viện này như mất tài sản vậy”.

Rồi ông đưa ra nhận xét: “Ngoài việc cắt viện trợ, Quốc Hội Hoa Kỳ còn tiếp tục có những hành động làm nao núng cho miền Nam bằng cách đặt rất nhiều giới hạn trong việc sử dụng viện trợ kinh tế. Dưới áp lực nặng nề của những nhóm phản chiến dẫn đầu bởi nhóm Indochina Resource Center (Trung Tâm Tài Nguyên Đông Dương). Quốc Hội ban hành lệnh cấm luôn cả việc sử dụng ngân khoản



viện trợ để trả lương lính. Điều này có tác dụng nặng nề đến tinh thần quân đội vì ở Việt Nam, binh sĩ phải dùng một phần lương để trả tiền nuôi ăn. Trước kia, 75 phần trăm sự thiếu hụt ngân sách được tài trợ bằng quỹ đổi giá do các dịch vụ nhập cảng cung ứng. Quỹ đổi giá là một ngân khoản bằng đồng bạc Việt Nam thu hồi được khi bán đồ nhập cảng do viện trợ Mỹ tài trợ. Đến nay, không những viện trợ đã bị cắt giảm, mà quỹ đổi giá lại không còn được dùng vào chi tiêu quốc phòng nữa. Chính phủ phải nhờ đến các viên chức Hoa Kỳ ở Sài Gòn để áp dụng một cách lỏng lẻo và linh động đạo luật trên: thuế khóa trong nước thì dùng cho quốc phòng, còn ngân quỹ nhập cảng thì dùng cho các trường mục khác. Đến mùa Hè, Quốc Hội Hoa Kỳ lại thắt chặt thêm: không cho dùng tiền trong quỹ đổi giá để trả lương cho cảnh sát quốc gia nữa. Ngoài ra, viện trợ thực phẩm không còn tính cách cho không nữa mà sẽ là cho vay dài hạn. Tất cả những hành động thắt cổ này, chính phủ không muốn phổ biến rộng rãi vì ngại ảnh hưởng tới tinh thần binh sĩ và cũng như khích lệ cho cộng sản. Thế rồi, ngày 11 tháng 7, 1974, TNS Kennedy lại đòi cắt thêm viện trợ kinh tế 50% nữa, từ 943 triệu xuống 475 triệu.

Ngày 9-8-74, TT Nixon phải từ chức để tránh khỏi bị đàn hạch (impeachment) về vụ Watergate. Chủ tịch Hạ Viện Gerald R. Ford lên thay thế và ông này đã viết ngay một bức thư động viên Thiệu (ngày 10-08-74): “Tôi biết rằng ông rất ưu phiền về những bước đầu của Quốc Hội đối với tài khóa hiện hành về việc viện trợ của kinh tế lẫn quân sự cho VNCH. Thủ tục luật pháp của chúng tôi rất phức tạp và chưa hoàn tất đâu. Mặc dầu sẽ còn phải chờ đợi ít lâu, song tôi muốn trấn an ông rằng tôi tin tưởng là sau chót sự ủng hộ của chúng tôi sẽ thích nghi cho cả hai vấn đề.” Ông Thiệu cảm thấy phấn khởi và biên thư nồng nhiệt cảm tạ TT Ford. Nhưng vài ngày sau, Quốc Hội đã biểu quyết chỉ viện trợ cho VNCH 700 triệu đô về quân sự và 400 triệu đô về kinh tế mà thôi. Hậu quả của việc Quốc Hội Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ đã dẫn đến tình trạng quân đội VNCH mất hẳn tính lưu động và hỏa lực mạnh (nhận

xét của Richard Nixon) và khiến toàn thể quân đội bị tê liệt và tinh thần hoang mang giao động (nhận xét của Frank Snepp) như hai đoạn văn trích dẫn sau đây: Trong “No More Vietnams”, Richard Nixon kể lại: “Hồi tháng Giêng năm 1973 khối đạn dược của VNCH là 170.000 tấn thì đến tháng 5-74 sụt xuống chỉ còn có 121.000 tấn, mặc dầu đã hết sức tiết kiệm: Tháng 4-74 số trái phá cho các khẩu howitzer 105 ly, một vũ khí quan trọng, chỉ đủ 52 ngày chiến đấu, và nhanh hơn thế nếu chiến trận trở nên kịch liệt thêm. Chừng 35% xe tăng, 50% thiết xa và phi cơ vì thiếu đồ phụ tùng nên phải nằm ụ. Các vật dụng cần thiết như lốp bánh xe, bình điện, súng M-16 đều sụt xuống dưới mức an toàn, cho nên chỉ có 55% xe quân sự là hoạt động được. Như vậy là quân đội Nam Việt đã mất hẳn tính chất lưu động và hỏa lực mạnh. Là chìa khóa cuộc chiến thắng hồi tấn công 1972 của CSBV. Thương binh VNCH không nhận được đủ thuốc men chữa chạy như khí cụ sang máu, nước biển, băng quấn - nên chết nhiều hơn. Thuốc trừ sốt nóng lạnh thiếu hụt. Từ tháng 3 đến tháng 5-1974, số lượng thuốc men đã sụt xuống từ 24.000 tấn xuống 8.000 tấn”.

Frank Snepp lại cho biết thêm: “Từ đầu tháng 2-1974, tướng Murray nhất định rằng mình có bổn phận phải báo động cho các tướng Nam Việt (Cao Văn Viên và Đồng Văn Khuyên) hay biết chuyện cắt giảm viện trợ và khuyên họ phải tiết kiệm đạn dược xăng nhớt. Các tướng Nam Việt bèn hạn chế một cách quá đáng và mù quáng việc cấp phát xăng đạn cho cả 4 quân khu, đồng đều nhau, bất chấp rằng nhu cầu chiến sự của quân khu này có thể khác với quân khu kia. Thành ra toàn thể quân đội bị tê liệt.” Tỷ dụ như một toán lính tuần tiểu trước kia được phát 10 lựu đạn thì nay chỉ được lãnh một trái. Các tiền đồn hẻo lánh khi bị tấn công chỉ được bắn 2 hay 3 trái phá. Mọi phát pháo thị uy đều bị cấm chỉ. Tinh thần binh sĩ vì thế mà hoang mang suy kém.... Thêm vào đó, nền kinh tế toàn quốc bị khủng hoảng, vật giá tăng 50% trong khi lương anh lính chỉ được tăng có 25%. Như tài liệu của Nguyễn Tiến Hưng cho biết, viện trợ càng bị giảm thì vùng đất đai mà

VNCH chiếm đóng sẽ phải thu hẹp lại. Trong chiều hướng này đại sứ Martin đã đề nghị với Kissinger rằng nên thương lượng với Bắc Việt việc “phân tuyến” hẳn hoi giữa hai miền bằng một ranh giới rõ rệt ở một vĩ tuyến nào đó: quân đội BV và MTGP sẽ tập kết về bên kia vĩ tuyến ấy (chứ không duy trì tình trạng đóng quân da beo như hiện nay). Kissinger đồng ý.

Hoàng Cơ Thụy đã căn cứ trên tài liệu của Frank Snepp, của Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L. Scheter để đúc kết lại về cuộc vận động cho giải pháp “phân tuyến” này như sau: Ngày 20-12-1973 Kissinger và Martin bay đi Paris gặp Lê Đức Thọ trong hai ngày để thương lượng việc phân tuyến. Trong cuộc thảo luận, Kissinger nại rằng hiện thời chiến sự đã đến điểm chết (au point mort) bởi vì VNCH đã mạnh lắm, còn VC thì không giành được thêm đất đai; vậy tốt hơn là điều đình. Kissinger sẽ buộc VNCH phải thỏa thuận chuyển thành lập cái Hội Đồng Hòa Hợp và Hòa Giải Dân Tộc. Sẽ giành cho MTGP một vai trò chính trị trong tương lai. Và sẽ phân tuyến ở dưới quân khu 2, ngoại trừ một vài vùng đặc biệt như ở Huế và Đà Nẵng. Như vậy là VNCH sẽ chỉ còn giữ lại quân khu 3 và quân khu 4 nhưng mà được một mình một cõi. Lê Đức Thọ chỉ nghe nhưng không nhận điều gì cả. Thực sự là hồi ấy Hội Nghị Đảng ở Hà Nội đã ra nghị quyết số 21 quyết định đánh chứ không điều đình. Nhưng Martin vẫn chưa chịu thua. Ông cho rằng việc phân tuyến là một nhu cầu hợp lý, khi tiền viện trợ đã bị cắt. Với sự chấp thuận của Kissinger và Nixon, một mặt ông ép Nguyễn Văn Thiệu thành lập HĐHH và HGDT, cùng chấp nhận việc phân tuyến; mặt khác, ông gửi một điệp văn cho chính phủ Hà Nội - qua trung gian ông Polgar của CIA và đại sứ Ba Lan và Hung Gia Lợi trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát - đề nghị lần nữa với BV chuyển phân tuyến. Ông Thiệu cũng thấy rằng viện trợ Mỹ bị cắt giảm sẽ buộc ông phải giảm số quân đội hiện hữu là 1 triệu 1 trăm ngàn người, vậy sẽ phải cắt bỏ chừng phân nửa phần lãnh thổ ở phía Bắc cho cộng sản. Hơn nữa, cả hai tướng Trần Thiện Khiêm (Thủ tướng) và Cao Văn Viên (tổng tham mưu trưởng) được Martin “thuyết phục” nên đều

khuyến ông Thiệu việc rút khỏi hai vùng chiến thuật 1 và 2. Hoàng Đức Nhã được lệnh nghiên cứu một kế hoạch để di tản độ 3 triệu dân từ hai vùng ấy vào vùng 3 và 4. Nguyễn Tiến Hưng tự động nghiên cứu những hậu quả kinh tế cuộc cắt đất, kết luận rằng: - Trong số 6 triệu dân của 2 vùng đó, chắc có chừng 2 triệu sẽ di cư vào Nam, vậy chỉ mất 4 triệu; -2 triệu dân di cư sẽ có thể cho định cư dễ dàng trong 1 triệu sào đất màu mỡ của đồng bằng sông Cửu Long; - Cả phần lớn của vùng 1 và 2 đều là đất nghèo, chỉ có chăn nuôi và rừng rú; v.v..

Ông Thiệu bèn đề yên cho đại sứ Martin làm ngoại giao, qua trung gian của hai phái đoàn Ba Lan và Hung Gia Lợi trong UHQTKS. Tướng cộng sản Trần Văn Trà trong “Kết Thúc Chiến Tranh 30 Năm” kể lại rằng: “... Ngụy quyền Thiệu, cũng như các giới nghiên cứu chiến lược Mỹ đã từng nghiên cứu 3 phương án phân vùng để làm cơ sở đấu tranh ở bàn hội nghị Paris.

1.- Phân vùng bằng cách cắt ngang Miền Nam Việt Nam theo vĩ tuyến, phía Bắc vĩ tuyến ấy là vùng VC (chính phủ CMLT/CHMNVN), phía Nam là vùng ngụy quyền Thiệu.

2.- Chia dọc theo chiều dài miền Nam VN, trên vùng núi - dọc theo biên giới Lào và Campuchia, ít dân, nghèo về kinh tế, đường sá giao thông không thuận tiện, là vùng “việt Cộng”, vùng dọc theo biển, giàu có đông dân, thuận lợi mọi mặt là vùng ngụy quyền của Thiệu.

3.- Ngưng bắn tại chỗ ai ở đâu đứng đó và thành vùng kiểm soát xen kẽ hai bên. “Trong ba phương án ấy, nguy sợ nhất là phương án 3, vùng xen kẽ da beo, vì chúng cho như vậy sẽ không thể ngưng bắn, nguy hiểm cho chúng, vì rất nhiều khả năng nhân dân sẽ nổi dậy chống và tiêu diệt chúng. Vùng chúng không hoàn chỉnh sẽ rất khó xây dựng kinh tế, khó cai trị hữu hiệu, v.v... Chúng thích nhất là chia dọc theo phương án 2, Vì chia như vậy hoàn toàn có lợi cho chúng. Chúng nghĩ không bao lâu với sự giúp đỡ và viện trợ của Mỹ, chúng sẽ giàu mạnh, nắm nhiều dân và sẽ đi đến tiêu diệt chính phủ CMLT và độc chiếm miền Nam VN...” Vậy là đại sứ Martin đã đề

ngợi với CSBV việc phân tuyến theo phương án 1, nghĩa là phân tuyến ngang, vẫn có lợi cho VNCH. Nhưng không được, bởi vì Hà Nội đã có nghị quyết số 21 từ tháng 10-73, quyết tâm chiếm hẳn miền Nam để thống nhất đất nước dưới quyền độc tôn của đảng, nhiên hậu đảng mới có thể áp đặt xã hội chủ nghĩa lên đầu cổ toàn dân Việt Nam. CSBV không thể chấp nhận một thỏa hiệp nhân nhượng nào, nhất là khi họ xét thấy đã nắm được “thời cơ chiến lược”.

Tài liệu của Học Viện Quân Sự Cao Cấp Hà Nội kể lại: “Đầu tháng 10-1974, Bộ Chính Trị thấy rằng “đã thúc đẩy thời cơ chiến lược chín mùi” bởi vì “đã tạo nên yếu tố chiến lược quan trọng” là:

1.-Ta đã giữ vững và phát triển mạnh mẽ thế chủ động chiến lược.

2.- Mỹ đã ngày càng gặp khó khăn trong nước chúng và trên thế giới, nên phải giảm bớt chi viện cho “ngụy” mà còn khó có khả năng nhảy vào lại miền Nam.

3.- Ta đã giúp cách mạng Lào và cách mạng Campuchia thắng lợi. 4.- Tại miền Nam, trong các đô thị, đã có phong trào đòi hòa bình dân sinh, dân chủ, độc lập dân tộc, đòi lật đổ Thiệu.

Trước tình trạng cắt giảm viện trợ của Hoa Kỳ, TT Thiệu mới tìm cách vận động sự viện trợ của Pháp và một số nước Châu Phi như Maroc, Cote d' Ivoire, Saudi Arabia, Cộng Hòa Trung Phi của Bokassa (ông này có nhờ VNCH tìm lại đứa con gái lai Việt của ông trong thời gian tham gia quân đội Pháp tại Việt Nam), nhưng kết quả không đạt được bao nhiêu (xin xem chi tiết trong Nguyễn Trân “Công Và Tội”, sđd, tr. 703 và Nguyễn Tiến Hưng “The Palace File”, sđd, tr. 206; 306, 312, 314).

### **3.- Sự chống đối của nhân dân miền Nam**

Sau khi hiệp định Ba Lê được ký kết ngày 27-1-1973, quân Mỹ đã hoàn toàn rút khỏi miền Nam, TT Thiệu mặc dù lo lắng về mặt quân sự nhưng cảm thấy ít bị Hoa Kỳ dòm ngó hơn. Bây giờ được nắm toàn quyền cả về quân sự và chính trị nên ông Thiệu đã trở thành độc đoán. Mặc dù Hiến Pháp VNCH thời Đệ II có lưỡng viện Quốc Hội, song phần lớn các nghị

sĩ, dân biểu đều bị ông Thiệu mua chuộc (qua trung gian là Nguyễn Cao Thăng, rồi sau là Nguyễn Văn Ngân), nên nhiều đạo luật nhằm củng cố chế độ độc đoán của ông Thiệu được thông qua như luật 007 nhằm bóp nghẹt báo chí (ngày 4-4-72); luật 060 qui định về hoạt động của các đảng phái chính trị (ngày 16-5-73). Luật sư Nguyễn Văn Huyền đã từ chức chủ tịch Thượng Viện, và luôn cả chức vụ nghị sĩ để phản đối việc làm sai trái này của ông Thiệu. Nạn tham nhũng dưới thời TT Thiệu, nhất là sau hiệp định Ba Lê, đã hoành hoành khủng khiếp đến nỗi mà phong trào chống tham nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh phải xuất hiện để hòng cứu vãn tình thế. Giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ trong công trình biên khảo “Những Ngày Cuối Cùng Của VNCH” đã dành 28 trang (từ 37 đến 65) để kể rõ tên tuổi cùng những âm mưu thủ đoạn để làm tiền của những nhân vật này trong giai đoạn cầm quyền, từ việc mua quan bán tước, đến việc chiếm hữu đất đai nhà cửa, đầu cơ phân bón, buôn bán bạch phiến, đầu cơ gạo miền Trung, v.v... Theo giáo sư Ngữ, thì tập đoàn tham nhũng của Nguyễn Văn Thiệu được quy vào 5 nhóm chính như sau: Nhóm thứ nhất là gia đình Nguyễn Văn Thiệu, đủ ba họ nội, ngoại và vợ. Nhóm thứ hai là Đặng Văn Quang nắm quyền về an ninh và quân đội. Nhóm thứ ba, Nguyễn Văn Ngân kiểm soát Quốc Hội và các nhóm chính trị. Nhóm thứ tư do Hoàng Đức Nhã cầm đầu, kiểm soát báo chí, thông tin, tuyên truyền... Nhóm thứ năm do Trần Thiện Khiêm cầm đầu, kiểm soát về hành chánh và chuyên môn. Tất nhiên đứng đầu số chính là Nguyễn Văn Thiệu và gia đình. Với những sai lầm về nhiều mặt như vậy, TT Thiệu ngay sau hiệp định Ba Lê đã phải đối phó với những cuộc chống đối mạnh mẽ xuất phát từ các đảng phái chính trị, tôn giáo và giới báo chí trong nước.

- Chống đối từ các đảng phái quốc gia: Ông Nguyễn Văn Hương theo chỉ thị của TT Thiệu thành lập một tổ chức chính trị để đối lại với Mặt Trận Cứu Nguy Dân Tộc của Trần Văn Đôn sau vụ Mậu Thân, mang tên là Lực Lượng Tự Do Dân Chủ (ngày 20- 03-69). Đến khi hiệp định Ba Lê ra đời, để phòng hồ

có cuộc bầu cử ấn định theo điều 12 của hiệp định, ông Thiệu cho đổi tên Mặt Trận của ông thành đảng Dân Chủ. Ngày 17-02-73, Nguyễn Văn Thiệu đã mời tất cả các đảng phái quốc gia họp ở dinh Độc Lập để cùng tìm một công thức thực hiện sự đoàn kết và hòa hợp quốc gia để có thể đối phó với VC trong cuộc đấu tranh chính trị sắp tới. Mặt trận này tập hợp được 7 đảng phái và 2 phòng trào trong đó có đảng Dân Chủ là đảng của Nguyễn Văn Thiệu mới thành lập trước đó được ít ngày. Chủ tịch đoàn của Mặt Trận này phần lớn là các dân biểu, nghị sĩ và nghị viên hội đồng Đô Thành và hàng tinh thân chính phủ. Tất nhiên mặt trận này không được sự hưởng ứng của các phe đối lập như Ân Quang, Dương Văn Minh, Trần Văn Tuyên và Nguyễn Cao Kỳ. Song cũng như tất cả các tổ chức của nhà nước khác, sau khi hội họp, ăn uống linh đình, hoan hô ủng hộ nhà nước xong, ai về nhà nấy thế là hết. Nguyễn Văn Thiệu vội vàng tổ chức đảng Dân Chủ và làm lễ ra mắt công chúng một cách trọng thể vào tháng 3 năm 1973. Chủ tịch đoàn cũng như cố vấn đoàn của đảng này có Trần Thiện Khiêm, 2 cố vấn đặc biệt của Phủ Tổng thống, chủ tịch Hạ Viện, 4 tổng trưởng cùng nhiều nghị sĩ, dân biểu thân chính. Các tỉnh trưởng, quận trưởng, các dân biểu, nghị sĩ và các nghị viên hội đồng hàng tinh thân chính đều có mặt trong các tỉnh bộ của đảng này. Nguyễn Văn Thiệu cũng ra lệnh cho các đàn em mời các nhân vật có uy tín ở thủ đô cũng như các tỉnh vào đảng nhưng phần lớn họ đã từ chối. Cuối cùng ở trong đảng Dân Chủ chỉ có phần lớn là các quân nhân công chức không thể từ chối lời mời của thượng cấp mà thôi.

Để gây thêm thế lực, Nguyễn Văn Thiệu đã móc nối với dư đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng của Ngô Đình Diệm cũ, ông đã giúp tiền bạc để họ tổ chức lễ truy điệu anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Người đứng ra lo vụ này chính là Ngô Khắc Tĩnh, tổng trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên và cũng là bà con thân tín của Nguyễn Văn Thiệu. Nguyễn Văn Ngân, phụ tá của ông Thiệu được ủy thác nhiệm vụ bành trướng tổ chức Đảng trên toàn quốc. Các tỉnh

trưởng, thị trưởng mà đa số là sĩ quan phải liên lạc trực tiếp với ông phụ tá để lãnh tiền trong quỹ mật của Tổng thống đem về thành lập tỉnh bộ, thị bộ nhưng phần lớn chỉ tổ chức được bề ngoài chứ không có thực chất gì cả. Nguyễn Tiến Hưng, một trong những người được Ngân kết nạp vào đảng Dân Chủ đã kể lại: “Ngân tin tưởng rằng đảng Dân Chủ sẽ nắm vai trò quan trọng trong việc xây dựng một lớp cán bộ mới. Ngân giải thích với Hưng “Miền Nam Việt Nam cần một tổ chức chính trị mạnh mẽ để đương đầu với cộng sản Bắc Việt. Dân Chủ Hoa Kỳ là một khái niệm mù mờ chẳng ai hiểu được cả. Ta phải xây dựng đảng Dân Chủ để truyền bá tư tưởng và định chế dân chủ một cách bình dân, mong quần chúng có thể thông hiểu được.” Thấy Ngân tha thiết, Hưng phát biểu: “Tôi đồng ý với anh. Từ lâu, tôi vẫn nghĩ rằng phải Việt Nam hóa nền dân chủ.” Phải trả lại quyền hành cho dân chúng, bằng cách là đầy mạnh ý tưởng “phép vua thua lệ làng”. Ta có thể xây dựng dân chủ bằng cách đặt nặng việc dân chúng tham gia vào chính trị ở cấp làng, xã và phải làm cả hai mặt: vừa chống cộng, vừa xây dựng dân chủ; vì nếu chống cộng không thôi thì không hữu hiệu; người miền Nam không có kinh nghiệm cay đắng về cộng sản như người miền Bắc, nên không nhìn thấy hiểm họa cộng sản như mình chiêu phóng”. Ngân thuyết phục “Anh là một giáo sư và lý thuyết gia tốt. Anh nên tham gia”. Rồi sau đó, “... Ngân yêu cầu Hưng khai vào phiếu gia nhập đảng. Ngân cho biết hiện giờ ông Thiệu đang bận và không được vui, nhưng cũng cố gắng dàn xếp buổi lễ chấp nhận Hưng gia nhập đảng Dân Chủ”. Ngân đưa Hưng vào văn phòng ông Thiệu. Cờ Đảng nền vàng ngôi sao Đỏ, cắm sau bàn giấy đã sẵn sàng cho buổi lễ. Thấy Hưng, Thiệu xin lỗi đã không thể gặp anh sớm hơn được. Hưng lấy làm lạ: trước khi hội kiến với Thiệu, anh đã phải ký giấy gia nhập Đảng. Rõ ràng anh đã được tuyển dụng không phải chỉ là một chuyên viên kỹ thuật mà thôi. Ngân yêu cầu Hưng đứng nghiêm và bắt đầu trình trọng lên tiếng: “Kính thưa ông chủ tịch, tôi xin bắt đầu buổi lễ tuyên thệ”. Hưng đứng thẳng người; Ngân với giọng nói trang nghiêm: “Kính thưa ông chủ tịch, tôi

xin trân trọng giới thiệu đồng chí Nguyễn Tiến Hưng, xin gia nhập Đảng”. Thiệu yêu cầu Hưng tuyên đọc lời thề trung thành với quốc gia và Đảng và triệt để chống Cộng, Hưng chấp nhận. Thiệu nói: “Tôi chính thức chấp nhận đồng chí gia nhập Đảng”.

Một mặt tìm cách củng cố đảng Dân Chủ, mặt khác TT Thiệu tìm cách loại bỏ các đảng phái đối lập. Đầu năm 1973, ông Thiệu ra lệnh cho Bộ Nội Vụ nghiên cứu một dự luật về đảng phái để chuyển qua Quốc Hội biểu quyết. Luật 060 qui định về điều kiện hoạt động của các đảng phái được thông qua ngày 16-05-73. Theo đó, các đảng phái muốn được hợp thức hóa phải nộp danh sách các đảng viên cùng ban lãnh đạo từ trung ương đến địa phương. Số đảng viên và số chi bộ phải trên số qui định của nhà nước. Như vậy, trong thực tế chỉ có đảng Dân Chủ của ông Thiệu và ba đảng thân chính quyền là được hợp thức hóa (trong số này có Phong trào Quốc gia Cấp Tiến của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy). Các đảng lớn và có thành tích đấu tranh với cộng sản lâu năm như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng đã không nộp danh sách để hợp thức hóa vì nguyên tắc bí mật của đảng và quyết định tiếp tục con đường đấu tranh chống cộng nhưng hoàn toàn không ủng hộ Nguyễn Văn Thiệu.

Khi tình thế đất nước nguy ngập vào cuối tháng 3-1975, một số lãnh đạo tôn giáo và các đảng phái mới tìm cách thành lập một tổ chức lấy tên “Trận Tuyến Nhân Dân Cách Mạng Tranh Thủ Hòa Bình” gồm Phan Bá Cầm (Hòa Hảo), Trần Quang Vinh (Cao Đài), linh mục Trần Ngọc Hiệu (Công Giáo), thượng tọa Pháp Tri (Phật Giáo), các cụ Ngô Văn Ký, Nguyễn Văn Lực (VNQDĐ), linh mục Trần Hữu Thanh (PT Nhân Dân Chống Tham Nhũng). Mặt Trận kêu gọi TT Thiệu và “các phe liên hệ” chấm dứt chiến tranh, giải quyết vấn đề bằng phương pháp hòa bình để dân chúng yên ổn làm ăn. Trước đây vào ngày 8-9-1974, “Phong Trào Nhân Dân Chống Tham Nhũng” của linh mục Thanh đã ra bản cáo trạng số 1 lên án Nguyễn Văn Thiệu với 6 tội danh liên quan đến nhà cửa, đất đai, đầu cơ phân bón, mờ

ám trong việc xây bệnh viện Vì Dân, buôn lậu bạch phiến, vụ đầu cơ gạo miền Trung (nguyên văn cáo trạng số 1, xin xem Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, tr. 41, 42) Ngày 1-2-1975, PTNDCTN của linh mục Thanh lại cho công bố bản cáo trạng số 2, tố Nguyễn Văn Thiệu thêm một số tội danh khác trong đó có tội đã cấu kết với CIA để bán miền Nam cho Mỹ và cho cộng sản. Bản cáo trạng số 2 này cũng tố cáo các cộng sự đắc lực của ông Nguyễn Văn Thiệu như Đặng Văn Quang, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Khắc Bình và Trang Sĩ Tấn đã làm giàu nhờ tham nhũng và thối nát. Ngày 26-03-75, tướng Nguyễn Cao Kỳ thành lập “Ủy Ban Hành Động Cứu Nước” gồm những thành phần quân sự, dân sự cũng như các đảng phái quốc gia, các tôn giáo. Ủy ban bầu linh mục Trần Hữu Thanh làm chủ tịch.

Mọi người tin tưởng rằng ông Kỳ có đủ hậu thuẫn trong giới quân sự để tổ chức đảo chánh bằng võ lực. Đêm 26 rạng ngày 27-3, ông Thiệu cho bắt giam các nhà đối lập là Trần Thúc Linh (thẩm phán), Đinh Từ Thức (bút hiệu Sứ Mây), Nguyễn Hữu Dương, và một số chính trị gia khác như Thái Lăng Nghiêm, Nguyễn Văn Chúc, Phạm Nam Sách, Nguyễn Thành Vinh, cựu nghị sĩ Hoàng Xuân Tựu cũng có tên bị bắt giam nhưng ông đã trốn vào xứ đạo Tân Sa Châu (Chí Hòa) nên thoát được. TT Thiệu chưa dám bắt Nguyễn Cao Kỳ và linh mục Trần Hữu Thanh.

Ngày 1-4-75, lực lượng “Luật Sư Tranh Đấu” ra đời đòi thả các luật sư và thẩm phán như luật sư Nguyễn Văn Chúc, luật sư Phạm Nam Sách, thẩm phán Trần Thúc Linh... Đầu tháng 4-75, Kỳ móc nối với Lê Minh Đảo, tư lệnh sư đoàn 18 ở Xuân Lộc đề nghị đảo chánh Thiệu. Nhưng Đảo từ chối với lý do đang đối đầu với cộng sản. Ngày 2-4 Kỳ liên lạc với Cao Văn Viên, Viên đi gặp Trần Thiện Khiêm, Khiêm đi hỏi Polgar (trùm CIA ở Sài Gòn), ông này trả lời: “Lúc này Hoa Kỳ không ủng hộ phe hiếu chiến như Nguyễn Cao Kỳ. Nếu có thì Hoa Kỳ sẽ ủng hộ những nhóm ôn hòa hay trung lập, để họ có thể điều đình với Việt cộng”. Thế là cuộc đảo chánh dự định bất thành. Trưa ngày 3-4-75, Trần Thiện Khiêm đệ đơn từ chức. Thiệu

chấp thuận ngay vì nghi Khiêm có liên lạc với nhóm đảo chánh của Nguyễn Cao Kỳ .

#### **4.- Chống đối từ phía các tôn giáo**

- Hòa Hảo là một tổ chức tôn giáo ở miền Tây hoàn toàn chống lại cộng sản kể từ khi đức thầy Huỳnh Phú Sổ bị sát hại năm 1947. Nơi nào Phật giáo Hòa Hảo phát triển là nơi đó Việt cộng không thể hoạt động được. Sau hiệp định Ba Lê (1973), các lãnh tụ Hòa Hảo vẫn tiếp tục chủ trương chống Cộng quyết liệt. Tháng 6-1974 khi chiến tranh tái phát, Hòa Hảo bèn cho thành lập một “Tổng Đoàn Bảo An” gồm 50.000 người để tự phòng vệ. Nhưng đến tháng 1-1975, ông Thiệu cho quân đội đến giải tán lực lượng đó, bắt giam 4291 người, tịch thu gần 1000 khẩu súng, 12 máy truyền tin và 6 xe jeep; gây nên 3 người chết và vài chục người bị thương tại các vùng An Giang, Long Xuyên, Sa Đéc, Châu Đốc. Dân Hòa Hảo nổi lên chống chính phủ, cả đàn bà cũng mang gậy gộc đi biểu tình, rồi chặt ngón tay gửi lên cho TT Thiệu.

Riêng Cao Đài, theo ông Đỗ Mậu cho biết thì sau khi có hiệp định Ba Lê, “Cao Đài chủ trương trung lập, độc lập, đứng ngoài cuộc tranh chấp Quốc-Cộng, tuyên bố biến khu vực Tòa Thánh Tây Ninh thành khu phi chiến, yêu cầu các phe liên hệ (tức VNCH và MTGPMN) tôn trọng hiệp ước Ba Lê và bảo đảm an toàn cho dân chúng tỵ nạn tại Tòa Thánh Thất...”.

Phật Giáo Ấn Quang đã chống đối Nguyễn Văn Thiệu từ lâu, tiếp tục làm mạnh. Họ thành lập “Lực Lượng Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc” do giáo sư Vũ Văn Mẫu cầm đầu và đã đưa ra lời kêu gọi:

1.- Các phe lâm chiến tôn trọng triệt để điều 11 của hiệp định Ba Lê, tránh mọi hành động trả thù và đối xử phân biệt với các cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia, bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của nhân dân, nhất là tự do đi lại, cư trú và sinh sống.

2.- Các ban chấp hành địa phương của lực lượng tiếp tục giúp đỡ đồng bào nạn nhân chiến cuộc với danh nghĩa chiến sĩ hòa bình dân tộc. Phật Giáo Việt Nam Quốc Tự, từ trước

đến nay vẫn ủng hộ nhà nước, cũng đã đổi chiều. Thượng tọa Thích Tâm Châu đã lên tiếng yêu cầu TT Thiệu từ chức vì quyền lợi quốc gia. Về phía Công Giáo thì từ trước đã có các nhóm đối diện của linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, nhóm Thanh Lao Công của linh mục Trương Bá Cần đã tích cực chống đối Nguyễn Văn Thiệu từ lâu. Nhưng đến nay những người ôn hòa như đức tổng giám mục Nguyễn Văn Bình cuối cùng cũng phải lên tiếng yêu cầu TT Thiệu từ chức.

Ngoài ra còn có thể kể: Mặt trận Nhân dân Cứu đói do đại đức Thích Hiền Pháp và linh mục Phan Khắc Từ thành lập, núp bóng dưới một cơ quan xã hội để hoạt động chống Nguyễn Văn Thiệu. Ủy ban bảo vệ quyền lợi công nhân do linh mục Phan Khắc Từ và một số cán bộ nghiệp đoàn tổ chức. Ở đây chúng tôi xin nói thêm về “Phong trào Nhân dân chống Tham nhũng” của linh mục Trần Hữu Thanh. Theo lời kể của ông Nguyễn Trân trong “Công và Tội” thì chính ông Trân đã thảo tuyên ngôn rồi đi xin chữ ký của các linh mục trên toàn quốc. Sau 45 ngày, ông Trân xin được 301 chữ ký. Ngày 18-6-74, ông Trân và linh mục Trần Hữu Thanh mở cuộc họp báo tại nhà xứ Tân Sa Châu ở Chí Hòa của linh mục Nguyễn Đức Thịnh để công bố “Tuyên Ngôn Chống Tham Nhũng, Bất Công và Tệ Đaoan Xã Hội” của hàng linh mục Việt nam. Sau đó, hai ông đến yết kiến đức Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình ở Sài Gòn để xin ủng hộ nhưng đức cha trả lời rằng đã có Thư Chung và Tuyên Ngôn của Hội Đồng Giám Mục, không đợi phải ủng hộ hay giới thiệu gì nữa, “không có sự ủng hộ dẫu là mặc nhiên của tòa Tổng Giám Mục thì giáo dân có tinh thần kỷ luật không tự động đứng lên được”. Vì thế phong trào không phát động mạnh được; mặt khác, Phật Giáo Ấn Quang lại không chịu tham gia. Luật sư Nguyễn Văn Chức trong “Việt Nam Chính Sử” đã ghi nhận: “Ngày 8--9- 1974, Phong Trào Nhân Dân Chống Tham Nhũng ra cáo trạng lên án ông Thiệu về những tội đại hình, như chiếm đoạt tài sản quốc gia, đầu cơ phân bón, buôn lậu bạch phiến và làm lũng đoạn nền kinh tế quốc gia. Ba tuần sau 1-10-74, ông Thiệu lên đài truyền hình chửi lại

là “có ít xít ra nhiều”. Dù sao đây cũng là một lời thú tội của người được gọi là nguyên thủ quốc gia”.

- Chống đối từ phía báo chí Đạo luật 007 về báo chí được thông qua ngày 4-4-72 sau vụ tấn công “Mùa Hè Đỏ Lửa” năm 1972 của CSBV nhằm xiết chặt báo chí và loại bỏ các tờ báo đối lập. Hồi năm 1973-74 ở Sài Gòn có 14 tờ nhật báo: - 3 tờ thân chính là: Dân Chủ (12.000 tờ mỗi ngày); Tiền Tuyến (10.000 tờ); Quật Cường (8.000 tờ). - 3 tờ trung dung là Tin Sáng, Đông Phương, Độc Lập. - 8 tờ đối lập là: Điện Tín (40.000 tờ xu hướng Ấn Quang); Đại Dân Tộc (35.000 tờ), Sóng Thần (30.000 tờ); Chính Luận (25.000); Công Luận (20.000), Trắng Đen (20.000); Hòa Bình (18.000), Bút Thép (18.000). Ba tờ Chính Luận, Sóng Thần và nhất là Hòa Bình có xu hướng Công Giáo, chống cả Thiệu lẫn cộng sản. Hoàng Đức Nhã tổng cục Dân Vận đã tịch thu và đưa ra tòa phạt vạ hai tờ Hòa Bình, Điện Tín; đóng cửa 5 tờ báo khác và 18 ký giả bị bắt giam vì buộc tội hoạt động cho cộng sản. (44) Ngày 10-10-1974, các ký giả (chừng 300 người) đã biểu tình trước Quốc Hội, gọi là “Ngày ký giả đi ăn mày” nhằm chống lại đạo luật 007 ngày 4-4-72 đàn áp báo chí của TT Thiệu. Theo đạo luật này, mỗi tờ báo phải đóng tiền bảo đảm từ 10 triệu đồng (tuần báo), đến 20 triệu đồng (nhật báo); chính phủ lại được phép đóng cửa báo chí sau khi xâm phạm lần thứ hai các điều mà họ gọi là “vi phạm an ninh và trật tự công cộng”. Các báo vi phạm sẽ bị đưa ra tòa án quân sự mặt trận và những người có trách nhiệm có thể bị tù hay bị phạt vạ từ 1 đến 5 triệu đồng. “Ngày ký giả đi ăn mày” đã thực sự gây được tiếng vang lớn không những ở trong nước mà còn được dư luận thế giới đồng tình ủng hộ (nhờ sự loan tải của giới truyền thông quốc tế).

Vị thế của TT Thiệu ngày càng xấu đi và sự ủng hộ của các đảng phái chính trị và tôn giáo ngày càng sút giảm. Trong khi đó, CSBV đã chuẩn bị chín muồi cho một cuộc tổng tấn công quân sự Đông Xuân../.

**LÊ ĐÌNH CAI**

## **CỔ THÀNH QUĂNG TRỊ**



Đài tử sĩ vươn cao ngọn lửa  
Tưởng niệm người chiến sĩ vong thân  
Vi Tổ Quốc còn chi hơn nữa  
Hy sinh đời giữ nước cho Dân.

Ta nhớ mãi Cổ Thành Quảng Trị  
Thảm cỏ xanh rộng trải lời thề  
Súng đạn nổ vui chôn tử sĩ  
Tháng năm qua đất cát yên bề

Ta thấy thành xưa bao thế hệ  
Giữa hào sâu tường gạch vây quanh  
Những toà cao cổ kính quyền uy  
Của một thời hùng anh Nam Tiến.

Thật có chăng giải phóng miền Nam  
Hay tham lam mưu cầu toàn trị  
Xua bao chàng thanh niên trai tráng  
Vào chiến trường bỏ xác oan khiêng ?

Buồn thương bạn cũ tuổi mộng mơ  
Vi đại nghĩa sá chi thân xác  
Vượt tường lửa phong ba bảo táp  
Dựng ngọn cờ Dân Chủ Tự Do !

Giận bọn người vong nô bán nước  
Phận tôi đòi nô lệ Bắc phương  
Giận lũ người tham danh quan tước  
Kiếp ngựa thồ tuân thủ cầm cương.

**THIÊN NHÂN LÊ TRUNG HIẾU**

# THÁNG BẢY, NGHĨ GÌ LÀM GÌ ?



**PHẠM QUANG TRÌNH**

Tháng 7 năm 1954, có ba biến cố lớn đã xảy ra tại Việt Nam:

Một: Ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh ngày 7-7-1954 theo lời mời của Quốc Trưởng Bảo Đại.

Hai: Hiệp định Genève được ký kết ngày 20-7-1954 chia đôi Việt Nam làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới: (01) Miền Bắc Cộng Sản do Hồ Chí Minh thống trị và (02) Miền Nam Quốc Gia do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo, đã ủy nhiệm toàn quyền cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm.

Ba: Cuộc di cư vĩ đại với gần một triệu đồng bào từ Bắc vào Nam.

Khi chấp nhận lời mời của Quốc Trưởng Bảo Đại về VN đảm nhiệm vai trò Thủ Tướng, ông Ngô Đình Diệm đã phải đương đầu với tình hình thật vô cùng khó khăn và nguy hiểm. Chính giới tỏ ra bi quan, kể cả Hoa Kỳ tiên đoán là Nội Các Ngô Đình Diệm khó lòng qua khỏi được thời gian 6 tháng.

Ông Ngô Đình Diệm khi đảm nhiệm vai trò Thủ Tướng, hậu thuẫn chưa được nhiều. Quân đội Quốc Gia là lực lượng chính của chính phủ trấn đóng rải rác suốt từ miền Trung vào miền Nam. Lớp khác từ Miền Bắc đang phải gìn giữ an ninh đồng thời đang phải di



*TT Ngô Đình Diệm dự lễ Quốc Khánh*

chuyển về Miền Nam. Nội các mới thành lập gồm nhiều thành phần chưa nhất trí. Nhiều tổ chức chính trị xuất hiện do sự xúi giục của thực dân Pháp, đưa yêu sách đòi hỏi đủ điều vì không được chấp thuận liền công khai chống đối.

Ngay tại Miền Nam, ngoài quân đội Quốc Gia, còn ba giáo phái hùng cứ mỗi giáo phái một phương với quân đội riêng: Cao Đài đóng tại Tây Ninh, Bình Dương (Miền Đông); Hòa Hảo đóng tại Miền Tây (Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc) và Bình Xuyên đóng tại Sài Gòn, Cần Giờ, Bà Rịa, Vũng Tàu. Ngoài ra Bình Xuyên còn nắm toàn bộ Công An đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn, làm chủ sòng bài Kim Chung, Đại Thế Giới một tổ chức kinh tài nổi tiếng.

Trước tình trạng sứ quân tại Miền Nam, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã kêu gọi các giáo phái về hợp tác với chính phủ để thống nhất Lực Lượng Quốc Gia nhằm đối phó với âm mưu xâm lăng của Cộng Sản. Nhờ sự khôn khéo, dũng cảm và quyết tâm, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, chỉ trong thời gian chưa đầy một năm trời, đã ổn định được tình hình, thống nhất lực lượng Quốc Gia, thành lập chế độ Cộng Hòa đem lại độc lập, tự do, hòa bình, no ấm





### TT Eisenhower đón TT Diệm tại phi trường

cho dân chúng Miền Nam.

Trong 9 năm cầm quyền, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã làm cho Miền Nam bộ mặt mới, tạo được uy tín và ảnh hưởng lớn lao trên trường quốc tế. Nhưng một Miền Nam Quốc Gia an bình, thịnh vượng là một mối nguy cho Cộng sản Bắc Việt, nên Hồ Chí Minh và đồng bọn với sự hỗ trợ lớn lao của Nga Tàu đã thực hiện âm mưu xâm lăng Miền Nam qua cái gọi là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, một công cụ bù nhìn của Hà Nội. Chính phủ VNCH dưới sự lãnh đạo của TT Ngô Đình Diệm liền đề ra Quốc sách Ấp Chiến Lược để tiêu diệt Cộng sản. Công cuộc xây dựng Ấp Chiến Lược đang tiến hành tốt đẹp thì xảy ra cuộc đảo chánh 1.11.1963 do chính quyền thực dân Kennedy muốn đem quân vào Miền Nam không được VNCH chấp thuận, liền mua chuộc bọn phản tướng lật đổ chính phủ, sát hại TT Ngô Đình Diệm và CV Ngô Đình Nhu biến Miền Nam thành vũng lầy không lối thoát. Ngày 30-04-1975 Cộng sản Bắc Việt xua quân tấn chiếm Miền Nam là kết quả đương nhiên của cuộc đảo chánh 1-11-1963 biến cả nước thành nhà tù vĩ đại trong lịch sử Dân tộc.

Cộng Sản Bắc Việt nói gì về cái chết của TT Ngô Đình Diệm?

Khi được tin TT Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Hồ Chí Minh nói với ký giả Cộng sản danh tiếng, Wilfrid Burchett: *"Tôi không thể ngờ rằng*

*tại Mỹ ngu đến thế"*.

Võ Nguyên Giáp và những đồng chí của ông gặp McNamara ở Hà Nội tháng 11-1995, nói rằng: *"Chính sách Kennedy ở Việt Nam sai lầm hết chỗ nói. Ngô Đình Diệm là một người có tinh thần quốc gia, không khi nào ông chịu để cho người Mỹ dành quyền điều khiển chiến tranh, và sự người Mỹ dành quyền đã đưa người Mỹ đến thất bại đắt giá."*

Và đài phát thanh Hà Nội: *"Do sự lật đổ Ngô Đình Diệm và em ông là Ngô Đình Nhu, tụi đế quốc Mỹ đã tự mình hủy diệt những cơ sở chính trị mà họ đã mất biết bao nhiêu năm để xây dựng"*

Tổng Thống Hoa Kỳ Lyndon B. Johnson nói về cuộc đảo chánh

Ngày 1 tháng 2, 1966, Tổng Thống Johnson đã gọi điện thoại cho Thượng Nghị Sĩ Eugene McCarthy để tiết lộ về việc chính quyền Kennedy (lúc đó ông Johnson là Phó Tổng Thống) và liên minh cánh tả của TT Kennedy ở Thượng Viện đã ủng hộ việc ông ta đi vào cuộc chiến Việt Nam, nhưng lại không ủng hộ ông trong việc tiếp tục cuộc chiến đó. Ông nhắc lại chuyện chính quyền Kennedy đã tổ chức truất phế ông Diệm để có thể tham chiến ở Việt Nam:

*"They started on me with Diem. He was corrupt and he ought to be killed. So we killed him. We all got together and got a goddamn bunch of thugs and assassinated him. Now, we've really had no political stability in South Vietnam since then."*

*(Lúc đầu họ nói với tôi về Tổng thống Diệm. Ông ta tham nhũng và ông ta phải bị giết! Vithế, chúng ta đã giết ông ta. Tất cả chúng ta đã họp lại với nhau và sử dụng một bọn côn đồ đáng nguyên rủa để hạ sát ông ta năm 1963. Bây giờ chúng ta không có sự ổn định chính trị ở miền Nam Việt Nam từ lúc đó.)*

*"Việc giết ông Diệm là một trong các thảm kịch lớn nhất của thời đại chúng ta"* - Tổng Thống Lyndon Johnson nói với báo chí ngày nhận chức thay Tổng Thống Kennedy bị ám sát. (Viet Nam Crisis, trang 133)

Và các nhân vật trên thế giới nhận định:

Nghe tin tổng thống Ngô Đình Diệm bị giết, Tổng thống Trung Hoa Quốc Gia Tưởng Giới Thạch thương tiếc nói rằng: *“Người Mỹ có trách nhiệm nặng nề về vụ ám sát xấu xa này, Trung Hoa Dân Quốc mất đi một đồng chí tâm đầu ý hợp... Tôi khâm phục ông Diệm, Ông xứng đáng là một lãnh tụ lớn của Á Châu. Việt Nam phải 100 năm sau may ra mới có một Ngô Đình Diệm thứ hai..”*

Tổng thống Hồi Quốc (Pakistan), Ayub Khan, đã nói với Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon:

*Cuộc thăm sát Tổng thống Ngô Đình Diệm đã khiến các lãnh tụ Á Châu chúng tôi rút ra được một bài học khá chua chát: Đồng Minh với Mỹ thật nguy hiểm! Có lợi hơn nên đứng thế trung lập. Và có lẽ hữu ích hơn nữa khi là kẻ thù của Hoa Kỳ.*

Trên nhật báo *Công Luận* số đặc biệt ngày 1-11-1970 Trần Văn Đôn, một trong những tên phản bội đã lên tiếng thú nhận qua bài “Những cơ hội đã mất”.

*“...Những người của ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã thành công trong đảo chính, nhưng đã thất bại trong việc cầm quyền. Bị đặt trước những nhiệm vụ mới và lớn lao, lại không có kinh nghiệm cầm quyền, họ bị tình thế xô đẩy và tràn ngập trong các vấn đề phải giải quyết. Ngày 1 tháng 11 năm 1963 rút lại chỉ còn là một ngày đảo chính mở ra một giai đoạn lịch sử đầy hỗn loạn với bao nhiêu là bấp bênh: hết chỉnh lý lại đến đảo chính, quyền hành chuyển từ tay nọ qua tay kia và xã hội càng ngày càng thiếu ổn định. Trong khi đó thì Cộng sản không ngừng phát triển chiến tranh...”*

Linh mục Cao Văn Luận tác giả hồi ký *Bên Dòng Lịch sử Việt Nam, 1940-1975* nhận xét: *“Sự thanh toán ông Diệm và chế độ ông Diệm phải chăng là một sai lầm tai hại và nguy hiểm? Những hỗn loạn chính trị, những thất bại quân sự sau ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã trả lời cho câu hỏi đó”.*

Dựa trên tình hình Việt Nam sau 1-11-1963 và các nhận định của các nhân vật nói trên cho thấy vai trò lãnh đạo một nước đang trong tình trạng chiến tranh chống Cộng sản không phải dễ đứng ngoài nhìn vào dù đó là

các chính khách cho mình là đối lập hay như đồng minh có sức mạnh quân sự như Hoa Kỳ cho thấy họ đã sai lầm cách trầm trọng. Suốt 4 năm sau cuộc đảo chính (1963-1967) nội tình Miền Nam trở nên rối ren, xáo trộn, hết đảo chính lại chỉnh lý liên miên. Các nhân vật tự cho là đối lập đã có cơ hội tham chính, đứng ra lập Nội Các đua nhau sụp đổ. Trong khi đó, hệ thống an ninh nông thôn đã bị phá hủy do quyết định ngu xuẩn ra lệnh phá bỏ QS/ACL của Dương Văn Minh đã tạo cơ hội cho bọn CS nằm vùng có cơ vùng dậy phát triển như cá gặp nước. Và dĩ nhiên ngàn năm một thuở CSBV được tự do xua xâm nhập miền Nam.

Câu hỏi được đặt ra: Cũng là một Miền với nhân sự, tổ chức, đồng minh, vân vân mà tình hình trước và sau ngày 1-11-1963 lại có sự khác biệt? Câu trả lời dễ dàng và đơn giản, đó là sự khác biệt trong vai trò lãnh đạo của TT Ngô Đình Diệm trong 9 năm (1954-1963) và những nhân vật sau ngày 1-11-1963.

Nhìn lại tình hình Việt Nam và thế giới từ 70 năm qua (1953-2023) đã xảy ra bao nhiêu biến cố trọng đại không thể ngờ.

Ngày 30-04-1975 VN bị nhuộm đỏ hoàn toàn tưởng chừng như là cao điểm của Phong trào Cộng Sản Quốc Tế. Vậy mà năm 1982, biến cố Ba Lan xảy ra với Công Đoàn Đoàn Kết. Năm 1989-1991, Đế quốc Cộng sản thi nhau sụp đổ từ Ba Lan qua Đông Đức qua các nước CS Đông Âu như Hungary, Bulgaria, Tiệp Khắc... và cuối cùng lại chính là Liên Xô cái nôi của Cộng Sản (1989-1991). Biến động lớn lao đó đã làm Trung Cộng, Việt Cộng, Bắc Hàn, Cu Ba hoảng hốt. Cái gọi là Mật Nghị Thành Đô 3-2 tháng 9 năm 1990 tại Thành Đô thủ phủ của tỉnh Tứ Xuyên, Cộng Sản VN (Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười...) sang châu Giang Trạch Dân, Lý Bằng cho thấy cha con chúng nó hoảng sợ. Tập đoàn CSVN thà mất nước hơn mất Đảng! Chính vì yêu Đảng hơn yêu nước cho nên suốt trên 70 năm qua, tự nguyện làm tay sai cho Nga Tàu gây chiến tranh và xua quân tấn chiếm Miền Nam, Hồ Chí Minh và đồng bọn đã biến VN thành một trong những quốc gia đói nghèo và lạc hậu nhất thế giới sau khi đã sát hại hàng chục triệu

người trong chiến tranh (1945-1975), và 200 ngàn nạn nhân vô tội trong Cải Cách Ruộng Đất và Đấu Tố Địa Chủ. Trong khi các nước không theo chủ nghĩa Cộng Sản như Đài Loan, Nhật Bản, Nam Hàn, Singapore, vẫn vẫn đã trở thành những Con Rồng Kinh Tế Á Châu. Nhìn lại 48 năm qua kể từ cái gọi là ngày thống nhất đất nước (30-04-1975), CSVN đã làm được những gì hầu VN có thể bắt kịp những Con Rồng Kinh Tế Á Châu tại vùng Đông Nam Á? Chúng chẳng làm gì ra hồn, ngoài việc thống trị và bóc lột! Chúng chẳng những không bắt kịp mà còn sa sút tệ hại về mọi mặt. Dân chủ, nhân quyền, độc lập, tự do chỉ toàn là những sáo ngữ, những con số "0" to tướng! Tệ đọa xã hội và tội ác lan tràn. Nạn tham nhũng trầm trọng. Các thành phố bề ngoài xem ra hào nhoáng nhưng bề sâu và thực chất thật ọp ẹp, rỗng tuếch! Điều đó cho thấy cuộc chiến 30 năm thật là vô ích. Sự thống trị của cái gọi là chế độ xã hội chủ nghĩa là phản tiến hóa. Chủ nghĩa Cộng sản là liều thuốc độc mà tập đoàn CSVN tự nguyện nuốt vào đã tàn phá đất nước quê hương không thể tưởng tượng được. Lenin từng viết: *"Nhà nước là công cụ của giai cấp này để đàn áp giai cấp khác. Nhà nước được lập nên không phải vì tự do. Nói cách khác, có nhà nước thì không có tự do. Mà có tự do thì không có nhà nước."* Cái bệnh tham hèn ngu đã thấm sâu vào đầu óc của tập đoàn CS Hồ Chí Minh. Cho nên bọn văn nô Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, vân vân cầm đầu làm thơ ca tụng, khóc lóc những tên đồ tể Mao Trạch Đông, Mác Lênin, Stalin coi chúng là cha một cách lố bịch, trơ trẽn.

Nhìn lại 30 năm chiến tranh (1945-1975) và 48 năm thống trị cả nước dưới chế độ độc tài, người dân VN Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng sản thắng lợi hay thất bại? Đúng là chúng đã thắng về quân sự nhưng thất bại hoàn toàn về mặt xây dựng.

Việt Nam Cộng Hòa thua trận vì bị đồng minh phản bội, nhưng đã thắng lợi về vang trên Mặt Trận Văn Hóa. Nhìn vào thực tế là đủ biết. Những gì mà bọn Việt Cộng ra sức đả kích, chê bôi, chưởi rủa chế độ Việt Nam Cộng Hòa thì nay chính bọn chúng lại ra sức ôm và nuốt

vào. Ngày 30-4-1975 là cao điểm của chủ nghĩa Cộng Sản nhưng cũng là khởi điểm cho sự suy thoái. Người dân cả nước đã nhận ra chế độ nào dân chủ, tự do, đem lại cơm no áo ấm cho người dân. Chế độ dân chủ của Miền Nam tuy còn non yếu (mới trên 20 năm), nhưng vẫn đủ sức đem lại cho người dân những nhu cầu tối thiểu của một quốc gia văn minh, tiến bộ. Không phải Miền Nam tự hào. Nhưng chính dân chúng Miền Bắc nhận ra sự thật tốt lành hạnh phúc của dân chúng miền Nam. Ý dân là ý trời. Bởi vì toàn dân cả nước yêu quý trân trọng Văn hóa Nhân bản, Dân tộc và đầy tình người của Miền Nam nên Cộng Sản phải chấp nhận sự thực, không dám chê bô như trước. Hiện tượng nhóm Lộc Vàng ở Hà Nội bị CS bắt tù 10 (1967-1977) vĩ hát nhạc của Miền Nam bị chúng cho là nhạc đồi trụy của Đế quốc nay chúng lại gọi là Nhạc Tiền Chiến. Và bây giờ dân cả nước đều nghe đều hát. Những tác phẩm văn học thời tiền chiến như Tự Lực Văn Đoàn và nền Văn học 20 năm của Miền Nam bây giờ được dân cả nước trân trọng đã nói lên chiến thắng oanh liệt đó.

Điều bi thảm là CSVN dù nhận ra sự thật, nhận ra lẽ phải nhưng chúng không dám dứt bỏ quá khứ tội lỗi mà trở về với đại gia đình Dân Tộc bởi vì cả tập đoàn CS Hồ Chí Minh Minh đã ngu si dại dột tự nguyện làm tay sai cho Cộng Sản Nga Tàu nên khó lòng thoát khỏi nanh vuốt của chúng!

Giải pháp duy nhất là toàn dân đồng lòng, nhất trí ra sức đứng lên thay đổi chế độ ác ôn, khát máu. Nói rõ hơn là phải thực hiện một cuộc cách mạng nhân sinh quan như William James đã nói: *"Khám phá vĩ đại nhất của thế hệ hôm nay là người ta có thể thay đổi cuộc sống bằng thay đổi thái độ tinh thần của mình"*. Nói rõ hơn là phải thay đổi tư duy Việc đó dân cả nước đã và đang làm. Một khi tình hình chín muồi là lúc phải làm cách mạng. Muốn làm cách mạng phải có tổ chức cách mạng. Muốn có tổ chức cách mạng phải có cán bộ cách mạng. Muốn có Cán bộ cách mạng phải có lãnh đạo. Không có lãnh đạo thì sẽ không thành công. Vai trò lãnh đạo quan trọng vô cùng như chúng ta đã chứng kiến vai trò lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm thời VNCH. Vậy, người viết xin mượn lời ông CV Ngô Đình Nhu để kết luận:

“Trong suốt phần lịch sử của nhân loại mà chúng ta được biết tới ngày nay, số phận của các quốc gia nhỏ, từ xưa vẫn không thay đổi. Lúc nào các quốc gia nhỏ cũng phải bị chi phối bởi những trận phong ba bão táp vô trách nhiệm do các nước lớn gây ra. Và lúc nào cũng sống dưới sự đe dọa liên tục của một cuộc ngoại xâm.

Từ ngày lập quốc, hơn một ngàn năm lịch sử đã chứng minh rằng Việt Nam chúng ta không thoát ra ngoài vận mạng thông thường đó. Hết phải chống Bắc, rồi phải chống Tây, rồi lại phải chống Bắc. Liên tục, và lúc này hơn lúc nào hết, nạn ngoại xâm vẫn đe dọa Dân tộc Việt Nam.

Để duy trì ách thống trị của mình, các cường quốc xâm lăng thường áp dụng, đối với các dân tộc bị trị nhiều biện pháp, tuy có khác nhau về hình thức, nhưng chung quy vẫn thuộc hai loại chánh.

Ngăn ngừa không để cho các quyền lợi kinh tế thuộc vào tay người bản xứ.

**Kiểm hãm không để cho dân trí phát triển.**

Các loại biện pháp thứ nhất nhằm mục đích tiêu diệt tất cả các phương tiện vật chất của người bị trị.

Các loại biện pháp thứ hai nhằm mục đích tiêu diệt những người có khả năng sử dụng các phương tiện vật chất trên, nghĩa là các nhà lãnh đạo xứng danh.

Đối với các dân tộc bị trị hai loại biện pháp trên đều có những hậu quả vô cùng thảm khốc. Tuy nhiên, nếu không có phương tiện của mình thì còn có thể tìm phương tiện nơi khác, chớ nếu không có người lãnh đạo, thì dù có phương tiện cũng không sử dụng được.

Vì vậy cho nên, đối với một quốc gia mà nền độc lập bị đe dọa hay đã mất, thì phương pháp hữu hiệu nhất và điều kiện thiết yếu nhất để chống lại ngoại xâm là nuôi dưỡng và phát triển sự lãnh đạo.

Trong thực tế, nuôi dưỡng và phát triển sự lãnh đạo có nghĩa là tạo hoàn cảnh thuận lợi để cho cái tinh hoa của tập thể hun đúc nên thiếu số lãnh đạo xứng danh.” (Chính Đề Việt Nam tr.13 - 50).

San Jose ngày 20 tháng 7 năm 2023

**PHẠM QUANG TRÌNH**

## **CAM PHẬN**

hay Tâm Sự Buồn.



Bỏ nước ra đi là hết thời;  
Ngôi buồn tôi nghĩ đấn đời tôi;  
Công danh lận đận theo năm tháng;;  
Sự nghiệp long đong đến cuối đời;  
Nợ nước chưa đền đành phải chịu;  
Thù nhà chưa trả phải buông trôi;  
Thế thời như thế, đành như thế;  
Thử hỏi có ai cãi mệnh trời?

**Vân Đình 5-30-23**

## **TAI ĐIẾC LÀ MAY**

(Thơ trào phúng)

Tuổi già tai điếc lại là may  
Khỏi biết vợ la suốt cả ngày;  
Thế sự thăng trầm mặc bố nó (\*)  
Việc nhà hưng thịnh vợ lo thay;  
Quan tham đầy rẫy, không cần biết  
Đi điếm hoành hành cũng mặc thầy  
Việc bỏ ngoài tai đầu sảng khoái;  
Tuổi già chỉ ước có cơn say.

**Vân Đình 5-22-23**

(\*)Như Cầu Thế sự thăng trầm quân  
mặc vẫn,

# 50 NĂM NHÌN LẠI HIỆP ĐỊNH PARIS (1973 - 2023)



THIỆN Ý, LS NGUYỄN VĂN THẮNG



*“Hiệp định Paris như là tập giấy lộn, như trò đùa, ký mà chơi, có giá trị như một bản án tử hình chế độ Việt Nam Cộng Hoà được thi hành hai năm sau đó.”*

**Vẫn là câu nói đúng của cố Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà Nguyễn Văn Thiệu: “Đừng nghe những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm”.**

\*\*\*\*

Ngày hôm nay, 27 tháng Giêng, 50 năm về trước, 1973, Hiệp Định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình cho Việt Nam, được ký kết bởi bốn bên trong cuộc chiến: Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hoà, Việt Nam Dân Chủ Cộng

Hoà (*tức Cộng sản Bắc Việt*) và Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam (*con đẻ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, công cụ thôn tính cộng sản hóa Miền Nam Việt Nam của Cộng Sản Bắc Việt*).

Nhân dịp này, chúng tôi muốn đưa ra một số nhận định về giá trị pháp lý và thực thi của bản hiệp định này để cùng rút ra bài học kinh nghiệm.

## Giá trị ấy là gì?

Xin thưa, câu trả lời tổng quát, đó chỉ là một văn kiện pháp lý mà các bên ký kết đều biết trước sẽ không bao giờ được thực thi. Nói nôm na, đó chỉ là tập giấy lộn, có giá trị như một bản án tử hình chế độ Việt Nam Cộng Hoà, được Ngoại trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger và Lê Đức Thọ của Cộng sản Bắc Việt hợp soạn; để rồi hai năm sau đó cưỡng tử Việt Nam Cộng Hoà vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, vi phạm trắng trợn bản Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình cho Việt Nam; trước sự phũ tay không thương tiếc của người bạn đồng minh Hoa Kỳ, và sự làm ngơ của những cam kết quốc tế bảo đảm cho việc thực thi hiệp định này.

Thật vậy, như mọi người đều biết, sau biến cố Tết Mậu Thân 1968 ít lâu, Hội Nghị tại Paris khởi sự ở Pháp Quốc để tìm giải pháp chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Thất thế đầu tiên cho chính quyền Việt Nam Cộng Hoà ở Miền Nam là, dưới áp lực của Hoa Kỳ, đã phải ngồi vào bàn hội nghị bốn bên (*thay vì chỉ có hai bên*), dù biết rằng bị đặt ngang hàng với một bên là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, vốn là công cụ thôn tính Miền Nam của Cộng Sản Bắc Việt.

Kể đến, nhiều ngày tháng sau đó, trong khi bề ngoài các bên tranh cãi nhau về hình dạng bàn họp hội nghị là bàn vuông hay bàn tròn, để sau cùng đi đến bàn bầu dục, thì Cố vấn an ninh quốc gia kiêm Ngoại Trưởng Hoa



Kissinger và Lê Đức Thọ

Kỳ Henry Kissinger và Lê Đức Thọ Ủy viên Bộ chính trị đảng CSVN, đã bí mật và chủ động soạn thảo ra văn kiện Hiệp Định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại Hoà Bình ở Việt Nam, với nhiều điều khoản bất lợi, không chút bảo đảm gì cho sinh mạng chính trị chế độ Việt Nam Cộng Hoà (*Trái với ý muốn của chính phủ và nhân dân VNCH; song phù hợp với ý đồ của cả bạn (Hoa Kỳ) lẫn thù (CSBV)*).

Vậy mà Kissinger đã ép buộc chính phủ Việt Nam Cộng Hoà phải ký vào bản Hiệp định Paris. Chính phủ của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu lúc đầu đã quyết liệt chối từ và lập tức bị Kissinger làm áp lực, đe dọa đủ điều. Sau vài sửa đổi một số điều khoản theo đòi hỏi của Việt Nam Cộng Hoà có tính nguyên tắc hơn là giá trị thực thi, cùng với sự gia tăng áp lực nặng nề lên chính phủ Nguyễn Văn Thiệu, kèm theo những lá thư phủ dụ, cam kết bảo đảm thực thi trong quan hệ riêng tư của Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon gửi cho Tổng Thống Thiệu, chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã không có sự chọn lựa nào khác là phải ký vào bản Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973.

Hệ quả là: Hoa Kỳ đã có căn bản pháp lý để rút chân ra khỏi cuộc chiến một cách danh dự, sau khi đạt được những mục tiêu chiến lược trong vùng thông qua cuộc chiến Việt Nam, vì động thái này xảy ra sau Thông cáo chung Thượng Hải 1972 ký giữa TT. Hoa Kỳ Richard Nixon và Chủ tịch Trung quốc Mao Trạch Đông. Đây là kết quả những chuyến đi ngoại giao con thoi của Henry Kissinger giữa

Washington – Moscow và Bắc kinh để tìm sự đồng thuận đi đến kết thúc hình thái chiến tranh nóng trong vùng; để thiết lập một “nền trật tự kinh tế quốc tế mới” hay là “chiến lược toàn cầu mới” hậu Chiến tranh lạnh hay chiến tranh ý thức hệ toàn cầu giữa cộng sản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Hiệp định Paris chính là căn bản pháp lý để Hoa Kỳ rút hết quân tham chiến về nước. Việc làm này đồng nghĩa với việc bỏ rơi Việt Nam Cộng Hoà và thả nổi cho Cộng Sản Bắc Việt thôn tính Miền Nam Việt Nam vào ngày 30-4-1975. Chiến tranh Việt Nam kết thúc như một kịch bản, diễn ra không bình thường, ít nhiều bất ngờ cho cả hai bên nội chiến (CS Bắc Việt và Quốc gia Nam Việt), Chính vì vậy, chúng tôi cho rằng cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc như thế, không phải là thắng lợi của phe này (Việt cộng) đối với phe kia (Việt Quốc); mà chỉ là vì nhu cầu thay đổi thế chiến lược quốc tế mới của các cường quốc cực mà thôi.

Thật vậy, trong 9 chương, 23 điều của bản Hiệp Định Paris, chúng ta hãy đọc lại những điều mật ngọt nơi khoản (b) điều 9 Chương IV quy định “Việc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân Miền Nam Việt Nam” như sau:

“ b) Nhân dân Miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của Miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử thực sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế.”

Khoản (a) điều 11 thì ghi “Ngay sau khi ngưng bắn, hai bên Miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau và không thôn tính lẫn nhau để thành lập Hội Đồng Quốc Gia Hoà Giải và Hoà Hợp Dân Tộc gồm ba thành phần ngang nhau...”.

Vẫn chưa hết những điều mật ngọt, điều 15 của chương V Hiệp Định Paris quy định rất rõ ràng: “Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở bàn bạc và thoả thuận giữa Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào... Thời gian thống nhất sẽ do Miền Bắc và Miền Nam thoả thuận...”

Đến đây thì ai cũng thấy rõ ràng là thực tế hoàn toàn trái ngược với những quy định

pháp lý, cam kết bảo đảm quốc tế và giá trị thực sự của bản Hiệp Định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình cho Việt Nam do bốn bên ký kết ngày 27-1-1975. Đây chỉ như là tập giấy lộn, như trò đùa, ký mà chơi, có giá trị như một bản án tử hình chế độ Việt Nam Cộng Hoà được thi hành hai năm sau đó.

Bởi vì, mọi bảo đảm, giám sát quốc tế, ghi trong bản Hiệp Định này đã không được thực thi, mọi biện pháp chế tài kẻ vi phạm vẫn không được thực hiện, trước sự vi phạm trắng trợn của cả hai mà thực sự là một: Cộng sản Bắc Việt và công cụ xâm lược là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Chính công cụ này, được CSBV dựng lên vào Tháng 12-1960, đã dùng bạo lực quân sự cưỡng chiếm Miền Nam Việt Nam. Sau 55 ngày đêm tiến hành cái gọi là “Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử” mà thực tế chỉ là sự tiếp quản không cần chiến đấu, với tốc độ tiến quân chậm hơn tốc độ “di tản” của quân đội đối phương (VNCH), đến độ không kịp chuẩn bị đủ người để tiếp quản.

Đến đây thì bài học kinh nghiệm cần rút ra cho những người Việt quốc gia hay là người Việt Nam không cộng sản, sau 50 năm tiếp tục chống cộng vì mục tiêu dân chủ hóa cho Quê Mẹ Việt Nam, vẫn là câu nói đúng của cố Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà Nguyễn Văn Thiệu: *“Đừng nghe những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm”*.

Đối với ngoại bang, bài học kinh nghiệm cần rút ra là, trong bất cứ hoàn cảnh nào, chiến tranh hay hoà bình, đừng quá tin vào đồng minh hay đồng chí, những cam kết quốc tế liên quan đến số phận dân tộc, đất nước mình, mà hãy tự tin vào chính mình và luôn luôn phải tự lực tự cường, dựa trên sức mình là chính để giải quyết mọi vấn đề có lợi cho dân tộc và đất nước./.

**THIỆN Ý**

*Houston, ngày 27-1-2023*

## **BẤT CHIẾN**



Tôi đau khổ khi nhìn về đất nước  
Dân đói cơm, rách áo, bệnh tràn lan  
Trẻ không cha, không mẹ sống lang thang  
Bố tù đầy, mẹ dân công biệt tích  
Đó chế độ Cộng Sản dòng nô dịch  
Thờ quan thầy và giết hại đồng bào  
Không nghĩa nhân, bất chấp luật Thiên tao  
Coi mạng sống đồng bào như cỏ rác  
Hãy vùng dậy chúng ta cùng diệt ác  
Cho thanh bình trở lại với quê hương  
Cho NHÂN QUYỀN được sáng tỏ tình thương  
Cho Cộng Sản phải vùi chôn trong bùn đất  
Vì chúng đã phải hoàn toàn “BIẾN CHẤT”  
Như Sám Trạng Khiêm từng nói tiên tri  
‘BẤT CHIẾN’ là “BIẾN CHẤT” thật đáng ghi  
Trạng Bình Khiêm thật đáng là Thánh sống !

**NGUYỄN VĂN AN**

# TÁI CHIẾM CỔ THÀNH QUẢNG TRỊ

**Ngày 16-9-72**

-thuộc SĐ3-BB đã được an-toàn khi về tới Mỹ Chánh.



**MX Đại tá NGÔ VĂN ĐỊNH**

Trước khi đề cập tới ngày tái chiếm cổ-thành Quảng-Trị.

## **Ngược lại dòng thời-gian khởi sự ngày 1 tháng 5-72.**

Tin tình báo cho biết quân BV sẽ tác xạ 10 ngàn quả đại bác 130 ly vào cổ-thành và Thị-xã Quảng-Trị ngày 1 tháng 5-72. Để tránh tổn thất nhân mạng nếu cuộc pháo kích xảy ra. Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai TL SĐ3/BB cho lệnh các đơn-vị di-tấn để tránh pháo.

Cuộc di-tấn này lại trở nên một cuộc lui binh hỗn-loạn về hướng Mỹ-Chánh. Dọc đường các đơn vị này cũng bị các đơn-vị Bắc-Việt pháo và chặn đánh lẻ tẻ trên đường rút. Sự việc trên đã đưa đến hậu-quả là thành-phố và cổ-thành Quảng-Trị bỏ ngỏ và đã bị quân-đội Bắc-Việt chiếm kể từ ngày 1-5-72. LĐ 369 do Đại-Tá Phạm-Văn-Chung LĐT lúc này đang trách-nhiệm án-ngữ tuyến sông Mỹ-Chánh đã chỉ-huy các Tiểu-Đoàn TQLC ngăn chặn được lực lượng địch tại sông Mỹ-Chánh phía Nam Hải Lăng 15 cây số, và đánh tan các đơn-vị Việt-Cộng có ý-định di-chuyển về hướng Nam theo Quốc-Lộ 1. Nhờ vậy nên các đơn-vị trực

Trong suốt tháng 5-72, nhiều cuộc tấn công cấp Trung-Đoàn có chiến-xa từng-thiết của cộng sản vào khu-vực bố-trí quân của LĐ 369 tại Mỹ-Chánh, nhưng đều bị TQLC và BĐQ đánh tan hoặc đẩy lui.

Cũng thời-gian này, nhiều cuộc hành-quân thăm dò vào khu-vực quận Hải-Lăng đã được tổ-chức. Có những cuộc HQ trực-thăng-vận, Hành-Quân Thủy-Bộ vào khu-vực bờ biển Mỹ-Thủy và đã có nhiều cuộc đụng-độ với cấp Trung-Đoàn quân chính-quy Bắc-Việt ở khu-vực “Đường Phố Buồn Hiu” tức hương-lộ 555.

Ngày 4-5-72, Trung-Tướng Ngô Quang Trưởng được bổ-nhiệm chức-vụ Tư-Lệnh Quân Đoàn 1 thay thế Trung-Tướng Hoàng-Xuân-Lãm.

Thời gian này cũng là khúc quanh quan-trọng trong Binh-Chủng TQLC, Đại-Tá Bùi-Thế-Lân TLP/SĐ được bổ-nhiệm giữ chức-vụ Tư-Lệnh Binh-chủng TQLC thay thế Trung-Tướng Lê-Nguyên-Khang.

Lúc này Quân-lực Mỹ đã chấm dứt tất cả những cuộc hành-quân trên bộ, chỉ còn lại một số Sĩ-Quan cố-vấn để liên-lạc yểm-trợ về vấn-đề phi-pháo xuất-phát từ các hạm-đội ở ngoài khơi Thái-Bình-Dương, cùng các phi-vụ B52 từ Guam và Thái Lan.

Tuyến sông Mỹ-Chánh lúc này trở thành tuyến đầu của QĐ1 do Đại-Tá Phạm-Văn-Chung LĐT- LĐ369/TQLC trách-nhiệm.

## **Ngày 28-6 giai-đoạn hành-quân tái-chiếm Quảng-Trị được bắt đầu**

Các đơn-vị Dù, TQLC vượt-tuyến xuất-phát Mỹ-Chánh tiến về Quảng Trị. ND phía tây QL1, TQLC phía Đông QL1. Trung-tướng Ngô-Quang-Trưởng giao cho ND vinh-dự tái-chiếm cổ-thành và thị-xã Quảng-Trị là hai mục-tiêu



nằm trên trục tiến quân của TQLC. Có lẽ Trung-tướng Trường muốn dành vinh-dự đó cho SĐ-ND, là đơn vị gốc của ông!

Ngày 11 tháng 7, TĐ1-TQLC được trực thăng vận vào vùng thôn Bích La Nam, đông bắc thị-xã Quảng-Trị chừng 2 cây số. Đây là một vị-trí quan-trọng, nếu chiếm được sẽ làm dễ dàng hơn cho việc tái chiếm Quảng Trị.

Một đoàn gồm 32 chiếc trực thăng đủ loại, 17 chiếc loại CH53 mới nhất của Quân-Đội Hoa Kỳ (1972) chở được 60 người, 15 chiếc Chinook CH46 chở 20 người được dùng để di-chuyển TĐ1/TQLC đến mục-tiêu. Khi tới bãi đáp, một trực-thăng đã bị hỏa-tiền SA7 bắn trúng làm nổ tung, đa số quân trên máy bay đều tử-nạn. Trong số 32 chiếc trực-thăng sử-dụng thì đã có 29 chiếc bị trúng đạn phòng-không, 1 nổ tung ở bãi đáp, 2 chiếc bị rớt (1 rớt xuống biển)

TĐ1/TQLC do Thiếu-Tá Nguyễn-Đăng-Hoà chỉ-huy đã bị tổn-thất nặng. Tiểu Đoàn phải đương đầu với lực-lượng hùng-hậu của đối-phương nhưng vẫn cố-thủ được vị-trí và chống-trả được những cuộc tấn-công của Quân Bắc-Việt.

Sau gần 1 tháng ND và TQLC đã tiến gần đến Quảng Trị, thời gian này cũng có nhiều cuộc đụng-độ mạnh hàng ngày và tổn-thất nhiều.

Nhiều yếu-tố chính-trị liên-quan đến hiện-tình đất nước như VN hoá chiến-tranh, hoà-đàm Ba-Lê, phong-trào phản-chiến ở Mỹ khiến Tổng-Thống và Quốc-Hội Hoa-Kỳ làm đủ mọi cách để rút quân đội Mỹ ra khỏi cuộc chiến VN.

Tổng-Thống Thiệu muốn mau chóng chiếm lại Quảng Trị, nơi mà bọn CS có ý định muốn dùng Quảng-Trị để ra mắt chính phủ MTGPMN.

Tôi không hiểu vì lý do gì mà ngày 27-7-72, TQLC được lệnh thay thế ND để tái-chiếm Quảng-Trị. Khi nhận lệnh thì mọi cấp chỉ-huy có những suy nghĩ khác nhau, nhưng cũng chẳng

có thì giờ để hỏi tại sao.

Tướng Bùi-thế-Lân nhận-lãnh nhiệm-vụ khó khăn và quan-trọng này trên vai ông, ông cũng vừa mới nhận chức vụ TL/SĐ được một thời gian ngắn. Nhưng Tôi nghĩ ông cũng hãnh-diện và hậu-quả của cuộc HQ này sẽ có ảnh-hưởng đến đời binh nghiệp của ông. Sau khi họp bàn và thiết-kế, ông quyết định dùng LĐ 258 do Đại-Tá Ngô-Văn Định (Đồ Sơn) chỉ huy gồm 5 TĐ tác-chiến 1,2,5,6,9 và 1 TĐ Pháo Binh 105 ly TQLC để thay thế vào khu vực của LĐ2/ND do Đại-Tá Trần-Quốc-Lịch chỉ-huy ở phía Tây-Nam cổ thành và LĐ-147 do Đại-Tá Nguyễn-Năng-Bảo (Bắc Ninh) chỉ-huy gồm 3 TĐ tác chiến 3,7, 8 và 1 TĐ pháo binh TQLC làm lực-lượng tấn-công ở phía đông cổ thành. LĐ 369 do Đại-Tá Nguyễn-thế-Lương (Lâm Thao) chỉ-huy làm thành phần trừ bị cho Sư-Đoàn.

Mục-tiêu Cổ-Thành được chia làm 2, LĐ 258 nửa Tây-Nam, LĐ 147 nửa Đông-Bắc. Chúng Tôi cũng rất hãnh diện được tham dự vào cuộc HQ có tính cách vô cùng quan trọng này, nhưng chúng tôi cũng có nhiều lo âu suy-nghĩ. Sự lo âu đây là lo âu chắc chắn là sẽ có tổn-thất lớn lao về nhân-mạng. Mục tiêu là một vị trí trọng yếu được BTL/SĐ3 tổ chức phòng thủ rất kiên-cố trước khi VC chiếm.

Tôi đã có dịp vào họp tại Cổ thành trước ngày 1-5-72. Xung quanh là tường thành cao và có hào nước sâu bao bọc chung quanh.

Lực-lượng địch trong khu-vực lại hơn ta gấp 4 lần có ưu-thế về Pháo-Binh tầm xa, 2 Trung-đoàn chiến-xa, nhiều đơn vị phòng không. Chúng lại có một kho tiếp vận vũ-khí và đạn-dược ở Đông-Hà, hàng ngày có nhiều tàu chở tiếp-liệu vào cảng Cửa-Việt để đưa chiến-cụ và vũ-khí vào cho các đơn vị của chúng ở Quảng-Trị.

Bên ta có ưu-thế về Không-quân chiến-lược, chiến-thuật và Hải pháo.

Công tâm và trung thực mà nói thì cuộc tái chiếm Quảng Trị là một cuộc chiến kinh-hoàng

nhất và tổn-thất nhiều nhất cho cả 2 bên trong chiến-tranh VN.

Cũng có một số người vì lý do này hay lý do kia không công-bằng khi nói tới chiến thắng này. Quảng-Trị hàng ngày có mưa bom, mưa pháo không ngừng nghỉ, địa-thế lúc nào cũng rung chuyển như là đang có động đất.

Để đo lường được thế nào là cuộc chiến kinh-hoàng nhất thì phải dựa theo sự tổn-thất. Sau 52 ngày kể từ ngày thay thế SĐ/ND (27-7-1972) đến ngày hoàn-thành nhiệm-vu, đã có trên 3500 quân-nhân TQLC hy-sinh, nhiều ngàn người bị thương.

Trong khi đó về phía quân-đội Bắc-Việt thì các SĐ 308, 304, 325 và các Trung-Đoàn chiến-xa đã bị tổn-thất nặng nề; Riêng hai Trung-đoàn Triệu Hải phòng-thủ trong cố-thành và Trung Đoàn 48 phòng thủ trong Thị xã coi như bị xoá sổ: 5542 quân BV bị chết tại trận, 83 bị bắt sống làm tù binh, vũ khí tịch thu được đủ loại chất thành đồng.

Tất cả 9 TĐ-TQLC đều trực-tiếp tham-chiến, được luân-phiên điều động lên tuyến đầu (xem phóng đồ)

### **Giai đoạn 1 từ 27-7 đến 29-8**



Phóng đồ hành quân của SĐ TQLC khi thay thế SĐ Nhảy Dù tại Quảng Trị 27/7/1972

### **Giai đoạn 2 từ 29-8 đến 9-9**



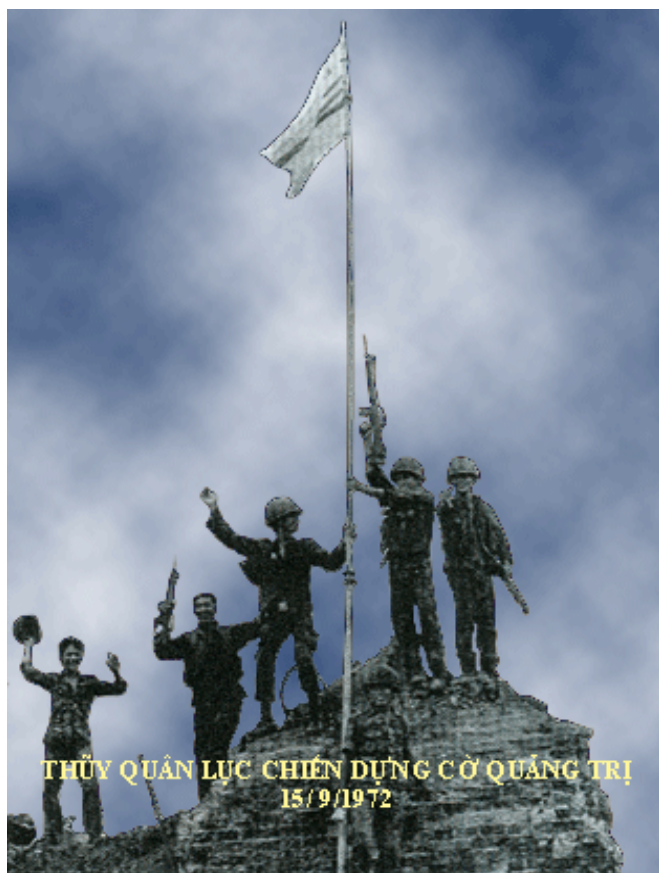
phóng đồ hành quân của Lữ Đoàn 258 tại Quảng Trị từ 29/8 đến 9/9/1972

### **Giai đoạn 3 từ 9-9 đến 16-9-72**



Phóng đồ hành quân từ ngày 9/9/1972 đến ngày 16/9/1972

Do đó TĐ3 và TĐ6 đã vào được ổ thành và cùng cắm cờ Vàng 3 sọc đỏ lên tường thành ngày 15-9-1972. **Nhưng lễ hưởng kỳ chính thì được tổ-chức vào hồi 12 giờ 45 ngày 16-9-72.**



Tiểu Đoàn 6 TQLC và Tiểu Đoàn 3 TQLC

Theo Tôi nghĩ thì vì cũng không có nhiều thời giờ chuẩn bị nên Sư Đoàn đã chỉ định TĐ6 dựng cờ vì phái đoàn báo chí Ngoại quốc

hiện có mặt ở nơi đó gần với TĐ6 thuận tiện để họ chụp hình dựng cờ. Nếu mà ngày hôm dựng cờ mà có được mỗi TĐ đề cử 1 người thì hợp tình hợp lý, vì bên LĐ 258 một mình TĐ6 không thể nào vào được Ổ Thành Quảng Trị nếu không có sự hỗ tương yểm trợ từ các TĐ 1, 2, 5 và 9 đã rất khó khăn mới hoàn toàn kiểm soát được Thị xã. Về phía LĐ 147 thì Tiểu Đoàn 7 và 8 cùng hợp lực với góp sức với TĐ3 tấn công vào Ổ Thành ở Phía Đông bắc. Ba Tiểu Đoàn Pháo Binh TQLC yểm trợ hỏa lực rất hữu hiệu trong suốt mùa hè đỏ lửa, các đơn vị Yểm trợ khác như Thiết giáp và Thiết Quân Vận tăng phái yểm trợ hỏa lực và tản thương. Còn 1 đơn vị mà nếu không có sự cố gắng của họ thì chúng ta cũng bó tay, không có quân số chiến đấu, tôi muốn nói đến những anh em đi tuyến mọt.

Tin SĐ/TQLC đã tái-chiếm Quảng-Trị được báo cáo về Saigon. Tổng-Thống Nguyễn-Văn-Thiệu đã triệu-tập khẩn-cấp thành-phần chính-phủ để gửi điện khen-ngợi đến Chuẩn-tướng Bùi-thế-Lân TL/TQLC và toàn thể Sĩ-Quan HSQ và Binh sĩ TQLC đã lập chiến-công oanh-liệt nhất trong cuộc chiến và cho biết sẽ ra thăm tất cả các anh em tại Quảng-Trị.

Ngày 20 tháng 9 năm 1972, Tổng-Thống đã đến thị xã Quảng Trị thăm TQLC, trong khi đại bác 130 ly của CSBV vẫn còn nổ vang.

Sau đây là thư của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu khen ngợi nồng nhiệt và khâm phục vô biên của Tổng Thống và Chính Phủ.

*Tôi trân trọng yêu cầu Đại Tướng chuyển đến Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn 1, Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn TQLC cùng toàn thể đơn vị và chiến sĩ TQLC đã đánh tan quân Cộng Sản xâm lược ra khỏi Thị Xã và Ổ Thành Quảng Trị, lời ngợi khen nồng nhiệt nhất, đồng thời lòng khâm phục vô biên của Tôi và toàn thể chánh phủ hợp tại dinh Độc Lập sáng hôm nay 16-9-72 .*

*Bốn ngày trước khi đúc kết chiến dịch 3 tháng thừa thắng xông lên tái chiếm lãnh thổ và*

sau những tuần lễ đầy hy sinh gian khổ, toàn thể các đơn vị thuộc mọi Quân binh chủng vùng địa đầu giới tuyến đã ghi thêm những nét vàng son sáng chói vào Quân Sử hào hùng của Dân Tộc

Mưu đồ của bọn Cộng Sản xâm lược muốn biến Quảng Trị thành một Bình Long anh dũng, một Kontum kiêu hùng của chúng, đồng thời bám lấy một địa danh tâm lý và chính trị để lừa bịp dư luận đã bị toàn thể anh em đánh tan ra mây khói.

Một lần nữa, Tôi nhiệt liệt khen ngợi toàn thể anh em đã chiến thắng, Tôi kính cẩn nghiêng mình trước những chiến sĩ hy sinh cho đại nghĩa dân tộc. Và Tôi sẽ đến thăm anh em

Ký Tên - Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu.

Trung Tướng Ngô Quang Trưởng Tư Lệnh Quân Đoàn 1 Quân Khu 1 gửi thư điệp đến Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn TQLC ( Nguyên văn đính kèm )

Gửi Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến

Tôi đã nhìn Quốc Kỳ tung bay trên nền trời Quảng Trị chỉ ít lâu sau khi những bàn tay kiêu dũng của anh em kéo lên từ trong Cổ Thành hôm 16-9-72.

Tôi đã muốn thấy tại chỗ chiến thắng của anh em để ngay tại chiến trường, tự cảm thấy hãnh diện được chỉ huy Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến trong một chiến dịch qui mô nhất của Quân Đội Từ Bến Hải đến Cà Mau, gót chân người chiến sĩ TQLC đã trải qua bao nhiêu thử thách, gian khổ và chiến thắng. Nhưng phải nói rằng đây là lần đầu tiên Sư Đoàn đã chiến đấu trong một hoàn cảnh đặc biệt, đối đầu với nhiều khó khăn nhất, với một kẻ thù đông gấp bội.

Vì thế chiến thắng Quảng Trị, đánh tan quân Địch, giải phóng thị xã, là chiến thắng lớn nhất lấy lừng nhất. Đầu tháng 5 năm 72, khi Quảng Trị bị mất vào tay Địch, Sư Đoàn đã trấn giữ được tuyến Mỹ Chánh và đã góp công đầu,

cùng với các đơn vị của Sư Đoàn Nhảy Dù và Sư Đoàn 1 Bộ Binh trong nhiệm vụ giữ Huế. Hàng trăm ngàn dân Trị Thiên đã phải di tản về Nam trước áp lực của Địch, nhưng tại tuyến Mỹ Chánh anh em đã ngăn được sức tiến của quân thù. Những cuộc tấn kích hạn chế, sau đó đã được tổ chức trong vùng Hải Lăng để dành lại thế chủ động và lũng đoạn các kế hoạch tiếp tục tiến công của giặc. Sóng Thần 5 ngày 13 tháng 5 tại Hải Lăng và Đa Nghi. Sóng Thần 6 ngày 24 tháng 5 tại Mỹ Thủy, Sóng Thần 8 vượt tuyến Mỹ Chánh ngày 8 tháng 6 đã đánh vào đầu Địch những đòn nặng, tai hại cho kế hoạch tấn công của Địch, và đã chuẩn bị cho cuộc phản công của quân ta ngày 28-6-1972 là ngày chiến dịch Lam Sơn 72 bắt đầu.

Thủy Quân Lục Chiến và Nhảy Dù đã gây được một bất ngờ kỳ thú ngay cho cả Địch quân cùng với các Quân binh chủng khác và với một tỷ lệ quân số bạn Địch 1/4, anh em đã đẩy lui được Địch, tiêu diệt một phần lớn tiềm năng chiến đấu của chúng

Và trận chiến gay go nhất đã khởi diễn từ 27-7-72 khi Sư Đoàn tiếp nhận khu vực Thị xã Quảng Trị từ Sư Đoàn Nhảy Dù. Chiến sĩ TQLC sau 51 ngày tiến chiếm từng tấc đất, từng ngôi nhà, đã dành lại được toàn bộ Thị Xã Quảng Trị, diệt được trên 14 ngàn tên Địch, thu 4350 vũ khí, hủy hay thu 71 khẩu pháo, 73 chiến xa tính từ đầu tháng 5 năm 72. Giặc đã dùng lực lượng của 4 Sư Đoàn chủ lực để giữ Thị Xã Quảng Trị, những Sư Đoàn đã lừng danh với những chiến thắng ở Bắc, Trung Việt và nhất là ở Điện Biên Phủ 308, 312, 325. Sư Đoàn TQLC đã đương đầu với chúng, nhẫn nại hơn chúng, dũng cảm hơn chúng và đã chiến thắng chúng, những “ anh hùng Điện Biên Phủ một thời “Chiến thắng ấy đã được xây dựng với nhiều xương máu của chiến sĩ, với sức chịu đựng vượt mức của anh em. Nhờ sự khéo léo và tài ba của Chuẩn Tướng và các Sĩ Quan.

Tôi muốn qua thư này tỏ lòng khâm phục của Tôi đối với Sư Đoàn TQLC, với những hy sinh vô bờ của anh em, và lập lại sự hãnh diện

*được chỉ huy anh em trong một cuộc thử thách lớn nhất, trong một chiến dịch quy mô nhất của Quân Đội*

*Tôi cũng yêu cầu Chuẩn Tướng chuyển lời khen ngợi của Tôi đến tất cả Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan và Binh Sĩ của Sư Đoàn Trung Tướng Ngô Quang Trưởng Tư Lệnh Quân Đoàn 1 Quân Khu 1 - ( Ký Tên )*

Tôi được vinh dự đã lái xe đưa Tổng-Thống đến thị xã đổ nát, có Trung-Tướng Tư-Lệnh QĐ1 và Chuẩn-Tướng Tư-lệnh TQLC tháp-tùng. Trên đường di chuyển, theo chương trình dự trù chạy qua nhà thờ La Vang, lúc này hoàn toàn đổ nát, Tôi ngừng xe và Tổng Thống Thiệu xuống quỳ gối cầu nguyện. Bức hình Tổng Thống Thiệu quỳ tại thánh đường La Vang đã trở thành 1 poster lịch sử được phổ biến toàn quốc và cả thế giới.



*Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu đang cầu nguyện tại Vương Cung Thánh Đường La Vang ngày 20 tháng 9 năm 1972*

Nhân dịp viếng thăm này, Tổng-Thống đã ân thưởng Đệ Tam Đẳng Bảo Quốc Huân Chương kèm theo Anh Dũng Bội Tinh với ngành Dương Liễu cho Chuẩn Tướng Bùi Thế Lân, Đại Tá Ngô Văn Định và Đại Tá Nguyễn Năng Bảo, Tổng Thống cũng ân-thưởng huy-chương và thăng-cấp cho nhiều quân-nhân trong Sư-Đoàn. Sau cuộc chiến tái-chiếm Quảng-Trị, quân Bắc-Việt đã bị thiệt hại nặng.

Nếu LĐ/369/TQLC gồm TĐ2, TĐ5, TĐ9 và TĐ1 Pháo Binh TQLC đã không chặn được các lực-lượng quân BV ở TUYẾN MỸ-CHÁNH thì có thể cuộc hành-quân tái chiếm Quảng-Trị đã không xảy ra và chúng có khả năng tiến thẳng đến Huế và Đà-Nẵng từ đầu tháng 5/1972. Những gì sẽ xảy ra thì không thể lường trước được.

Nhờ chiến-thắng Quảng-Trị mà Miền Nam VN được an-bình thêm 3 năm.

Cựu Trung-Tá Gerald H. Turley là cố vấn TQLC rời Quảng Trị sau cùng trước khi Quảng Trị lọt vào tay cộng quân vào ngày 1-5-72. Sau khi về Mỹ Ông được thăng cấp Đại Tá và đảm nhiệm chức phụ-tá Bộ-Trưởng Quốc-Phòng HK, ông đã viết cuốn sách tựa đề là "The Easter Offensive". Trong đó Ông hết lời ca-tụng cấp chỉ-huy và quân-nhân TQLC các cấp đã chiến-đấu rất anh-dũng, trong những điều-kiện gian-khổ khó-khăn đã đánh bại quân xâm-lăng Bắc-Việt được trang bị tối tân. TQLC-VN chiến-đấu giỏi không thua bất cứ binh-chủng TQLC nào trên thế-giới.

Ngoài ra, Tôi có đón đọc được bài viết sau đây của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích có liên quan tới Binh chủng TQLCVN. Đọc bài này chúng ta cũng hãnh diện là TQLCVN.

*Trong hai ngày 17 và 18 Tháng Ba năm 2006, Trung Tâm Việt Nam ở Đại Học Texas Tech (Lubbock, TX) đã tổ chức một hội nghị chuyên đề về "Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa: Nhìn lại và tái thẩm định sau 30 năm" ("ARVN: Reflections and Reassessments After Thirty Years"). Nhân dịp này, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích đã được mời đọc bài diễn văn quan trọng ở bữa ăn trưa ("luncheon keynote speech") ngày đầu hội nghị. Dựa vào nhiều tài liệu mới được tiết lộ gần đây, không trừ tài liệu từ miền Bắc và các văn khố ở Mạc Tư Khoa, Hoa Thịnh Đốn và Trung Cộng, bài diễn văn này đã trả lại được danh dự cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và đem cuộc chiến lên một tầm nhìn mới. Trong bài diễn văn Ông nói: " ngay cả khi Hoa Kỳ bỏ cuộc như vậy, quân lực VNCH vẫn tiếp*



*Tục chiến đấu anh dũng, đẩy lui được ba mũi dùi lớn của quân Bắc Việt thọc vào miền Nam trong vụ Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Thủy quân lục chiến VN đã viết nên những trang sử oai hùng nhất trong lịch sử quân sự ở VN khi vào Tháng 9 năm ấy, họ đổ xương máu ra để chiến đấu lấy lại từng tấc đất một của tỉnh Quảng Trị (cuộc chiếm lại Cổ Thành Quảng Trị phải xem là một trận Iwo Jima của VN)*

Trận Quảng-Trị đã làm hao-tồn nhiều xương máu nhất trong Quân-sử QLVNCH và Binh chủng TQLC VN. Riêng tôi, lúc nào cũng hãnh-diện đã là một sĩ quan TQLC Việt Nam được tham dự trận tái chiếm Thị Xã và Cổ thành Định Công Tráng năm 1972. Tôi rất may mắn vẫn còn được mang niềm hãnh diện Quảng Trị trong tuổi cao niên hiện nay. Không bao giờ tôi quên được 3,500 Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam đã hy sinh, nhiều ngàn người bị thương. Hầu hết còn rất trẻ.

Những gì mà chúng ta đang hưởng trên đất Mỹ, phần lớn là do những hy-sinh của những anh-hùng vô-danh đó. Chúng ta có bổn-phận phải tiếp tục chiến-đấu và phải làm tất cả những gì để cho thế-hệ con em chúng ta biết về chiến-công oanh-liệt của TQLC tại Quảng-Trị ngày 16-9-72, một ngày phải được ghi vào Quân-sử của QLVNCH./.

San Jose ngày 16 tháng 9 năm 2003

**MX NGÔ VĂN ĐỊNH**

## **MAI SÙNG CHO LẮM VẪN LÀ TRÂU**



Mai sùng cho lắm vẫn là trâu.  
Học lắm cho nên mới bạc đầu;  
Đồ được nhiều bằng đem lộng kiếng;  
Vác bằng xin việc có được đầu;  
Mỹ nó không muốn mình làm boss.  
Họ chỉ muốn mình là chú hầu.  
Sai lắm gì mình phải lắm nấy;  
Chúng ngò làm boss để gãi râu.

**Vân Đình- Nguyễn Văn Đình**  
LS; JD, MA, MSW, Ph.D

## **SINH HOẠT HỘI LUẬT GIA VN**

Từ ngày Covid nó lên ngò;  
Hội Luật Cali ngưng họp rồi  
Không biết bao giờ mới họp lại  
Hay là tiếp tục “nhịn” đi thôi  
Đồng môn lặng lẽ đi không nói.  
Đồng nghiệp âm thầm bỏ cuộc chơi.  
Tên Tập Cận Bình thật quái ác;  
Quăng ra vi rút hại nhau rồi

**VÂN ĐÌNH**

# DIỄN BIẾN ĐƯA TỚI BIẾN CỐ 30-4-1975

LỮ GIANG (28-4-2015)

Kissinger nói với Thủ Tướng Chu Ân Lai như sau: “*Và tôi tin rằng tương lai quan hệ giữa Hoa Kỳ và Bắc Kinh quan trọng đối với Á Châu hơn là những gì có thể xảy ra tại Phnom penh, Hà Nội hay Sài gòn.*”

Tổng Thống John F. Kennedy: “*Thay đổi là luật của cuộc sống. Và những kẻ chỉ nhìn vào quá khứ chắc chắn sẽ mất tương lai*”

XXXX

Năm nay, kỷ niệm 40 năm (tính đến năm 2015) mất Miền Nam, cộng đồng người Việt hải ngoại đã tổ chức rầm rộ các lễ tưởng niệm và thực hiện các cuộc trao đổi về những kinh nghiệm thương đau mà họ đã trải qua trong những ngày đen tối của lịch sử. Gần như người nào cũng nói lên quyết tâm “giải phóng” quê hương, nhưng chưa ai tìm ra được con đường có thể đi tới mục tiêu. Nói một cách tổng quát, tất cả vẫn chỉ là ước vọng.

Triết gia George Santayana (1863 – 1952) đã nhắc nhở chúng ta: “*Những người không thể nhớ quá khứ bị kết án tái diễn nó. Học từ quá khứ của chúng ta là cách duy nhất có trách nhiệm để chuẩn bị cho chính chúng ta về tương lai, nhất là khi quá khứ đó là chứng tích của thất bại đáng ghi nhớ.*”

Vì thế, hôm nay chúng tôi xin tóm lược lại dưới đây những diễn biến đưa tới biến cố 30 tháng 4 để giúp những người hờ hào đấu tranh “giải phóng” quê hương xem lại mình có đi vào vết xe cũ hay không và tìm một hướng đi có hiệu quả hơn.

## 1.- QUYẾT ĐỊNH BỎ MIỀN NAM VIỆT NAM

Vào tháng 8 năm 2004, nhân kỷ niệm

30 năm ngày Tổng Thống Nixon từ chức, Miller Center of Public Affairs thuộc Đại Học Virginia đã cho công bố băng ghi âm các cuộc nói



TT Nixon và Kissinger

chuyện giữa Nixon và Kissinger, trong đó có đề cập đến số phận của miền Nam Việt Nam và cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ cuối năm 1972. Tổng thống Nixon đi đến kết luận rằng Hoa Kỳ ủng hộ việc “*Nam Việt Nam có thể không bao giờ còn tồn tại dù bất cứ cách nào.*” (South Vietnam probably can never even survive anyway). Nhưng ông hỏi cố vấn an ninh Henry Kissinger: “*Henry, chúng ta cũng phải nhận thức rằng thắng trong một cuộc bầu cử là hết sức quan trọng. Nó hết sức quan trọng trong năm nay, nhưng chúng ta có thể có một chính sách ngoại giao đứng vững (a viable foreign policy) nếu một năm kể từ bây giờ hay hai năm kể từ bây giờ, Bắc Việt thôn tính Nam Việt Nam? Đó thật là vấn đề.*”

Kissinger trả lời: “*Nếu một hay hai năm kể từ bây giờ, Bắc Việt thôn tính Nam Việt Nam, chúng ta có thể có một chính sách ngoại giao đứng vững nếu coi điều đó như thể là kết quả của sự bất tài của người Nam Việt Nam*” (if it's the result of South Vietnamese incompetence.)

## 2.- KISSINGER ĐI BẮC KINH GIAO MIỀN NAM CHO TRUNG QUỐC

Hôm 26.5.2006, Văn Khố An Ninh Quốc



*Kissinger và Chu Ân Lai*

Gia (National Security Archive) của Hoa Kỳ đã cho phổ biến 2.100 bản văn (memoranda) dài 28.000 trang mang tên “The Kissinger Transcripts: A Verbatim Record of U.S. Diplomacy, 1969-1977”. Trong đồng hồ sơ này có 6 tài liệu liên quan đến Việt Nam, đó là các tài liệu số 1, 2, 3, 10, 11 và 12. Vì tài liệu quá dài, chúng tôi chỉ trích dẫn một đoạn ghi lại cuộc đàm thoại mặt đối mặt giữa Kissinger và Chu Ân Lai ngày 20.6.1972 tại Bắc Kinh trong tài liệu số 10 (dài 37 trang), trong đó có đoạn Kissinger nói với Thủ Tướng Chu Ân Lai như sau: “Hôm nay tôi ngồi ở đây chứng tỏ cái căn bản dựa trên đó Hoa Kỳ đưa quân vào Đông Dương không còn giá trị nữa. Chúng tôi thừa hưởng một chính sách và bây giờ chúng tôi phải thanh lý thế nào để không ảnh hưởng đến vị thế của chúng tôi trên thế giới và sự ổn định trong nước. Chúng tôi thật tâm muốn chấm dứt cuộc chiến này. Và ông thủ tướng biết từ năm 1967 tôi đã mở đầu cuộc thương thuyết với Hà Nội. Và trước đây tôi đã nói với ông thủ tướng rằng chúng tôi quan niệm nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một thực thể mạnh nhất tại bán đảo Đông Dương. Chúng tôi không có lợi gì làm tan vỡ hay đánh bại thực thể đó. Sau khi chúng tôi rút quân xong, chúng tôi ở xa 12.000 dặm trong khi nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ cách Sài Gòn 300 dặm. Tôi không hiểu tại sao Hà Nội không thấy được sự việc đó.”

Kissinger nói tiếp: “Trước đây tôi đã nói

với ông thủ tướng rằng chúng tôi không muốn duy trì một căn cứ quân sự nào tại Đông Dương hoặc theo đuổi chính sách của vị ngoại trưởng không chịu bắt tay ông thủ tướng. Thời đại đó qua rồi. Và tôi tin rằng tương lai quan hệ giữa Hoa Kỳ và Bắc Kinh quan trọng đối với Á châu hơn là những gì có thể xảy ra tại Phnom Penh, Hà Nội hay Sài Gòn.”

### **3.- ÉP VNCH KÝ HIỆP ĐỊNH PARIS.**

Một cuộc hòa đàm để chấm dứt chiến tranh Việt Nam đã được tổ chức tại Paris từ năm 1968. Sau một thời gian dài tranh luận gay gắt, một bản dự thảo hiệp định chấm dứt chiến tranh Việt Nam đã được Washington và Hà Nội đồng ý. Ngày 18.10.1972 Kissinger đã bay đến Saigon làm áp lực Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu phải đồng ý nội dung bản dự thảo này, với hy vọng sẽ mang ra Hà Nội ngày 24.10.1972 để Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ký tắt vào. Nhưng Kissinger đã thất bại. Chỉ trong một thời gian ngắn, phía VNCH đã phát hiện ra đến 23 điểm cần phải điều chỉnh. Kissinger chỉ đồng ý điều chỉnh 16 điểm không quan trọng mà thôi. Số còn lại phải để nguyên. Cuộc đối thoại trở nên gay gắt về hai điểm then chốt là việc chấp nhận cho quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam Việt Nam và việc thành lập một Hội Đồng Hòa Giải Hòa Hợp giống như một chính phủ liên hiệp. VNCH coi đây là một cách bán đứng miền Nam Việt Nam cho Hà Nội nên cương quyết chống lại.

Thất bại với VNCH, Kissinger đưa ra một bản dự thảo mới, yêu cầu Hà Nội tái thảo luận, nhưng Hà Nội từ chối. Tổng Thống Nixon liền gửi cho Hà Nội một thông điệp nói rằng nếu Hà Nội không chấp nhận thảo luận một cách nghiêm chỉnh thì sau 72 tiếng đồng hồ nữa Hoa Kỳ sẽ ném bom trở lại từ vĩ tuyến 20 trở lên. Ngày 18.2.1972, khi thời hạn này chấm dứt, hàng loạt B.52 đã bay đến ném bom xuống các căn cứ quân sự ở Hải Phòng và Hà Nội. Đây là những khu vực chưa hề là mục tiêu đánh phá từ trước đến nay.

Cùng lúc đó, Tướng Haig được cử đến Saigon với sứ mạng vừa hứa hẹn vừa đe dọa.



Trong thông điệp trao cho Tổng Thống Thiệu ngày 14.11.1972, Tổng Thống Nixon có cam kết: “Tôi tuyệt đối cam đoan với Ngài rằng nếu Hà Nội không tuân theo những điều kiện của Hiệp Định này thì tôi cương quyết sẽ có hành động trả đũa mau lẹ và ác liệt.” Nhưng Tướng Haig cũng không quên lặp lại lời đe dọa của Washington rằng nếu Tổng Thống Thiệu không chấp nhận bản dự thảo hiệp định mới, Hoa Kỳ sẽ cắt hết viện trợ và ký một hiệp định riêng với Bắc Việt.

Sau 12 ngày bị dội bom nặng nề, Hà Nội chấp nhận thảo luận lại thỏa hiệp cũ với Kissinger vào ngày 30.12.1972. Hà Nội đồng ý sửa đổi lại một số điều khoản trong dự thảo hiệp định, nhất là không còn coi Hội Đồng Hòa Giải Hòa Hợp như là một thứ chính phủ liên hiệp từ trung ương đến địa phương nữa, nhưng nhất quyết không chấp nhận điều khoản buộc quân Bắc Việt phải rút lui. Hoa Kỳ quay lại làm áp lực với Việt Nam Cộng Hòa.



*TT Thiệu và TT Nixon*

Tổng Thống Thiệu thừa biết Bắc Việt cố giữ lại điều khoản không rút quân để khi Hoa Kỳ rút hết, họ sẽ mở cuộc tấn công trở lại, nhưng bị ám ảnh bởi cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm khi Mỹ muốn đem quân vào, Tổng Thống Thiệu đã ra lệnh cho ký kết bản Hiệp Định Paris ngày 27.1.1973, sau khi Washington tăng thêm một số quân dụng được tiếp tế khẩn cấp qua chương trình Enhance và Enhance Plus.

#### **4.- HÀ NỘI LẬP KẾ HOẠCH ĐÁNH CHIẾM**

**Luật Khoa VN tại Bắc Cali. 2023**

## **MIỀN NAM**

Sau khi ký Hiệp Định Paris, Hà Nội lập ngay kế hoạch đánh chiếm Miền Nam. Theo kế hoạch này, muốn chiếm miền Nam một cách nhanh chóng phải đánh thẳng vào Sài Gòn, đầu não của miền Nam, bỏ qua các tỉnh miền Trung. Trong cuốn “Đại Thắng Mùa Xuân” xuất bản năm 1976, Tướng Văn Tiến Dũng đã viết:

“Một vấn đề then chốt là phải có hệ thống đường cơ động tốt. Công trình xây dựng con đường chiến lược Đông Trường Sơn bắt đầu từ năm 1973, hoàn thành đầu năm 1975 được xúc tiến với nhịp độ hết sức khẩn trương nối liền từ đường số 9 (Quảng Trị) vào đến miền Đông Nam Bộ là công trình lao động của hơn 30.000 bộ đội và thanh niên xung phong, đưa tổng số chiều dài đường chiến lược và chiến dịch, cũ và mới, làm trong suốt cuộc chiến tranh lên hơn 20.000 kilô mét...”

“Đọc theo đường chiến lược Đông Trường Sơn là hệ thống 5.000 kilô mét ống dẫn dầu kéo dài từ Quảng Trị qua Tây Nguyên tới Lộc Ninh, vượt cả sông, suối sâu, núi cao, có ngọn hơn 1000 mét, đủ sức tiếp dầu cho hàng chục ngàn xe các loại vào, ra trên đường...”

Khi sửa chữa lại con đường 14 do người Pháp làm, thường được Hà Nội gọi là đường Đông Trường Sơn, có hai cái chốt phải nhổ mới có thể khai thông được, đó là THƯỜNG ĐỨC ở phía tây Đà Nẵng và ĐỨC LẬP, ở phía tây Ban Mê Thuột. Trong cuốn “Kết Thúc Cuộc Chiến Tranh 30 Năm” Tướng Trần Văn Trà cho biết vào tháng 10 năm 1974, ông và Phạm Hùng ra Bắc họp, Bộ Chính Trị đã ra lệnh tại Nam Tây Nguyên phải mở hành lang chiến lược đoạn Đức Lập cho thông suốt. Năm 1976 sẽ bắt đầu đánh lớn.

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và bộ tham mưu của ông không hề hay biết gì đến chiến lược này nên không có kế hoạch bảo vệ Thường Đức và Đức Lập để ngăn chặn sự xâm nhập của Cộng quân.

#### **5.- MỸ ĐÁNH LỪA TỔNG THỐNG THIỆU**

Trong cuốn “Khi Đồng Minh Tháo Chạy”, Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng có kể lại rằng ông

có được đọc trong “Phòng Tình Hình” của Dinh Độc Lập một tập báo cáo của Tướng John Murray do Bộ Tổng Tham Mưu trình lên, trong đó ghi những điểm mà ông nhớ được như sau:

- Nếu mức độ quân viện là 1,4 tỷ thì có thể giữ được tất cả những khu đông dân cư của cả bốn Vùng Chiến Thuật.

- Nếu là 1,1 tỷ thì Quân Khu I phải bỏ;  
- Nếu là 900 triệu thì khó lòng giữ được QK I và II, hoặc khó đương đầu với cuộc tấn công của Bắc Việt...

Tướng John E. Murray là người lãnh đạo Cơ Quan Tùy Viên Quân Sự (Defense Attaché Office –DAO) của Mỹ tại Việt Nam từ tháng 1/1973 đến tháng 8/1974 và Tướng Homer D. Smith là người sau cùng. Thông thường, các báo cáo của DAO không hề được tiết lộ cho chính phủ VNCH biết, tại sao nó lại lọt vào Bộ Tổng Tham Mưu? Phải chăng Hoa Kỳ muốn dụ Tổng Thống Thiệu bỏ Quân Khu I và Quân Khu II? Theo nội dung ông Nguyễn Tiến Hưng nhớ được, chúng ta thấy đây chỉ là một bản phân tích tình hình chứ không phải là một giải pháp hay một kế hoạch hành động được đề nghị. Nhưng Tổng Thống Thiệu lại dựa vào đó để quyết định số phận của Miền Nam!

Khi số viện trợ rút xuống còn 700 triệu, ông quyết định chỉ giữ phần đất từ Tuy Hoà trở vào và giao cho Trung Tướng Đặng Văn Quang và Chuẩn Tướng Ted Serong (một tướng chống du kích người Úc) lập kế hoạch hình thành một phòng tuyến mới từ Tuy Hoà đến Tây Ninh và gọi đó là chiến lược “DẦU BÉ ĐÍT TO” hay “Từng chiến lược từng mức viện trợ” và “tái phối trí”, đó là bỏ Vùng I và Vùng II, rút quân về lập phòng tuyến ở Tuy Hòa.

Cuối năm 1974, kế hoạch này đã được tiết lộ tại Sài Gòn. Tôi nhớ một số nhà chính trị đã họp tại văn phòng Luật sư Mai Văn Lễ ở đường Pasteur để bàn về tin đồn này. Tất cả đều đi đến kết luận rằng kế hoạch đó nếu có sẽ là một kế hoạch bất khả thi vì hai lý do: Lý do thứ nhất, Tuy Hòa không phải là địa thế có thể làm phòng tuyến, nhất là sau khi bỏ Cao Nguyên. Lý do thứ hai, việc rút quân không thể

thực hiện được, trừ khi có một hiệp định phân chia lại lãnh thổ và rút quân như Hiệp Định Genève năm 1954. Không ngờ chuyện đó lại có thật! Ông Thiệu vì yếu kém cả về chính trị lẫn quân sự, đã theo đuổi một kế hoạch không tưởng, làm mất Miền Nam chỉ trong 40 ngày

Ngày 7.8.1974 Thường Đức bị mất.  
Ngày 6.1.1975 Phước Long thất thủ.

Ngày 9.3.1975 Cộng quân chiếm Đức Lập và ngày 10.3.1975 chiếm Ba Mê Thuật.

Sau khi Ban Mê Thuật bị thất thủ, ngày 14.3.1975 Tổng Thống Thiệu cùng với các tướng Trần Thiện Khiêm, Đặng Văn Quang và Cao Văn Viên đến Cam Ranh họp với Tướng Phạm Văn Phú và ra lệnh rút khỏi Kontum và Pleiku. Ông Thiệu nói rằng “phải rút nhanh để tập trung quân phản kích lấy lại Ban Mê Thuật theo đường 21, lấy Khánh Dương làm bàn đạp.” Con đường để rút là Liên Tỉnh Lộ 7B nối liền Pleiku và Phú Yên vì không còn con đường nào khác. Đây là một con đường đã bị bỏ từ lâu.

Để bảo đảm bí mật tuyệt đối, Tổng Thống Thiệu ra lệnh không làm văn bản, chỉ truyền khẩu lệnh, cấm không tiết lộ cho Mỹ biết. Cũng không được tiết lộ cho địa phương quân và các tiểu khu, tức là bỏ các đơn vị này. Đây là một cuộc rút quân bi thảm nhất trong chiến tranh Việt Nam. Cuộc rút quân bắt đầu từ ngày 15.3.1975 đến ngày 20 thì tan rã.

Theo tài liệu của Hà Nội, trong cuộc rút quân khỏi Cao Nguyên, họ đã loại khỏi vòng chiến 28.514 sĩ quan và binh sĩ QLVNCH, trong số đó có 4.502 chết hoặc bị thương, 16.822 bị bắt làm tù binh, trong đó có 779 sĩ quan. Họ đã thả ra 7.190 người.

Tài liệu của VNCH ước lượng trong khoảng 160.000 người chạy theo đoàn xe di tản, chỉ có khoảng 60.000 tới được Tuy Hòa. Số còn lại chết trong rừng hay phải quay trở lại Pleiku. Sáu Liên Đoàn Biệt Động Quân với khoảng 7.000 quân, chỉ có 900 về đến Nha Trang và đóng trong thành phố.

Ngày 19.3.1975 thành phố Quảng Trị bị

thất thủ.

Ngày 25.3.1975 Tổng Thống Thiệu ra lệnh cho Tướng Ngô Quang Trưởng rút khỏi thành phố Huế. Đoàn quân di tản bị đánh chặn ở đèo Hải Vân, cửa Tư Hiền và cửa Thuận An nên tan rã.

Ngày 29.3.1975 thành phố Đà Nẵng, nơi đặt Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 1, bị tấn công và thất thủ. Rối loạn xảy ra. Tướng Ngô Quang Trưởng phải bơi ra khơi để được một tàu Hải Quân vớt.

Ngày 31.3.1975, thành phố Quy Nhơn và Nha Trang rơi vào tay Cộng Quân. Ngày 1.4.1975, thành phố Tuy Hòa thuộc tỉnh Phú Yên bị thất thủ. Ngày 15.4.1975 phòng tuyến Phan Rang được thiết lập do Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi chỉ huy. Nhưng ngày 15 Cộng quân đã chiếm Phan Rang, Tướng Vĩnh Nghi bị bắt.

Đêm 20 rạng ngày 21.4.1975, Sư Đoàn 18 bảo vệ Xuân Lộc được lệnh rút về bảo vệ Sài Gòn.

## 6.- TỔNG THỐNG THIỆU TỪ CHỨC



*TT Thiệu tuyên bố từ chức*

Trong cuốn “Decent Interval”, Frank Snepp, trưởng nhóm phân tích viên của CIA ở Saigon lúc đó, đã kể chuyện Đại Sứ Martin đến thuyết phục Tổng Thống Thiệu từ chức, đại khái như sau:

Để thúc đẩy Tổng Thống Thiệu ra đi, Đại Sứ Martin đã đến gặp ông ta và nói rằng ông muốn nói chuyện với tư cách cá nhân chứ không phải thay mặt Tổng Thống hay Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và cũng không phải với tư cách Đại Sứ Hoa Kỳ. Ông nói rằng tình hình quân sự cực kỳ xấu và dân chúng đổ cho ông ta. Những người cùng phe với ông ta hay phe đối nghịch với ông ta đều nói ông bất lực trong việc đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng hiện nay. Các tướng lĩnh của ông ta, mặc dầu quyết tâm chiến đấu, đều cho rằng không còn hy vọng gì nữa nếu không có một cuộc đàm phán với phía bên kia. Các tướng sẽ yêu cầu ông ra đi nếu ông không chịu từ chức lúc này. Cuộc nói chuyện kéo dài một tiếng rưỡi.

Cho đến giờ phút này Tổng Thống Thiệu vẫn chưa nhận ra được Miền Nam sắp mất, ông còn hỏi Đại Sứ Martin: “Nếu tôi từ chức, viện trợ Mỹ có đến không?” Đại Sứ Martin trả lời: “Tôi không dám hứa nhưng có thể có”.

Khi Đại Sứ Martin từ biệt, ông Thiệu nói “ông ta sẽ làm điều mà ông ta nghĩ là có lợi nhất cho đất nước.” (He would do what he thought was the best for the country).

Ngày 21.4.1975, Tổng Thống Thiệu xuất hiện trên hệ thống truyền thanh và truyền hình trong nước tuyên bố từ chức sau khi chờ Mỹ phản bội và trao chức Tổng Thống lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương.

## 7.-ĐÁNH LỬA ÔNG HƯƠNG VÀ TƯỚNG MINH.

Thúc đẩy được ông Thiệu từ chức rồi, các viên chức Hoa Kỳ gặp khó khăn khác là thuyết phục ông Trần Văn Hương trao quyền cho Tướng Dương Văn Minh để tuyên bố đầu hàng. Frank Snepp mô tả tình trạng ông Hương lúc đó như sau: “Tổng Thống mới Trần Văn Hương, 71 tuổi, bị liệt, gần như mù, thề đứng vững cho đến khi “quân đội bị tiêu diệt hay là.



**TT Trần Văn Hương**

nước mắt”! (tr. 396).

Ông Hương không hiểu gì về tình hình, tưởng cờ đã đến tay nên nhất định đòi phát. Ông đã bí mật đến gặp Tướng Dương Văn Minh và yêu cầu Tướng Minh làm Thủ Tướng, nhưng Tướng Minh từ chối. Người Mỹ lại phải ra tay.

Frank Snepp cho biết sáng 20.4.1975, Đại Sứ Mattin đã đi gặp Đại Sứ Mérillon của Pháp và xin tiếp một tay. Ông nói với Đại Sứ Mérillon rằng ông được phái bộ CIA cho biết tình hình không còn cứu vãn được. Nếu Hà Nội quyết định đánh nhanh, không giữ nổi một tháng, dù có bảo vệ tốt. Mặc dầu Hà Nội muốn chiếm Sài Gòn nguyên vẹn chứ không muốn thấy Sài Gòn đổ nát, nhưng không nên loại trừ khả năng thứ hai nếu không đi đến thương lượng. Đại Sứ Mérillon đã giúp rất tận tình trong vấn đề này.

Đại Sứ Mérillon đã cho cả ông Hương lẫn Tướng Minh biết rằng tình hình không còn cứu vãn được và phải nói chuyện với “phía bên kia” để tìm một giải pháp, nhưng bên kia chỉ nói chuyện với Dương Văn Minh nên phải trao quyền cho Tướng Minh. Người Pháp hứa sẽ đứng ra làm trung gian cho cuộc thương thuyết này. Cuối cùng ông Hương cũng đồng ý trao quyền cho Tướng Minh với điều kiện phải có sự quyết định của Quốc Hội.

Trong khi đó, Frank Snepp cho biết Tướng Timmes đã đi gặp Tướng Minh và hỏi quan điểm của ông ta về tương lai, Tướng Minh cười và trả lời: “Vẫn còn cơ hội cho các cuộc thương thuyết...” (There was still a chance for negotiations, tr. 458). Frank Snepp nói rằng không ai tin đến giờ phút đó Việt Cộng còn chấp nhận đàm phán. Chúng ta biết Tướng Thiệu và ông Hương không bao giờ chịu tuyên bố đầu hàng nên Mỹ phải tìm cách đưa Tướng Minh ra làm hàng Tướng!

Ngày 26.4.1975 lưỡng viện Quốc Hội đã họp tại Thượng Viện dưới quyền chủ tọa của ông Trần Văn Lắm, Chủ Tịch Thượng Viện, để đưa Tướng Dương Văn Minh lên làm Tổng Thống. Có 136 trong số 219 nghị sĩ và dân biểu đến họp. Sau khi Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trường Quân Lực VNCH, và Tướng Nguyễn Khắc Bình, Tổng Giám Đốc CSQG, trình bày về tình hình, Quốc Hội bắt đầu thảo luận về việc trao quyền cho Tướng Dương Văn Minh. Có rất nhiều sự bất đồng về việc trao quyền, vì cho rằng sự trao quyền này là bất hợp hiến. Nhưng các nhóm vận động hậu trường dưới sự chỉ đạo của CIA đã hoạt động rất ráo riết nên cuối cùng, lúc 20 giờ 54 phút, Quốc Hội đã biểu quyết chấp thuận trao quyền cho Tướng Dương Văn Minh với số phiếu 147/151.

## 8.- TƯỚNG MINH NHẬN CHỨC



Chiều 28.4.1975, vào lúc 17 giờ 50, Tướng Dương Văn Minh đã nhận chức Tổng Thống. Lễ bàn giao được diễn ra tại Phòng Khánh Tiết của Dinh Độc Lập lúc 17 giờ, có trực tiếp truyền thanh. Tướng Minh cử Luật sư Vũ Văn Mẫu thuộc “thành phần thứ ba” làm

Thủ Tướng. Đáng lẽ ra chính phủ Vũ Văn Mẫu

làm lễ ra mắt trong ngày 29.4.1975, nhưng Bác Sĩ Hồ Văn Minh coi bói và cho biết ngày 30.4.1975 ra mắt chính phủ mới tốt, nên cả Tướng Minh lẫn Luật sư Mẫu đồng ý như vậy!

Sau đó, Đô Đốc Chung Tấn Cang, Tư Lệnh Hải Quân, vào Dinh Hoa Lan gặp Tướng Minh cho biết tình hình và hỏi Tướng Minh có định ra đi không. Tướng Minh cho con gái là Dương Mai, con rể là Đại Tá Nguyễn Hồng Đài và hai cháu ngoại lên tàu di tản với Đô Đốc Cang, còn ông và bà Minh ở lại.

Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng, đã ra đi vào chiều 28.4.1975 với Chuẩn Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng Phòng 3.Sáng 29.4.1975, Trung Tướng Đồng Văn Xuyên, Tham Mưu Trưởng Liên Quân kiêm Tổng Cục Trưởng Tiếp Vận, và Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô cũng ra đi.

Được tin này, Tướng Dương Văn Minh yêu cầu Trung Tướng Vĩnh Lộc làm Tổng Tham Mưu Trưởng, nhưng Trung Tướng Lộc đề nghị giao chức này cho Trung Tướng Ngô Quang Trưởng. Tướng Minh từ chối với lý do Tướng Trưởng bỏ chạy khỏi Vùng I đang gây hoang mang. Cuối cùng Tướng Lộc nhận. Tướng Minh liền tạm thời chỉnh đốn lại Bộ Tổng Tham Mưu như sau: Trung Tướng Vĩnh Lộc làm Tổng Tham Mưu Trưởng; Chuẩn Tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Phụ Tá Tổng Tham Mưu Trưởng đặc trách hành quân; Đại Tá Hồ Ngọc Nhân, Quyền Tham Mưu Trưởng Liên Quân; Thiếu Tướng Lâm Văn Phát Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, v.v.

Trong khi đó, vào lúc 11 giờ 30, ông Vũ Văn Mẫu đến đài phát thanh Sài Gòn đọc công hàm của Tổng Thống Dương Văn Minh yêu cầu các nhân viên Cơ Quan Tùy Viên Quân Sự (DAO) thuộc Toà Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn rút khỏi Việt Nam trong vòng 24 tiếng đồng hồ kể từ ngày 29.4.1975. Nguyên văn công hàm đó như sau: “Thưa ông Đại Sứ, “Tôi trân trọng yêu cầu ông Đại Sứ vui lòng ra chỉ thị cho các nhân viên của Cơ Quan Tùy Viên Quốc Phòng DAO rời khỏi Việt Nam trong 24 giờ đồng hồ kể từ ngày 29.4.1975 để vấn đề Hoà Bình Việt Nam

sớm được giải quyết.”

Đại Sứ Martin liền thông báo cho Tổng Thống Minh rằng ông “đã chỉ thị như ngài yêu cầu”. Ông yêu cầu Tổng Thống Minh ra lệnh cho quân đội VNCH dành mọi sự dễ dàng cho việc di chuyển các nhân viên DAO. Sau này người ta mới biết Tổng Thống Minh đã gởi công hàm nói trên theo lời yêu cầu của Đại Sứ Martin, còn Ngoại Trưởng Kissinger nói rằng lời yêu cầu như vậy là để cho Mỹ có cái “danh chính ngôn thuận” ra đi.

## **9.- ĐÊM ĐẦU TIÊN VÀ CUỐI CÙNG TẠI DINH ĐỘC LẬP**

Đêm 29.4.1975, Tướng Minh vào ngủ trong Dinh Độc Lập để tránh pháo kích. Ông Vũ Ánh, Chánh Sự Vụ Sở Thời Sự Hệ Thống Truyền Thanh Quốc Gia, lúc đó đang ở đài phát thanh Sài Gòn, cho biết khoảng 4 giờ sáng, Tổng Thống Minh đã gọi ông và hỏi có tin tức gì mới liên quan đến Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ trên những bản tin viễn án hay không. Ông Ánh trả lời rằng ngoại trừ một bản tin rất ngắn của hãng thông tấn UPI cho biết mọi liên lạc giữa Tòa Đại Sứ Mỹ và chính phủ Vũ Văn Mẫu bị cắt đứt, không có tin tức nào khác.

Dân biểu Lý Quý Chung, người luôn đi cạnh Tướng Minh, cho biết sau khi nhận chức, Tướng Minh đã cho đi tìm Đại Sứ Pháp Merillon để hỏi xem việc liên lạc với “phía bên kia” nhưng thế nào, nhưng Đại Sứ Merillon đã biến mất.

Lúc đó, Tướng Minh chỉ còn hy vọng Thượng Tọa Thích Trí Quang, người hứa sẽ đưa người “phía bên kia” đến thương lượng để thành lập chính phủ liên hiệp. Tướng Nguyễn Hữu Có kể lại, lúc 4 giờ 35 sáng ngày 30.4.1975, Tướng Minh đã gọi cho Thích Trí Quang thì Thích Trí Quang trả lời: “Thưa Tổng Thống, cũng như Tổng Thống là tôi vẫn chờ đến giờ này và theo tôi nghĩ có lẽ với tình thế hiện tại, trong sự mạng của tôi, người đứng trung gian bắc nhịp cầu của thế cờ chính trị, có thể nói là chấm dứt. Với trọng trách là Tổng Thống, hơn nữa là một Đại Tướng, tôi nghĩ công việc phải nhờ vào tài quân sự của Đại Tướng, chứ giải

pháp chính trị của tôi coi như chấm dứt, và từ giờ phút này nếu có chuyện gì xảy đến thì mọi trách nhiệm đều do Tổng Thống, à quên Đại Tướng quyết định với giải pháp quân sự, mà trong lãnh vực này Đại Tướng rất rành và giỏi hơn tôi. Xin chào Tổng Thống...”

Tướng Minh chỉ trả lời gọn một câu “Thầy giết tôi rồi!” và cúp máy điện thoại.

## 10.- THAY VÌ RA MẮT CHÍNH PHỦ LẠI TUYÊN BỐ ĐẦU HÀNG



Lúc 8 giờ 30 ngày 30.4.1975, Tướng Minh đến Phủ Thủ Tướng ở số 7 đường Thống Nhất để họp với chính phủ Vũ Văn Mẫu và xem xét tình hình.

Giáo Sư Bùi Tường Huân, Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng của chính phủ Vũ Văn Mẫu, đã kể với tôi rằng sáng 30.4.1975, khi tân Nội Các họp tại Dinh Thủ Tướng để chuẩn bị đến Dinh Độc Lập làm lễ ra mắt thì Tướng Dương Văn Minh có bảo ông và Trung Tướng Nguyễn Hữu Có, Phụ Tá Tổng Trưởng Quốc Phòng, liên lạc với Bộ Tổng Tham Mưu xem tình hình quân sự như thế nào. Tướng Có gọi điện thoại đến Văn Phòng Tổng Tham Mưu nhưng không ai trả lời. Một lúc sau, có một người nhắc điện thoại lên. Tướng Có hỏi anh ta là ai. Anh ta trả lời anh là một Trung Sĩ làm việc trong Bộ Tổng Tham Mưu, đi ngang nghe điện thoại reo dữ quá, anh đến nhắc lên xem có chuyện gì không, vì trong Văn Phòng Tổng Tham Mưu không còn ai cả. Tướng Có nhờ anh ta ra xem xung quanh có sĩ quan nào cao cấp còn đứng đó không. Anh ta đi một vòng thì thấy có cựu Chuẩn Tướng Nguyễn Hữu Hạnh. Anh liền báo tin cho Tướng Có biết.

Dương Văn Minh nghe được, liền bảo gọi cựu Chuẩn Tướng Hạnh đến nói chuyện với ông. Khi nói chuyện với Tướng Hạnh, Dương Văn Minh mới biết Tướng Vĩnh Lộc, Tổng Tham Mưu Trưởng đã đi lúc 5 giờ 30 sáng rồi. Tướng Lâm Văn Phát, Tư lệnh Biệt Khu Thủ Đô cũng đã biến mất. Tướng Hạnh cho biết không còn liên lạc được với đơn vị nào cả.

Khoảng 9 giờ 30, khi Tướng Hạnh báo cáo tình hình không còn gì để hy vọng nữa, Dương Văn Minh bàn với nội các rồi quyết định đầu hàng. Ông yêu cầu đài phát thanh Sài Gòn cử người sang số 7 đường Thống Nhất để thu thanh một lời hiệu triệu rất quan trọng. Ông Vũ Ánh đã cử phóng viên Lê Phú Bôn và kỹ thuật viên Hồ Ôn đi làm công tác này.

Lời kêu gọi do Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu soạn thảo, nhưng khi Tướng Minh đọc, vì quá xúc động, bị vấp nhiều chỗ phải thu đi thu lại đến 3 lần. Lúc 10 giờ 15, cuốn băng này đã được phát trên đài phát thanh Sài Gòn, nguyên văn như sau: “Đường lối chủ trương của chúng tôi là hòa giải và hòa hợp dân tộc để cứu sinh mạng đồng bào. Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hòa giải của người Việt Nam để khỏi thiệt hại xương máu của người Việt Nam. Vì lẽ đó, tôi yêu cầu tất cả anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng hòa hãy bình tĩnh, không nổi sùng và ở đâu ở đó. Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam ngưng nổi sùng. Chúng tôi ở đây chờ gặp Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận lễ bàn giao chính quyền trong một trật tự, tránh đổ máu vô ích của đồng bào”.

Tướng Minh cũng bảo Tướng Hạnh lấy tư cách Phụ Tá Tổng Tham Mưu Trưởng đọc nhật lệnh ra lệnh cho tất cả các đơn vị còn lại buông súng. Nhật lệnh của Tướng Hạnh như sau: “Tổng Thống đã quyết định bàn giao chính quyền. Yêu cầu các đơn vị buông súng, trực tiếp xúc với lực lượng của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời đối diện để trao lãnh thổ. Cố gắng tránh đổ máu.”

Sau đó Tướng Minh và nội các trở về Dinh Độc Lập để đợi “phía bên kia” vào và bàn giao.

## 11.- NHỮNG DIỄN BIẾN SAU CÙNG

Lúc 11 giờ 30, chiếc xe tăng T-54 đầu tiên của Cộng quân tiến trên đại lộ Thống Nhất đi về phía Dinh Độc Lập, ủi sập một cánh cổng đã mở, sau khi bắn hai phát đại bác long trời lở đất. Tiếng chân chạy ồn ào trong đại sảnh, có tiếng đạn lên nòng, một khẩu lệnh vang lên: “Mọi người đi ra khỏi phòng ngay!” Dương Văn Minh là người bước ra đầu tiên, Thiếu Tá tùy viên Hoa Hải Đường đi bên cạnh, phía sau là Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Văn Huyền... Nhiều bộ đội ở đầu kia đại sảnh hét to: “Mọi người giữ hai tay lên!”. Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu và đoàn tùy tùng nhất loạt tuân lệnh.

Khi mọi người chưa kịp làm gì tiếp thì Trung Tá Bùi Tùng, Chính Ủy Lữ Đoàn Xe Tăng 203 tới. Ông Minh thấy ông Tùng người to cao thì lễ phép chào và nói: “Thưa ông, chúng tôi đợi các ông vào lâu rồi để bàn giao chính quyền”. Trung Tá Tùng nói: “Các ông là người bại trận. Các ông không còn gì để bàn giao mà chỉ có đầu hàng vô điều kiện”.

Ông Tùng buộc Tổng Thống Dương Văn Minh và Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu đến đài phát thanh Sài Gòn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Bản tuyên bố đầu hàng do Chính Trị Viên Bùi Tùng thảo, ông Minh đọc và đài phát thanh phát đi vào lúc 13 giờ 30: “Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng Thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi Quân Lực Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam”

Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu phát biểu tiếp theo: “Trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, tôi, Giáo sư Vũ Văn Mẫu, Thủ Tướng, kêu gọi tất cả các tầng lớp đồng bào hãy vui vẻ chào mừng ngày hòa bình của dân tộc, và trở lại sinh hoạt bình thường. Chuyên viên của các cơ quan hành chính quay trở về vị trí cũ dưới sự hướng dẫn của chính quyền cách mạng”.

Rồi đến lời của Chính ủy Bùi Tùng: “Chúng tôi đại diện lực lượng quân Giải phóng miền Nam Việt Nam long trọng tuyên bố Thành phố Sài Gòn đã được giải phóng hoàn toàn, chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của ông Dương Văn Minh, Tổng Thống chính quyền Sài Gòn.”

Sau đó, bộ đội đưa Tướng Dương Văn Minh và ông Vũ Văn Mẫu về lại Dinh Độc Lập. Tối 2.5.1975, Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam tổ chức buổi trả tự do cho nhóm Dương Văn Minh tại Dinh Độc Lập. Tính lại, Dương Văn Minh đã làm Tổng Thống chỉ trong 36 tiếng đồng hồ: Nhận chức vào chiều 28 tại Dinh Độc Lập đến trưa 30.4.1975 tuyên bố đầu hàng!

## 12.- CUỘC CHIẾN VẪN CÒN...

Ngày 23.4.1975, trong bài diễn văn đọc tại Đại Học Tulane ở New Orleans, Luisiana, Tổng Thống Gerald R. Ford tuyên bố: “Đối với



TT Gerald Ford

Hoa Kỳ cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt” (The Vietnam War to be over for the United States). Thính giả vỗ tay hoan nghênh.

Trong cuộc họp báo ngay sau đó, ông lại nói: “Đối với tôi xem ra nó đã chấm dứt, chúng

ta phải nhìn về phía trước” (It seems to me that it’s over, we ought to look ahead).

Nhưng đối với người Việt đấu tranh, cuộc chiến tranh đó vẫn còn và cũng như trước 30.4.1975, đa số vẫn bám vào Hoa Kỳ với sự tin tưởng rằng Hoa Kỳ sẽ giúp họ loại bỏ chế độ cộng sản và xây dựng tự do dân chủ trên quê hương.

Tuy nhiên, những dòng lịch sử đã được chúng tôi tóm lược trên cho thấy trước 30.4.1974, VNCH có chính phủ, có lãnh thổ, có quân đội trên 1.200.000 người được trang bị đầy đủ và huấn luyện kỹ càng, có quyết tâm loại bỏ chế độ cộng sản, thế nhưng vì quyền lợi của nước Mỹ, Hoa Kỳ đã đem Miền Nam bán cho Trung Quốc và dùng những thủ đoạn rất tinh vi để làm Miền Nam biến mất đúng thời hạn rồi nói mất Miền Nam là do sự bất tài (incompetence) của các nhà lãnh đạo Miền Nam.

Ngày nay, số người Việt tỵ nạn trên thế giới được ước lượng khoảng 3,7 triệu, trong đó có khoảng 1.642.000 người đang ở Hoa Kỳ. Đây là một cơ cấu đấu tranh chính trị không có lãnh đạo, không có tổ chức, không có chiến lược và chiến thuật..., nhưng ai cũng có thể tự xưng là lãnh tụ và sẵn sàng chụp nón cối lên bất cứ ai có dấu hiệu tranh giành vị thế hay quyền lợi của họ, hay có những chính kiến bất đồng với họ. Võ khí đấu tranh chính vẫn là tuyên ngôn, tuyên cáo hay thỉnh nguyện thư, và nhiều khi còn dùng cả nón cối để “chống cộng”!

Một khó khăn quan trọng khác là sự khác biệt về chủ trương và đường lối giữa Hoa Kỳ và người Việt đấu tranh: Trong khi đa số người Việt hải ngoại quyết tâm duy trì chủ trương BỐN KHÔNG, thì Hoa Kỳ lại chủ trương BỐN CÓ. Hôm 25.7.2013, Tổng Thống Obama và Chủ Tịch Trương Tấn Sang đã tuyên bố xác lập quan hệ đối tác toàn diện giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Nhiều dấu hiệu cho thấy Hoa Kỳ muốn biến CHXHCNVN thành một tiền đồn ngăn chặn Trung Quốc tràn xuống Đông Nam Á giống như đã biến VNCH ngày xưa. Liệu rồi người Việt đấu tranh ở hải ngoại còn có thể nhờ Hoa Kỳ lật đổ chế độ cộng sản VN hay không, hay lại sẽ bị biến thành công cụ cho



từng giai đoạn?

Thủ tướng Anh W. Churchill (1940-1945) đã nói: “Kẻ bi quan nhìn thấy những khó khăn trong từng cơ hội, còn người lạc quan lại nhìn thấy những cơ hội trong mỗi khó khăn.”

Trong Hệ Từ Hạ truyện, Khổng Tử có viết: “Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu”, có nghĩa là cùng cực thì sẽ biến hóa, biến hóa thì sẽ thông, khi đã thông thì sẽ lâu bền. Nhưng các nhà nghiên cứu về di dân của Hoa Kỳ cho biết thế hệ di dân thứ nhất ít có khả năng thay đổi khi đến Mỹ. Đa số vẫn còn suy nghĩ và hành động như khi còn ở trên quê hương của họ. Nói cách khác, họ rất khó BIẾN. Các chính khách Mỹ thường vượt đuôi họ để kiểm phiếu chứ không quan tâm đến mục tiêu của họ. Thế hệ thứ hai trở đi sẽ đi vào dòng chính và gần như không còn quan tâm đến nơi họ phát xuất.

Mặc dầu vậy, để kết thúc bài này, chúng tôi xin mượn lời sau đây của Tổng Thống John F. Kennedy để nhắc nhở người Việt đấu tranh: “Thay đổi là luật của cuộc sống. Và những kẻ chỉ nhìn vào quá khứ chắc chắn sẽ mất tương lai” (Change is the law of life. And those who look only to the past are certain to miss the future).

Ngày 28.4.2015

LỮ GIANG



# SO SÁNH NỘI CHIẾN HOA KỲ VÀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM



**NGUYỄN VĂN BÌNH**

Nội Chiến Hoa Kỳ kéo dài 4 năm từ ngày 12-4-1861 đến ngày 9-4-1865. Cuộc chiến Việt Nam kéo dài 20 năm từ ngày 1-11-1955 đến ngày 30-4-1975. Cả hai cuộc chiến đều gây nên cảnh tang tóc, đau thương cho quốc gia và quân, dân của mình.

Mục đích của bài viết này, chúng tôi chỉ nêu ra những điểm chính liên quan đến nguyên nhân, sự thiệt hại và cách đối xử của phe thắng trận với phe thua trận như thế nào? Và tại sao, Hoa Kỳ sau cuộc nội chiến, nhân dân Hoa Kỳ có thể hòa giải, hàn gắn vết thương, xóa bỏ được những quan điểm dị biệt và thành công trong việc xây dựng quốc gia? Trong khi đó, tại sao Cộng Sản Việt Nam lại thất bại trong việc hòa giải dân tộc, mối hận thù giữa nhiều người dân của hai miền Nam Bắc vẫn còn tồn tại và thất bại nặng nề trong việc cùng nhau tái thiết quê hương ?

Nguyên nhân của cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ là khi Tổng Thống Abraham Lincoln bãi bỏ chế độ nô lệ. Ông cho rằng quốc gia không thể có hai luật, một nửa có nô lệ, một nửa không. Điều này khiến 11 tiểu bang miền Nam tuyên bố ly khai khỏi Liên Bang và thành lập chính phủ riêng. Chính phủ miền Nam lấy Richmond, thuộc tiểu bang Virginia làm thủ đô, bầu ông Jefferson Davis làm tổng thống và giao quyền chỉ huy quân sự cho danh tướng Robert Lee để công khai tuyên chiến với chính quyền Liên Bang.



Trong hai năm đầu, liên quân miền Nam đã đánh thắng chính phủ miền Bắc nhiều trận, nhưng về sau vì thiếu tiếp liệu và quân số nên đã thất trận.

Vào sáng ngày 9-4-1865, thủ đô miền Nam Richmond bị vây hãm bởi 3 quân đoàn và tướng Robert Lee buộc phải tuyên bố đầu hàng. Với lá thư riêng tướng Robert Lee đã gọi cho tướng Ulysses Grant yêu cầu thu xếp một buổi họp mặt để chấm dứt chiến tranh.



*Tướng Ulysses Grant*



*Tướng Robert Lee*

Trưa ngày lịch sử 9-4-1865, tướng Lee và một đại tá tùy tùng cưỡi ngựa vượt qua phòng tuyến đến nơi hẹn ước. Tướng Grant ra lệnh nghiêm cấm các sĩ quan và binh sĩ không được tỏ ra bất cứ hành động nào vô lễ với tướng Lee của miền Nam. Hình ảnh ghi lại hai người đi qua đoàn quân nhạc của lính miền Bắc thổi kèn chào đón. Các sĩ quan miền Bắc đưa vị tư lệnh miền Nam vào phòng họp. Nửa giờ sau tướng Grant và đoàn tùy tùng miền Bắc đến.



Theo chỉ thị của Tổng Thống Lincoln quân miền Nam phải bị tước bỏ vũ khí, quân dụng và được tự do trở về quê cũ như các dân thường, không bị tập trung vào các trại lao tù. Tướng Lee lại yêu cầu cho binh sĩ của ông được giữ lừa

ngựa vì lính miền Nam đem ngựa từ các nông trại của họ đi chiến đấu. Tướng Grant liền đồng ý để lính miền Nam đem lừa ngựa của họ về nhà mà xây dựng lại nông trại.

Trước đó, vào năm 1863, tổng thống Lincoln đã đưa ra bản Tuyên Ngôn Ân Xá và Tái Thiết. Nội dung của bản Tuyên Ngôn là ân xá hoàn toàn và trao trả tài sản cho những ai tham gia cuộc nổi dậy, ngoại trừ các quan chức cấp cao nhất và các nhà lãnh đạo quân sự của Liên Quân Miền Nam (Confederate). Cho phép thành lập chính quyền tiểu bang mới và khuyến khích các tiểu bang ban hành các kế hoạch giải quyết vấn đề nô lệ được giải phóng.

Cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ đã gây thương vong cho gần 1 triệu quân lính tổng cộng của hai miền và hàng trăm ngàn dân bị thương vong, nhiều nhà cửa bị thiệt hại. Trước sự thương vong này, Tổng Thống Lincoln đã tuyên bố: **“Khi viên đạn xuyên vào người lính dù thuộc phe nào đi nữa, thực ra nó đã xuyên vào trái tim của một người Mẹ. Tại sao lại ăn mừng chiến thắng? Những người thua trận chẳng phải là đồng bào của chúng ta hay sao?”**. TT Lincoln cũng nói rằng: **“Nội chiến không có người thắng”**. Các sĩ quan, binh lính của phía Liên quân Miền Nam sau khi đầu hàng thì được chính phủ Liên Bang cam kết từ đó về sau họ không bị làm phiền.

Tướng Grant, chỉ huy quân đội miền Bắc ra lệnh cho các binh sĩ không được ăn mừng. Ông nói với các sĩ quan dưới quyền: **“Chiến tranh đã kết thúc. Giờ này họ là đồng bào của chúng ta”**. Ông cho rằng hai bên không còn là kẻ thù và cách tốt đẹp nhất để bày tỏ niềm vui của miền Bắc là không vui

mừng trước thất bại của quân miền Nam.

Để bày tỏ tinh thần hòa giải dân tộc, TT Lincoln cho phép các liệt sĩ miền Nam đều được chôn cất tử tế tại các nghĩa trang và năm 1991 thì một số các liệt sĩ miền Nam được đưa vào một khu đặc biệt trong nghĩa trang Quốc Gia Arlington gọi là Confederate Section được chính phủ chăm sóc cẩn thận.

Sau một tuần kết thúc cuộc nội chiến, Tổng Thống Lincoln đã bị ám sát chết bởi một kẻ cuồng tín chủ trương chế độ nô lệ vào ngày 15-4-1865. Trước khi chết, TT Lincoln đã nói: **“Người ta có thể từ bỏ mọi thứ, nhưng không ai từ bỏ được lịch sử. Trước sau gì, lịch sử của bậc anh hùng sẽ phải được dựng lại ở chính nơi mà những con người vĩ đại đã ngã xuống.”**



Các liệt sĩ miền Nam được chôn tại các nghĩa trang



Tượng tướng Lee      Lính 2 phe tham chiến

Cuộc chiến VN giữa phe Quốc Gia của Miền Nam và phe Cộng Sản của Miền Bắc thực sự xảy ra từ ngày 1-11-1955 sau khi Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954 chia đôi đất nước cho đến ngày 30-4-1975. Hồ Chí Minh sau khi chiếm được Bắc Việt

liên mở ngay cuộc xâm chiếm Miền Nam do Quốc Trưởng Bảo Đại và thủ tướng Ngô Đình Diệm lãnh đạo. Hồ Chí Minh muốn chiếm miền Nam để bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản quốc tế. Phía Miền Nam thì chiến đấu tự vệ để duy trì chế độ tự do dân chủ. Cũng vì yêu chuộng sự tự do, dân chủ hàng triệu người Bắc đã di cư vào Nam.

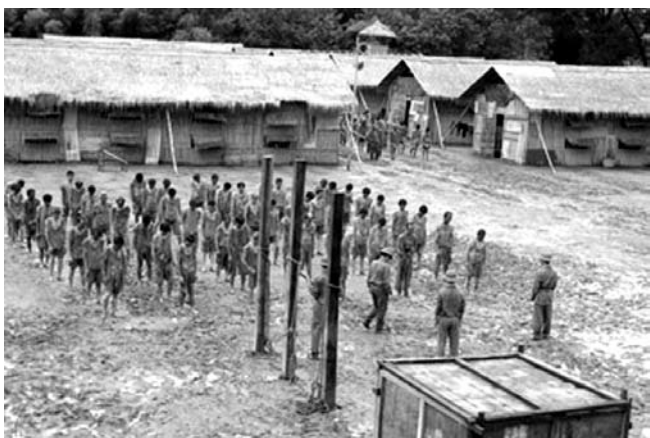


*Lính Miền Nam VN và lính Bắc Việt*

Sau khi Hồ Chí Minh chết, Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản VN, Lê Duẩn khi nói về cuộc chiến xâm lăng miền Nam đã không ngần ngại tuyên bố: **“Chúng ta chiến đấu là chiến đấu cho Liên Xô và Trung Cộng.”**

Phía Miền Nam được Hoa Kỳ và một số quốc gia thuộc khối Tự Do yểm trợ. Phía Bắc Việt thì được Liên Xô, Trung Cộng và các quốc gia khối Cộng Sản cung cấp vũ khí, quân dụng dồi dào.

Chiến tranh VN đem lại thiệt hại to lớn cho cả hai miền Nam Bắc VN. Miền Nam có trên 300 ngàn quân nhân tử trận, hàng trăm ngàn bị thương. Phía Bắc Việt có gần 1.1 triệu quân nhân tử trận, 600 ngàn bị thương. Tổng cộng cả hai miền VN có đến 3 triệu người dân bị thương vong. Về tài sản nhà cửa và nền kinh tế bị thiệt hại nặng nề.



*Trại tù dưới danh nghĩa “Học Tập Cải Tạo”*

Sau ngày 30-4-1975, Cộng Sản Bắc Việt nhanh chóng tổ chức diễn hành rầm rộ ăn mừng chiến thắng tại Sài Gòn. Tổng Bí Thư Đỗ Mười đã đồng loạt tuyên bố: **“Giải phóng miền Nam, chúng ta có quyền tịch thu tài sản, trưng dụng nhà cửa, hằng xưởng, ruộng đất chúng nó, xe chúng nó ta đi, vợ chúng nó ta lấy, con chúng nó ta bắt làm nô lệ, còn chúng nó thì ta đày kinh tế mới, vào rừng sâu nước độc. Chúng nó sẽ chết dần mòn .”**

Để trả thù quân, dân Miền Nam, Cộng Sản Bắc Việt liên tập trung quân dân cán chính của Miền Nam vào các trại tù với mỹ từ **“Học Tập Cải Tạo”** trải dài từ Nam đến Bắc với lời chiêu dụ gạt gẫm là chỉ đi học tập 10 ngày nhưng thật sự đã kéo dài vài năm cho đến 17 năm lao tù khổ sai. Bên cạnh đấy, còn đày ải vợ con của họ đến các vùng kinh tế mới là nơi rừng thiêng nước độc, thiếu thốn mọi bề. Tài sản của dân Miền Nam bị các cán bộ Bắc Việt tịch thu một cách ngang ngược. Đồng thời, chúng cho cày nát nhiều ngôi mộ của các tử sĩ Miền Nam tại các nghĩa trang và cho giứt sập tượng người lính Tiếc Thương tại nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa. Hậu quả đã làm tan nát bao gia đình, giết hại nhiều nhân tài và tạo sự hận thù giữa người dân và bọn lãnh đạo Hà Nội ngày càng thêm sâu đậm.



*Mộ bia của lính VNCH bị bắn nát và tượng Tiếc Thương tại nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa bị giứt sập.*

Quá chán ngán chế độ vô nhân CSVN, hàng triệu người Việt cả miền Nam và miền Bắc liêu minh vượt biên, vượt biển đi tìm sự tự do tại nhiều quốc gia trên thế giới. Hành trình đi tìm sự tự do này đầy đau thương và nước mắt. Hàng trăm ngàn người phải bỏ xác trên biển Đông. Người sống sót thì phải chịu đói khát, bị cướp bóc và nhiều phụ nữ Việt bị bọn hải tặc hãm hiếp đến chết.



Trong khi ấy, các cấp lãnh đạo CSVN từ trung ương đến cấp địa phương do tham nhũng mà tài sản của bọn chúng lên đến hàng trăm triệu hay hàng tỷ mỹ kim tạo thành một tầng lớp tư bản đồ sống xa hoa .

Ngày nay, hàng triệu người dân Việt đã thấy rõ bộ mặt thật bán nước của tập đoàn lãnh đạo CSVN. Từ Công Hàm bán nước do Phạm Văn Đồng ký vào năm 1958 nhìn nhận chủ quyền của Trung Cộng trên quần đảo Hoàng Sa. Các hiệp ước do cấp lãnh đạo CSVN ký vào các năm 1999, 2000 đã dâng cho Trung Cộng hàng trăm dặm lãnh hải và lãnh thổ của đất nước. Ngày nay, Ai Nam Quan và Thác Bản Giốc đã thuộc về Trung Cộng. Đặc biệt, đảng CSVN lại đề hèn đàn áp những cuộc biểu tình của người dân đòi Trung Cộng phải hoàn trả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa . Nhưng nhà cầm quyền Hà Nội thì lại im lặng trước những sự đánh đập các ngư dân VN cùng sự xâm lấn của Trung Cộng trên hai quần đảo này.

Sau khi Nội Chiến Hoa Kỳ chấm dứt, TT Lincoln đã sáng suốt xem phe thua trận vẫn là đồng bào và kêu gọi mọi người dân Hoa Kỳ hãy cùng nhau kiến thiết đất nước. Trái lại, bọn lãnh đạo Cộng Sản Bắc Việt đã xem quân dân Miền Nam là những kẻ thù cần phải tiêu diệt. Đến nay, sau 46 năm chấm



dứt cuộc chiến, chính quyền Hà Nội vẫn giữ thái độ hận thù quân dân Miền Nam VN thay vì hòa giải dân tộc.

Cùng một cuộc chiến xảy ra giữa hai miền của đất nước, nhưng chúng ta đã thấy rõ tại sao Hoa Kỳ trở nên hùng mạnh và tại sao Việt Nam lại lâm vào cảnh chậm tiến, nghèo nàn và đất nước có nhiều nguy cơ bị mất vào tay của Trung Cộng.

Mục đích của chiến tranh VN có thật sự đem lại sự Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc cho đất nước và dân tộc hay không như lời tuyên truyền của Hồ Chí Minh và tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN ?. Ngày nay, sự thật đã được phơi bày.

Thật là chí lý và thấm thiết khi người dân VN đã đặt câu về khi bọn CSVN thay đổi con đường Công Lý bằng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa và đường Tự Do của Sài Gòn thành đường Đồng Khởi như sau:

***Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý  
Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do.***

Một đất nước không còn nền Công Lý và tất cả người dân bị tước đoạt mọi quyền Tự Do, thêm vào đó, phe chiến thắng không có chính sách hòa hợp hòa giải dân tộc thì quả là một tai họa vậy./.

**NGUYỄN VĂN BÌNH**

# QUỐC HẬN 30-4-1975:

## NAM BẮC VN ĐỀU THUA - CHỈ CÓ TRUNG CỘNG THẮNG

NGUYỄN VĂN BÌNH



Nhiều người VN vẫn còn nhớ khi đại tá Bùi Tín, đại diện cho phía CS Bắc Việt đến Dinh Độc Lập vào ngày 30-4-1975 nhận sự bàn giao từ Tổng Thống Dương Văn Minh của chính phủ Miền Nam VN đã nói: *“Giờ đây, chúng ta đã kết thúc cuộc chiến, chỉ có đế quốc Mỹ là thua trận, Nam và Bắc VN của chúng ta đã thắng. Chúng ta hãy cùng nhau xây dựng lại đất nước.”*

Thật ra, mọi người VN và ngay cả ông Bùi Tín sau đó đều nhận ra, sự nhận định của ông đã sai lầm. Sau đó, cựu đại tá Bùi Tín đã phải sống lưu vong tỵ nạn và chết tại Pháp.. Vì thực tế, hậu quả của trận chiến Quốc-Cộng kéo dài trên 20 năm trên quê hương chỉ đem lại tai họa cho đồng bào cả hai miền Nam, Bắc VN, mà kẻ hưởng lợi, thắng trận đó là Trung Cộng.

Hồ Chí Minh khi thành lập đảng Cộng Sản VN vào năm 1930 tại Hồng Kông, vì tham vọng điên cuồng muốn bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản với chủ thuyết Tam Vô: Vô Tổ Quốc, Vô Tôn Giáo và Vô Gia Đình, nên đã bất chấp quyền lợi của đất nước, dân tộc Việt đã khẳng định với Thủ Tướng Chu Ân Lai của Trung Cộng là: *“Việt Nam và Trung Quốc tuy hai mà một. Một dân tộc. Một nền văn hoá. Một phong tục, Một tổ quốc Nếu giúp chúng tôi thắng Pháp, thắng Nhật, thắng tất cả bọn tư bản vùng Đông*

*Á, nắm được chính quyền, thì nợ viện trợ sẽ hoàn trả dưới mọi hình thức, kể cả cắt đất, cắt đảo, lùi biên giới nhượng lại cho Trung Quốc, chúng tôi cũng làm để đền ơn, đáp nghĩa.”*

Chính vì thế, vào ngày 14-9-1958, Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho Phạm Văn Đồng ký “Công Hàm” giao đứt quần đảo Hoàng Sa cho Trung Cộng.

Tổng Bí Thư Lê Duẩn trong cuộc chiến xâm lăng Miền Nam VN đã từng tuyên bố: *“Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô và Trung Cộng”*. Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh thì để lại câu nói phản quốc: *“Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc là mất nước, nhưng còn hơn mất Đảng”*

Nhìn lại cuộc chiến VN với các phe tham chiến. Về phía VNCH miền Nam VN có Hoa Kỳ viện trợ. Phía Cộng Sản Bắc Việt có Liên Xô và Trung Cộng yểm trợ .

Về phía Hoa Kỳ, sau khi chính thức tham chiến vào năm 1964 thì đến năm 1972, vì muốn bắt tay với Trung Cộng, một thị trường tiêu thụ hàng hoá to lớn của Hoa Kỳ, còn muốn Trung Cộng là một liên minh giúp Hoa Kỳ chiến thắng Liên Xô trong cuộc chiến tranh lạnh. Đồng thời với sự cố vấn của ngoại trưởng Henry Kissinger, Hoa Kỳ nên dành ưu tiên cứu

giúp Do Thái trước nạn đe dọa của khối Á Rập, thay vì viện trợ cho Miền Nam VN. Vì thế, Hoa Kỳ đã dùng Hiệp Định Paris ngày 23-1-1973 để Hoa Kỳ rút quân ra khỏi Miền Nam VN, nhưng lại không ngăn chặn sự xâm lăng của CSBV. Vào ngày 30-4-1975 Hoa Kỳ đã bỏ rơi miền Nam VN không thương tiếc, dù đã tốn phí nhiều tiền và hy sinh 58 ngàn quân nhân trong cuộc chiến.

Phía Liên Xô thì cạn lực, nền kinh tế bị sụp đổ khi theo đuổi cuộc chiến tranh lạnh lâu dài với Hoa Kỳ. Đến ngày 19-8-1991 thì chủ thuyết Cộng Sản tại Liên Xô sụp đổ và Liên Bang Xô Viết bị tan rã thành 15 quốc gia và hầu hết các nước Cộng Sản Đông Âu đều đã giành được nền độc lập. Chế độ Cộng Sản tại Liên Xô kết thúc từ đó.

Về phía Việt Nam, cả dân tộc Việt đã phải gánh chịu nhiều thương đau trong cuộc chiến. Thiệt hại nhân mạng cho cả hai miền Nam, Bắc VN riêng về quân nhân là trên 3 triệu người chưa kể hàng triệu quân nhân phải lâm vào tình trạng tàn phế suốt đời. Về dân chúng cũng có hàng triệu người bị thiệt mạng vì bom đạn.

Vào Tết Mậu Thân 1968, CSBV điên cuồng mở cuộc tổng tấn công vào 44 tỉnh lỵ của miền Nam VN, đã khiến cho phía Cộng Sản Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bị thiệt hại trên 60 ngàn quân. Riêng miền Nam VN bị thiệt hại hàng ngàn quân nhân. Đặc biệt là tại Huế, CSBV đã nhấn chìm chôn sống trên 5 ngàn người dân miền Nam vô tội.

Sau ngày 30-4-1975, CSBV đã bắt tù đầy hàng trăm ngàn quân dân cán chính của VNCH gây nên hàng ngàn người phải chết trong lao tù. Đồng bào miền Nam vì không thể sống dưới chế độ CSVN, nên đã liều mình vượt biển, vượt biên đi tỵ nạn tại nhiều quốc gia trên thế giới. Cuộc vượt biển đầy đau thương, khiến hàng trăm ngàn người phải bỏ mình trên biển cả. Bao nhiêu thiếu nữ Việt bị hải tặc hãm hiếp và giết hại trên biển. Trong cuộc chiến, cả hai miền đã phải ra lệnh hàng triệu thanh thiếu niên phải bỏ học để gia nhập vào quân đội. Miền Nam thì bắt thanh niên từ 18 tuổi, nếu không đủ điều kiện hoãn dịch, miễn dịch đều

phải gia nhập quân đội. Riêng miền Bắc thì ép buộc nhiều thiếu niên chỉ có 15, 16 tuổi đã phải tham gia vào cuộc chiến sau một vài tuần huấn luyện quân sự.

Vào thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, miền Nam VN có một cuộc sống khá ấm no. Miền Nam VN được xem là Hòn Ngọc Viễn Đông. Mọi ngành giáo dục, hành chính, quân đội, tư pháp, tôn giáo, nền kinh tế được cải thiện tốt đẹp. Nam Hàn, Thái Lan, Tân Gia Ba có nền kinh tế thời bấy giờ thua xa miền Nam VN. Nhưng ngày nay thì Nam Hàn đã tiến xa VN. Họ đã sản xuất được xe hơi, tàu thủy, vật dụng điện tử xuất cảng ra khắp nơi trên thế giới. Tại thủ đô Seoul của Nam Hàn thì đầy nhà chọc trời, kinh tế phồn thịnh.

Trong cuộc chiến, thật đau buồn là mỗi khi chính quyền Miền Nam xây dựng cầu cống, đường xá, trường học v.v. nhằm cải tiến hạ tầng cơ sở của quốc gia thì lại bị quân CSBV cho đặt mìn phá bỏ. Cứ như thế thì nền kinh tế, giáo dục v.v. của quốc gia làm sao có thể phát triển?

Hiện nay, sau 46 năm chiếm được miền Nam VN, thống nhất đất nước thì nền kinh tế VN vẫn còn suy kém, đạo đức bị suy đồi, nhân phẩm của phụ nữ VN bị chà đạp khi bị đem bán làm vợ cho người Đài Loan, Đại Hàn, tôn giáo bị đàn áp, người dân bị nhà cầm quyền cướp đất, mọi quyền tự do của người bị hạn chế thô bạo. Nhiều người dân yêu nước mỗi khi có tiếng nói chống lại Trung Cộng đều bị đàn áp, bỏ tù không nương tay.

Trong cuộc chiến, chỉ có Trung Cộng là kẻ hưởng lợi duy nhất. Nhờ vào bản Công Hàm của Phạm Văn Đồng năm 1958, mà Trung Cộng vào tháng 1 năm 1974 đã đem lực lượng hải quân hùng hậu của mình đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa từ tay của VNCH. Từ đó đến nay, Trung Cộng tự vẽ đường lưỡi bò 9 đoạn hầu chiếm đoạt cả biển Đông. Trung Cộng lần lượt cho xây nhiều đảo nhân tạo và lập nhiều căn cứ quân sự, xây phi trường trên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa bất kể phán quyết của toà án quốc tế La Haye.

Ngày 30-12-1999, Trần Đức Lương, chủ tịch nước CSVN đã ký Hiệp Định Biên Giới với

Trung Cộng dâng 789 km<sup>2</sup> lãnh thổ VN dọc biên giới hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn cho Trung Cộng. Trong đó phải kể Ải Nam Quan có đèo Pha Luỹ là vị trí chiến lược vô cùng quan trọng để phòng thủ Hà Nội. Ải Chi Lăng có vùng núi Mã Yên hiểm trở mà xưa kia quân của Lê Lợi mai phục và chém bay đầu danh tướng Liễu Thăng của nhà Thanh. Vùng đất CSVN dang hiến có rừng Hoàng Liên Sơn, thung lũng sông Hồng và sông Lô là những nơi rất hiểm trở đã chặn đứng 200 ngàn quân tinh nhuệ của Trung Cộng tràn qua biên giới Bắc Việt ngày 17-2-1979 theo lệnh của Đặng Tiểu Bình để dạy VN một bài học. Nhưng tại vùng đất hiểm trở này 200 ngàn quân tinh nhuệ của Trung Cộng đã phải bỏ mình, thất trận ê chề.

Ngày 25-2-2000, Việt Cộng lại ký thêm một Hiệp Ước dâng cho Trung Cộng 10000 km<sup>2</sup> (tức 10%) lãnh hải VN vùng Vịnh Bắc Việt. Trong đó có khu biển Bạch Long Vỹ là vị trí quan trọng để bảo vệ Bắc Việt. Nhìn chung, chúng ta thấy CSVN đã dâng cho Trung Cộng nhiều vùng đất chiến lược để ngăn chặn quân xâm lược phương Bắc. CSVN đã trao cho Trung Cộng vùng cao nguyên VN với nguy biện là cho Trung Cộng khai thác Bauxít, nhưng thực ra là bao che sự hiện diện của quân Trung Cộng tại cao nguyên VN. Hiện giờ các tỉnh thành của VN như Cao Bằng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Nha Trang, Bình Dương, Vịnh Hạ Long, Hà Tĩnh, Nha Trang đều tràn ngập người Tàu. CSVN đã mở toan cửa ngõ cho dân Trung Cộng tràn vào VN không cần chiếu khán. Làm thế nào nhà cầm quyền VN kiểm soát được ai là tinh báo và quân Trung Cộng xâm nhập VN một cách dễ dàng không cần chiếu khán ?

Ngoài việc chiếm đoạt nhiều lãnh hải, lãnh thổ của VN, Trung Cộng đã tìm cách làm suy yếu tiềm lực kinh tế và huỷ diệt nền văn hoá của VN để dễ bề đồng hoá dân Việt sau này. Trung Cộng đã cho xây nhiều đập nước trên thượng nguồn sông Cửu Long làm ngăn chặn nước chảy xuống các tỉnh miền Tây của VN, vốn có tiếng là vùng trù phú nông nghiệp. Xưa kia. Miền Nam VN sản xuất lúa gạo đứng hàng thứ nhì trên thế giới sau Thái Lan, thì nay VN đã phải nhập cảng gạo. Phụ nữ Việt

tại miền Tây, vì đói khổ phải bán thân làm vợ cho ngoại kiều. Ngành ngư nghiệp cũng bị tê liệt. Tuy VN có đường biển hàng ngàn cây số, nhưng ngư dân VN không thể ra xa để đánh cá vì bị quân Trung Cộng ngăn cấm, bắn giết. Vụ Famosa làm biển VN bị nhiễm độc tại Hà Tĩnh làm cho hàng trăm ngàn ngư dân Việt phải lâm vào cảnh đói khát, bán cùn.

Để huỷ diệt nền văn hoá của VN, Trung Cộng là kẻ chủ mưu qua việc cải tổ tiếng Việt do Bùi Hiền đưa ra là nhằm huỷ bỏ chữ quốc ngữ của chúng ta. Được biết hiện nay nhà cầm quyền CSVN đã in sách giáo khoa lớp 1 theo lối chữ Việt mới với âm tiếng Tàu và đem ra áp dụng. Tổng thống Tưởng Giới Thạch của Đài Loan đã nói: *“Đất nước bị diệt vong còn có thể phục hưng, văn hoá bị tiêu huỷ thì tất cả sẽ bị tiêu diệt”* thật đáng cho chúng ta suy ngẫm.



Quê hương và dân tộc VN quả thật đang vào thời kỳ lâm nguy. Phải chăng mọi việc đang diễn tiến theo lộ trình của Mật Ước Thành Đô do Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh, thủ tướng Đỗ Mười và cố vấn đảng CSVN Phạm Văn Đồng đã ký kết với TBT Giang Trạch Dân và thủ tướng Trung Cộng Lý Bằng tại Thành Đô, thủ phủ của tỉnh Tứ Xuyên vào các ngày 3 và 4 tháng 9 năm 1990 do Tân Hoa Xã Trung Cộng phổ biến. Theo mật ước này, thì CSVN chấp nhận VN thành một khu vực tự trị của Trung Cộng vào năm 2020 tới đây. Mọi người VN đã phải kinh ngạc khi thấy TBT Nguyễn Phú Trọng khi tiếp đón Chủ tịch Tập Cận Bình của Trung Cộng với hàng cờ Trung Cộng thêm một ngôi sao.



Quốc kỳ Trung Cộng



Nguyễn Phú Trọng đón Tập Cận Bình đến Hà Nội với quốc kỳ Trung Cộng thêm 1 ngôi sao nhỏ

Những câu nói đầu môi của Hồ Chí Minh khi mở ra cuộc chiến tàn khốc giữa hai miền Nam Bắc VN là “*Không có gì quý bằng Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc*” phải chăng chỉ là một câu nói để lừa bịp bao triệu người dân Việt bấy lâu nay, nhằm che đậy cho hành vi nô lệ đả kích cho Trung Cộng.

Ngày 30-4-1975, kết thúc một cuộc chiến tương tàn giữa dân Việt của hai miền Nam Bắc. Hậu quả là chỉ có quê hương và dân tộc Việt bị thiệt thòi, đau khổ, mà kẻ hưởng lợi trong cuộc chiến lại là kẻ thù truyền kiếp phương bắc là Trung Cộng ./.

**Quốc Hận năm thứ 46 , tháng 4/2021**

**NGUYỄN VĂN BÌNH**

## MỤC VỤ TRONG NGHỊCH CẢNH



Quân dữ hành hạ Vị Tu  
Tống vào ngục tối âm u mịt mù  
Vấn danh tra khảo như tù  
Gán cho tôi phạm loại trừ ác ôn  
Đầy đọa cực khổ bôn chôn  
Cửa ăn thiếu thốn luôn luôn đói dài  
Tinh thần khủng bố hoài hoài  
Chính sách tẩy não thành loại “ Tam Vô”  
Cải tạo trừng giới mưu mô  
Khổ sai thân xác gần mồ chưa yên  
Tình trạng bất ổn triền miên  
Con người “ Duy Vật” nửa điên nửa khùng  
Con người “ Rao Giảng Tin Mừng”  
Sức sống Thiên Chúa lạ lùng phát huy  
Không sống vật chất quyền uy  
Sống bằngƠn Chúa nguyện suy đêm ngày  
Hoạt động Mục Vụ hăng say  
Thánh Thần hướng dẫn đổi thay xoay chiều  
Quân dữ cấm cách đủ điều  
Sức mạnh Thiên Chúa biến nhiều người tin  
Sống theo ý Chúa nguyện xin  
Rao truyền giáo lý ưu tiên thi hành ...

**LM THẠCH LINH**

*Ps: Ghi niệm 18 năm (1975-1993) “ Tù tội CSVN”*

*Tù CSVN = 13 năm tù trừng giới + 5 năm tù quản chế*



# 20-7-1954: NGÀY “QUỐC HẬN HỒNG”



## Tiến Sĩ TRẦN AN BÀI

Người Việt Quốc Gia phải ôm cạnh cánh trong lòng hai mối hận: “Quốc Hận Hồng” đánh dấu ngày một nửa Quê Hương phía Bắc vĩ tuyến 17 bị cắt giao cho Đảng Cộng Sản Việt Nam, do Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954 và “Quốc Hận Đỏ” ghi nhớ ngày toàn thể dân tộc Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam, do cuộc rút quân của Đồng Minh Hoa Kỳ sau khi ký Hiệp Định Paris 1973, dẫn đến cuộc đầu hàng của chính quyền Dương Văn Minh vào ngày 30-4-1975. (Hình phải: Cầu Bến Hải (Hiền Lương 1954-1975).

Trước năm 1975, miền Nam Việt Nam vẫn kỷ niệm ngày “Quốc Hận Hồng”, nhưng hiện tại, Cộng Đồng người Việt tỵ nạn chỉ còn cử hành ngày “Quốc Hận Đỏ”. Thực tế, Hiệp Định Genève 1954 đã mang những nét chính trị đặc biệt, dọn đường cho Hiệp Định Paris 1973. Nói cách khác, không có ngày Quốc Hận Hồng thì không thể có ngày Quốc Hận Đỏ được.

### Nỗi nhục chia cắt đất nước

Vào ngày 26-4-1954, 9 quốc gia đã nhóm họp để bàn về việc khôi phục hòa bình tại Triều Tiên và Đông Dương. Đó là Anh, Mỹ, Liên Xô, Trung Cộng, Pháp, Lào, Campuchia, Việt Nam Dân Chủ

Người Việt Quốc Gia phải ôm cạnh cánh trong lòng hai mối hận: “Quốc Hận Hồng” đánh dấu ngày một nửa Quê Hương phía Bắc vĩ tuyến 17 bị cắt giao cho Đảng Cộng Sản Việt Nam, do Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954 và “Quốc Hận Đỏ” ghi nhớ ngày toàn thể dân tộc Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam, do cuộc rút quân của Đồng Minh Hoa Kỳ sau khi ký Hiệp Định Paris 1973, dẫn đến cuộc đầu hàng của chính quyền Dương Văn Minh vào ngày 30-4-1975. (Hình phải: Cầu Bến Hải (Hiền Lương 1954-1975).

Trước năm 1975, miền Nam Việt Nam vẫn kỷ niệm ngày “Quốc Hận Hồng”, nhưng hiện tại, Cộng Đồng người Việt tỵ nạn chỉ còn cử hành ngày “Quốc Hận Đỏ”. Thực tế, Hiệp Định Genève 1954 đã mang những nét chính trị đặc biệt, dọn đường cho Hiệp Định Paris 1973. Nói cách khác, không có ngày Quốc Hận Hồng thì không thể có ngày Quốc Hận Đỏ được.

### Nỗi nhục chia cắt đất nước

Vào ngày 26-4-1954, 9 quốc gia đã nhóm họp để bàn về việc khôi phục hòa bình tại Triều Tiên và Đông Dương. Đó là Anh, Mỹ, Liên Xô, Trung Cộng, Pháp, Lào, Campuchia, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) do ông Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn và Quốc Gia Việt Nam do ông Nguyễn Quốc Định, trưởng đoàn, sau đó là Bác sĩ Trần Văn Đỗ.

Trong suốt 9 năm theo đuổi cuộc chiến ở Đông Dương, nước Pháp đã trải qua những ngày khủng hoảng chính trị trầm trọng với 2 đời Tổng Thống và 17 lần thay đổi chính phủ. Có chính phủ mới chỉ lên được vài ngày đã bị lật đổ.

Vào lúc Pháp thua trận Điện Biên Phủ thì



chính phủ Laniel từ chức và Mendès France lên thay thế. Ông này đã cam kết với dân chúng Pháp khi lên nhậm chức ngày 17-6-1954: “Nếu trong 4 tuần lễ, tức vào ngày 20/7 tới đây, mà không đạt được một cuộc ngưng bắn tại Đông Dương, tôi sẽ từ chức”.

Hội nghị Genève tái nhóm vào ngày 8-5-1954 và đã trở thành cuộc mặc cả và đi đêm bản thiêu giữa Việt Minh và thực dân Pháp.

Với khí thế chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Minh đòi chia đôi Việt Nam kể từ vĩ tuyến 13 (ngang với Tuy Hòa) và đòi chiếm giữ miền Bắc. Nhưng đến sau, với sức ép của Liên Xô và Trung Cộng, Việt Minh chấp thuận đề nghị dời lên vĩ tuyến 17 (tỉnh Quảng Trị).

Đại diện phía Quốc Gia Việt Nam luôn luôn phản đối việc chia cắt đất nước. Ông Nguyễn Quốc Định tuyên bố: “Tôi để cho phái đoàn Việt Minh trách nhiệm đối với lịch sử... Chia đôi, nghĩa là sớm muộn cũng lại có chiến tranh”. Vào đúng ngày ký

ý kết, trưởng phái đoàn Trần Văn Đỗ đã đứng lên phản đối với giọng nghẹn ngào. Sáng ngày hôm sau, 21-7-1954, Bác sĩ Trần Văn Đỗ đã ra một bản tuyên ngôn với những lời lẽ gay gắt: “Chúng tôi long trọng phản đối việc ký kết hiệp ước hòa hiệp ngưng chiến do hai cơ quan Tư Lệnh Tối Cao Pháp và Việt Minh mà thôi”, và “yêu cầu Hội nghị ghi nhận một cách chính thức rằng Việt Nam long trọng phản đối cách ký kết Hiệp Định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của nhân dân Việt Nam”.

Sở dĩ phái đoàn Quốc Gia Việt Nam phải chống đối kịch liệt việc chia cắt đất nước, vì thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, đất nước cũng bị chia đôi bởi giòng sông Gianh và là một vết nhơ trong lịch sử Việt Nam. Nay Việt Minh lại cấu kết với thực dân Pháp phân chia đất nước thì đó chính là niềm uất hận chung cho cả dân tộc.

Đúng 12 giờ đêm ngày 20-7-1954, Hiệp Định vẫn chưa được ký. Mendès France ra lệnh cho đồng hồ trong phòng họp ngưng chạy cho đến khi

có bản Hiệp Định. Và thực sự, Pháp và Việt Minh đã phải vội vã ký kết vào lúc 3 giờ 50 sáng ngày 21-7-1954, nhưng lại đề ngày 20-7-1954 với chữ ký của hai viên chức quân sự liên hệ. Đó là Thiếu Tướng Delteil, thay mặt cho Tổng Tư Lệnh Quân Đội Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương và Tạ Quang Bửu, Thứ Trưởng Quốc Phòng của VNDCCH.

Nội dung Hiệp Định có những điểm chính như sau:

- Sông Bến Hải, ở vĩ tuyến 17 chia cắt Việt Nam thành hai phần: miền Bắc do VNDCCH kiểm soát. Miền Nam do chính quyền Quốc Gia và khối Liên Hiệp Pháp kiểm soát.

- Hai bên có 300 ngày để di chuyển nhân sự.

- Hai năm sau, tức ngày 20-7-1956 sẽ tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất đất nước.

- Ủy Ban Quốc Tế Giám Sát gồm 3 quốc gia: Ấn Độ (Chủ Tịch), Ba Lan và Canada để giám sát việc thi hành Hiệp Định.

- Cấm phá hủy cơ sở trước khi rút quân, cấm trả thù hoặc ngược đãi những người đã cộng tác với đối phương khi trước, cấm đưa thêm quân đội, vũ khí hoặc lập căn cứ quân sự ở vùng đối phương.

### **Bỏ phiếu bằng chân**

Hiệp Định Genève 1954 ấn định một thời gian chuyển tiếp để dân chúng miền Nam và miền Bắc được quyền tự do lựa chọn đi theo chính phủ Cộng Sản hay Quốc Gia.

Phía Quốc Gia có thời hạn tập trung dân chúng 80 ngày tại Hà Nội, 100 ngày ở Hải Dương và 300 ngày tại Hải Phòng để xuôi Nam.

Còn bộ đội tập kết Việt Minh có quyền tập trung tại Hàm Tân 80 ngày, Bình Định 100 ngày và Cà Mau 300 ngày để di chuyển về Bắc.

Dân chúng và quân đội Quốc Gia ồ ạt bỏ làng xóm để di cư vào Nam. Nhiều làng ở Hưng Yên và Bắc Ninh, dân chúng tự ý đốt nhà cửa để di cư. Tổng kết tính đến ngày di tản cuối cùng vào tháng 3 năm 1955, đã có khoảng 950 ngàn người theo “Con

Đường Đến Tự Do” (Passage to Freedom) từ Bắc vào Nam. Tại nhiều nơi, Việt Minh đã ngăn cản đồng bào di cư, gây nên những cuộc xô xát đẫm máu như ở vùng Quỳnh Lưu, Nghệ Tĩnh. Khi thời gian di cư đã chấm dứt, nhiều người vẫn tiếp tục vượt biên bằng thuyền bè và đã bị Việt Minh sát hại. Nhiều người bơi qua sông Bến Hải đã bị Việt Minh bắn bằng mũi tên độc, vì có lệnh cấm nổ súng trong vùng phi quân sự

Trong khối người di cư này, tín đồ Công Giáo được coi là đông đảo nhất, với 650 ngàn người gồm 1.127 tu sĩ. Vì thế, sau năm 1954, Giáo Hội Công Giáo miền Bắc chỉ còn khoảng 300 ngàn giáo dân và 300 tu sĩ, hầu hết già cả và bệnh tật.

Cuộc di cư vĩ đại của gần một triệu người miền Bắc đã làm cả thế giới ngỡ ngàng. Đây là một cuộc bỏ phiếu bằng chân của người dân Việt cương quyết chối bỏ chủ nghĩa Cộng Sản (Cảnh đồng bào Bắc Việt di cư năm 1954).

Điểm đặc biệt là không có người dân miền Nam nào di cư về Bắc. Con số bộ đội tập kết được ghi nhận là thừa thớt, vì Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho bộ đội chôn dấu vũ khí và len lỏi khắp nơi để chờ lệnh khởi sự một cuộc chiến tranh mới.

Bức màn tre âm đạm đã rủ xuống cầu Bến Hải. Trong lúc dân chúng miền Nam nỗ lực phát triển kinh tế, nâng cao dân trí thì Cộng Sản miền Bắc ra tay khủng bố dân chúng, bắt dân phải thi hành chính sách thắt lưng buộc bụng để nuôi dưỡng cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam.

### **Chiến tranh “chống Mỹ nguy”**

Bộ máy truyền truyền chiến tranh của miền Bắc đã hô hào dân chúng “chống Mỹ nguy” và ngày nay vẫn vỗ ngực tự hào đã chiến thắng “đuổi Pháp và đánh Mỹ”, nhưng ngay khi ký Hiệp Định Genève 1954, Hồ Chí Minh đã có kế hoạch tiếp tục chiến tranh ở miền Nam. Năm 1959, Lê Duẩn bí mật vào Nam nghiên cứu, rồi công khai đề nghị khai diễn cuộc chiến tranh “giải phóng miền Nam” trong Đại Hội Đảng Cộng Sản lần thứ 15 ở Hà Nội ngày 13-5-1959. Từ đó, quân đội và vũ khí bắt đầu tăng cường vào miền Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh.

Đề trợ giúp chính phủ VNCH chống lại cuộc chiến tranh này, mãi đến năm 1961, chính phủ Kennedy mới gửi đến miền Nam 400 cố vấn quân sự. Như vậy, rõ ràng là phong trào “chống Mỹ” của miền Bắc hoàn toàn chỉ là chuyện bịa đặt.

Chính Lê Duẩn đã tuyên bố: “Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc” (Vũ Thư Hiên, “Đêm Giữa Ban Ngày”). Chủ trương này trùng hợp với lời xách động của Tố Hữu:

*“Giết, giết nữa bàn tay không phút nghỉ*

*Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong*

*Cho Đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng*

*Thờ Mao chủ tịch, thờ Sit-ta-lin bất diệt...”*

Thi sĩ Phùng Quán trong phong trào Trăm Hoa Đua Nở đã nhận xét rất đúng về người Cộng Sản: “Những con người tiêu máu của dân như tiêu giấy bạc giả”.

Chiếc cầu Hiền Lương chia đôi nước Việt Nam ngày nay đã được nhà cầm quyền Cộng Sản coi như một di tích lịch sử và không còn được sử dụng nữa. Một chiếc cầu mới được dựng lên song song ngay bên cạnh chiếc cầu cũ để cho xe cộ lưu thông. Bên phía Bắc chiếc cầu, Cộng Sản cho xây một kỳ đài vĩ đại cắm cờ đỏ sao vàng, tượng trưng cho chiến thắng. Còn phía Nam cầu thì không được quan tâm tới. Nhưng sự thực không thể che dấu được là quang cảnh nghèo đói, với những ngôi nhà tranh vách đất bên phía Bắc cầu. Trong khi đó, ở phía Nam, nhà cửa khang trang của Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn đó. Người Cộng Sản chỉ quan tâm đến việc xây kỳ đài phô trương chiến thắng mà coi thường đời sống kinh tế ấm no của dân chúng.

Người ta tự hỏi: Tại sao Hồ Chí Minh không chủ trương thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình, thương yêu, không trả thù, không tập trung cải tạo như Đông và Tây Đức?

Hơn ba triệu người của cả hai miền Nam Bắc Việt Nam đã bị thương vong, khôn khổ trong cuộc chiến đòng dã trên 20 năm, chỉ vì Hồ Chí Minh

đã coi thường sinh mạng của người dân. Đó là chưa kể đến khoảng 500 ngàn người bỏ xác nơi biển sâu, rừng thẳm trên đường vượt biên trốn chạy Cộng Sản để đi tìm Tự Do sau ngày Quốc Hận Đỏ. So với cuộc chiến Việt Pháp từ năm 1946 đến 1954, con số tử vong chưa tới 100 ngàn người. (Hình phải : Pa nô(panneau) phía nam trên sông Bến Hải)

Cái tiền đề của hồ chí minh: “Không gì quý hơn Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc” đã hoàn toàn sai và đã đưa đến cảnh người dân Việt dùng vũ khí ngoại bang để sát hại chính đồng bào mình. Nếu hồ chí minh biết nghĩ rằng “Sinh mạng con người quý hơn Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc” thì đã không có cảnh gia đình Việt Nam của cả hai miền phải có những thân nhân hy sinh hoặc mất đi một phần thân thể. Rõ ràng dân tộc Việt Nam là nạn nhân của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản của ông ta trong cuộc chiến sau ngày Quốc Hận Hồng.

Trong lãnh vực thể thao, bên thắng cuộc tượng trưng cho sức mạnh và mưu trí hơn. Nhưng trong lãnh vực chính trị, kẻ thắng trận chưa chắc đã là người thật sự ái quốc, thương dân, thương nòi. Lịch sử Việt Nam đã tôn vinh nhiều vị anh hùng mà cả đời không đạt được một chiến thắng nào, ngoài tinh thần yêu nước.

Bài học lịch sử rút ra từ ngày Quốc Hận Hồng, 20-7-1954, là:

a) Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã toa rập với thực dân Pháp chia cắt Quê Hương Việt Nam.

b) hồ chí minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đưa hai miền Nam Bắc vào một cuộc chiến tranh vô ích và không cần thiết, được gọi là “giải phóng miền Nam” hay “chống Mỹ nguy”, khiến cho hơn ba triệu đồng bào phải hy sinh. Cái giá mà Đảng Cộng Sản VN đã phải trả cho việc thống nhất đất nước quá đắt và tàn bạo. Lịch sử hậu thế sẽ phán xét về việc này./.

**TS TRẦN AN BÀI**

# BIẾN ĐỘNG KINH KHỦNG



Tháng Tư Bảy Lăm: Quá đớn đau !  
Biến động khủng khiếp cảnh âu sầu  
Tang tóc dồn dập tràn lan tới  
Tán loạn người thân biết kiếm đâu ?!...

Loài nào dã man gây oán thù ?  
Quân nhân công chức cả Nhà Tu  
Chúng lòng bắt ho61tgom biệt tích...  
Hành hạ đem giam nhốt bỏ tù..

Nhân sĩ lương thiện cũng trả thù  
Nhiều người kiệt sức “ngũ thiên thu”...  
Ba miền đất nước Nam Trung Bắc  
Nhan nhản mọc lên những trại tù ...

Đầy đọa đem đi những chuyến tàu ,  
Bao người chúng nhốt dưới hầm sâu, ...  
Mê man ói mửa vì say sóng..  
Nhân đạo bấy giờ có ở đâu ??..

Qua bao ngày đêm vượt biển khơi  
Nhiều người đói khát sức rã rời:  
Giống nào tàn bạo loài gian ác..  
Dã thú gì đâu chẳng phải người ! ?..

Cập bến đưa lên trời xếp hàng  
Từng đôi công dính chuyến xe tang...  
Lôi thôi lếch thếch người hôi hám  
Khốn khổ đoàn tù lũ “cái bang” ! ...

Cả vạn tù nhân hốt giữa rừng  
Không ánh đèn đuốc tối như bưng ! ...  
Ma thiêng nước độc thảm thương quá ..  
Kìm kẹp tra khảo giam bít bùng ....

Những năm “Trùng Giời” ở trong tù  
Lây lắt tàn tạ ở cấm khu  
Đũa vát sâu bọ bầu tù tội  
Mưu mô đầu đọa cõi thiên thu ? !..

Cơm hầm khoai sắn độn bo bo  
Cai tù bắt làm như trâu bò  
Lừa đảo bắt làm dụ vé sớm  
Hấp hối gần chết nằm co ro !?...

Đói là làm sao tính toán gì ?  
Lu mờ đầu óc không còn chi !..  
Chân tay run rẩy mờ con mắt  
Khôn ngoan sáng suốt không thể suy ?  
Cải tạo gì đâu: “Tù Khổ Sai” ...  
Tiền tỵ hình hài chẳng giống ai ? !  
Như khối xương tàn da xám ngắt  
Thoi thóp đơn độc ai đoái hoài ? ! ...

Đầy đọa tràn gian khổ thế này ...  
Trả qua tình luyện bể đắng cay...  
“Còn Trời còn Đất còn Non Nước..”  
Hừng đông rạng sáng chuyển ngày nay

! ...

**LM THẠCH LINH  
NGUYỄN ĐÌNH ĐỆ**

# THẨM PHÁN VÀ LUẬT SƯ

LS DƯƠNG TẤN TRƯƠNG



Ls Bùi Trần Phú và TP Tôn Thất Hiệp

Thẩm Phán và Luật Sư cùng học một trường, thi đỗ chung một bằng, do một lò kinh sử nung đúc ra. Đem tài học phụng sự “ Công Lý, Xã Hội” cả hai đều mặc một chiếc áo đen.

Nhưng bước vào phòng xử, hai người có hai lập trường khác nhau, hai bên vành móng ngựa.

Cầm cân Công Lý, đại diện xã hội, Thẩm Phán có phận sự xét xử tất cả những vụ trong phiên tòa. Vì vậy, ông Chánh Án và ông Biện Lý được ngồi và ngồi suốt buổi xử. Trái lại, Luật Sư nhiệm cách cho một đương sự, đã đặt mình trong “tám da người ấy” phải đứng trước

tòa, bên cạnh thân chủ. Nhưng một khi phận sự đã xong, thì lại được hoàn toàn tự do hành động.

Vì vậy, lắm lúc, nhìn thấy số đường đầy đặc năm sáu chục vụ, đoán trước rằng phiên xử sẽ kéo dài ba bốn tiếng đồng hồ Luật Sư nghĩ cũng tội cho ...phía dưới lưng và bộ phận của bạn Thẩm Phán phải ngồi suốt buổi.

Trái lại có khi đứng bên cạnh thân chủ, trong một vụ rắc rối, thấy ông Chánh Án và ông Biện Lý cứ hạch hỏi mãi mấy chục phút đồng hồ mà chưa chịu ngưng, Luật Sư cũng phát cáu, thầm nghĩ ông Thẩm Phán ỷ có ghế ngồi không nghĩ thương dùm cặp đầu gối của Luật Sư. Vậy mà khi phận sự đã xong, Luật Sư ngồi lại băng công chúng, nghe một đồng nghiệp đóng lại vai trò của mình lúc nãy, cứ ...thao thao bất tuyệt bằng cách lập đi, lập lại, bảy tám lần “luận điệu” kêu gọi “khoan hồng” thì lại nghĩ thương cái lỗ tai ông Thẩm Phán đang chịu hành hình và mừng giùm “ông này có tài ngủ mở mắt”.

Tuy vậy, để trừ lại những nỗi khổ tâm như thế, ông Thẩm Phán cũng tìm được những phút giải trí, giữa không khí trang nghiêm tòa án, trong những câu trả lời ngộ nghĩnh hay những cử chỉ bất ngờ của những người nổi nhau trước vành móng ngựa hoặc những trường hợp trở trêu làm tréo căng luật lệ.

Như trong những chuyện sau đây:

## 1- NGHỀ ....RANG:

Một bà nọ bị đưa ra tòa, vì cảnh sát đã tìm thấy tại nhà bà bên cạnh một cái máy rang cà phê, nhiều thùng đậu và bắp cháy gần thành than. Và bà ta bị cáo về tội “bán thực phẩm không nguyên chất”.

Liếc vào bìa hồ sơ, ông Chánh Án hỏi:

-Chị bị cáo về tội bán ‘thực phẩm không nguyên chất’ nghĩa là chị bán cà phê có pha đậu và bắp. Vậy chị có nhận tội không ?

Bị can áp úng và hình như sắp đáp: “ dạ có”. Nhưng Luật Sư của bị can không để thân

chủ có thời giờ nói ra tiếng. Ông bước tới bên cạnh bị can choàng hai chân ra như một võ sĩ xuống bộ, dùng cái cùi chỏ hất thân chủ ra một bên, như một cầu thủ cướp banh trong chân đối phương rồi đồng dặc nói:

-Thưa ông Chánh Án. Chúng tôi có làm gì nên tội đâu. Chúng tôi vì quá nghèo khó nên chuyên làm nghề “rang mướn” . Chúng tôi nhận lãnh bất luận nguyên liệu gì.Có người đem bắp và đậu tới mướn chúng tôi rang và dặn phải rang đến gần cháy, thì chúng tôi làm đúng theo ý muốn khách hàng. Chúng tôi không biết họ mướn rang đậu và bắp cho tới cháy như thế để làm gì và chúng tôi cũng không tò mò biết để làm gì.

- “ Cảnh sát chỉ tìm thấy đậu và bắp chúng tôi rang xong chớ đâu có tí cà phê gì mà nói chúng tôi có bán cà phê có pha. Và cái nghề “rang mướn” của chúng tôi đâu có bị cấm.

Ông Chánh Án và ông Biện Lý cố nhin cười nhìn ông Luật Sư nói một hơi mà không cười. Và mặc dầu biết rằng cái nghề “rang mướn”cho tới cháy thành than bất luận nguyên liệu nào nói trên không có trong bản thống kê nghề nghiệp do bộ kinh tế lập ra, nhưng ông Chánh Án cũng phải tha bổng bị can, vì thiếu yếu tố buộc tội. Vì thật sự, cảnh sát đâu có bắt được tí cà phê nào , mà có thể buộc tội bán cà phê được. Thì ra Luật Sư đã bắt được chỗ hở trong biên bản Cảnh sát và biết lợi dụng tình thế. Nhưng cũng phải có tài nói mà không cười nữa mới được và mới hay.?

## 2- BÀN TAY LẠC LỐI



Bị can là một chàng trai lanh lợi. Dân sự nguyên cáo là một thiếu nữ ngưng nghịu vừa mới được kêu ra đứng trước vành móng ngựa mà má đã ửng hồng.

Đàng sau lưng bị can, Luật Sư tùm tùm cười, có dáng điệu một người sắp trình diễn một trò quỷ thuật mới lạ.

Sau khi lấy cung họ tên xong,ông Chánh Án hỏi ngay bị can:

-Tại sao đang đi ngoài đường mà anh bóp... mà anh dám sờ ngực cô này.

Bị can cãi dữ:

-Dạ thưa ông Chánh Án, tôi đâu có làm như thế. Tôi không hề đụng chạm tới cô này. Tôi thề với danh dự trước thánh thần, rằng tôi không hề làm chuyện bậy bạ như thế .

Ông Chánh Án hỏi dân sự nguyên cáo:

- Anh này có sờ ngực cô không ?

Thiếu nữ thốt lên một tiếng “có” rất nhỏ, chỉ một mình thừa phát lại ngồi ngay trước cô nghe được mà thôi. Tuy nhiên, bị can lẹ làng xen vào cãi nữa:

-Đâu có! Hồi nào! Cô cáo oan tôi như vậy, mà có chứng cứ gì đâu?

Chừng ấy, Luật Sư mới ra hiệu bảo thân chủ ngưng và ôn tồn nói:

-Thưa ông Chánh Án, đúng như lời thân chủ tôi vừa nói. Trong vụ này thì chỉ có lời nói “có” của cô này và lời cãi “không” của thân chủ tôi. Ngoài ra, không một người nào chịu ra làm chứng và nguyên cáo cũng không xuất trình được một dấu vết gì làm bằng.

Vậy, để cho quý tòa có đủ tài liệu xét đoán, tôi thiết tưởng cần mở một cuộc điều tra bổ túc ngay. Nên tôi xin ông Chánh Án cho phép tôi được hỏi nguyên cáo vài câu.

Tòa cho phép Luật Sư hỏi:

-Cô nói anh này đã cả gan bóp cái ...và sờ ngực cô. Vậy làm sao cô biết rằng người ta cố ý sờ chứ không phải vô tình đụng chạm chỗ ấy của cô. Xin cô nói cho tòa biết cô bị “chạm” nhằm cách nào, chỗ nào như thế nào.

Dân sự nguyên cáo lúng túng một lúc rồi làm bộ giận, để che dấu nỗi thẹn thùng, dùng dần đáp:

- Tôi đâu có biết !

Luật Sư chộp ngay, hỏi tiếp:



Pháp Đình Sài Gòn 1970

-Ừa, sao lạ vậy? Cô nói người ta rờ mình cô mà cô không biết à ? Hay là vì người ta chỉ đụng nhằm miếng cao su có lót gòn nên không cô không có cảm giác gì hết, có phải không cô ?

Bị chạm tự ái thiếu nữ cãi lại:

- Tôi không có miếng cao su nào hết !

Luật Sư vẫn nghiêm trang như ông Cảnh Sát đang điều tra nói thêm:

-Tốt lắm! Vậy xin cô cho Tòa biết khi bị rờ cô thấy như thế nào... Một cái gì phớt nhẹ như một như một tát yêu hay là một cái gì bám vào với năm ngón tay cựa quậy. Ấy là cái lưng xương xương hay cái lòng mềm mại của một bàn tay.

Thiếu nữ tỏ vẻ giận quay qua “trừng” Luật Sư. Luật Sư giả vờ không hiểu, ôn tồn chỉ bảo.

-Cô quay lại kể hết những chi tiết cho Tòa rõ.

-Thiếu nữ muốn khóc. Luật Sư thừa thế tiếp thêm:

-Quý Tòa đã thấy rõ rằng lời cáo của cô này hoàn toàn vô bằng c

Ông Chánh Án nghiêm nghị bảo bị can:

-Tòa tha anh kỳ này. Nhưng đừng rần có mắt kiêu đó nữa. Lần sau không có bằng cứ cũng bị tù.

Rồi ông Chánh Án vội vã dở hồ sơ khác

ra làm bộ nhìn vào để nhìn cười.

Luật Sư đắc chí ra ngoài, nói nhỏ với bạn:

- Tôi đã xúi nó chối thật hăng

Vì làm gì trưng bằng cứ được trong những chuyện như thế? Trừ khi nào bị can đã ăn bánh tét nhân mỡ trước khi phạm tội.

### 3- ÔI CỦA QUÝ:

Gần đây, Tòa Kháng Cáo Sài Gòn đã có dịp xử một vụ ngộ nghĩnh như sau:

Một sáng tinh sương nợ tại 1 tỉnh lỵ, một chiếc xe đồ rời bên. Trên xe đông nứt hành

khách, có hai chú tài phú , xênh xang trong bộ Âu phục mới, rủ nhau lên Chợ Lớn mua hàng. Xe chạy một đỗi ánh sáng tăng lần, hành khách nhìn rõ mặt nhau. Một chú tài phú để ý thấy chung quanh mình, nhiều người sầm xì, có kẻ bụm miệng cười, và mấy phụ nữ lại làm bộ che mắt hay quay mặt chỗ khác. Chú ta ngó lại. Thì ra chính anh bạn chú hoặc vì quá vội lúc sáng, hoặc vì ít mặc Âu phục nên quên rằng quần Tây khác quần Tàu, nên cứ lim dim ngủ gật và để một em bé ngây thơ, lồ dạn cùng với vùng thái dương, một bộ phận bí mật trong người, cái bộ phận mà thường hay gọi tên, tỏ ra khinh rẻ như đồ bỏ, những khi giận dữ lúc vui đùa, người đàn ông quen giữ kín như ...của báu.

Nửa phần giận bạn, nửa phần cũng muốn trêu các cô gái đang đỏ mặt , chú tài phú cong hai ngón tay búng ngay cái ... lỗ làm của bạn. Anh bạn giựt mình, hiểu ngay có sự, vội vã ...sửa chữa xiêm y , rồi làm bộ cứ ngủ gục thêm cho đỡ thẹn. Cả xe cười ầm và ai cũng tưởng cái cười này chấm dứt câu chuyện.

Nào ngờ, khi về nhà, chú tài phú thấy rằng mặc dầu khi ở Chợ Lớn, anh không có đi “hối thén” mà sao bây giờ anh lại không thể thực hành phận sự trượng phu trong những đêm lụn, canh tàn . Bà vợ sanh nghi làm dữ. Ông phải kể rõ sự tình rồi vợ chồng đốt đèn khám xét. Thì ra , quả thật “nó” đã sưng to.



Bà vợ vội vã đưa chồng đi nhà thương và bác sĩ sau khi khám nghiệm, cho rằng chỗ ấy bị ung thư, yêu cầu bà tài phú phải ...hy sinh “khối tình” để cứu mạng chồng.

Và anh tài phú đã thành anh tài phú ...nái. Hai vợ chồng ra về, quyết cùng nhau ... đem tình cảm sắc đổi ra cảm kỳ . Tuy vậy, cảm kỳ chưa được bao lâu, anh tài phú nái lại thấy rằng trái hẳn luật thiên nhiên, anh ta đã không lên cân, mà lại còn đau thêm nữa.

Trở lại nhà thương, nhờ bác sĩ khám lại, thì mới hay rằng ung thu đã bỏ chỗ kín bò ra chỗ hở rồi. Và sau 1 năm tròn ở lại thương, anh tài phú nái đành rời bỏ cảnh đời, mang theo xuồng thuyền dài , bao nhiêu uất hận.

Tang chế chồng xong, bà vợ về nhà, trước cảnh gói chiếu, chẵn đơ, càng nghĩ càng giận người bạn có “cái búng ác độc”. Rồi bà vô đơ trước tòa tiêu hình, cáo người bạn ấy đã búng vào chỗ nhược – làm cho bà trở thành một góa phụ đau thương. Tòa Tiểu Hình tại tỉnh bác đơ và bà ta khánh cáo đem câu chuyện ức lòng tới trước mặt ba quan tòa lớn tại pháp đình Sài gòn

Bốn vị thẩm phán ở Tòa Kháng cáo ( một chánh thẩm, hai hội thẩm và 1 chủ tọa ) đã phải thi đua cố nhin cười, vì tòa án lúc nào cũng phải nghiêm trang. Sau rồi, Tòa Kháng Án cũng đành y án Tòa tỉnh, bác đơ đòi bồi thường thiệt hại của bà tài phú ...nái.

Nghe Tòa xử xong, các Luật Sư bàn luận nhau, khen án Tòa rất hợp pháp. Vì theo luật, kẻ muốn đòi bồi thường thiệt hại, phải chứng tỏ hành vi của bị cáo là nguyên do trực tiếp của sự thiệt hại của mình. Trong vụ này không thể nói rằng cái búng của người bạn đã làm chết chú tài phú được.

Một Luật Sư trẻ tuổi, nghe xong lời bàn luận của đàn anh bèn nói thêm.

Đáng lẽ bà tái phú phải vô đơ ngay sau khi chồng bà ở nhà thương mới về lần đầu. Vì lúc ấy mới thật rõ cái búng của người bạn đã gây ra cho bà một thiệt hại vô lường. Và như thế, chắc chắn Tòa sẽ bà được vừa lòng, mặc dù chưa hẳn ...toại nguyện ./.

**LS DƯƠNG TẤN TRƯƠNG**

## TẠI EM ĐÓ



Tại em đó ...cho tình vương nỗi nhớ  
Để đêm ngày thao thức kẻ gọi tên  
Lời dẫu yêu mong mãi ngọt môi mềm  
Tim lịm chết chỉ vì hình bóng ấy

Tại em đó ... cho lòng anh điên dại  
Rồi trách thắm sao mãi chỉ vì yêu  
Có lẽ em cho tôi nhớ quá nhiều  
Mong tình mãi đừng tan thành mây khói

Tại em đó ...để tình buồn chờ đợi  
Những khi buồn nhưng nhớ dặt vần thơ  
Viết về em bằng tất cả mong chờ  
Mong hạnh phúc đôi ta tròn mộng ước

Tại em đó ...cho tình ta lỡ bước  
Con phố buồn lẻ bóng chỉ mình anh  
Đường về khuya lặng nghe gió ru cành  
Trăng mờ tỏ trên đường soi bóng nhạt

Tại em đó ...ta xa rồi giọng hát  
Thuở hôm nào vui đàn hát bên nhau  
Giờ vắng xa trong anh cả nỗi sầu  
Tình tan vỡ ... bao giờ ta gặp lại

Tại em đó ...cho tình tôi khờ dại  
Để nỗi buồn ôm ấp mãi trong tim  
Kỷ niệm xưa còn đâu để đi tìm  
Tình đã chết trong tim ngàn dấu ái...

**NGUYỄN VĂN THẮNG**

# VIỆT QUỐC, VIỆT CỘNG



**Gs BỬU LỊCH**

## **CỘNG HÒA VIỆT NAM - VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA:**

Bên này bắt lực thối nát tham nhũng. Bên kia tàn ác vô nhân đạo. Không có chủ nghĩa ý thức hệ nào du nhập vào Việt Nam mà mang lại cho đất nước này một cuộc sống bình thường.

Những nước da vàng khác : Nhật , Nam Hàn,Đài Loan,Tân Gia Ba ...khinh chê người VN. Du lịch ở đâu thì mới bước chân xuống đất là bắt đầu ăn trộm bị bắt quả tang. Thường là những anh người Bắc quê quán xã hội chủ nghĩa !

Đó là chuyện vặt xấu hổ ! Chuyện lớn là một nước thống nhất hết chiến tranh gần nửa thế kỷ còn nằm trong số hai mươi quốc gia nghèo đói nhất.Chưa kể những tệ đoan khác: tham ô, bóc lột, đàn áp, tù đày, truy lặc, thất học...

Một quốc nạn đe dọa. Nước Tàu chưa bao giờ mạnh như ngày nay xem VN như một quận nhỏ của tỉnh Quảng Tây ! Ngày xưa dân và vua hiệp lực chống địch ngày nay đảng làm tôi tớ địch , dân phần uất thù oán nhưng bó tay chịu thua.

Tháng tư đen đã đến. Ai ai cũng muốn chạy thoát. Cột đèn cũng chạy. Văn Vỹ mù loà nay sáng mắt.Tướng lĩnh tự vận.Nhà chức trách tối cao như Cụ Trần Văn Hương không những không di tản mà còn thân nhiên đòi hỏi địch thả quân nhân, dân sự chế độ củ về nhà

để họ giúp đỡ cha mẹ vợ con trong cảnh nghèo đói áp bức.Vô hiệu. Chính sách mới và xưa là trả thù oán hận thủ tiêu. Lê Duẩn đòi giết chết, Kiệt chủ trương giết lần giết mòn bằng lao động khổ sai kinh tế mới. Có chết thì chỉ là chết tự nhiên.

Những hàng chữ này không phải là dư thừa. Đồng bào miền Bắc có người biết có người không hay. Người biết cứ để yên hầu lợi dụng.Có vài ngoại lệ như bà Duong Thu Hương như mới đây thi sĩ Phan Huy. Có người quan sát ngoại quốc nghi ngờ xã hội VN là một xã hội khinh người société du mépris ! Tôi ít tin tưởng vào lòng khoáng đại của đồng bào tôi. Ước chi tôi sai lầm.Nhưng trên thế gian thường tình là cái hay ít hơn cái dở. Vì thế mới có tôn giáo này tôn giáo kia để soi sáng lòng người rao giảng tình thương từ bi hỷ xả. Đồng bào trong nước sống đời trâu ngựa đồng bào ngoài nước bận kể sinh nhai, có người hoạt động chồng cộng lời nói nhiều hơn việc làm. Không trách ai được.Tựu chung sống chết mặc bây, trước sau như một ! Khôn sống ngu chịu ! Hoàn cảnh mới với lảng giềng Tàu ai ai cũng e ngại những năm đen tối chưa từng thấy. Một cổ nhiều trùng đồng bào ta nằm chờ định mệnh đen tối. Giới lãnh đạo ăn trên ngồi trước có tội lỗi trách nhiệm rất lớn.

Miền Nam bại trận không có nghĩa là xấu thua chế độ cộng sản Bắc Việt kể cả về mặt quân sự. Hoa Kỳ thay đổi chính sách ngăn cản Trung Cộng ,giao phó nước ta cho Tàu đỡ viện trợ áo quần lương thực, cho Nga cung cấp xe tăng thiết giáp đại bác. Cow boy rút lui để lại máy bay xe thiết giáp không có xăng dầu, súng ống không có đạn ! Chúng nó thoã thuận ngầm với cựu địch thủ để cho nó thắng trận mà không thiệt nhân mạng. Một màn phản bội khó quên. Nam và Bắc VN là con cò trong chiến tranh lạnh và nóng giữa hai khối siêu cường.Cuối cùng người Nam kẻ Bắc là nạn nhân.Nhưng nạn nhân miền Bắc có cơ hội đàn áp bóc lột giết chết người cùng giống. Nói thế không có nghĩa là hai miền phải thống nhất hoà giải. Không hòa giải được với một chế độ độc tài toàn trị duy nhất một đảng. Tốt hơn hết là hai miền vẫn chia đôi ai nấy duy trì chế

độ mình muốn và từ nay cạnh tranh hoà bình. Nhưng hoàn cảnh quốc tế bấy giờ không cho phép và lãnh đạo Bắc Cộng nông cuồng cực đoan bắt buộc dân hi sinh xương máu để củng cố địa vị của mình và con cháu mình. Bắc Hàn, Kampuchia đã có triều đại cha truyền con nối. Việt Cộng chưa thực hiện được vì có nhiều phe phái tranh chấp. Nhưng lý tưởng còn chờ đợi cơ hội thuận tiện trong lúc chia đều quyền lợi vật chất tinh thần giữa các đồng chí rình rập xoi bói nhau.

Toàn thể nhân dân miền Nam từ trên xuống dưới đã đóng góp xương máu tài sản để đổi đầu với cộng sản quốc tế Nga Tàu sai khiến Bắc Cộng đày đoạ dân lành ra mặt trận. Đừng phủ nhận, đừng chê trách bất kỳ một thành phần xã hội nào của miền Nam. Họ chết để chúng ta còn sống. Và thông cảm với đồng bào miền Bắc đã chịu đựng biết bao nhiêu khổ nhục từ lãnh đạo tàn nhẫn phi đạo đức dốt nát vô học của họ.

Học hành và làm việc ở Pháp suốt mười một năm (1950-1961) tôi trở về Sài Gòn. Không hề có ý định bình luận chính trị, tôi dần mình trong việc giảng dạy nghiên cứu là thiên chức của tôi. Tháng tư đến đã đến tôi lãnh ba năm tù cải tạo, ba năm tù ngoài mất quyền công dân phải trình diện công an một lần mỗi tuần, ăn uống chợ đen. Một giai thoại: một anh công an còn trẻ có nhiệm vụ kèm kẹp tôi đến nhà mỗi ngày. Tôi mời ăn uống ngụy: nem chua, chả giò, gỏi... whisky. Trong một cuộc biểu tình anh tặng tôi lá cờ đỏ sao vàng như để làm thân. Vài lúc sau anh vượt biên thành công sang Mỹ tư bản bóc lột đòi truy kẻ thù của Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Di cư sang Pháp năm 1981 tôi bắt đầu trình bày thời cuộc đất nước bị dày xéo dưới bàn chân công an và đảng, diễn thuyết trước hội trường về vấn đề quê hương bị trói buộc trong thiên đàng hạ giới. Tôi không ngạc nhiên khi thấy cảm tình viên ngày xưa của Việt Cộng dần dần rời bỏ quan điểm lập trường xưa thuận lợi cho kẻ sát nhân khát máu bóc lột tước đoạt tài sản của dân. Một giai đoạn giải độc đã thành công. Còn đợi một giai đoạn tranh đấu khác nhắm vào kẻ thù của dân của nước. /.

## NGƯỜI TÙ “CẢI TẠO”



Nhà gian, vách đất ngủ bon chen  
Cả lũ nằm co chẳng chiếu mền  
Muối, rệp thi đua nhau kéo tới  
Cộng nô canh thức gác ngày đêm

Niềm đau hòa lẫn lời than trách  
Buồn khổ chung nhau nỗi hận phiền  
Gặp lúc không may thân ngã bệnh  
Rét rừng, đói khát chỉ nằm rên

Người tù cải tạo chỉ còn xương  
Rách rưới lang thang cảnh chán chường  
Mở miệng chúng cho loài phản động  
Lặng im nuốt lệ máu trào tuôn

Ngày trước oai phong thân lẫm liệt  
Giờ thì Nước mắt cảnh tang thương  
Mấy ai thấu hiểu thân tù tội  
Cộng đến nhà tan cảnh đoạn trường

Cải tạo bày chi lũ chó săn ?  
Danh từ hoa mỹ bọn vô thần  
Cùng là dân Việt, sao đành đoạn  
Cùng giống Tiên Rồng, nữ hại dân

Bây cướp nhà Nam máu ngập tràn  
Để đời nguyên rửa lũ hôi tanh  
Quê nhà đói khổ bao tang tóc  
Ngàn kiếp không quên lũ bạo tàn

Nước Việt kiên cường, bao hiểm hách  
Dân hùng trí dũng, dựng nhà Nam  
Cộng nô cả lũ phường ăn hại  
Phá nát cơ đồ, lũ hại dân ...

**NGUYỄN VĂN THẮNG**

# MỘT CHUYẾN RA KHỎI



**LS. NGUYỄN HỮU THỤY**

Khi ra tù việc đầu tiên tôi nghĩ đến là phải tìm đường vượt biên dù lúc này đã có tin phong thanh là sắp có chương trình đi chính thức. Tôi đã có giấy tờ bảo lãnh, nhưng tôi chẳng tin Việt cộng, không biết chuyện ra đi chính thức có thật không. Và lại tôi đã quá chán ghét sự quấy rầy của mấy thằng công an khu vực. Thôi thì tìm đường vượt biên. Sớm ngày nào hay ngày ấy.

Những ngày ở tù, nhiều anh em đã ráo riết học tiếng Anh để chuẩn bị cho một tương lai tươi sáng hơn. Tôi nghĩ khác, có lẽ vì gần gũi. Ở tù chẳng biết ngày nào ra. Thôi thì kiếm một thứ gì thật mát thì giờ để tiêu khiển, tôi học chữ nho. Bây giờ mới thấy là thời gian không còn nhiều nữa. Tôi cố gắng quít học tiếng Anh. Bên mình tôi lúc nào cũng có một quyển truyện tiếng Anh và một quyển tự vựng.

Tôi cũng nhận được một số quà từ ngoại quốc gửi về để làm phương tiện sinh sống và gom tiền chuẩn bị vượt biên. Có người mách và chỉ mồi cho tôi đi thu mua vải vụn của hợp tác xã đem về bán lại kiếm lời. Tôi làm theo, nhưng nghề lái buôn của tôi không khá được. Tính ra tiền thì đi buôn cũng có lời đấy, nhưng qui ra vàng thì vốn mỗi ngày một hao hụt. Thôi thì tìm đường ra đi gấp, kéo càng để lâu thì chẳng còn tiền đâu để lo chuyện vượt biên.

Chuyến đi đầu tiên thì đã bị lừa. Nằm



t r o n g  
r u ộ n g  
n o i đ i ể m  
h ẹ n  
đ ến g ần  
s ắ n g m ả  
c h ằ n g  
t ấ y t ầ u  
b ề đ ầ u

cả. Không thể chờ được nữa nên phải tìm đường tháo chạy. Mò ra được đến đường cái thì trời đã gần sáng. Đường vắng hoe, không một bóng xe cộ. Đang hoang mang không biết làm sao để về nhà thì may quá có một chiếc Honda chờ tới. Vẫy đại thì người lái xe dừng lại. Theo thói quen, ở Việt nam mua bán gì cũng phải mặc cả, kể cả việc đi xe, nhưng vừa mở lời đã bị chú xe ôm gạt ngang:

- Chân cẳng lấm bê bê, gai mắc cỡ cửa đây, ai chẳng biết là vượt biên, mà còn đứng đấy mặc cả.

Thấy hắn nói có lý bèn chấm dứt ngay cuộc mặc cả và lên xe cho hắn chở đi cho khuất mắt bọn công an biên phòng đang sục sạo khắp nơi để tìm người vượt biển.

Về đến nhà, tắm rửa xong, lật quyển chuyện tiếng Anh và quyển tự vựng kể bên để học tiếng Anh, thì vừa lúc tên công an khu vực tự tiện đẩy cửa vào. Thấy tôi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ như mọi ngày, nên nói bâng quơ năm ba tiếng rồi bỏ đi.

Được mấy ngày lại có người đến rủ vượt biên nữa. Lần này là một anh sĩ quan cảnh sát, bạn đồng tù. Anh ta giới thiệu tổ chức vượt biên của người chị, tổ chức rất là chu đáo, ra đi chắc hẳn chuyến này phải thành công. Tôi hoan hỉ và đóng tiền tham dự.

Tới điểm hẹn, vừa xuống xe lam ba bánh và chạy tạt vào bờ ruộng thì đã nghe súng nổ. Thôi hồng rồi, tụi công an đã lột vô tổ chức và biết mọi đường đi nước bước của chúng tôi, nên đã chờ sẵn chúng tôi ở đây để bắt. Dù sao cũng phải chạy thực mạng may ra có thể thoát. Hai giờ sáng thì đã thấy công an thấp thoáng chung quanh. Vắt vội cái túi sách trong có áo phao đi biển mua ở chợ trời để phi tang. Búng luôn chiếc nhẫn vàng đem theo làm vật hộ thân vào bụi cây. Chiếc nhẫn này chẳng phải là tang vật vượt biên, nhưng ghét mặt quăng đi, chẳng để cho bọn công an làm giàu.

Về đến đồn, tôi được đưa ngay vào phòng thẩm vấn. Viên công an chấp pháp ngồi chờ sẵn với ấm nước trà để trên bàn. Chủ nhân chưa kịp hỏi, tôi đã chỉ ấm nước trà và ngỏ lời.

- Cho xin miếng nước.
- Uống đi.

Chạy cả mấy tiếng đồng hồ, khát nước quá nên chơi hết bình nước của tên công an. Bây giờ thì việc hỏi cung bắt đầu. Tôi đã tiên liệu trước trường hợp có thể bị bắt, nên đã chuẩn bị trước một lý lịch giả, một cái tên rất ngờ nghê là Nguyễn Văn Mịch và khai tăng hơn tuổi thật là 15 tuổi và nghề nghiệp là thợ uốn tóc. Tôi tránh không khai là thợ hớt tóc vì sợ rằng trong trại giam dao, kéo, tông-đơ dễ kiếm, nhớ chúng giao kéo bảo mình hớt tóc mà không làm được thì lộ tẩy hết, còn đồ nghề uốn tóc thì dễ giấu gì có sẵn trong trại giam.

Bực mình vì những câu trả lời ám ớ của tôi và bị uống hết ấm trà, tên cán bộ chấp pháp sẵn giọng:

- Anh đừng có vờ vịt nữa, trông bộ dạng của anh thì ít nhất cũng là đại tá sê-i-a. Khai thành thật đi để được khoan hồng.
- Cán bộ hỏi tử tế thì tôi trả lời, còn chụp mũ là sê-i-a thì tôi không thể nói chuyện được nữa.

Tôi không thể nói chuyện được nữa thật

vì sau đó tôi bất tỉnh. Tôi hoàn toàn không nhớ là bằng cách nào chúng đánh tôi bất tỉnh, chỉ biết rằng sau khi tỉnh dậy vào sáng hôm sau thì thấy mình đang nằm trong phòng giam. Kiểm soát toàn thân thể, chỉ thấy một vết thương ở cằm, không đau đớn gì nhiều, chỉ có máu là ướt đầm áo sơ-mi. Nhìn qua khe hở của phòng giam vào sáng hôm đó, tôi thấy bầu đoàn thể tử của chủ tàu đang bị giải vào phòng chấp pháp. Chỗ chúng tôi xuống cách tàu vượt biên cả hai cây số và chủ tàu cũng như chúng tôi đều bị tóm gọn thì chắc chắn tổ chức của chúng tôi đã bị gài bẫy và bị tóm trọn ổ.

Ở phòng giam được hai ngày thì chúng cho tôi ra phòng tại ngoại có lẽ vì chúng thấy tôi có vẻ già và lại bị thương nữa. Nhờ vậy tôi mon men ra vòng rào kẽm gai và vẫy một cậu thanh niên đang chặn bờ. Tôi quăng ra một mảnh giấy có địa chỉ gia đình và một ít tiền lẻ còn dấu được trong cặp quần. Cậu thanh niên cũng tử tế, lấy tiền của tôi nhưng đã về Sài Gòn báo cho gia đình tôi biết, chứ lấy tiền rồi chẳng làm gì thì tôi cũng chịu thua thôi. Sáng ngày hôm sau đã thấy người nhà tôi lò dò vào văn phòng ban chấp pháp. Theo kinh nghiệm của những người đi trước, chạy càng sớm càng tốt. Chạy ngay tại địa phương bị bắt, thì sẽ ít tốn kém hơn và chóng được thả. Chờ lên quận thì sẽ tốn tiền nhiều hơn và thời gian giữ lâu hơn. Chờ cho đến lúc lên tỉnh thì tình hình càng trầm trọng.

Biết người nhà tôi đã đến và chắc chắn đã có sự chạy chọt nên bây giờ tôi “yên tâm cải tạo” và chờ ngày ra. Hôm sau tôi được gọi lên chấp cung. Cán bộ chấp pháp đưa cho tôi một tờ giấy và bảo tôi thành thật khai báo.

Tôi ngồi ra chiều suy nghĩ rồi bắt đầu viết mấy chữ như gà bới. Chừng 15 phút sau tôi chia tờ giấy khai báo ra và hỏi:

- “Cộng hòa xã hội chủ” bây giờ đến nếp giấy rồi, không đủ chỗ để viết “nghĩa Việt Nam” thì phải làm sao?

Tên cán bộ gất lên.

- Thì xuống hàng viết tiếp chứ còn làm sao nữa. Một giờ sau thấy tôi viết chưa được một trang giấy, chữ chạy lên chạy xuống nên sốt ruột thu lại giấy và bắt đầu hỏi. Tôi một mực khai là đi thăm con ở Vũng tàu nữa đường thì bị bắt chứ già cả rồi mà tiếng tây tiếng u thì chẳng biết nên gán cho tội vượt biên là oan uổng cho tôi. Tôi còn khai một địa chỉ giả làm địa chỉ nhà tôi và yêu cầu cán bộ liên lạc để xác minh sự việc cho tôi sớm được minh oan và trở về với gia đình. Đã ở tù rồi nên tôi biết thừa mỗi đơn vị hành chánh là một xứ quân, chúng chẳng bao giờ liên lạc với nhau để xác minh sự kiện nên tha hồ khai gian mà không sợ bị phát giác. Sau một hồi khai báo không kết quả, chúng đuổi tôi về phòng.

Về phòng giam, nóng quá, tôi cởi trần cho mát. Tên cán bộ trông phòng thường gọi tôi là ông bố, đứng lại ngắm nghía rồi phán.

- Ông bố mặt thì già mà trông người còn ngon quá há.

Tôi chột dạ, từ đấy không dám cởi trần nữa, sợ lòi đuôi tội khai tuổi giả.

Chưa đầy một tháng thì tôi được thả ra. Việc chạy chọt đã có kết quả. Tôi đứng ở cửa phòng chấp chờ làm thủ tục phóng thích và nhận lại đồng hồ, thắt lưng và mấy món lặt đã bị thu giữ khi bị bắt. Tuy nhiên không có thủ tục phóng thích gì cả và cũng không có dấu hiệu gì là chúng nó sẽ đem đồ ký gửi trả lại cho tôi. Một tên công an còn dục.

- Anh kia chưa về đi, còn đứng đấy làm gì. Biết là chúng nó muốn cướp cạn đồ của tôi nên đành đi cho khuất cái chồn này. Lúc về tôi cũng ghé ngang qua địa chỉ tôi khai gian xem là nhà ai thì thấy là một nhà thờ tin lành. Về nhà cũng có công an khu vực đến hỏi thăm nhưng nói dối quanh quẩn và chìa ra mấy điều thuốc lá ba số năm nên mọi chuyện lại yên ổn.

Đang ngồi buồn vì không biết lấy tiền đâu để đi nữa vì mấy lần đi thất bại đã cạn vốn thì một cậu em họ tới chơi và hỏi tôi còn ý định đi nữa hay không? Chắc chắn câu trả lời là có

nhưng hết tiền để đi tiếp nữa rồi. Cậu em này làm nghề dạy tiếng Anh, có một cô học trò mà cha mẹ là chủ tàu đang định cho con đi vượt biên nhưng ngại không giám cho con gái đi một mình nên đề nghị cậu em đi cùng cho có người lớn bảo vệ. Cậu em tôi đã có lần vượt biên và bị bắt nên không giám đi nữa và muốn nhường cho tôi. Cậu em cho biết chuyến đi này không phải trả tiền trước, chỉ trả tiền sau khi đã đến nơi, chỉ có một điều kiện là phải cho chủ tàu xem mặt để xem có đáng tin cậy để giao con gái họ hay không. Việc gặp gỡ chủ tàu không có gì trở ngại.

Đến ngày hẹn, tôi được chở đến trước bệnh viện Hùng Vương trong Chợ lớn. Tên tôi nhớ không biết có đúng không, nhưng cũng là một bảo sinh viện như bệnh viện Từ Dũ ở Sài Gòn. Lần này giờ hẹn là buổi sáng sớm chứ không phải là đêm hôm như những lần trước. Tại đây tôi đã thấy rất đông người tụ tập. Suốt dọc đường, mỗi người một cái bị đứng ngơ ngáo. Nhìn cảnh này, dù ngu si đến mấy thì công an cũng phải nhận ra là những người vượt biên. Lỡ rồi, tôi cũng đành đứng như mọi người.

Đang đứng chờ thì một anh bạn quen đi ngang. Sau khi bắt tay, tôi còn hẹn anh bạn ngày mai đến tôi chơi. Đang đi vượt biên, đâu có giám nói ý định đó với ai, dù là bạn bè.

Một lát sau có một chiếc xe công an chạy tới, tiếp theo sau là một chiếc xe bít bùng. Hai chiếc xe đỗ lại và tám bạt sau xe bít bùng được vén lên. Sau một cái vẫy tay của một người đứng trong thùng xe, mọi người chạy tủa lên xe và tôi cũng làm theo như mọi người.

Bảy giờ tôi mới được biết, chuyến đi này do công an tổ chức. Công an tổ chức nhưng cũng không có gì bảo đảm là chuyến đi sẽ thành công. Những chuyến đi như thế này, công an sẽ đề cho đi thoát vài chuyến để kiếm tiền rồi bắt vài chuyến để lập công. Thôi cũng phó mặc cho số mệnh.

Đến trưa thì xe xuống đến Long an và xuống thẳng thuyền lớn chứ không chèo từ

thuyền nhỏ hay taxi như những vụ vượt biên thường thấy khác. Thuyền chạy trong sông đến đêm mới ra đến cửa biển. Suốt một buổi chiều lênh đênh trong sông, mọi người đều lo lắng thấp thỏm vì công an có thể ập ra và bắt giữ bất cứ lúc nào.

Khi thuyền ra cửa biển thì trời đã sập tối. Tôi nghe tiếng súng nổ bâng quơ đầu đó và vang vọng từ trên phòng lái có tiếng chửi thề.

- Tàu này 12 máy, tàu công an biên phòng chỉ có 2 máy, có đuôi được không?

Mọi chuyện đều tốt đẹp, chỉ có điều được thông báo là taxi chở tài công đi biển và hải bàn đã di lạc nên tàu ra biển mà không có tài công đi biển và hải bàn. Thôi lờ rồi đành tiếp tục cuộc hải trình. Không có hải bàn đành đốt một bó hương cắm trước mũi thuyền, ngắm theo sao mà tiến bước.

Bốn ngày đêm, bấy giờ là tháng ba năm 1987, biển yên sóng lãnh, không hải tặc, chỉ có những biển cổ nhỏ như tàu hết dầu, kiểm soát lại thì những thùng dầu dự trữ đều là những thùng không nhưng may mắn vớt được một thùng dầu trôi bơ vơ trên đại dương mênh mông. Sau bốn ngày đêm lênh đênh trên biển thì mọi người thấy đất liền và đang mừng rỡ thì có một người la lên.

- Thôi chết rồi, trông như là đảo Phú Quốc.

Mọi người đang hoang mang bán tín bán nghi thì thấy có ca-nô chạy ra. Lính lố ngố trên ca-nô nhưng chắc chắn không phải là công an Việt cộng. Thôi thoát rồi, chúng tôi đã đến được nơi muốn đến. Thuyền đã cập bến Mã lai. Bấy giờ đại diện chủ tàu đi thu tin nhắn của mọi người để báo tin cho gia đình ở Việt Nam là đã đến nơi.

Cao Ủy Tị Nạn đã tiếp xúc và chúng tôi được tiếp tế mì gói và nước uống. Không có nước sôi để pha mì, chúng tôi ăn mì khô và uống nước ngon lành. Một cô gái vui vẻ lại bắt chuyện.

- Cháu thấy bác hay thật, trong bốn ngày trên biển, không bao giờ thấy bác ăn và ngủ lưng. Chỉ thấy bác ngồi hút thuốc.

Tôi lịch sự cười trả lời nhưng im lặng không lên tiếng. Tin tưởng người tổ chức là trong chuyến đi, đồ ăn sẽ được cung cấp đầy đủ nên hành lý của tôi chỉ có một bịch thuốc rê và một bình nước. Kết quả là chỉ có thể hút thuốc trừ cơm. Còn chỗ ngủ, thuyền chật cứng, đàn bà con gái nằm la liệt, làm sao tôi có thể kiếm chỗ ngủ lưng.

Máy xe buýt của Cao Ủy Tị Nạn chở chúng tôi về Terengganu, một thành phố nằm đối diện với đảo Pulau Bidong. Trên đường đi, tôi chú ý đọc những bảng gần đường để kiểm soát xem trình độ tiếng Anh của mình đến đâu. Chẳng hiểu được người ta viết cái gì. Một lúc sau mới chợt nghĩ ra, đây là xứ Mã Lai, người ta viết tiếng Mã Lai chứ không phải tiếng Anh.

Chúng tôi ngủ lại Terengganu một đêm, tại đây chúng tôi được Cao ủy Tị nạn phát quần áo quyên góp được, cũ người mới ta. Nhìn đám tị nạn mới tới là một hoạt cảnh vui mắt: quần áo đủ kiểu, đủ cỡ, và cũng đủ màu sắc nữa: xanh, đỏ, tím, vàng.

Ngày hôm sau được tàu Blue Dart chở ra Pulau Bidong. Trên cầu tàu Jetty của đảo Pulau Bidong tôi thấy nhiều người đứng lố nhố. Tôi nghĩ là những người ra bãi biển hóng gió hoặc những người hiếu kỳ ra cầu tàu để xem có gặp ai quen không. Tôi đã nhầm, họ đã ra để đón tôi. Đêm hôm trước anh Nguyễn Tường Vũ, cố vấn của đảo cho anh em trên đảo biết là trong số những người mới tới có tôi, nên một số anh em ra đón. Tôi không nhớ tất cả những anh em này, chỉ nhớ có anh Trung tá Thọ, nhẩy dù, và Trung tá Quang, Thủy quân lục chiến. Anh Thọ ngỏ lời: để xem có gặp ai quen không. Tôi đã nhầm, họ đã ra để đón tôi. Đêm hôm trước anh Nguyễn Tường Vũ, cố vấn của đảo cho anh em trên đảo biết là trong số những người mới tới có tôi, nên một số anh em ra đón. Tôi không nhớ tất cả những anh em này, chỉ nhớ có anh Trung tá Thọ, nhẩy dù, và Trung tá Quang, Thủy quân

lục chiến. Anh Thọ ngỏ lời:

- Anh trại trưởng hiện nay tệ quá, làm gì cũng rập theo ý Mã Lai, chẳng để ý gì đến quyền lợi của mọi người trên đảo nên chúng tôi muốn làm cuộc đảo chính đưa anh lên thay. Chẳng gì anh cũng là người “văn võ toàn tài”, văn cũng là thầy cãi và võ cũng là quan tư nhà nước.

Tôi trả lời là tùy anh em, cố gắng làm được gì thì cũng ráng làm.

Ngay buổi sáng hôm sau, tại sân vận động của trại đã có một cuộc mít tinh của toàn thể trại viên để bầu trưởng trại mới và tôi đã đắc cử. Mới lên đảo ngày trước thì ngày sau đã được bầu làm trại trưởng, làm quan trên đảo Pulau Bidong và bắt đầu cuộc đời tị nạn.

Người viết trong Steering Committee trên đảo Pulau Bidong. Sau ngày ra tù về tội vượt biên, tôi gặp một anh bạn mày tao và đã bị mắng:

- Mày dở ẹc, phải đi theo tao thì mới khá được.

Tưởng gì, hoá ra sau khi tôi đi thoát, nghe tin bạn tôi dẫn cả gia đình vào tù về tội vượt biên. Bây giờ thì bạn tôi cũng đã sang được Mỹ theo diện HO. Mọi chuyện vui vẻ cả.

Ở đảo ít ngày thì tôi nhận được thư nhà từ Sài Gòn gửi qua cho biết là sau khi tôi đi, công an khu vực đã đến hỏi tôi. Người nhà cho biết là không biết tôi đi đâu và không thấy về. Tên công an khu vực mọi khi rất khó chịu, hôm đó bỗng trở nên vui vẻ và nói: “Mừng cho gia đình và anh ấy”, rồi bỏ đi. Rõ khỉ ! bắt không được đành tha làm phúc.

Thế là tôi đã sống trọn kiếp làm gà què ăn quẩn cối xay chung quanh tòa án: làm luật sư, làm tòa, và ba lần làm tù, làm tù cải cách ruộng đất, làm tù cải tạo, rồi tù vượt biên. Quanh quẩn chung quanh tòa án ngàn ấy chuyện cũng đủ hết một đời../.

**LS NGUYỄN HỮU THỤY**

## **CON NÀO QUÊN**

Con vẫn mãi ... chưa quên mùi tóc Mẹ  
Dù thời gian lặng lẽ nhạt phai màu  
Những năm dài vất vả suốt đêm thâu  
Làn tóc Mẹ điểm sương màu thương nhớ

Con nào quên ... lời yêu nào thuở nhỏ  
Mẹ giúp con, từng bước nhọc vào đời  
Lời Mẹ hiền ru hát tiếng à ơi  
Như sống lại tình thương hoài ấp ủ

Trái tim con ... chưa quên tình mẫu tử  
Nhớ ngày nào Mẹ dìu dắt con đi  
Đau buồn thay hoàn cảnh khóc chia ly  
Mẹ an nghỉ nơi quê người quạnh vắng

Con nào quên ... mắt Mẹ hiền năm tháng  
Mong chờ con mòn mỏi những ngày qua  
Mẹ ra đi cho mắt lệ nhạt nhòa  
Vòng tay ấm thuở nào bên gối Mẹ

Con nào quên ... Mẹ hiền đêm gối lẻ  
Khi Đông về giá lạnh phòng cô đơn  
Sưởi ấm con bằng tình Mẹ trong lòng  
Hình bóng Mẹ vẫn hoài trong con mãi

Mừng Giáng sinh lòng con buồn khắc khoải  
Nhớ Mẹ hiền con khẩn nguyện cầu xin  
Để tình thương mang đến sự an bình  
Mong Mẹ hưởng vinh quang về nước Chúa

Con không quên những gì Chúa đã hứa  
Lòng bao dung, luôn rộng mở đón mời  
Con nguyện cầu xin Thiên Chúa Ba Ngôi  
Cho hồn Mẹ được về nơi diễm phúc

Đã bao năm lòng con hoài thao thức  
Mong một lần gặp Mẹ trong giấc mơ  
Dù phút giây ngắn ngủi vẫn trông chờ  
Đêm Chúa xuống ấm lòng con mong đợi

**Nguyễn Vạn Thắng**



# TÔI ĐÀO NGŨ VÀ BỎ CHẠY KHỎI ĐÀ NẴNG THÁNG 3-75



**NGUYỄN TƯỜNG TÂM**

Người ta thường dùng chữ di tản, một từ tương đối đẹp để mô tả một hành động không đẹp: bỏ chạy, hay chạy làng. Tôi dùng nguyên chữ “Đào Ngũ và Bỏ Chạy” chỉ hành động hèn hạ của tôi, một sĩ quan trước đó đã từng cùng thuộc cấp và đồng đội lao vào tử địa, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Khi Ban Mê Thuột thất thủ (11-3-1975) tôi đang là sĩ quan quân đội biệt phái làm trưởng toán trực Trung tâm hành quân Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Khu I –phụ trách 6 tỉnh, thị: tỉnh từ cực bắc là Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế; Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Tín, và Quảng Ngãi. Dư luận xôn xao không biết Vùng I có an toàn không, khiến Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân đoàn I kiêm Quân Khu 1, phải lên tiếng trấn an, cho biết ông quyết tử thủ Huế. Những ai sinh trưởng hay sinh sống tại miền Trung đều hiểu rằng, mặc dù Đà Nẵng là Trung tâm Quân sự, Hành Chánh, và Kinh Tế nhưng Huế là biểu tượng tinh thần. Mất Huế là mất cả miền Trung. Cho nên bảo vệ Huế là lẽ sống còn của chính quyền. Với uy tín của một vị tướng chiến trận, liêm khiết, thương yêu thuộc cấp và thương dân, tuyên bố tử thủ Huế của Tướng Trưởng đã từng trấn an được dân Huế trong mùa Hè Đỏ Lửa 1972, và lần này

cũng vậy.

Nhưng tình hình cao nguyên biến chuyển từng ngày theo chiều bất lợi cho nên lần này uy tín của Tướng Trưởng cũng không duy trì nổi tình trạng ổn định được lâu. Tôi liên lạc với Trung Tâm Hành Quân Bộ Chỉ huy Cảnh sát Vùng 2 (TTHQ/BCH/CS/V 2) được họ cho biết Bắc quân hàng đêm di chuyển từng đoàn xe vận tải thấp đèn sáng choang trên các sườn núi nhưng không có phi cơ oanh tạc. Sau hiệp định hòa bình 1973, không bên nào được tấn công khu vực do bên kia kiểm soát. Tôi hỏi TTHQ Ty cảnh sát Quảng Đức được họ cho biết tình hình yên tĩnh nhưng một khi bị bao vây thì sẽ không biết chạy lối nào.

Khi toàn bộ quân dân Quân đoàn II bỏ chạy khỏi Pleiku và Kontum ngày 17/3 thì tình hình hoảng loạn tại Vùng 1 không ai có thể kèm hãm được. Dân Quảng Trị đã bỏ chạy vào Đà Nẵng. Nhiều người gồng gánh đi bộ vượt qua Huế, vượt đèo Hải Vân, đoạn đường dài hơn 150 cây số. Tại Đà Nẵng chính quyền không còn khả năng tiếp đón đồng bào. Tất cả những người không có thân nhân, bạn bè tràn vào ở trong các trường học và phải tự túc. Tôi nhận thấy chỉ riêng vấn đề dân chúng di tản lúc đó đã là một gánh nặng mà chính quyền không gánh vác nổi, chưa kể tới các đoàn quân rã ngũ. Chỉ riêng vấn đề dân tị nạn cộng sản cũng đủ khiến Đà Nẵng rối loạn.

Tôi gọi TTHQ Ty cảnh sát Đà Lạt, họ cho biết tình hình yên tĩnh, chính quyền còn nguyên nhưng dân chúng đã bỏ đi hết, thành phố vắng hoe. Trừ chính quyền Quảng trị chạy vào tạm trú tại Huế, chính quyền các tỉnh khác trong Vùng 1 vẫn yên tại chỗ trong khi mọi người dân đều lo lắng. Nhiều gia đình tại Đà Nẵng chen nhau mua vé máy bay về Saigon. Vé máy bay chợ đen lên giá \$100 ngàn 1 vé (lương tôi, trung úy, một vợ 3 con chỉ có \$32 ngàn/ tháng; gạo \$10 ngàn/1 tạ). Một anh bạn thân từ hồi ở Trung đoàn 2 Bến Hải, bác sĩ Nguyễn Văn H., luôn theo sát tôi hỏi tình hình. Tôi trấn an

một cách chân tình “Huế vẫn tử thủ”. Anh tin tôi bởi vì anh biết tôi thân tình với bà vợ Tướng Trường.

Bà vợ Trung tướng Trường là em họ tôi (bà là trưởng nữ của chú ruột tôi, nhà văn Thạch Lam), nhưng chị hơn tôi 9 tuổi lại sống với nhau từ nhỏ nên tôi vẫn gọi bà là chị. Hai chị em tôi thân nhau (cho tới tận bây giờ --2023 tại Hoa Kỳ-- mỗi tuần hai chị em đều điện thoại cho nhau ít nhất một lần). Thời đó (tại Đà Nẵng) mỗi tuần tôi tới ăn cơm với chị một buổi trưa. Tuần nào không tới thì chị điện thoại hỏi. Tướng Trường đi hành quân tối mới về, các cháu đi học, hai chị em thường ngồi ăn, nói chuyện gẫu ở cái bàn trong bếp. Nhưng trong thời gian sôi động đó tôi quyết định trưa nào cũng ghé chị ăn cơm, mục đích để xem Tướng Trường còn tử thủ Huế không. Dĩ nhiên tôi không hỏi chị câu đó, vì chuyện nhà binh chị cũng không thể biết. Nhưng khi nào Tướng Trường bỏ Huế thì chị và các con phải ra đi; chắc chắn tôi phải là người đầu tiên chị cho biết. Tôi đã có hai năm chiến đấu dưới quyền chồng chị khi ông là Tư lệnh Sư đoàn 1 nên tôi hoàn toàn tin tưởng tư cách của ông.

Trong lúc đó, một thương thuyền lớn, tàu Trường Thành, do Thủ tướng trưng dụng ra bốc quân dân di tản, đang neo tại bến cảng ngay trước tư dinh tư lệnh. Hàng ngày tôi và chị tôi đứng trên tầng hai tư dinh quan sát chiếc tàu thấy cả mấy ngàn người dân đã leo lên chiếm chỗ trên tàu. Ty cảnh sát Đà Nẵng được lệnh giải tỏa chiếc tàu. Nhưng tôi thấy các sĩ quan cảnh sát, bạn đồng nghiệp của tôi, đang vừa cầm loa kêu gọi đồng bào rời khỏi chiếc tàu cho có lệ, nhưng thực tâm họ không những không giải tỏa mà còn đưa thân nhân họ lên tàu.

Chưa có lệnh bỏ Huế nhưng dường như một số cơ quan hành chính đã di tản một phần vào Đà Nẵng. Trường đại học Luật Huế của tôi cũng đã mang toàn bộ hồ sơ, văn kiện vào Đà Nẵng. Bộ Tư lệnh Cảnh sát ở Saigon ra lệnh cho tôi yêu cầu ty Cảnh sát Huế tới đón Đức Bà Từ Cung (thân mẫu Vua Bảo Đại). Huế trả lời là Đức Từ Cung không chịu di tản. Saigon lại ra lệnh Đức Từ Cung muốn mang theo bất cứ

cái gì cũng phải giúp bà. Tin đi tin lại mấy lần. Cuối cùng Huế cho biết “Bà ở lại để chờ Vua Bảo Đại trở về!” Lúc đó tôi không hiểu bà lấy tin đó ở đâu. Sau này mới biết vào giai đoạn cuối, Pháp có tham dự trực tiếp trong ý định tìm một giải pháp cho Việt Nam.

Trong cơn hoảng loạn, một thiếu úy quân nhân biệt phái là sĩ quan trực TTHQ Cảnh sát Quảng Trị, tạm đóng tại Huế, gọi về tôi báo cáo là thấy tòa hành chính và các ty sở di tản mà không có lệnh lạc gì cho Ty cảnh sát Quảng Trị. Tôi đưa máy cho Đại Úy Dũng, Trung Tâm trưởng. Đ/u Dũng chỉ thị “cứ bình tĩnh, sẽ có yểm trợ!” Nhìn tay Đ/u cảnh sát này, tôi thấy anh ta chỉ thị láo; ngay cả Bộ chỉ huy cảnh sát Vùng 1 cũng còn chưa biết ra sao lấy gì mà yểm trợ các tỉnh. Ngay sau đó, chờ cho tay Đ/U trưởng phòng sang phòng khác, tôi bèn gọi anh thiếu úy, nói ngắn gọn “Bạn hãy tự túc!” Sợ anh ta không hiểu tôi nhắc lại rồi hỏi anh ta hiểu không? Anh ta trả lời “Hiểu!” Từ đó tôi không gặp lại anh ta. Vốn dĩ tôi không quen anh ta và cũng chưa gặp anh ta bao giờ. Tôi biết ở Đà Nẵng nhiều người theo dõi gia đình Tướng Trường, gia đình tôi và gia đình nhà văn Duy Lam, Trung tá—ba gia đình là anh chị em họ—. Bởi vì nếu một trong 3 gia đình này mà ra đi thì ai còn tin lời thề tử thủ của Tướng Trường nữa.

Rồi một buổi trưa, sau khi tôi ngồi yên vị, bà chị họ cho biết “Tổng thống ra lệnh bỏ Huế!” Tôi sửng người, bật khóc. Thế là hết. Mất Huế thì không thể giữ được Vùng 1. Vùng 2 thì đã mất rồi... làm sao giữ được miền Nam. Đồng thời tôi cũng biết rằng từ nay Tướng Trường sẽ không còn là gì cả; một bại Tướng thì không còn là gì cả! Tình cảm của tôi đối với ông rất nhẹ tình gia đình, ông chỉ là một anh rể họ; mà nặng hơn chính là tình giữa một thuộc cấp và vị Tư lệnh của mình. Ông là một vị tướng chiến trận, luôn có mặt bên quân sĩ khi lâm trận... Tôi và đồng đội đều cảm thấy yên tâm mỗi khi có hiện diện của vị tư lệnh của mình trong thời gian tôi lao vào lửa đạn vùng giới tuyến. Bây giờ tôi khóc vì thương ông, một vị tướng chiến trận được quân sĩ kính mến. Yên lặng một lúc, tôi nói với bà chị họ, “Chiều nay anh về, chị nói

với anh là trong 7 năm qua, dưới quyền anh, em không làm gì phiền cho anh. Nhưng hôm nay em đào ngũ!” Bà Trường chỉ còn biết nói, “Tình thế này thì ai cũng tự lo lấy thôi!”

Một chập sau một người Mỹ từ nãy ôm chiếc máy vô tuyến ngồi im lặng ở bậc thềm ngoài hàng hiên, bây giờ liên lạc với ai đó một chập khá lâu rồi vào nhắc Bà Trường ra đi. Tôi lái chiếc xe jeep của tôi, theo chiếc xe jeep của bà. Cả hai cùng theo chiếc xe của người Mỹ ra bãi đáp trực thăng ở cuối đường Độc Lập, cách tư dinh tư lệnh không xa. Bà Trường bước lên trực thăng, tôi nhìn chị nói, “Vĩnh biệt chị!” Chị vội nói, “Tâm nói gì ghê vậy? Anh còn ở đây mà!” Trong thâm tâm tôi nghĩ, “Anh Trường cũng chẳng thể làm gì nổi để xoay chuyển tình thế!”

Trên đường về tôi tạt ngang nhà anh BS H. nói ngắn gọn “Anh đi đi, lệnh bỏ Huế rồi!” Sau đó tôi tới gặp Đại tá Giám đốc BCH Cảnh sát Vùng 1 của tôi để xin phép một tuần về tìm mẹ tôi thất lạc khi Ban Mê Thuột thất thủ. Đại tá vẫn oai nghiêm trong bộ quần áo nguy trang cảnh sát dã chiến màu nâu nhạt ngồi đằng sau chiếc bàn rộng. Đại tá thân mật và tự tin nói, “Ừ, anh về tìm mẹ rồi trở lại. Tình hình có gì đâu, tôi còn ngồi đây mà.” Nói rồi Đại tá kêu ông Đại úy chánh sở nhân viên lên làm giấy phép cho tôi. Tôi rời Bộ chỉ huy luôn, không cần chờ lấy giấy phép.

Về nhà, tôi được bà hàng xóm, vợ ông Thiếu tá Cường, khóa 13 Đà Lạt, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 3 pháo binh (của Sư Đoàn 3) cho biết Thiếu tá Cường nhắn bà hãy theo gia đình tôi khi nào gia đình tôi di tản. Ông ấy tin nơi tôi có lẽ vì biết tôi là em họ bà Tướng Trường.

Tôi và vợ xấp xếp tất cả 7 va li, đánh số từ 1 tới 7 theo thứ tự đựng những thứ quan trọng nhất. Nếu cần vứt bỏ thì cứ theo thứ tự mà làm. Nhưng những thứ quan trọng nhất là sữa, bình sữa của con, giấy chích ngừa của con, bằng cấp của tôi, nước uống thì tôi đích thân đeo trước ngực, coi như những thứ “bất khả ly thân”. Tôi cũng lặn lưng khẩu ruleau có 6 viên đạn. Tôi dặn vợ tôi, “Khi lên tàu, ở bất cứ đâu cũng đừng ngồi cạnh anh, bởi vì bọn

cướp chỉ cướp người yếu thế là người đi với gia đình. Anh sẽ luôn luôn ngồi trước mặt em, xem như người dưng. Một sĩ quan đi một mình thì chẳng thằng cướp nào ngu dại đụng tới làm gì. Nhưng nếu bất cứ thằng nào cướp đụng chạm tới em thì anh sẽ bắn ngay. Khi đó em bình tĩnh.” Tôi dặn vợ rất kỹ trường hợp xử thế như vậy để vợ tôi yên tâm. Tôi và vợ chạy tới bố mẹ và các em vợ chào giã từ. Cuộc giã từ ngắn gọn, không cảm xúc vì nỗi chết gần kề. Cha con anh chị em đều phải tự tìm đường sống, không ai cứu mang ai nổi.

Buổi tối, chiếc xe jeep của Th. Tá Cường chở 2 gia đình với đồ đạc là chật chỗ. Tôi phải ngồi trên nắp thùng xe và tài xế cho xe chạy từ từ qua cầu De Lattre sang quận 3. Tới đầu cầu xe phải dừng lại trước hàng rào kẽm gai. Tôi bước xuống, vượt qua hàng rào kẽm gai, nói dối với toán lính gác là tôi đưa gia đình sang bến tàu đi Saigon, còn tôi phải ở lại với các anh em chứ! Xong câu nói dối, tôi cảm thấy hổ thẹn, nhục nhã. Bất cứ một sĩ quan cấp chỉ huy nào, dù là nhỏ nhất—trung đội trưởng—cũng đã từng hiên ngang hướng dẫn thuộc cấp xông vào lửa đạn, tôi không ngoại lệ. Nhưng hôm nay lời nói dối và sự bỏ chạy của tôi phản lại tư cách bình thường của một cấp chỉ huy. Nhưng tôi biết làm sao hơn trong tình thế này!

Toán lính mở hàng rào cho xe tôi đi. Tới bến tàu nhỏ của Sở Tiếp- Vận Vùng 1, hai gia đình mang hành lý lên một chiếc tàu nhỏ. Trên đó cũng đã có một số người. Trời tối, không nhìn rõ mặt người. Tôi thấy yên- tâm vì nếu có người quen cũng không nhận ra tôi, và mấy người lính cũng không nhận ra lon trung úy của tôi. Chúng tôi ngồi một góc trên sàn tàu. Toán lính trên tàu chỉ có vài người, không có sĩ quan, họ đang sắp xếp mọi người trên sàn tàu và mọi người phải theo lệnh họ. Tôi tháo hai bông mai, giả làm lính cho dễ “nhận lệnh”. Tôi chỉ sợ họ đuổi xuống. Chờ một hồi lâu, chiếc tàu cũng ra khơi. Tôi đã mừng, không ai nói với ai lời nào. Nhưng niềm vui chẳng lâu, khi tàu ra tới cửa biển thì được lệnh quay trở lại. Toán lính cho biết tàu không đi nữa. Tôi nghĩ cấp chỉ huy của họ ra lệnh giữ tàu lại cho thân nhân họ rồi. Hai

gia đình chúng tôi đành phải xách hành lý lên bờ. May quá! Người tài xế vẫn còn chờ. Trở về cư xá, nhà tôi đã bị dân vào phá toang, gạo, mắm bị mất, đồ đạc vứt lung tung. Nhà bà Th. Tá Cường ở bên cạnh cũng vậy.

Tôi nhờ chú tài xế chở tới tư dinh tư lệnh. Căn dinh tư lệnh, cách một hàng rào tôn, có cửa nhỏ thông nhau, có một cái kho rộng, trước khi Trung Tướng Trưởng ra làm tư lệnh thì đây là kho bỏ trống, ngày xưa chứa gạo của Vùng 1. Từ ngày Tướng Trưởng ở chỗ này thì khu vực kho vẫn bỏ trống chỉ có vài chú lính tạm trú hàng ngày. Trong mấy ngày này, có vài gia đình sĩ quan Sư đoàn 1 quen biết với bà Trưởng ngày xưa từ Huế chạy vào đây tạm trú, tổng cộng cũng vài chục người.

Cá nhân tôi chỉ là một sĩ quan cấp nhỏ, chức vụ không quan trọng. Nhưng nhiều người ở địa phương biết tôi là bà con thân thiết với gia đình Trung Tướng Tư lệnh, dòng họ tôi lại là Việt Nam Quốc Dân Đảng gốc, bản thân tôi cũng là thành phần Việt-quốc tích cực tại miền Trung. Hoạt động cho Việt-quốc nên tôi biết dân địa phương ở 6 tỉnh thị miền Trung ghê gớm lắm. Họ chia làm hai phe đối đầu nhau quyết liệt: Không Việt- quốc thì phải là Việt cộng, không có lưng chừng. Trong tình hình đó tôi thấy nếu không thoát khỏi Đà Nẵng thì tôi phải tự tử. Buổi tối, tôi gọi vợ ra chỗ vắng, tôi bảo, “Trong 24 tiếng đồng hồ nữa, nếu mình không thoát khỏi đây thì anh tự tử. Còn em và con thì để em quyết định.” Nghe xong, vợ tôi rướm lệ, giọng run run, “Chết thì cùng chết!” Ngay sau đó, tôi nghiêm giọng nói với vợ, “Thôi, em quyết định như vậy được rồi. Bây giờ không phải lúc khóc. Em hãy nín đi để anh đi tìm đường thoát.” Sau này, năm 1985, sau khi ra tù, tôi ghé lại Đà Nẵng, gặp một người lính cũ đang sửa đồng hồ trên lề đường chợ Mới. Vừa gặp tôi, anh giật mình, vui mừng nhưng vội kéo tôi vào một tiệm café vắng, “Úi chà! Sao ông dám về đây?” “Tôi cải tạo hơn 9 năm rồi mà!” “Nhưng ông về đây họ vẫn bắt ông lại được!” Thế là hai anh em hỏi thăm nhau mấy câu ngắn rồi vội chia tay, cũng để an toàn cho anh ta. Sau đó tôi tới thăm anh BS H. bạn thân năm xưa. Vừa gặp tôi anh mừng nhưng cũng hết hồn vội đưa tôi

sang qua đêm tại một địa chỉ khác. Dân miền Trung, nhất là Quảng Nam, Quảng Ngãi rất quá khích, theo bên nào thì quyết liệt theo bên đó, tiêu diệt bên kia.

Thế là mới từ chiều tới giờ, ngày 25/3/75, gia đình chúng tôi đã trải qua bao nhiêu biến động. Buổi tối, từ Saigon, bà Trưởng gọi ra cho biết hôm sau có phái đoàn Trung ương Hội bảo trợ gia đình binh sĩ ra thăm thì gia đình tôi theo phái đoàn mà vô Saigon. Tôi không tin phái đoàn sẽ ra trong tình hình này. Tôi gọi điện thoại tới Trung tá Đức, chánh văn phòng Tư lệnh hỏi xem Quân đoàn có di tản không? Ông Đức trả lời là không biết, chỉ thấy một đoàn công voa đang đậu trước Bộ Tư Lệnh không biết đi đâu, anh muốn đi thì tới. Lúc đó tôi nghe nói đường phố đã hỗn loạn, cướp bóc. Tôi chỉ nghe nói thôi chứ chưa chứng kiến. Tuy nhiên đi với gia đình thì nguy hiểm nên tôi không đi.

Bất thành linh vào rạng sáng 26/4, chú tài xế của Bà Trưởng tìm tôi cho biết bên Tổng Lãnh Sự Mỹ có xà lan sắp ra khơi. Tôi vội lấy chiếc xe số ẩn tề của bà Trưởng chạy sang khu nhà kho đón gia đình, tôi bảo chú tài xế lấy chiếc khác chạy theo. Chỗ xà lan đậu cũng cùng đường với dinh Tư Lệnh, chỉ cách vài trăm mét. Tới nơi, chú tài xế và tôi bỏ xe chạy tới xà lan. Chú tài xế còn hỏi, “Chìa khóa xe để đâu hả trung úy?” Tôi bảo cứ để ở xe cho ai muốn lấy xe thì lấy. Chỗ vào cầu tàu có lính Hoa Kỳ cầm súng gác. Tôi cảm thấy yên tâm. Cầu tàu đông như kiến, mọi người đang chen lấn. Tôi đưa vợ con tôi lên xà lan, mấy chiếc va li bị vát hết trên bờ. Tất cả các album đều ở trong vali nên bị mất hết, giờ đây gia đình tôi không có tấm ảnh nào trước 1975. Khoảng cách giữa xà lan và bến cảng rất hẹp, sóng nước đánh chiếc xà lan rập rình làm bước trên cái cầu ngắn khó khăn, dễ rớt xuống nước. Đi trước tôi trên chiếc cầu nhỏ hình như có người bị té xuống khe nước nhưng không còn ai để ý tới người bị té nữa. Mọi người chỉ chăm chú tìm đường sống. Tôi chăm chú tới vợ và ba đứa con nhỏ của tôi, đứa lớn nhất 4 tuổi, con gái; đứa kế 2 tuổi, con trai; và đứa út 1 tuổi, con gái, vợ tôi bế trên tay. Vợ tôi cũng đang mang bầu. Lên được xà lan trời cũng mờ sáng. Tôi ngồi đối diện với vợ

và ba đứa con. Chung quanh mọi người chen chúc ngồi sát nhau. Bất thành linh một anh lính trạc ngoài 20, mặc đồ Biệt động quân, khuôn mặt tròn, đầu cạo trọc, trông tướng cô hồn, đưa ra cái kính mát Ray-Ban hỏi mọi người ai muốn mua. Anh cho biết vừa từ Huế chạy về không có tiền nên cần bán. Mọi người lặng thinh, sợ sệt, không biết anh chàng lính này định giở trò gì đây. Với kinh nghiệm sống với lính tác chiến, sẵn lúc cũng cần một đê tử cận vệ, tôi bảo anh lính: “Chú cất cái kính làm kỷ niệm để nhớ ngày hôm nay, không cần bán, cứ đi với anh.” Thế là tôi vững tâm hơn, trong người có khẩu rouleau, lại có 1 “cận vệ” là lính BĐQ, tôi đâu còn ngần thảng cướp nào nữa.

Khi đầy người, chiếc xà lan được đầu kéo đưa ra ngoài biển rồi đầu kéo tách xà lan. Chiếc xà lan bị bỏ nằm bất động ngoài biển chứa cả mấy ngàn người. Chẳng ai biết rồi xà lan đầy người sẽ ra sao, cứ ngồi chờ. Vô số thuyền nhỏ bu quanh đưa người lên xà lan. Từ xà lan nhìn xuống những chiếc thuyền con như những chiếc lá tre. Chiếc xà lan dường như không còn chỗ. Người trên xà lan thì muốn ngăn cản người dưới thuyền, bảo họ trên xà lan hết chỗ rồi, cứ ngồi dưới thuyền mà chờ tàu tới vớt; người dưới thuyền thì muốn leo lên cho an toàn.

Nắng đã lên cao, quãng trưa, một chiếc tàu của Hải quân Mỹ tới cặp với xà lan. Chiếc tàu tên Pioneer Contender, to khổng lồ. Thang được hạ xuống cho mọi người lên. Mọi người được lệnh bỏ lại vũ khí trước khi lên tàu. Người già, trẻ em và phụ nữ được cho lên trước. Sau khi vợ con tôi lên tàu thì tôi không bận tâm gì nữa, tôi và người “cận vệ” cứ yên tâm ngồi ở xà lan, chờ mọi người lên hết rồi mình lên sau cùng. Trong lúc đó người “cận vệ” đi lang thang lục tìm trong các túi, các đồ đạc, quần áo mọi người bỏ lại đầy trên xà lan. Cuối cùng người “cận vệ” cho tôi biết tìm được một số tiền và mấy cái đồng hồ. Nghe vậy tôi yên tâm và mừng cho anh ta. Anh ta đưa tôi chọn một cái đồng hồ, nhưng tôi không muốn lấy. Anh ta năn nỉ mãi tôi mới lấy cái đồng hồ nhỏ, hiệu Rado có giây đeo cổ, kiểu hơi lạ làm kỷ niệm.

Khoảng 6 giờ chiều ngày 26/3, tôi vớt

khẩu súng xuống biển, hai anh em tôi là 2 người cuối cùng rời xà lan leo lên tàu Mỹ. Tàu quá đông người, nghe nói có tới 7 ngàn người.

Những người lên trước được đưa xuống các hầm tàu. Tôi và người “cận vệ” chia nhau hai hướng để tìm vợ con tôi, điểm hẹn là chỗ khởi hành. Trên tàu có tới mấy cái hầm, rộng và sâu. Leo xuống, leo lên bằng cái thang sắt gắn sát vách tàu cũng mỏi rã cánh tay. Hầm tàu sâu và rộng, rất đông người. Muốn tìm thân nhân phải leo thang xuống tận nơi. Tôi mới leo xuống tìm kiếm được một hầm và leo lên thì gặp người “cận vệ” cho biết “Em đã tìm thấy chị và mấy cháu rồi, ở dưới hầm đằng kia!” Tôi theo anh ta leo xuống hầm. Để có mấy trăm người dưới hầm. Người nằm ngồi la liệt. Chưa thấy ai đi tiêu ra sàn, nhưng tôi thấy người ta đi tiểu ra sàn. Dù sao tình trạng cũng rộng rãi thoải mái hơn trong nhà tù. Trưa hôm sau tới Cam Ranh.

Chiếc thang sắt bám sát vách tàu dựng đứng nên tôi không thể ôm đứa con út còn ẵm ngửa mà leo lên được. May nhờ chú “cận vệ” khỏe bế cháu lên dùm. Sàn tàu bằng sắt, buổi trưa nóng bỏng. Mấy người mất giày dép phải cuốn bao ny- lông hay giấy dưới bàn chân. Mọi người được đoàn xe cam nhông nhà binh chở tới khu tập trung là một trại gia binh đang xây dang dở, đã có mái nhưng sàn mới đổ cát. Ở trước cửa khu gia binh có bàn phát nước uống và thực phẩm cho người tị nạn.

Tôi để vợ con nằm trên cát với mọi người rồi vội ra tìm xe đồ đi Phan Rang, nơi ông anh rể họ là bác sĩ Đoàn Trình làm trưởng ty y tế kiêm giám đốc bệnh viện tỉnh. Đoạn đường không tới 50 km nên cũng mau. Khi tới nơi, tôi thấy BS Trình đang ngồi với mấy người đàn ông ngoài hàng hiên. Thấy tôi, BS Trình giới thiệu ngay, “Đây! Người về từ mặt trận, mời người về từ mặt trận cho biết tình hình.” Tôi được giới thiệu một ông là phó tỉnh trưởng hành chánh Phan Rang, còn 3 ông kia là trưởng ty gì đó tôi quên rồi. Tôi nói ngắn gọn hiện nay Phan Rang còn yên tĩnh. Nhưng các anh cần theo dõi “thằng” CORDS (Civil Operations and Rural Development Service: Cơ quan Dịch vụ Dân sự và Phát triển Nông thôn). “Nó” còn thì

còn yên tĩnh. Nhưng một khi “nó” hạ còi thì chỉ 24 giờ sau rối loạn. Lúc đó các anh nên đi. Sau khi nghe tôi trình bày, các ông đó hẹn nhau ai về cũng tự chuẩn bị phương tiện tàu thuyền để khi đi thì rủ nhau. Sau đó BS Trình nhiệt tình lái xe ra Cam Ranh đón vợ con tôi về ngay buổi chiều.

Vợ con anh đã về Saigon hết nên gia đình tôi ở đó cũng thấy thoải mái, không phải e dè gì. Buổi tối, cháu gái út bị tiêu chảy và khóc quá. May ông anh rể là bác sĩ nên mọi chuyện mau chóng êm đẹp. Ngày ngày tôi đi bộ ra phố. Mọi người vẫn sinh hoạt buôn bán bình thường, không có vẻ gì là lo lắng. Khu nhà ở của bác sĩ trưởng ty khá rộng, từ nhà ra tới cổng cũng khoảng 100 mét sân. Ở được mấy hôm, một buổi tối tôi thấy trước cổng ầm ầm tiếng hàng đoàn xe cam-nhông chạy ngang. Trời tối, từ trong nhà nhìn ra không rõ nhưng cũng ước đoán được nhiều xe cam-nhông nhà binh. Lúc đó cũng nghe đồn có cướp bóc ở ngoài đường nên tôi không dám ra xem. Mấy người nhân viên trong nhà thương cũng tụ họp ngoài sân bàn tán chuyện nên đi hay ở. Tôi bàn với ông anh rể là nên đi. Ông anh rể nhất định không đi. Ông ấy nói rằng nếu ông ấy đi thì ai chăm sóc các bệnh nhân trong nhà thương. Tôi thuyết phục ông ấy rằng nếu Việt cộng vô ông cũng không được chữa bệnh. Cuối cùng, tới khoảng 5 giờ sáng thì ông ấy siêu lòng, quyết định đi. Lúc đó liên lạc với mấy ông bạn phó tỉnh và trưởng ty cũng không được. Các ông ấy kể cả Đại tá Tỉnh trưởng cũng đã bỏ đi mà không ai báo cho ông ấy biết. Sau này tôi mới rõ là chính sự lo âu quá đáng của mọi người nên các địa phương cứ ùn ùn bảo nhau bỏ chạy. Cấp lãnh đạo, như tỉnh trưởng, trưởng ty... cũng bỏ chạy trước cả thuộc cấp và dân chúng, chứ Cộng quân đâu đã tới.

Ông anh có chiếc xe jeep dân sự nhỏ, màu trắng hiệu La Dalat lắp ráp trong nước. Trong nhà chẳng còn gì quý giá, ngoài các hộp sữa bột loại to, cao bằng 1 gang tay, dành cho con nít. Ông anh bảo tôi chất đầy phía sau xe. Nhờ vậy tôi cũng thấy yên tâm về thực phẩm đi đường. Tôi hỏi ông có súng không, ông ấy đưa cho tôi một khẩu carbin với chỉ có một băng

đạn. Ông nói, “Đây là súng nhân dân tự vệ, anh được cấp từ lúc mới ra trường nhận nhiệm sở tại đây và anh chưa bắn phát nào.” Cây súng được ông cất kỹ trong hộp tủ gần 20 năm, chưa một lần sờ tới. Tuy súng đó lỗi thời, trong khi quân đội dùng súng AR 15, nhưng tôi cảm thấy yên tâm, vì nó là súng trường, đủ sức đe dọa đối phương và cũng đủ để tự vệ. Để chuẩn bị tâm lý cho ông anh bác sĩ quá hiền lành, chất phác, trong cơn loạn lạc, đầy bạo lực, tôi giải thích cho ông ấy, “Trong lúc anh lái xe, em chĩa súng ra ngoài. Bất cứ thằng nào chặn xe em sẽ nổ súng ngay. Lúc đó anh cứ bình tĩnh chạy nhanh.”

Lúc hai anh em chuẩn bị thì sân nhà thương vắng tanh. Nhưng khi chiếc xe vừa chuyển bánh thì một đoàn xe hơi của các bác sĩ khác trong nhà thương đã theo sau. Họ đã chuẩn bị từ lâu rồi, chỉ chờ bác sĩ trưởng ty “dông” là “dông” theo. Chuẩn bị tinh thần cho ông anh quả không thừa. Vừa ra khỏi cổng đã thấy mấy người mặc đồ lính dơ súng bắt chiếc xe tải dừng lại để họ lên xe. Trên đường đi tôi thấy một đoàn công voa Biệt động quân. Có lẽ xe hết xăng và họ đang muốn chặn xe dọc đường để “xin xăng”. Nhưng xe tôi chạy ngang với mũi súng carbin chia ra ngoài trong tư thế sẵn sàng nên không bị trở ngại. Dọc đường, qua mấy cây cầu vẫn thấy binh sĩ địa phương quân canh gác. Tôi thấy tội nghiệp cho họ, những người chiến sĩ bị bỏ rơi! Nếu tôi không chạy thì cũng bị bỏ rơi như họ thôi. Một chút ngậm ngùi cho thân phận những người lính và sỹ quan cấp thấp.

Tới trung tâm thị xã Phan Thiết xe bị kẹt giữa hàng chục ngàn xe cộ đủ loại lớn bé, dân sự, quân sự. Nhưng bất thành lính hai ba quả pháo của Việt cộng rơi giữa thành phố khiến mọi người hoảng sợ chạy tán loạn. Trong phút chốc toàn thể trung tâm thị xã trống trơn. Hết sức ngạc nhiên khi thấy hàng chục ngàn xe cộ đủ loại đã biến đâu mất hết. Nhưng cũng may, chẳng thấy ai bị thương. Lúc đó ông anh tôi phải lái xe vào trú trong một con hẻm cũng đang có đông người. Bỏ xe tại đó, anh và gia đình tôi vào tá túc dưới một cái hiên nhà rộng.

Một lúc sau lại thấy có một đoàn xe quân

đội, có cả thiết giáp hùng hổ đi về phía nam. Hy vọng đoàn xe quân đội đi được thì lát nữa mình cũng đi theo. Nhưng rồi chỉ ít phút sau, đoàn xe hùng hổ đó lại quay về, cũng vẫn hùng hổ! Phía trước bị Việt cộng đắp mô. Đường đi về Saigon bị chặn. Mọi người bàn tới chuyện tìm thuê ghe để về Vũng tàu. Trong đoàn người ngồi quanh, có nhiều người dân địa phương Phan Rang. Một số người nhận ra anh tôi là bác sĩ giám đốc bệnh viện Phan Rang nên ngỏ ý mời ông đi cùng khỏi trả tiền thuê ghe. Thuê một ghe tốn khoảng gần 300 ngàn—tôi không biết số tiền đó trị giá mấy cây vàng nhưng lương tôi có 32 ngàn/tháng, trong khi 1 tạ gạo giá 10 ngàn— Trong tình thế đó tôi thấy gia đình tôi không có cách gì đi tiếp về Saigon nên tôi bảo với anh là “chị và các cháu đã về Saigon rồi, anh nên theo họ về đi. Còn em sẽ lái sẽ trở lại nhà anh.” Tôi dự trù trở lại nhà anh ở Phan Rang thì sẵn có mọi thứ lương thực cũng sống được, Việt cộng vô có bị bắt thì cũng đành. Nhưng ông anh nói một câu ngắn gọn khiến tôi cảm động “Anh sẽ đưa gia đình em về Saigon!” Tôi với anh vốn dĩ chưa có mối thâm tình. Trong 20 năm anh làm rể ông bác tôi, tôi chỉ gặp anh vài lần vì anh làm ở Phan Rang suốt thời gian đó. Vì thế mối ân này tôi nhớ đời.

Đến xế chiều thì ông bắt đầu tìm thuê một chiếc ghe. Mục đích chỉ để anh và gia đình tôi đi thôi. Nhưng những người xung quanh muốn xin góp tiền thuê để đi cùng. Anh lo-là bảo tôi phụ trách thu tiền của những người xin đi theo. Dĩ nhiên phải xuống ghe người ta mới đóng tiền. Chủ ghe cho biết nhiều lính đã cướp ghe cho nên ông ta phải dấu kín chiếc ghe. Tối tới ông ta dẫn mọi người đi làm lủi, âm thầm, tránh không để ai phát hiện mình có ghe. Từ buổi chiều, giữa sự hỗn loạn, đơn vị duy nhất còn quân kỷ là các sinh viên sĩ quan Võ Bị Đà Lạt. Họ vẫn quần áo trận gọn gàng, tay ôm súng garant tư thể hành quân, đi hàng một theo vị sĩ quan hướng dẫn. Tôi cũng thăm phục những vị sĩ quan cán bộ lãnh đạo lúc đó vẫn lặng lẽ thi hành nhiệm vụ một cách nghiêm chỉnh; họ đã không bỏ chạy như tôi và nhiều sĩ quan khác, kể cả các sĩ quan cao cấp.

Chiếc ghe không to lắm. Khoảng 30

người đã khiến chiếc ghe khẳm, nước mấp mé mạn ghe. Mùi dầu máy khiến tôi khó thở, nhưng tôi vẫn để vợ con dưới khoang cho an toàn, dù có hơi bị ngộp hơi dầu, còn tôi leo lên mũi nằm mấp mé rìa mũi; phải cố gắng nắm vào mũi cho khỏi té. Ghe chạy rất gần bờ. Trong bóng đêm tôi thấy mờ-moo hình dáng những ngọn núi dọc theo bờ biển chạy ngược con thuyền. Chẳng ai nghĩ tới việc góp tiền trả tiền ghe mà anh tôi cũng không nhắc việc thu tiền. Coi như không có họ anh cũng phải thuê cả chiếc ghe. Rồi tôi mệt quá ngủ quên. Không rơi xuống biển là may.

Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng. Người ta nói đây là Long Hải. Khi lên bờ có các sĩ quan địa phương chào đón hướng dẫn. Cũng có phương tiện đón đồng bào vào khu tạm cư. Ông anh chào tạm biệt tôi để về Saigon. Bất thành linh tôi trông thấy gia đình mẹ vợ tôi cũng vừa mới ở thuyền lên. Rất ngạc nhiên làm sao mà gia đình vợ tôi cũng chạy kịp vào chồn này. Không có ông bố vợ. Ông bố vợ vì có hai bà nên kẹt lại tại Đà Nẵng với bà cả. Mẹ vợ tôi đi với mấy đứa em theo sự hướng dẫn của người em rể vợ tôi, cũng là quân nhân, hạ sĩ quan. Vừa nhận ra nhau cũng không hỏi thăm gì nhiều, bởi vì có gì đâu mà hỏi, vừa mới chia tay cách mấy hôm mà; mà cũng có giúp nhau được gì đâu. Hai bên chào nhau chia tay không hẹn ngày gặp lại. Gia đình vợ tôi lên xe chính quyền địa phương đón về trung tâm tạm trú, còn tôi đưa gia đình về Saigon.

Ngay khi rời Đà Nẵng tôi đã có ý nghĩ miền Nam sẽ bị mất và tàu Mỹ ở ngoài khơi sẽ đón những người nào chạy ra được để di tản. Bởi vậy tôi luôn dự tính về một thành phố biển để dễ ra khơi. Khi gặp mấy sĩ quan tiểu khu Bà Rịa đang đón dân tị nạn, tôi hỏi thăm người bà con cũng là bạn học thân với tôi từ lớp đệ thất, đang là sĩ quan ở tiểu khu. Bà Rịa là thị xã nhỏ, mấy người sĩ quan tiểu khu biết liền và chỉ dẫn đường tới nhà Đại Úy Bình, lúc đó đang làm tiểu đoàn phó một tiểu đoàn địa phương quân. Họ bảo cứ xuống bến xe hỏi nhà Đại Úy Bình là người ta chỉ. Tôi hy vọng gặp Bình sẽ mô tả cho Bình biết tình hình mà đảo ngũ rồi chuẩn bị ghe để ra khơi tìm tàu Mỹ. Ở Bà Rịa gần biển

dễ đi quá mà Bình lại là sĩ quan ở địa phương lâu năm. Nhà Đ/U Bình ở ngay trước chợ, rất dễ tìm. Vừa vào tới nơi, tôi tự giới thiệu là anh em họ và cũng rất thân với Bình từ Đà Nẵng chạy về. Nghe thấy vậy, chị vợ, tôi mới gặp lần đầu, không một lời hỏi thăm, trả lời lạnh lùng “Anh Bình đang đi hành quân.” Rồi chị ta mặc áo dài chuẩn bị đi. Chị ta không muốn tiếp. Tôi không còn cách nào ở lại để rủ Bình cùng nhau tìm đường ra biển. Tôi tiếc một cơ hội cho cả tôi và Bình. Sau này, Bình ra tù sau mấy năm cải tạo, gặp tôi nghe kể lại cũng lấy làm tiếc.

Trên xe đò về gần tới Saigon, có nhiều trạm kiểm soát quân nhân rã ngũ, nhưng rồi cũng chẳng ai bị giữ lại. Đông quá rồi giữ họ thì giải quyết ra sao? Mọi chuyện hỗn loạn đang tiến về Saigon. Mẹ tôi còn bị lạc ở Ban Mê Thuột, may có người bạn giới thiệu với ông bà cụ già người Bắc di cư 1954 tốt bụng, ở trong xóm lao động đầu cầu Đa Kao, phía Gia Định, cho ở nhờ. Ông bà cụ lại nhường cho gia đình tôi cái giường chính ở giữa nhà khiến tôi ái ngại quá. Qua những năm tháng nghèo, lang bạt, rồi chiến tranh qua nhiều làng quê, tôi hiểu là những người nghèo luôn tốt bụng. Khi giàu-có người ta trở nên khác! Nếu không có ông bà cụ tốt bụng đó không biết gia đình tôi sẽ ra sao. Trên đoạn đường di tản suốt từ miền Trung vào tới Saigon, rải rác trên từng thành phố, có hàng vạn gia đình quân nhân di tản không có chỗ tá túc như tôi. Kể ra thì cũng chua chát cho người lính chiến, họ và gia đình họ được gì trong cuộc chiến đang diễn ra? Khi bại trận thì số phận họ còn chua chát hơn nữa. Trước kia nơi nào có dân tị nạn thì chính quyền lập trại tạm cư, nhưng lần này chính quyền còn lo chạy trước, ai ở đó mà lo cho người tị nạn. Ông bà cụ có một người con làm Đại đội trưởng còn đang ở mặt trận, và một người làm Trung úy Hải quân đóng ở căn cứ dưới Long An. Anh trung úy Hải quân về đón bố mẹ xuống căn cứ ở cùng để khi ra đi sẽ đi cùng. Nhưng ông bà cụ từ chối, bảo phải chờ anh con trưởng còn đang ở mặt trận. Anh ta hỏi tôi có muốn theo anh ta không? Tôi hỏi bao giờ đi? Anh ta nói chưa biết, nhưng các cấp chỉ huy đã mang gia đình xuống căn cứ hết rồi. Trên tàu cũng tích trữ sẵn nước và lương

thực, dầu nhớt đủ dùng trong 6 tháng. Vì chưa biết chắc ngày nào đi nên tôi không theo anh ta. Âu cũng là số mệnh, anh ta đã ra đi với đơn vị ngay khi mất nước.

Lo được chỗ tạm trú cho vợ con, tôi thờ phào nhẹ nhõm, tuy rằng cuộc sống còn rất tạm bợ. Hàng ngày tôi lui tới những chỗ bà con và bạn bè để xem họ tìm đường di tản như thế nào. Bản thân tôi thì chịu, không hy vọng đi khỏi Saigon bằng máy bay hay tàu biển nên thấy yên tâm. Với tôi ván bài đã kết thúc. Khi biết rằng không còn cách gì xoay chuyển tình thế thì người ta không có gì phải bồn chồn. Tôi đi với nhà văn Duy Lam, người lãnh đạo một nhóm Việt-quốc trẻ tại miền Trung và cũng là một thành phần của tổ chức chính trị do Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy thành lập, tới gặp Giáo sư Huy. Nhà ông ở con đường nhỏ gần ngã tư Cao Thắng, Hồng Thập Tự. Nhà có một cảnh sát gác ở cổng. Ông là nhân vật thứ hai sau Giáo sư Nguyễn Văn Bông, Viện trưởng Viện Quốc Gia Hành Chánh, đã bị cộng sản ám sát trước đó mấy năm, nên sau đó ông được chính quyền bảo vệ. Có một thời nghe đồn ông được Tổng thống Thiệu dự định mời làm Thủ Tướng. Khi bàn về tình hình tôi thấy ông rất lạc quan. Tôi nêu sự kiện trên đường di tản từ Đà Nẵng, qua các tỉnh, tôi thấy khi nào cơ quan CORDS còn thì tình hình còn yên tĩnh, khi nào CORDS đi thì tình hình rối loạn. Ông cho biết cứ yên tâm, người Mỹ đã hy sinh mấy chục ngàn binh sĩ và hàng trăm tỉ ở Việt Nam, hiện nay Việt nam lại đã tìm thấy dấu hòa, nên người Mỹ không thể nào bỏ Việt Nam. Cùng lắm chúng ta rút xuống miền Tây, sau đó Mỹ sẽ đổ bộ vào giúp chúng ta phản công. Tôi biết là GS Huy rất thân cận với chính giới Mỹ, nhưng qua quan sát thực tế trên đường di tản tôi nghĩ GS Huy lần này đã lầm.

Tôi góp ý với một ông anh họ, luật sư, từng giữ chức Phụ tá Phó thủ tướng, rằng anh chị lúc nào cũng phải chuẩn bị tinh thần. Nếu không đi được cả gia đình thì bằng mọi giá anh phải ra đi một mình. Trong xóm lao động nơi tôi ở, mọi người sống yên bình, không ai bàn chuyện bỏ chạy. Họ đâu có gì để mất. Mà họ biết chạy đi đâu để có cuộc sống sướng hơn?



Mấy quán cà phê trong xóm lúc nào cũng đông khách. Họ bàn chuyện chiến sự như chuyện ở một nơi nào xa lắc. Một người miền Nam còn hỏi nhau, “Hồng hiệu Việt cộng tàn ác ra sao mà mấy người Bắc kỳ di cư sợ quá há?” Tối 21/4, mọi người trong quán cà phê trong xóm chăm chú theo dõi bài diễn văn từ chức của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, trong đó ông chỉ trích mạnh mẽ Hoa Kỳ đã không chịu tiếp tục viện trợ cho miền Nam. Nhưng chẳng ai tỏ vẻ lo lắng việc Mỹ cắt viện trợ.

Ở Saigon chỉ có đường máy bay. Nhưng không phải ai cũng có thể tìm đường thoát bằng máy bay qua cơ quan DAO (**Defense Attaché Office**) của Hoa Kỳ. Không phải toàn bộ dân chúng Saigon xông xáo tìm đường di-tản như ở các tỉnh. Chỉ những ai có mối quan hệ với các cơ quan Hoa Kỳ, hay với sĩ quan không quân, hải quân VNCH mới nôn nóng tìm đường bỏ chạy. Ở các thư viện sinh viên học sinh vẫn bình thản học thi, sắp tới kỳ thi cuối năm rồi.

Tôi tương đối bình tâm hơn lúc ở các tỉnh vì không quen ai có thể giúp mình ra đi. Ngày ngày để vợ con ở yên tại căn nhà của ông bà cụ xa lạ người Bắc, tôi đi lang thang xem mọi người nôn nóng bỏ chạy. Trên đường Trương Minh Giảng tôi gặp một đơn vị Nhảy dù kéo từ hướng ngoại ô vào. Tôi nể phục họ. Một toán mấy chiếc máy bay của Không quân VNCH bị bỏ lại ở miền Trung bị cộng sản sử dụng bay vào oanh kích phi trường Tân Sơn Nhất càng làm cho mọi người thêm hoảng loạn. Đám đông chen lấn trước cánh cổng đóng chặt của tòa Đại Sứ Mỹ đường Thống Nhất, gần dinh Độc Lập. Mọi người công kênh nhau muốn trèo qua cổng sắt nhưng bị quân cảnh và lính Mỹ đẩy lui. Họ muốn vào tòa Đại sứ Mỹ để được lên sân thượng để trực thăng bốc ra hạm đội 7 đang đậu ngoài khơi. Bà chị họ tôi, vợ Tướng Trương, được Mỹ tới đón đi mấy ngày trước, ông chồng thì ở lại. Ngày 29, Tổng Thống Minh yêu cầu người Mỹ ra đi trong vòng 24 giờ, và lệnh giới nghiêm được ban hành. Ông luật sư anh họ tôi với người em rể là Bộ trưởng y tế, phải chạy tới một cao ốc, địa điểm trực thăng Mỹ tới bốc trên sân thượng vào giờ chót trước khi cánh cửa sắt hạ xuống. Chuyển trực thăng

di tản cuối cùng của Mỹ ! Sáng 29, Tướng Trương đang ngồi một mình coi bản đồ hành quân tại Bộ Tổng Tham Mưu (TTM). Ngoài cửa vẫn có Đại Úy Hòa Tuy viên. Thiếu tá Kim phi công và chiếc trực thăng hành quân dành cho ông vẫn đậu dưới sân chờ lệnh ông. Các vị tướng và sĩ quan cao cấp khác của Bộ TTM đã bỏ chạy hết. Bất ngờ Tướng Nguyễn Cao Kỳ đáp trực thăng xuống đi một vòng chẳng thấy ai, gặp Tướng Trương rủ đi cùng. Tướng Trương và sĩ quan tùy viên theo ra trực thăng của Tướng Kỳ.

Sáng 30-4-75, tầm 11 giờ, tôi nghe đài phát thanh phát từ mọi nhà vang đường phố lời Tổng thống Dương Văn Minh kêu gọi anh em binh sĩ buông súng đầu hàng... Có lẽ những người nôn nóng ra đi nhưng bị kẹt lại thì âu lo, nhưng tôi thờ phào nhẹ nhõm... Tôi thấy nhiều người cũng vậy... Dân chúng tràn ra đường phố tìm đường rời Saigon về quê. Sự căng thẳng trong một tháng qua dường như vừa được giải tỏa. Vang trên làn sóng điện là tiếng của Trịnh Công Sơn hát bài Nói Vòng Tay Lớn. Dù sao anh cũng là một nhạc sĩ được thế hệ tôi mến mộ. Những ca khúc của anh thường được chúng tôi mang theo trong lúc hành quân vì khắc họa được cuộc sống bi-tráng của những người lính chiến chúng tôi. Nhưng sự xuất hiện của anh quá sớm, và quá hớn-hở với đối-thủ của chúng tôi đã khiến tôi hụt hẫng, cảm tưởng như bị một người bạn thân phản bội.

Nhưng thôi, chẳng còn gì để trách móc nữa. Mọi chuyện đã an bài. Khi đối phương đã tới vòng đai Saigon thì không còn gì để tiếp tục. Những chiến sĩ đang còn cầm súng thì có lý do để trách hành động đầu hàng của Tướng Dương Văn Minh. Nhưng những người đã bỏ súng và bỏ chạy như tôi, với một nách vợ con đùm đê bên cạnh, lại không nơi tá túc v...v thì có thể có cái nhìn khác. Bởi thế đánh giá hành động của Tướng Dương Văn Minh vào thời điểm đó không phải dễ dàng.../.

**NGUYỄN TƯỜNG TÂM**

# TAM QUYỀN PHÂN LẬP

## THEO HIẾN PHÁP HOA KỲ

### 1- NGÀNH LẬP PHÁP



**NGUYỄN VĂN BÌNH**

Triết gia Montesquieu (1689-1775), người Pháp tác giả quyển sách “The Spirit of the Laws” (Tinh thần của Luật Pháp) phát hành vào năm 1742. Qua quyển sách, ông đưa ra ý niệm Tam Quyền Phân Lập trong tổ chức công quyền. Ý niệm này đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc cách mạng Pháp 14-7-1789 và đặc biệt đến những người đứng ra soạn thảo Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ vào ngày 17-9-1787. Theo ông Montesquieu để tránh chế độ độc tài và vì nhu cầu bảo vệ quyền lợi của người dân thì tổ chức công quyền cần được áp dụng phương cách tam quyền phân lập qua ba ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba ngành này phải được độc lập, giám sát và kiểm soát lẫn nhau.



Chúng tôi xin đưa ra nguyên tắc Tam Quyền Phân Lập qua bản Hiến Pháp của Hoa Kỳ, một bản hiến pháp được xem là tuyệt vời, khá hoàn hảo trong 235 năm qua đã áp dụng như sau:



Ngành Lập Pháp được giao cho Quốc Hội gồm có Hạ Viện và Thượng Viện.

Hạ Viện hiện nay có 435 Dân Biểu và có nhiệm kỳ 2 năm. Dân Biểu phải ít nhất 25 tuổi, có quốc tịch Hoa Kỳ tối thiểu 7 năm và cư dân ở tiểu bang mà người đó được chọn.

Thượng Viện gồm có 100 nghị sĩ đại diện cho 50 tiểu bang với 2 nghị sĩ cho mỗi tiểu bang. Nhiệm kỳ của nghị sĩ là 6 năm. Cứ mỗi 2 năm, sẽ có cuộc bầu cử chọn 1/3 tổng số 100 nghị sĩ. Muốn ứng cử nghị sĩ phải ít nhất từ 30 tuổi, là công dân Mỹ ít nhất 9 năm và phải cư ngụ tại tiểu bang mà mình được chọn.

Tất cả Dân Biểu và Nghị Sĩ Hoa Kỳ được người dân tuyển chọn qua một cuộc bầu cử phổ thông, công khai và số nhiệm kỳ của họ không giới hạn.

Đảng chiếm đa số tại Hạ Viện sẽ chọn ra chủ tịch Hạ Viện. Riêng tại Thượng Viện, đảng chiếm đa số sẽ chọn ra vị lãnh tụ đa số, còn Phó Tổng Thống sẽ là chủ tịch thượng viện. Phó tổng thống chỉ có phiếu bầu khi số phiếu bầu của hai đảng bằng nhau là 50/50.

Quốc Hội có những nhiệm vụ tóm tắt như sau:

- Làm luật
- Đặt ra và thu các khoản thuế, thuế quan, thuế môn bài để trả các khoản nợ và chi phí cho quốc phòng và phúc lợi công cộng.

- Thẩm quyền tuyên chiến
- Phê chuẩn ngân sách, giám sát và cung cấp các chi tiêu của chính quyền trong nước và hải ngoại
- Luận tội và thẩm vấn các viên chức của Liên Bang
- Thông qua các hiệp ước do Hành Pháp đàm phán
- Giám sát và điều tra việc làm của các viên chức Liên Bang
- Thông qua hay ngăn trở việc bổ nhiệm các vị bộ trưởng, đại sứ, các vị thẩm phán của Tối Cao Pháp Viện.
- Thiết lập các tòa án dưới quyền của Tối Cao Pháp Viện.

## 2- NGÀNH HÀNH PHÁP:



Ngành Hành Pháp được trao cho Tổng Thống. Nhiệm kỳ của tổng thống là 4 năm và chỉ tối đa hai nhiệm kỳ. Tổng Thống và Phó Tổng Thống được bầu qua thể thức Cử Tri Đoàn nghĩa là cuộc bầu cử được tổ chức phổ thông tại các tiểu bang, nhưng khi ứng cử viên tổng thống nào thắng phiếu phổ thông tại tiểu bang nào thì sẽ được lấy trọn phiếu cử tri đoàn của tiểu bang đó. Ngoại trừ hai tiểu bang Maine và Nebraska thì cử tri đoàn được chia theo tỷ lệ phiếu phổ thông. Hiện số cử tri đoàn của Hoa Kỳ bằng số Dân Biểu (435) cộng thêm 3 phiếu cử tri đoàn của Washington DC và số nghị sĩ (100) tức là tổng số đại cử tri đoàn là  $435+3+100 = 538$ . Muốn đắc cử Tổng Thống phải hội có ít nhất là 270 phiếu cử tri đoàn.

Tiêu chuẩn để được ứng cử tổng thống phải là công dân và sinh trong nội địa Hoa Kỳ, từ 35 tuổi trở lên và phải cư ngụ tại Hoa Kỳ ít nhất 14 năm.

Tổng thống đắc cử trước khi nhận việc phải tuyên thệ đặt tay trên thánh kinh tuyên hứa: “Tôi trân trọng tuyên thệ rằng: “ Tôi sẽ giữ chức vụ tổng thống Hoa Kỳ với lòng trung thành và tận dụng hết

khả năng của mình để duy trì, gìn giữ và bảo vệ hiến pháp Hoa Kỳ.”

Tổng thống Hoa Kỳ có thẩm quyền:

- Tổng Tư Lệnh quân đội
- Với sự thỏa thuận của 2/3 nghị sĩ, tổng thống có quyền ký kết các điều ước với các quốc gia khác. Với sự đồng ý của đa số nghị sĩ, tổng thống sẽ bổ nhiệm các bộ trưởng, đại sứ, lãnh sự, các thẩm phán của Tối Cao Pháp Viện và những quan chức khác của Hoa Kỳ.

- Đôn đốc việc thi hành pháp luật một cách đúng đắn và giao phó nhiệm vụ cho tất cả quan chức của Hoa Kỳ.

- Có quyền hủy bỏ bản án hoặc ân xá đối với những hành vi chống lại Hoa Kỳ, trừ những trường hợp xét xử các vụ trọng tội.

- Có quyền phủ quyết những dự luật do Quốc Hội đưa ra và trao trả lại Quốc Hội. Trong trường hợp này, hai viện của Quốc Hội phải hội đủ 2/3 phiếu của các thành viên mới bác bỏ được quyết định của tổng thống.

Tổng thống, Phó tổng thống và các quan chức dân sự của Hoa Kỳ sẽ bị cách chức khi bị buộc tội phản quốc, nhận hối lộ cùng những trọng tội khác.

## 3- NGÀNH TƯ PHÁP:



Ngành Tư Pháp được trao cho Tối Cao Pháp Viện và những tòa án cấp dưới mà Quốc Hội thiết lập. Quốc Hội đã thành lập các tòa án cấp quận, nơi xét xử hầu hết các vụ án liên bang và 13 tòa án phúc thẩm liên bang nhằm xét xử các vụ kiện của quận bị kháng cáo.

Các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện giữ nhiệm vụ trọn đời, trừ trường hợp nghỉ hưu, qua đời hay bị Thượng viện kết án.

Khác với Dân Biểu, Nghị Sĩ, Tổng Thống

các thẩm phán liên bang không do dân bầu lên mà do Tổng thống chỉ định và được Thượng viện chấp thuận.

Số thẩm phán tại Tối Cao Pháp Viện do quốc hội ấn định. Hiện số thẩm phán của Tối Cao Pháp Viện là 9 người, con số này đã được chấp thuận từ năm 1869. Hiện nay, khi đảng Dân Chủ đang nắm quyền tại Quốc Hội và Tòa Bạch Ốc, một số đảng viên Dân Chủ muốn Tổng Thống Biden chỉ định thêm các Thẩm Phán cấp tiến vào Tối Cao Pháp Viện khi tình trạng các thẩm phán bảo thủ chiếm đa số. Tuy nhiên, phương cách này sẽ tạo ra tình trạng khủng hoảng và nguy hiểm cho nền dân chủ của Hoa Kỳ, vì khi đảng Cộng Hòa chiếm lại đa số tại Thượng Viện và Tổng Thống thuộc đảng Cộng Hòa thì con số thẩm phán sẽ tiếp tục gia tăng.

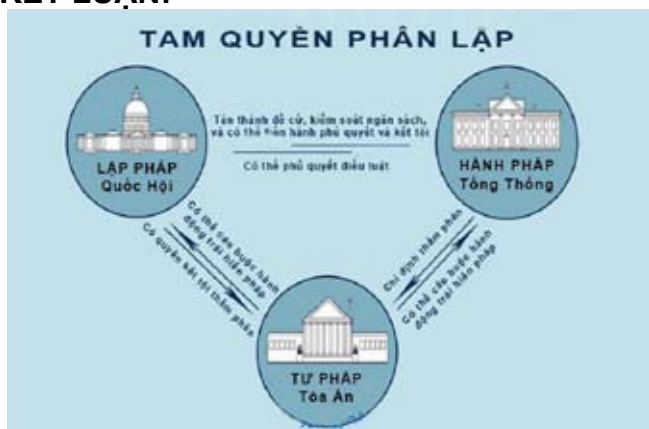
Thẩm quyền của ngành Tư Pháp của Hoa Kỳ như sau:

- Chỉ xét xử các vụ việc và tranh cãi thực tế, tức một bên phải chứng minh bị thiệt hại thì mới có thể khởi kiện tại tòa nghĩa là tòa án không đưa ra ý kiến tư vấn về tính hợp hiến của luật hoặc tính hợp pháp của hành động.

- Các tòa án liên bang được quyền duy nhất để giải thích luật để xác định tính cách hợp hiến hay không.

- Quyết định của Tối Cao Pháp Viện có tánh cách chung thẩm và các tòa án cấp dưới phải tuân thủ.

**KẾT LUẬN:**



Hiến pháp Hoa Kỳ đã qui định tam quyền phân lập rõ rệt trong tổ chức công quyền. Quốc Hội, cơ quan lập pháp chuyên làm luật nhưng cũng có quyền kiểm soát ngân sách, phê chuẩn việc bổ nhiệm các bộ trưởng, các đại sứ, các thẩm phán do Hành Pháp đề cử. Quốc Hội có thể luận tội Tổng

Thông và các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện.

Về ngành Hành Pháp, Tổng Thống nắm quyền thi hành luật pháp nhưng có quyền phủ quyết các dự luật do Quốc Hội đưa sang. Muốn thành luật, dự luật này đòi hỏi phải có đủ tỷ số 2/3 dân biểu và nghị sĩ đồng ý. Tổng Thống cũng có quyền chỉ định các thẩm phán các tòa liên bang và Tối Cao Pháp Viện.

Về ngành Tư Pháp, Tối Cao Pháp Viện giữ vai trò giải thích Hiến Pháp và phân xử các vụ kiện vi phạm luật pháp. Ngoài ra, Tối Cao Pháp Viện có quyền cáo buộc các hành động của Quốc Hội cũng như của Hành Pháp là vi hiến.

Để hiểu rõ về tam quyền phân lập hơn, chúng tôi xin nêu ra ba phán quyết gần đây của Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ:

1- Ngày 23/6/2022, Tối Cao Pháp Viện đã lật ngược luật cấm mang súng tại New York đã tồn tại 100 năm qua. Theo Tối Cao Pháp Viện quyền mang súng của người dân là hợp pháp theo tu chính án số 2 của Hiến Pháp Hoa Kỳ.

2- Ngày 24/6/2022, Tối Cao Pháp Viện đã lật ngược phán quyết về quyền phá thai Roe & Wade đã được chấp thuận vào năm 1973. Nay thì quyền phá thai được trao cho thẩm quyền của các tiểu bang. Vì trong Hiến Pháp không ghi rõ là cho phép hay ngăn cấm quyền phá thai.

3- Ngày 27/6/2022, Tối Cao Pháp Viện đã ra phán quyết cho rằng học khu Bremerton của tiểu bang Washington đã sa thải ông Joseph Kennedy khi ông cầu nguyện sau trận đấu. Theo Tối Cao Pháp Viện học khu Bremerton đã vi phạm quyền tự do tôn giáo đã được qui định trong Tu chính án số 1 của Hiến Pháp Hoa Kỳ.

Cũng như chúng ta đã biết trong năm 2020, Hạ viện Hoa Kỳ do đảng Dân Chủ nắm đa số đã hai lần sử dụng quyền luận tội Tổng Thống Trump nhưng đã thất bại tại Thượng Viện.

Chúng tôi chỉ trình bày Hiến Pháp áp dụng cho Liên Bang Hoa Kỳ. Các tiểu bang có bản hiến pháp riêng và luật lệ riêng.

Chính vì tổ chức công quyền đã được áp dụng và tôn trọng nên Hoa Kỳ vẫn được xem là quốc gia tự do, dân chủ và là tấm gương cho nhiều quốc gia trên thế giới noi theo ./.

**NGUYỄN VĂN BÌNH**  
California ngày 4/8/2022

# **CÁI NHỤC LỚN NHẤT CỦA MỘT DÂN TỘC : LÀ CÓ MỘT CHÍNH QUYỀN HÈN NHẤT**



**LS.LÊ DUY SAN**

Nhiều người nghĩ rằng cái nhục lớn nhất của một dân tộc là cái nhục mất nước. Điều này không đúng hẳn. Nước nhỏ, dân ít, bị một nước lớn, dân đông, xâm chiếm là điều thường xảy ra trên thế giới, nhất là vào thời kỳ khoa học, kỹ thuật chưa được tiến bộ.

Vấn đề quan trọng là dân tộc đó có ý chí, có quyết tâm để tìm cách lấy lại chủ quyền hay không. Chỉ khi nào dân tộc đó cam chịu số phận mất nước, không có ý chí phục thù, không có quyết tâm giành lại độc lập, mới gọi là nhục.

Nước ta bị người Tàu đô hộ một ngàn năm và bị người Pháp đô hộ gần 100 năm, nhưng dân tộc ta không bao giờ chịu nhục. Lúc nào dân tộc ta cũng tìm cách nổi dậy để đánh đuổi người Tàu, người Pháp ra khỏi bờ cõi, giành lại độc lập cho đất nước và lấy lại chủ quyền cho dân tộc. Nhưng có độc lập, có chủ quyền mà đất bị lấn bị chiếm, biển bị xâm phạm mà chính quyền lại hèn nhát, không dám liên tiếng, thì quả là một cái đại nhục cho dân tộc.

Ngày 19/1/74, trong khi Hải Quân của Việt Nam Cộng Hòa tử chiến với quân xâm



*Biểu tình chống Trung Cộng tại Canada*

lược Trung Cộng để bảo vệ Hoàng Sa thì nguy quyền Việt Công Hà Nội im hơi lặng tiếng một cách hèn hạ, không một lời phản đối Trung Cộng.

Ngày 2/12/07, Trung Quốc phê chuẩn việc thành lập một quận lỵ lấy tên là Tam Sa trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam để trực tiếp quản lý cả hai quần đảo này, nguy quyền Cộng Sản Việt Nam cũng chỉ dám phản đối một cách yếu ớt qua lời tuyên bố của Lê Dũng, người phát ngôn của Bộ Ngoại Giao Cộng sản Việt Nam, rằng “Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, và rằng “Hành động này đã vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam, không phù hợp với nhận thức chung của Lãnh đạo cấp cao hai nước, không có lợi cho tiến trình đàm phán tìm kiếm biện pháp cơ bản, lâu dài cho vấn đề trên biển giữa hai bên”.

Ngày 16/5/09, Trung Cộng đã chính thức ra lệnh cấm đánh cá đặc khu kinh tế khổng lồ bao quanh quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, không phải cả các vùng đang bị tranh chấp mà cả các vùng mà Việt Nam có chủ quyền. Là cơ quan hành pháp, đại diện cho một quốc gia, đứng trước hành động hỗn xược này của Trung Quốc, đúng lý ra, bộ Ngoại Giao Việt Nam phải cho mời Đại Sứ Trung Quốc tới để phản



*Biểu tình chống Trung Cộng trong nước*

đổi hoặc gửi công hàm phản đối với lời lẽ thật mạnh mẽ và cương quyết như “vi phạm chủ quyền của Việt Nam” “xâm phạm lãnh hải Việt Nam” và “yêu cầu Trung Quốc tôn trọng chủ quyền Việt Nam, lãnh hải của Việt Nam cũng như quyền đánh cá của ngư dân Việt Nam”.

Theo phát ngôn viên của chính quyền Việt Cộng thì bộ Ngoại Giao Việt Cộng đã yêu cầu Đại Sứ Trung Quốc tại Hà Nội kêu gọi chính phủ Bắc Kinh ngừng các hoạt động trên biển. Nhưng thực ra chính quyền Cộng Sản Việt Nam không những đã không dám phản đối mà chỉ xin xỏ một cách hèn hạ như “đề nghị phía Trung Quốc không nên có các hoạt động cản trở hoạt động bình thường của ngư dân Việt Nam” hoặc “việc Trung Quốc tăng cường tuần tra sẽ dẫn tới có thêm nhiều vụ bắt bớ ảnh hưởng tới các hoạt động đánh bắt bình thường của ngư dân Việt Nam tại khu vực đánh bắt cá truyền thống của Việt Nam”. Thế nào là “khu vực đánh bắt cá truyền thống”? Phải chăng đó là ngôn từ ngoại giao của bè lũ bán nước Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Văn An? Ôi, nghe sao mà hèn hạ vậy?

Nếu không dám dùng những danh từ đao to, búa lớn, những danh từ sắc mùi khát máu mà bọn mi đã dùng trong thời gian xâm chiếm miền Nam thì ít nhất cũng phải dùng những chữ cho rõ nghĩa, cho đúng với ngôn từ của một quốc gia độc lập và có chủ quyền như: “không được có những hành động cản trở những hoạt động bình thường của ngư dân Việt Nam” hoặc “không được xâm phạm tại khu vực đánh cá thuộc chủ

quyền của Việt Nam” v.v...Đúng là phương khôn nhà đại chợ, chỉ quen áp bức dân lành. Hèn mạt, không dám phản đối quan thầy Trung Quốc, nhưng lại sợ lòng yêu nước của người dân nổi dậy, bọn lãnh đạo hèn nhát Việt Cộng quay sang tìm cách đàn áp những người bất đồng chính kiến để bịt miệng, đúng như tờ báo chui, “Báo Sinh Viên Yêu Nước” của anh em Sinh Viên trong nước đã nhận định trong cổ báo thứ 5: “Thời gian qua, sự kiện Trung Quốc khai thác Bauxit ở Tây Nguyên còn đang bị dư luận phản đối. Vụ ngư dân Việt Nam đã không dám đánh cá vì bị tàu Trung Quốc tấn công. Vụ lãnh hải Việt Nam bị thu hẹp vì Trung Quốc dùng sức mạnh bá quyền công khai áp lực. Vụ luật sư Cù Huy Hà Vũ dám ra mặt kiện Nguyễn Tấn Dũng. Trước áp lực dư luận có nguy cơ bùng nổ, phê bày bản chất yếu hèn, phản động của đảng CSVN trước tham vọng xâm lăng Việt Nam của Trung Quốc. Hà Nội quyết định bắt luật sư Lê Công Định cũng là cách để chuyển dư luận chống đối sang ngã rẽ khác, vừa răn đe thành phần đấu tranh dân chủ, vừa nhả nhủ giới luật sư, trí thức, thanh niên sinh viên Việt Nam đang manh nha hình thành lực lượng nhằm phản đối vụ khai thác Bauxit và những quyết định bạc nhược, hèn yếu của Chính trị

bộ đối với quan hệ Trung - Việt.

Hần chúng ta còn nhớ, cách đây gần 2 năm, sau khi biết tin Trung Cộng công khai xâm chiếm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam và sát nhập vào một quần đảo khác của Trung Cộng để thành lập một quận lỵ lấy tên là Tam Sa, các học sinh và sinh viên Việt Nam cùng đồng bào trong nước đã tổ chức 2 cuộc biểu tình vào ngày 9/12/07 tại Saigon và Hà Nội để phản đối hành động xâm lược của Trung Quốc. Bọn nguy quyền Cộng Sản Hà Nội, không những không ủng hộ hay khuyến khích mà lại còn bắt bớ, cấm đoán và hăm dọa. khiến một nữ sinh viên quá uất ức đã vừa khóc vừa la: “Chúng cháu đến đây để thể hiện lòng yêu nước của mình...tai sao lực lượng an ninh lại ngăn cản lòng yêu nước của chúng cháu...? ngăn chặn chúng cháu lại và không cho chúng cháu vào tham gia cùng mọi người...? Tại sao? Tại sao?. Và một thanh niên khác, không đành được sự tức giận, đã hiên ngang đập mạnh tay xuống bàn và la lớn: “Các ông chỉ biết lo cho cái ghế của các ông, các ông chỉ biết tham nhũng”.Thật là một điều nghịch lý khi những nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam gán cho những người Việt Nam yêu nước dám bày tỏ thái độ, lập trường của mình trước những vấn đề liên quan đến sự tồn vong của đất nước, của dân tộc lại bị gán cho những tội danh như “xâm phạm an ninh quốc gia”, “lợi dụng quyền tự do, dân chủ để xâm hại quyền lợi nhà nước” để bỏ tù những người yêu nước như nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa, nhà giáo Vũ Hùng, sinh viên Nguyễn Tiến Nam cho tới các bloggers Điếu Cày Nguyễn Hoàng Hải, Mẹ Nấm Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, Người Buôn Gió Bùi Thanh Hiếu, rồi nhà báo Phạm Đoan Trang,cùng nhiều người khác nữa có tâm huyết với đất nước đã không tránh khỏi cảnh tù tội hay những sự trù dập, đàn áp dã man. Ngày nay chúng ta đã thấy, người dân đã dám bàn chuyện chính trị, dám phê phán chính quyền công khai, không còn dè dặt và sợ hãi như những năm trước nữa. Nhiều người còn dám rủ nhau đi kiện, đi biểu tình phản đối những vụ chính quyền trưng dụng nhà cử đất đai của họ. Các anh em sinh viên cũng đã dám ra một tờ báo chui gọt lá Báo

Sinh Viên Yêu Nước để bày tỏ thái độ và các trí thức trong nước cũng đã dám công khai bày tỏ lập trường, họ không còn sợ hãi trước sự hù dọa hay sự bắt bớ, giam cầm, bỏ tù một số người chống đối của nguy quyền Cộng Sản Việt Nam. Một vài luật sư đã dám tranh luận thẳng thừng với các chánh án Việt Cộng để bênh vực cho thân chủ trong các vụ án có liên can tới chính trị. Nhưng số người này còn quá ít ỏi, vẫn chưa đủ, cần phải đông đảo hơn nữa, tích cực hơn nữa, mạnh mẽ hơn nữa cho tới khi nào chế độ Cộng Sản Việt Nam bán nước phải cáo chung. Một người dân trong nước cũng viết: “Tôi bản thân tự hỏi, chính quyền hiện hành có còn là chính quyền của dân tộc VN hay không? Tự hỏi để rồi ngầm trả lời :Không, không, không. Chính quyền này không phải là của dân tộc VN, mà là chính quyền của đảng cộng sản VN ! Tôi và bao bậc cha mẹ khác lẽ nào đưa con mình đi cầm súng để bảo vệ đảng nô lệ như thế này ??? Tôi đã rút nước mắt. Tệ hại quá, tôi phải “nướng” con tôi cho lũ cầm quyền phản dân tộc này sao? Tôi sẽ phải làm thế nào? Cầm súng bảo vệ đất nước thì tôi không sợ, cầm súng chống bọn xâm lấn Trung Cộng thì tôi sẵn sàng đưa con tôi lên đường ! Còn cầm súng, hy sinh con cái chúng tôi cho quyền lợi riêng của đảng cộng sản VN thì khác nào sự ngu xuẩn, hơn nữa, đó là sự nhục nhã ! Thật không có cái nhục nào to lớn bằng cái nhục của một dân tộc có một chính quyền hèn hạ và đốn mạt như chính quyền cộng sản Việt Nam ngày nay, một chính quyền bán nước hại dân,chỉ biết tham nhũng và hiếp đáp dân lành. Không những thế, bọn nguy quyền Cộng Sản Việt Nam còn muốn tất cả dân tộc Việt Nam phải hèn nhát như bọn chúng. Vì thế, nếu có người nào can đảm, dám biểu lộ lòng yêu nước và dám nói lên những việc làm sai trái, đốn mạt của bọn chúng, là bọn chúng tìm cách đàn áp và bắt giam như ta đã thấy.

Không biết người dân còn chịu đựng sự nhục nhã này tới bao giờ mới tìm cách lật cổ bọn hèn nhát này xuống để trị tội? ./.

**LS LÊ DUY SAN**

# TẠI SAO MẤT MIỀN NAM VIỆT NAM ?



**NGUYỄN TIẾN HƯNG**

## VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH VÀ BÀI HỌC CHƠI VỚI MỸ:



*Một trong những cuộc họp Mỹ - Việt cuối cùng trong Dinh Độc Lập. Tác giả Nguyễn Tiến Hưng (bìa phải), ngồi cạnh Đại tướng Cao Văn Viên*

Trời đã về khuya, tôi nóng lòng ngồi chờ Eric von Marbod, Đệ nhất Phó Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, thành viên của phái đoàn Tướng Fred Weyand do Tổng thống Gerald Ford gửi sang Sài Gòn để thẩm định tình hình.

**Hôm ấy là ngày 28 tháng 3/1975.**

Sáng ngày 31/3/1975 một buổi họp

với phái đoàn Weyand dưới sự chủ tọa của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tại Phòng Tình hình Dinh Độc Lập vào lúc 5 giờ chiều. Ngoại trưởng Vương Văn Bắc và chúng tôi cùng tham dự. Đây là buổi họp Việt - Mỹ cuối cùng sau 25 năm người Mỹ dính líu vào Việt Nam. Mọi người cố tỏ ra bình tĩnh để cho đài truyền hình quay phim. Tôi ngồi cạnh Đại tướng Cao Văn Viên cũng cố gắng có một nụ cười.

Nhưng khi truyền thông vừa ra khỏi thì bầu không khí nặng nề đã bao trùm căn phòng: Đà Nẵng vừa bị bỏ ngỏ ngày hôm trước.

Nhiều vấn đề được đề cập nhưng quan trọng nhất là làm sao có được tiếp liệu cho lực lượng quân đội còn lại.

Tướng Weyand kết luận:



*“Chúng tôi sẽ viện trợ theo nhu cầu của VNCH và sẽ trình bày những nhu cầu này trước Quốc Hội.”*

Ông Marbod thêm: *Nếu có lệnh thì việc tiếp liệu sẽ khởi sự ngay vì đã có sẵn ở Okinawa và Đại Hàn.”*

Ngày hôm sau, 1/4/1975 Tổng thống Thiệu chủ tọa một cuộc họp nữa để bàn việc tái tổ chức một số đơn vị quân đội bị tan rã nếu có được tiếp liệu như Tướng Weyand hứa. Về phía dân sự, Ngoại trưởng Vương Văn Bắc và



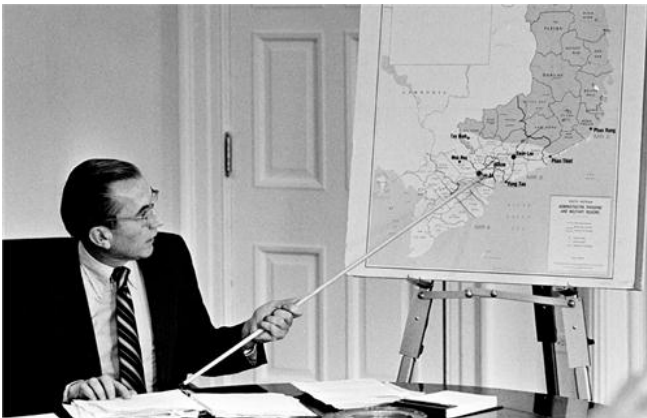


“chúng tôi cùng tham dự.

Qua hai cuộc họp này và sau những diễn biến và những buổi họp tại Dinh Độc Lập trong ba tháng đầu 1975, chúng tôi thấy những khó khăn về vật chất cũng như tinh thần không thể vượt qua được của Miền Nam đã bộc lộ ra thật rõ ràng.

Hầu hết nó phản ảnh những khuyết điểm của chiến lược “Việt Nam Hóa” và việc Quốc Hội Mỹ cắt quân viện.

### **MỸ HÓA CHIẾN TRANH:**



Trước hết, tại sao phải Việt Nam hóa? Vì trước đó cuộc chiến đã bị Mỹ hóa.

Trong cuốn ‘Việt Nam 1945-1995’ (trang 329) GS Lê Xuân Khoa trích dẫn một bài phỏng vấn của TT Thiệu với tạp chí The New Republic như sau:

“Lý do chính mà Việt Cộng cố thủ mạnh mẽ được như vậy là vì dân chúng vẫn tin rằng chẳng có gì khác giữa người Pháp mà họ

gọi là thực dân và người Mỹ mà họ gọi là đế quốc.” Ngoài ra, chương trình “Mỹ hóa” chiến tranh còn phạm phải ít nhất hai sai lầm quan trọng khác:

### **1-Hoa Kỳ rút quân khỏi Nam Việt Nam năm 1975**

“Vì quá tin tưởng ở sức mạnh của mình và coi thường khả năng của quân lực VNCH, Hoa Kỳ không trang bị cho họ vũ khí hiện đại.



Quân Mỹ vào Nam Việt Nam từ tháng 3/1965 nhưng VNCH chỉ có súng Garrands từ Thế Chiến II. Mãi tới tháng 6/1968 sau Tết Mậu Thân, Hoa Kỳ mới cung cấp súng M-16 cho binh sĩ VNCH trong khi bộ đội cộng sản miền Bắc đã sử dụng AK-47 từ mấy năm trước. Hầu hết máy bay trực thăng rất cần thiết trong các cuộc hành quân đều do phi công Hoa Kỳ lái và chỉ chịu mệnh lệnh của cấp chỉ huy người Mỹ.”

Quân đội Hoa Kỳ chỉ quen với chiến tranh qui ước không thích hợp với những điều kiện chiến đấu chống du kích trong núi rừng nhiệt đới. Nhưng Hoa Kỳ vẫn tin rằng sẽ thắng bất cứ loại chiến tranh nào bằng cách sử dụng hỏa lực thật mạnh và thật nhiều.

Lối đánh trận kiểu nhà giàu này quá phí phạm, coi thường sinh mạng của dân chúng mà thường không đem lại kết quả mong đợi. Trái với mục tiêu ‘tranh thủ nhân tâm,’ lối đánh trận này chỉ làm cho dân chúng có cảm tình với chủ trương “chống Mỹ cứu nước” của Cộng sản. Đó cũng là nguyên nhân của nhiều trường hợp bất đồng ý kiến giữa các cố vấn Mỹ và các cấp chỉ huy người Việt.”

Theo nhận xét của một vài tướng lãnh, nó lại còn gây nên một tình trạng tâm lý bất lợi:

đó là làm cho quân đội VNCH quen với cung cách chiến đấu kiểu nhà giàu.

## 2-Việt Nam hóa thực chất là gì?



Tổng thống Richard Nixon muốn “giải kết vai trò của Mỹ” ở Việt Nam (De-americanization of the Vietnam War). Bộ trưởng Quốc Phòng Melvin Laird thuyết minh nên dùng từ “Việt Nam hóa” (Vietnamization).

Chương trình này đã giúp quân đội VNCH trở thành hùng mạnh nhất tại Đông Nam Á. Về mặt kinh tế nó cũng giúp Miền Nam có được những bước tiến vượt kỳ vọng, mặc dù chịu sức ép lớn lao của lạm phát siêu mã.

Tuy nhiên, về mặt quân sự thì nó có nhiều khuyết điểm:

Quân đội hùng mạnh nhưng thiếu bền vững (sustainability) và chỉ mạnh nếu có được hỏa lực và tính cơ động cao (fire power and mobility).



Cả hai yếu tố hỏa lực và di động đều đòi hỏi phải có sẵn đồ phụ tùng để bảo trì và sửa chữa. Nguyên 1,429 tàu chiến của Hải quân VNCH đã cần tới 64,240 phụ tùng và dụng cụ sửa chữa, Không quân: 192,000, Lục quân: 127,000 phụ tùng.

Năm 1974 khi Quốc Hội Mỹ cắt quân viện, Đại tướng Cao Văn Viên phải hạn chế tối đa đạn dược, xăng nhớt.

Có lần chúng tôi đi thăm Sư đoàn 1 đóng ở Huế, Tướng Nguyễn Văn Điem chỉ lên phía đồi núi và nói: “Chúng tôi luôn bị pháo của quân đội Bắc Việt từ trên đó mà không có khả năng đáp trả.”

## 3-Tinh thần suy sụp

Tình trạng này ép mạnh vào tinh thần Miền Nam như Đại tướng Viên báo cáo: “Đạn tồn kho sẽ hết vào tháng 6, 1975.”

Cá nhân chúng tôi đã từng chứng kiến sự khắc khoải của TT Thiệu, nhất là khi ông ra lệnh dốc hết dự trữ của Ngân hàng Quốc gia để mua tiếp liệu: dầu lửa thì đã tìm thấy ngoài khơi nhưng chưa khai thác kịp.



*Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và phu nhân*

Nói về hỏa lực, phải kể tới số quân cụ được chuyển giao trong chương trình Enhance và Enhance Plus (1972). Truyền thông Mỹ hay nói tới việc đã chuyển cho Miền Nam hàng tỷ đôla khí giới mà sao vẫn bại trận. Ta hãy nghe Tướng John Murray, tùy viên quốc phòng ở Sài Gòn bình luận:

*Ai cũng tưởng làm về vụ chuyển giao quân cụ cho VNCH. Thật ra đó chỉ là những quân cụ hư hỏng hoặc cũ kỹ, lỗi thời. Phần lớn là đồ thặng dư, đòi hỏi phải bảo trì quá nhiều.”*



Mỗi khi ông Murray yêu cầu Bộ Quốc phòng gửi phụ tùng để bảo trì thì đều bị từ chối: “Miền Nam phải ôm lấy những thứ này như của nợ.”

#### **4-Không chuyển giao hệ thống tham mưu**

Chương trình Việt Nam hóa chỉ tập trung chủ yếu vào việc chuyển giao quân cụ, tiếp liệu (như kho Long Bình), không đặt nặng vấn đề tham mưu và điều hợp chiến trường. Như vậy, khả năng tham mưu của Bộ Tổng Tham Mưu và tư lệnh chiến trường là giới hạn.

Đây có thể cũng là một lý do mà nhiều khi Tổng thống Thiệu chỉ huy trực tiếp từ Dinh Độc Lập (như chúng tôi chứng kiến trong buổi họp ngày 25/3/1975 về lệnh bỏ Huế). Ngay từ thời còn là một sĩ quan, khả năng tham mưu của ông đã được đồng liêu và tướng lãnh Mỹ khen ngợi. Nhưng ông bị chỉ trích là tập trung quyền hành.

#### **5-Không giúp VNCH có thêm lực lượng trừ bị**

Vấn đề này thì chúng tôi nắm rất vững vì đã từng nhận chỉ thị của Tổng thống Thiệu để giúp Đại tướng Viên và Trung tướng Đồng Văn Xuyên, đặc trách tiếp vận, đi “lobby” phía Mỹ giúp trang bị thêm hai sư đoàn để làm lực lượng trừ bị.

VNCH có trên một triệu quân nhưng chỉ có 13 sư đoàn (200,000) là quân chính quy, phần còn lại là địa phương quân, dân quân



..giữ an ninh địa phương.

TT Thiệu thường hay phán với chúng tôi, “Mình chỉ có hai sư đoàn Dù và Thủy quân Lục chiến phải dùng trực thăng bốc đi hết trận này tới trận khác.”

#### **6-Việt Nam Hóa quá ngắn về thời gian**

Chương trình bắt đầu từ Hè 1969 và chấm dứt cuối 1972: như vậy là chỉ có ba năm rưỡi. Ông Von Marbod ví vấn đề thời gian vấn vỏi như “muốn cho chín người đàn bà đẻ một đứa con trong một tháng.”

Nó lại bị gián đoạn bởi hai trận chiến: “Lam Sơn 719” đánh sang Lào (Xuân 1971) và “Mùa hè đỏ lửa” (Xuân - Thu 1972).

Sau hai trận này sức mạnh của quân đội bị tiêu hao. Cấp lãnh đạo quân sự mất đi gần 20% của thời gian Việt Nam hóa có thể dùng để tổ chức nhiều khóa hội thảo về tham mưu.

#### **7- Việt Nam hóa trong bối cảnh đàm phán**



Chiến lược giải kết khỏi Việt Nam dựa vào hai cấu phần: Việt Nam Hóa và đàm phán với Bắc Việt. Tổng thống Nixon cho rằng cả hai sẽ đi song hành và hỗ trợ nhau. Nhưng trong thực tế nó đã đi ngược với nhau: Nixon tin vào Việt Nam Hóa, Kissinger không tin - lại còn thuyết phục Nixon tại sao ông không tin. Kissinger chỉ tập trung vào mặt đàm.

Nơi đây chúng tôi chỉ nhắc lại một thí dụ về sự đối chọi này: ngày 17/09/1972 quân đội VNCH lấy lại được Quảng Trị, tinh thần lãnh đạo Miền Nam lên cao - đó là thành công của Việt Nam hóa.



Nhưng chỉ ba tuần sau, tinh thần lại bị rúng động thật mạnh - vì thất bại của hòa đàm.

Tại sao thất bại? Vì trong buổi họp với ông Lê Đức Thọ (8/10/1972) ông Kissinger đã nhượng bộ điểm chính yếu của bốn năm mặt đàm: Mỹ đơn phương rút quân nội trong hai tháng, quân đội Bắc Việt được đóng lại Miền Nam - và đóng theo cách đống da beo.

### **NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG:**



Trước bối cảnh bị cúp viện trợ, những khuyết điểm trên đã cùng một lúc tác động vào Miền Nam trong những ngày tháng cuối cùng. Bắt đầu từ trận Phước Long.

### **Trận Phước Long**



Đêm ngày 13/12/1974, quân Bắc Việt nổ súng tại Phước Long. Lực lượng của VNCH chỉ gồm Địa phương quân, Nghĩa quân, và 4 trung đội Pháo Binh, tổng cộng khoảng 4,000 người. Dù phải đối đầu với lực lượng áp đảo của Bắc Việt gồm 2 sư đoàn (Sư đoàn 7 và 3 Bộ binh) cùng với các đơn vị pháo, xe tăng, đặc công, và phòng không gộp lại là đông hơn lực lượng Miền Nam gấp sáu lần, lực lượng trú phòng vẫn chống cự và kéo dài được trên ba tuần, tới 6/1/1975.

Giải pháp 'da beo' đã giúp quân đội Miền Bắc có một lợi điểm chiến thuật thật lớn: đó là có thể chọn nơi, chọn ngày và chọn giờ để tấn công. Khi tấn công thì có thể tập trung quân để ở thế thượng phong.

Đang khi đó, quân đội Miền Nam phải trải ra thật mỏng trên toàn lãnh thổ và một biên giới gần 700 dặm.

### **Sao không tái chiếm Phước Long?**

Hội đồng An ninh Quốc gia họp với Tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh Quân đoàn III để thẩm định việc tái chiếm Phước Long. Cuộc họp đi tới kết luận là không khả thi vì (1) không còn lực lượng trừ bị nào, không thể rút đơn vị nào từ vị trí khác; (2) thiếu phương tiện chuyển quân và chuyển đại pháo.

Chưa bao giờ Miền Nam lại cảm thấy bất lực như lúc này: không có quân trừ bị để tăng viện mà nếu rút đơn vị này nọ để tăng viện

thì cũng hết phương tiện để chuyển quân và chở đến cho kịp thời.

Về thời gian cần thiết để chuyển quân: muốn đưa Sư đoàn Dù từ miền Trung tới thì cần một tuần, và muốn đưa một sư đoàn của Quân khu IV tới cũng mất ba ngày, mà Phước Long cần ngay. Đúng như Đại tướng Viên đã trình Tổng thống Thiệu hồi Hè 1974:

“Trước đây, trong cuộc tấn công 1972, Sư đoàn Dù có thể di chuyển từ Sài Gòn tới các mặt trận ở Pleiku và Vùng I chỉ trong 48 tiếng bằng không vận mà không gây trở ngại gì. Nhưng bây giờ, cùng một cuộc không vận tương tự, không quân cần đến 7 ngày và phải trưng dụng tất cả các phương tiện không vận khác.”

### **Thời khắc sụp đổ**

Ngày 6/01, Phước Long thất thủ. Trong cuộc chiến kéo dài 20 năm, Phước Long là tỉnh đầu tiên bị mất. Phước Long mở đầu cho cuộc tổng tấn công Mùa Xuân 1975 của quân đội Bắc Việt. Có nhiều yếu tố đưa tới sụp đổ, nhưng trong tất cả những biến cố theo sau Phước Long - Ban Mê Thuột, Pleiku, Huế, Đà Nẵng - đều có nguồn gốc từ hai yếu tố chính: khuyết điểm của Việt Nam hóa và Quốc hội Mỹ cắt viện trợ.

Sụp đổ quá nhanh vì tinh thần đã bắt đầu suy sụp từ tháng 8 năm 1974 khi tác giả của Việt Nam hóa, TT Richard Nixon sụp đổ (8/8/1974) và chỉ ba ngày sau (11/8/1974) Quốc hội Hoa Kỳ cắt quân viện cho VNCH: từ 2.1 tỷ (1972/1973) xuống 700 triệu USD, mà trên thực tế chỉ còn khoảng 500 triệu. Điều chỉnh theo lạm phát phi mã thì con số này thành ra vô nghĩa.

### **BÀI HỌC NÀO TỪ VIỆT NAM HÓA CHO NGÀY NAY:**

Ngày nay nhìn lại, trong bối cảnh chính trị mới ở Đông Nam Á, trong giới hạn của bài này, chúng tôi chỉ đề cập tới một bài học thực tế nhất cho bất cứ nước nào muốn chơi với Mỹ: đó là “tính cách bền vững” trong sự hỗ trợ từ Washington.

Đó là, từ các khí cụ, khí tài và quân trang

quân dụng khi được Mỹ chuyển giao (tặng hoặc



quân dụng khi được Mỹ chuyển giao (tặng hoặc bán) cho tới tàu tuần dương, chiến hạm, máy bay vận tải, khu trục, tên lửa, radar tối tân, bèn nhận cần có tầm nhìn xa về vấn đề phụ tùng và bảo trì.

Nhắc lại giai đoạn VNCH trên đà tan rã, chỉ riêng về phụ tùng, TT Thiệu đã ví von: “Tặng tôi một cái xe Cadillac mà khi cần lại không có được một cái ‘bougie’ để thay thế thì chiếc Cadillac chỉ là một đồng sắt, lại còn phải canh giữ cho khỏi bị mất trộm.”

Vì hư hỏng và thiếu phụ tùng, Không quân VNCH chỉ có thể sử dụng được từ 4 tới 8 chiếc trong tổng số 32 phi cơ C-130 có sẵn. Hải quân thì phải giải tán 600 tàu tuần giang.

Bên cạnh đó, dựa vào Hoa Kỳ về vũ khí, phụ tùng quân sự cần tính là làm sao phải có sẵn khi cần: thời gian của thủ tục đặt hàng từ Mỹ và chuyên chở tới Việt Nam là 45 ngày: quá lâu khi khẩn cấp.

Còn về bảo trì, thứ nhất, nếu quân cụ, quân trang là cũ thì vấn đề sửa chữa, bảo trì luôn đặt ra, như trong chương trình Enhance Plus với VNCH; thứ hai, khí giới càng tối tân thì càng phức tạp: cần đào tạo lâu để sử dụng và khung thời gian bảo trì lại càng lâu.

Đây là những vấn đề mà nước đồng minh hay đối tác với Hoa Kỳ cần quan tâm và trao đổi với chính giới Mỹ ngay từ đầu.

Nếu chờ đến khi lâm trận mới gọi Mỹ thì quá muộn../.

**NGUYỄN TIẾN HƯNG**

# Những Người Mất Gốc

## The Rootless People



**LS ĐỖ DOÃN QUẾ - 10/08/2013**

Việt Báo Viết Về Nước Mỹ trân trọng giới thiệu bài viết của Ông Đỗ Doãn Quế, trưởng nam của Cụ Bà Trùng Quang. Bản Việt ngữ do tác giả tự dịch từ nguyên tác Anh ngữ.

Cụ Bà Trùng Quang (1912-2012) hưởng đại thọ 101 tuổi, là vi tác giả trưởng thượng của Việt Báo, đồng thời cũng là tác giả duy nhất trong lịch sử quốc ngữ, trên trăm tuổi vẫn làm thơ viết văn, nhà giáo nhà báo nhà văn gắn bó lâu bền nhất với chữ Việt, văn hoá Việt.

Từ 2001, khi đã 90 tuổi, Bà viết bài “Tôi Đi Tìm Tự Do Dân Chủ”, kể chuyện vượt biển, định cư, hội nhập và kêu gọi mọi người cùng viết về nước Mỹ, để gìn giữ cho con cháu mai sau những trang sử sống của cộng đồng gốc Việt.

Họp mặt Chủ Nhật 11 tháng Tám, 2013, chương trình Viết Về Nước Mỹ sẽ công bố thêm một giải thưởng mới mang tên Bà Trùng Quang, dành cho những bài viết nói lên được “sức mạnh của tiếng Việt, chữ Việt, văn hoa, nguồn gốc Việt trong đời sống của người Việt hải ngoại.” Đây là những điều vi tác giả trưởng thượng không chỉ từng viết, từng kêu gọi, mà còn hằng sống và nhắc nhở con cháu.

Bài viết của tác giả Đỗ Doãn Quế thể hiện tinh thần ấy.

### I. Những Người Mất Gốc

Đây là bản tự dịch từ nguyên bản Anh ngữ, “The Rootless People” đăng trong Nội San



*Bà Trùng Quang và con cháu, gồm Trưởng nam Đỗ Doãn Quế và vợ, Dượng sĩ Nguyễn Thị Lương Hoan; Hai cháu nội: Đỗ Doãn Lương, cùng Bà và Bố Mẹ vượt biển khi còn là cậu bé, và em gái Đỗ Doãn Hoài Nam sinh tại Hoa Kỳ. Như tinh thần mà Bà nội thường nhắc, cả*

*hai đều nói và viết giỏi tiếng Việt.*

Anh Ngữ The Viets tập 3 của Hội Văn-Hóa Việt tại San José City College, số phát hành Mùa Thu năm 1997. Bài viết sau đó đã được Nhà Xuất Bản The Burning Bush, New York, chọn in vào tuyển tập NEW TO NORTH AMERICA và được một số trường Đại Học Hoa Kỳ dùng làm tài liệu giảng huấn cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai Ban Nhân Văn trong một thời gian dài.

Sau khi đã rời khỏi quê hương của họ (thường thường là nghèo khổ) một số người nghĩ tốt hơn hết là nên quên luôn cội nguồn gốc gác và cố chối bỏ luôn văn hóa, đôi khi cả ngôn ngữ của họ, để hòa nhập mau hơn vào môi trường mới. Hình như những người này cho rằng làm vậy họ sẽ tự động trở nên sang trọng hơn, giàu có hơn!

Nhưng than ôi! Thật không còn gì sai lầm hơn cách nghĩ và làm ấy!

Thật vậy, hãy lấy nước Mỹ làm thí dụ. Họp Chủng Quốc vĩ đại và hùng cường này là kết quả sự pha trộn của các sắc dân đến từ khắp nơi trên địa cầu. Có thể nói, sức mạnh của Mỹ Quốc luôn luôn bắt nguồn từ sự pha trộn này.

Bắc Mỹ vốn là vùng đất không có dân bản xứ. Hơn 20 ngàn năm trước, những cư dân đầu tiên tại đây là người da đỏ đến từ Á Châu.

Theo chân họ là những tín đồ Thanh Giáo đến từ Anh Quốc. Rồi là những người dưng cảm từ khắp nơi trên trái đất, đã vượt thoát khỏi quê hương đau khổ vì bị áp bức của họ, để đến đây vì thiết tha khao khát tự do. Mỗi nhóm người này đều mang theo nền văn hóa và văn minh riêng của họ khi tới với nước Mỹ.

Chính sự hòa nhập của các phần đóng góp quý báu này đã không ngừng cải tiến Hợp Chúng Quốc Mỹ Châu thành một sức mạnh trí tuệ vô song. Không bao giờ nước Mỹ có thể có được nền văn minh hiện nay, nếu mọi sắc dân di cư tới đây đều chối bỏ nguồn gốc và những thành tựu văn hóa riêng của họ. Vì nếu họ làm vậy thì tại đất nước này đã không có bánh pizza, hamburger, khoai tây chiên French fries, chao miên, phở, chả giò v.v... Và quốc gia này có thể vẫn là vùng đất theo kiểu những người da đỏ cũ và mới, thiên hạ có thể sẽ vẫn sống trong những túp lều lưu động làm bằng da trâu, cưỡi ngựa không yên cương và sinh sống bằng cách săn bắn với cung và tên.

Khi chối bỏ nền văn hóa riêng của họ, nhiều di dân đã hành động như thể họ đến dự một bữa tiệc Pot luck mà không đem theo món gì. Trong hoàn cảnh đó, những người dự bữa tiệc này có thể nhìn họ như những kẻ gian lận hoặc như thể họ quá nghèo khổ đến nỗi không thể có nổi chút gì để đóng góp. Tôi thực sự không có bằng cứ nào về việc này, nhưng tôi đoán chắc rằng người Mỹ không thích thú lắm khi đón nhận những kẻ tay trắng -hiểu theo nghĩa tinh thần- vào quê hương tươi đẹp của họ.

Gạt sang một bên hình ảnh những người ngoại nhập được đề cập trên đây, hãy xét coi cách cư xử như trên của những người này có thể đem lại gì cho chính họ và con cái của họ. Tôi đã nghe một số người loại này cố dùng thứ tiếng Anh nửa vờ -pidgin English- để nói với con cái của họ vì hy vọng rằng làm vậy, họ có thể trở thành Mỹ và con cái họ có thể học tiếng Anh mau hơn. Họ đâu biết việc này chỉ gây phản ứng ngược và làm hại cho con trẻ của họ.

**Trước hết, không bao giờ chỉ do nói tiếng Anh, đặc biệt là loại tiếng Anh nửa vờ, lại có thể biến bạn thành người Mỹ, vì ngôn ngữ không thể thay đổi được nhân dạng**

**của bạn.** Tuy y khoa và kỹ thuật học đã tiến những bước vượt bậc nhưng vẫn chưa đạt tới trình độ có thể biến nhân dạng một người Á hay Phi châu... thành ra người Mỹ trắng. (Nếu đạt mức này, các bác sĩ chỉnh hình kiểm biết bao nhiêu tiền mà kể!

Thứ hai, loại tiếng Anh nửa vờ của những người này sẽ tập cho con trẻ của họ những kiểu cách không thích hợp, rất hại cho việc học tiếng Anh đúng cách. Ngay việc phụ huynh muốn con em quên tiếng mẹ đẻ để dồn sức cho tiếng Anh cũng là điều bất lợi.

Nhiều cuộc nghiên cứu đã cho thấy các trẻ em nói song ngữ khi dùng tiếng mẹ đẻ ở nhà, học tiếng Anh giỏi hơn các trẻ chỉ biết nói có một thứ tiếng. Điều này không có gì khó hiểu, vì trẻ em nói song ngữ phải học hai lần nhiều hơn các trẻ khác để diễn tả cùng một ý kiến, điều này giúp bộ óc các em phát triển nhanh hơn. Việc nói hai hay nhiều thứ tiếng đối với trẻ em giống như việc luyện tập đối với một lực sĩ, càng tập luyện nhiều càng giỏi hơn trong việc học ngôn ngữ. Sự hiểu biết này chỉ ra rằng khi chối bỏ văn hóa bằng cách không nói tiếng mẹ đẻ ở nhà, những phụ huynh này đã tước bỏ của con cái họ một di sản quý giá mà còn làm tiêu tan cả một cơ hội học tập thuận lợi. Phương cách giáo dục sai lầm này sẽ tác hại lên trẻ em suốt cả cuộc đời chúng, các nhà bác học đã khẳng định như vậy.

Và sau cùng nhưng không kém quan trọng, là khía cạnh tình cảm của việc trở thành kẻ mất gốc. **Chắc chắn việc chối bỏ ngôn ngữ văn hóa gốc của mình không hề làm cho người di dân trở thành người Mỹ, mà chỉ biến họ thành kẻ mất gốc. Khi họ và con cháu họ không nói và không thể nói được tiếng mẹ đẻ nữa, thì gốc rễ của họ bị chặt đứt.** Thế là một đảng thì chưa thành Mỹ, một đảng thì không còn là người của cộng đồng sắc tộc gốc, những người này giống như cánh bèo nổi trôi lênh bênh trên mặt nước. Bị chối bỏ bởi cả hai xã hội, những người này sẽ luôn phải tự hỏi họ là ai. Tâm trạng này gây nên những khủng hoảng tâm lý trầm trọng, thường gọi là khủng hoảng căn cước, một số trường hợp có thể đưa tới sự điên loạn.

Một người Nhật sinh trưởng tại Mỹ trong một gia đình di dân, luôn luôn tự coi anh ta là người Mỹ cho đến một hôm lũ bạn Mỹ của anh ta nói bốp vào mặt anh rằng chúng chẳng bao giờ coi anh là Mỹ cả. Bị xúc phạm nặng, anh ta bỏ về Nhật nhưng khổ thay, anh lại không nói được tiếng Nhật, thành ra cũng không được dân chúng địa phương coi là người của họ.

Cho là mình bị hạ nhục nặng nề và tuyệt vọng, người thanh niên này gần như muốn tự sát. May mắn thay, sau một thời gian cực kỳ đau khổ, chàng ta nhận ra sự sai lầm của mình. Chàng hiểu ra rằng nguyên nhân sự đau khổ chính là vì chàng đã lờ chối bỏ cái vốn-dĩ-là-chính-mình, để đi tìm cái mà chàng không thể nào có được. Cái vốn dĩ là của chính chàng là sự thuộc về nguồn gốc Nhật, còn cái mà chàng không thể nào đạt tới là được nhìn như một người Mỹ trắng. Mặc dù chàng đã nói tiếng Anh lưu loát và không hề quan tâm tới thứ tiếng Nhật của bố mẹ, nhưng hình dạng của chàng vẫn không hề thay đổi. Vậy tại sao chàng không chấp nhận sự thật chàng là một người Nhật sinh tại Hợp Chúng Quốc? Ở vị thế này chàng có lợi thế là nếu muốn, có thể trở thành một nhịp cầu giúp cho hai xứ sở hiểu biết nhau tốt hơn. Tại sao chàng lại phải chối bỏ văn hoá và ngôn ngữ của mình, trong khi đó là một trong những nền văn hóa đẹp nhất trên thế giới? Từ đó chàng nhận thức được rằng chàng phải học ngôn ngữ, văn hóa Nhật và đạt được trình độ cao nhất để có thể là “cây cầu thông cảm” giữa hai dân tộc. Hiện nay, chàng vẫn đang tiếp tục học hỏi nghiên cứu ngôn ngữ văn hoá nguồn gốc chính của mình, và thay vì chán nản như trước đây, bây giờ chàng tự hào về mình và có tinh thần rất cao.

Những di dân tị nạn đừng tưởng là họ sẽ được quý trọng nếu họ cố bắt chước người Mỹ. Trái lại, dân chúng của xứ sở này chỉ trọng nề những người biết gìn giữ văn hóa riêng của họ và dùng nó như một phần đóng góp vào sức mạnh trí tuệ của Hợp Chúng Quốc.

Người ta kể rằng vào thế kỷ thứ 7, khi bị người Ả Rập đánh bại, một số người Parsi (thuộc một giáo phái thờ thần lửa ở Ba Tư) đã đành rời bỏ quê hương còn hơn phải sống dưới

nanh vuốt quân thù. Sau cuộc hải hành dài từ Vịnh Ba Tư, tàu của họ giạt vào bờ biển Ấn Độ. Nơi đây vị Hoàng Đế địa phương cử một vị đại thần ra bờ biển thay mặt Ngài chào đón họ. Những thuyền nhân này xin được phép tị nạn chính trị tại đây nhưng vị đại thần đại diện nhà vua đã khoan thai rót trà vào một cái ly cho đầy tới mí và nói: “Tách trà này là hình ảnh của bốn quốc, nó đã quá đầy rồi, quý vị cũng thấy cái tách này không thể nào nhận thêm nước vì nó hết chỗ chứa.”

Nghe vậy, vị thủ lãnh thuyền nhân người Parsi nhanh nhẹn nhúm vài hạt đường bỏ vào tách trà rồi nói: “Cũng giống như những hạt đường này, chúng hòa tan vào trong tách trà của Ngài và làm cho nó ngọt ngào hơn, người tị nạn chúng tôi sẽ không chiếm nhiều chỗ trong quý quốc nhưng chúng tôi sẽ làm cho nó hùng mạnh hơn, tươi đẹp hơn, hấp-dẫn hơn”. Những thuyền nhân Parsi sau cùng được chấp thuận cho định cư tị nạn.

Chúng ta hãy tự hỏi việc gì sẽ xảy ra nếu vị lãnh tụ thuyền nhân chỉ bỏ vào tách trà vài hạt cát vô vị hay ngay cả một nhúm trà giống như thứ đã có sẵn trong tách trà? Cả hai thứ này đều không đem lại gì mới lạ cho tách trà, không hề làm cho nó ngon hơn, vậy thì làm sao chúng lại có thể được chấp nhận?

Một cái cây khi đổi chỗ trồng chỉ có thể sống sót và nở hoa ở một miếng đất mới nếu nó được chăm sóc để giữ tốt gốc rễ, ngược lại, nó sẽ héo úa và chết. Không có gốc rễ, cây không thể hút được đủ chất màu mỡ bổ dưỡng từ đất mới để sống. Điều này giống hệt như đối với con người.

Nếu những người di dân từ ngoại quốc vào đất Mỹ biết gìn giữ ngôn ngữ và gốc văn hóa của họ trong lúc cố gắng hết sức học Anh ngữ, họ có thể đóng góp văn hóa của họ vào đời sống trí tuệ của ước Mỹ, làm cho đất nước này mãi tươi tốt, mạnh mẽ. Đó là điều người Mỹ mong muốn nhất và đó cũng là con đường lợi ích nhất cho người di dân và gia đình của họ.

**Đỗ Doãn Quế**



# SÁT THỦ THI HÀNH BẢN ÁN TỬ HÌNH **TƯỚNG LOAN LÀ AI ?**

CHU VIỆT

Cho đến nay các sử gia đều tin rằng tấm hình nổi tiếng một thời của Eddie Adams đã kết liễu cuộc đời binh nghiệp của tướng Nguyễn Ngọc Loan.

Không sai, nhưng chỉ đúng một nửa. Chính nhiếp ảnh gia đoạt giải Pulitzer của AP này đã viết trong tuần báo TIME (1): “Ông tướng giết thẳng Việt Cộng; tôi giết ông tướng bằng máy chụp hình của tôi”. Đó là tấm hình chụp tướng Loan thân nhiên hành quyết một tù binh cộng sản bị còng tay sau lưng, mặt máu me. Một hành vi sát nhân ghê tởm gây chấn động toàn thế giới. Mặc dù sau đó Adams đã thú nhận: “Người ta tin vào hình ảnh, nhưng hình ảnh cũng nói dối, cho dù không có sửa đổi gì. Chúng chỉ là những nửa sự thật”. Dẫu vậy nhưng nó cũng đã đánh dấu khúc ngoặt quan trọng của cuộc chiến: Dự luận phản chiến nở rộ tại Hoa Kỳ đã khiến Tổng thống Johnson mất niềm tin vào một chiến thắng quân sự tại miền Nam Việt Nam. Và cuộc thương thảo với Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Việt Nam (MTGPMN) đã diễn ra sau đó dưới triều đại Nixon như giải pháp duy nhất đem lại hòa bình.

Đằng sau tất cả những sự kiện lịch sử ấy là chuyển động âm thầm nhưng có ảnh hưởng quyết định của tình báo chiến lược. Cơ quan CIA (Tình Báo Trung Ương) Hoa Kỳ và đối tác VNCH ở cấp cao đã phải đối mặt với những tình huống gây ra mâu thuẫn trầm trọng giữa một bên là MACV (Bộ Tư Lệnh Quân Sự Mỹ), CIA, Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ và bên kia là Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH và Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia khi ấy do Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan nắm giữ. Bối cảnh chung là cuộc tấn công bất ngờ của Việt Cộng – khi ấy vẫn được báo chí Mỹ coi là MTGPMN, tách biệt với Cộng Sản Bắc Việt (CSBV), một huyền tích chỉ được giải ảo sau 1975 – trong dịp hưu chiến Tết Mậu Thân (tháng 1, 1968).

**Nguyễn Ngọc Loan: Ông là Ai?**

Luật Khoa VN tại Bắc Cali. 2023



Tướng Nguyễn Ngọc Loan, hõn danh Sáu Lèo, sinh năm 1930 tại Huế. Chị cả của ông, bà Bích Hồng, là phu nhân Đại tá Bác sĩ Văn Văn Cửa, nguyên Đô trưởng thành phố Sài Gòn (1965-68) (2). Ông học trường Trung học Albert Sarraut và đậu Tú tài Toán toàn phần rồi bị động viên Khóa 1 Sĩ quan Trừ bị (Nam Định). Thiếu úy Loan theo học Trường Sĩ quan Không quân Pháp Salon de Provence năm 1953 rồi thực tập hoa tiêu khu trục phản lực tại căn cứ Meknes, Maroc, trở thành phi công khu trục phản lực đầu tiên của Không lực VNCH. Về nước, ông được bổ nhiệm Phi đoàn trưởng Phi đoàn 2 Quan sát. Được thuộc cấp nể trọng nhưng ông không được các sĩ quan Cố vấn Hoa Kỳ ưa thích vì ông hay đã kích lè lỏi làm việc máy móc của họ.

Năm 1964, ông Loan thăng cấp Đại tá và được bổ nhiệm “Tư lệnh Phó Không Quân VNCH” dưới quyền Tư lệnh, Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ. Năm 1965, vinh thăng Chuẩn tướng, ông tham dự chiến dịch không kích Bắc Việt trong khu vực Đồng hới – Vĩ tuyến 17 (Bến Hải).

Những năm kế tiếp, tướng Loan được đề cử đảm nhiệm 3 chức vụ an ninh, tình báo quan yếu của VNCH:- Đặc ủy trưởng, Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo - Tổng Giám Đốc

Cảnh Sát Quốc Gia, và Cục trưởng Cục An Ninh Quân Đội.

Lòng tận tụy với trách nhiệm nặng nề và tính “bất cần đời” của tướng Loan, coi cái chết “như pha” tạo cho ông một cá tính gồ ghề, bề ngoài tưởng như ngổ ngáo, hãnh tiến, nhưng thật ra ông là con người đầy cảm tính và “cận nhân tình”, được cấp dưới nể trọng và bạn hữu chí tình thương mến. Thỉnh thoảng gặp ông tại Phủ Thủ Tướng (Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương- UBHPTU), ông cười nói xuề xòa, moa moa, toa toa, miệng không ngớt chữ thề: đ.. cụ, đ.. cụ.

Tuy nhiên, Định Mệnh dường như đã an bài cho ông một số phận khác nghiệt. Chỉ nội trong ngày 31 tháng 1 năm 1968, sự nghiệp của ông được kể như chấm dứt vì một quyết định làm cho người Mỹ coi ông là kẻ phản bội. Mặt khác, có thật là bức hình của Eddie Adams chụp cảnh ông xử bắn tên đặc công Lém ở đường Ấn Quang ngày 4 tháng 2, 1968 mới là nguyên nhân chính? Sự thực không phải như vậy.

### **Hoa Kỳ đi đêm với MTGPMN**

Kể từ tháng 2 năm 1967, Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn đã có những tiếp xúc sơ bộ với một số cán bộ cấp thấp thuộc MTGPMN. Sau đó, với sự trợ giúp của Tình báo Hải ngoại Pháp (SDECE, Service de Documentation et de Contre-Espionage), cộng đồng tình báo Mỹ ở Việt Nam đã bắt tay được với những nhân vật trọng yếu của Cục R (Trung Ương Cục miền Nam) và MTGPMN như: Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình, Dương Quỳnh Hoa, Trần Văn Trà, Đồng Văn Cống, Trần Bửu Kiếm và Trần Bạch Đằng, Cục trưởng Cục R (3). Sau việc hộ tống êm thấm vợ con Trần Bửu Kiếm và Trần Bạch Đằng ra vùng “giải phóng” an toàn, Sứ quán Hoa Kỳ móc nối với Nguyễn Thị Bình (qua trung gian LS Đinh Trịnh Chính, Bộ trưởng Chiêu Hồi, Dân Vận VNCH) toan tính thành lập chính phủ “liên hiệp hòa giải dân tộc” với 2 thành phần: MTGPMN và chính quyền VNCH.

Tất cả những tiếp xúc “đi đêm” nói trên đều không lọt qua con mắt của tướng Loan,

Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia. Tướng Loan ra lệnh cho S-6 (Cảnh Sát Đặc Biệt) tổng giam một số nhân vật MTGPMN khi ấy đang được Sứ quán Hoa Kỳ bảo vệ tại các “nhà an toàn” (*safe house*) ở ven đô Sài Gòn và Tây Ninh. Sứ quán Hoa Kỳ gây áp lực với tướng Nguyễn Cao Kỳ, chủ tịch UBHPTU, phải thả lập tức các sứ giả MTGPMN và yêu cầu các cơ quan an ninh VNCH không được phép xâm nhập các nhà an toàn và những khu vực dành riêng cho nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ trên khắp lãnh thổ VNCH.

Mặt khác, Tổng thống Lyndon B. Johnson được Đại sứ Mỹ Ellsworth Bunker bảo đảm rằng Sài Gòn là thủ đô an toàn và Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Saigon là khu vực an ninh 100% không bao giờ bị tấn công vì đây sẽ là địa điểm mật đàm đã được thỏa thuận giữa Hoa Kỳ và MTGPMN.

### **Tòa Đại sứ Hoa Kỳ rơi vào tay Đặc Công CSVN**

Trong trận mở màn Chiến dịch Tổng Tấn Công – Tổng Khởi Nghĩa của CSVN, một biến cố ít ai biết đến, kể cả báo chí Mỹ, là Tòa ĐS Hoa Kỳ đường Thống Nhất đã rơi vào tay Đặc công CS ngay những phút đầu. Đó là hậu quả của việc tướng Loan đã cho rút 2 trung đội Cảnh Sát Dã Chiến bảo vệ bên ngoài TĐS Mỹ về tăng cường cho Dinh Độc Lập. Diễn tiến: Tổ C-10 gồm 18 tên đặc công CS thuộc Tiểu đoàn Đặc công 276 của Đặc Khu Ủy Sài Gòn – Chợ Lớn đã xuất phát lúc 1 giờ đêm 31 tháng 1, 1968 từ tiệm Phở Bình đường Yên Đổ, góc Hai Bà Trưng, trên 1 xe van màu trắng. Hai giờ sáng, xe dừng trước cửa sau Tòa ĐS đường Mạc Đĩnh Chi lúc đó chỉ có một tiểu đội Quân Cảnh Mỹ giữ an ninh phía trong. Bọn đặc công CS chia làm 6 mũi khai hỏa tấn công. Chúng dùng bộc phá, B-40 và AK-47 báng xếp triệt hạ vọng gác của Cảnh sát QG đặt giữa Lãnh sự và tòa nhà chính. Nhưng vọng gác này đã bỏ trống từ chiều hôm trước cùng lúc với hai trung đội Cảnh Sát Dã Chiến, theo lệnh của tướng Loan.

Hai tên đặc công tấn công vào cửa chính Tòa ĐS, tức thì bị QC Mỹ hạ sát. Sau đó QC Mỹ rút vào trong và dùng radio cầu cứu.

Hai tên đặc công khác dùng bộc phá phá thủng một lỗ lớn tường rào góc đường Thống Nhất – Mạc Đĩnh Chi, giúp cho toàn bọn C-10 tràn vào vườn hoa rồi tiến chiếm Lầu 1 và Lầu 2 trong khi QC Mỹ rút lên Lầu 3 cố thủ. Lầu 2 Đại Sứ quán Mỹ là Tổng Hành Dinh Tình Báo Chiến Lược của Hoa kỳ ở Đông Nam Á. Toàn bộ tài liệu mật mã “Tuyệt Mật” của CS Bắc Việt mà Mỹ thủ đắc được từ 1961, gồm hồ sơ chính sách, cương lĩnh, nghị quyết tấn công quân sự miền Nam, cùng các tài liệu khác liên quan đến cuộc chiến, đều được lưu trữ trong các tủ và két sắt Diebolt nặng trên 1 tấn (4). Bốn tên đặc công CS cố thủ Lầu 2 ra sức cạy phá, tháo gỡ 6 ổ khóa của 12 két sắt nhưng vô hiệu. Mười hai giờ khuya (12 giờ trưa Washington, D.C.), tại trụ sở CIA, Giám Đốc Richard Helms đang khoản đãi ông William Colby, tân Giám đốc CORDS (5) Việt Nam. Giữa tiệc, một thiếu tá tùy viên hối hả xin gặp để trình một công điện Hỏa Tốc từ MACV: “Trụ sở CIA và Sứ quán Hoa kỳ Saigon đã lọt vào tay đặc công MTGPMN từ 1 giờ sáng 31 tháng 1, 1968”. Cùng lúc, Tòa Bạch Ốc cũng nhận được công điện hỏa tốc: “Saigon đang bị 5 tiểu đoàn địa phương MTGPMN tấn công ồ ạt. Tòa ĐS ở trung tâm thủ đô thất thủ. Bộ Tư Lệnh MACV và Bộ TTM/QLVNCH tràn ngập khói súng, chống trả yếu ớt vì bị bất ngờ”. Giám đốc CIA Richard Helms đọc công điện 3 lần vẫn cả quyết với quan khách: “Đây là những ‘điều giả tưởng’ không thể nào có thể xảy ra được với Hoa kỳ”.

Sáu giờ sáng, một đại đội xung kích thuộc Sư đoàn Không kỵ 101 được trực thăng vận đổ xuống từ nóc Tòa ĐS, đột nhập Lầu 3 rồi Lầu 2, cận chiến với 12 đặc công CS, tiêu diệt toàn bọn và giải tỏa Tòa ĐS — biểu tượng của sức mạnh Hoa kỳ tại Đông Nam Á.

### **Lãnh đạo VNCH, đệ I và II Cộng Hòa, biết gì?**

Đầu tháng 2, 1975, tôi đến Washington D.C. nhận nhiệm vụ Tùy Viên Lục Quân tại Tòa Đại sứ VNCH, ưu tiên tìm hiểu và báo cáo về quân viện Mỹ cho VNCH lúc đó đang lừng lờ. Một chị bạn nhà tôi, tên Dung, Đệ Nhị Tham Vụ, mời tôi đi ăn lunch. Tò mò, tôi hỏi chị: “Tòa Đại Sứ mình vận động Quốc Hội Hoa Kỳ ra

sao?” Chị đáp: “Tôi vẫn bỏ tiền túi mời mấy ông dân biểu đi ăn lunch”. Vậy thôi?

Tôi nghĩ, từ Ngô Đình Diệm cho đến Nguyễn Văn Thiệu, các nhà lãnh đạo VNCH có thể ví như những người đi buôn không vốn, không hiểu rành rọt về tổ chức và vận hành của chính quyền Hoa Kỳ, cho nên không biết đến hiệu quả của “lobby” và không giám hay không biết “chi” cho nỗ lực này vì không vốn (?). Khoảng cuối thập niên 70 bỗng sà căng đần “Koreagate”, bùng nổ. Điệp viên KCIA (Tình Báo Trung Ương Đại Hàn) Tongsun Park đã tung hàng trăm ngàn đô mua chuộc ảnh hưởng của một số nhà lập pháp Hoa kỳ để chống lại nguy cơ Nixon đòi rút quân khỏi Nam Hàn như đã làm ở Nam Việt Nam khiến VNCH rơi vào tay CSBV. Ở đời ai dại, ai khôn? Thành thử, chúng ta luôn luôn cầm dao đằng lưỡi để cho đối phương tuốt dao máu chảy thành vòi! Lý do: không nắm được những nguyên lý căn bản về Tình Báo Chiến Lược để sử dụng nó hữu hiệu trong chiến tranh..

Có ai ý thức được rằng Hoa kỳ ào ạt đổ quân vào Việt Nam, thật ra, không phải là để bảo vệ nền độc lập và chủ quyền của VNCH? Có ai ý thức được rằng, với Hoa kỳ, không có quốc gia nào là bạn lâu dài và cũng chẳng có nước nào là kẻ thù vĩnh viễn, mà chỉ có quyền lợi của Hoa kỳ là vĩnh cửu?

Có ai biết rằng: Trong thời gian CSVN làm xiếc đi giầy giữa Liên Xô và Trung Cộng, Trung Cộng coi VNCH là bạn và là đối trọng răn đe CS Bắc Việt? Với Trung Cộng, Liên Xô và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt) là hai kẻ thù không đội trời chung? Mặc dầu Mao vẫn chỉ viện cho Hồ để đoạt hai chiến thắng vang dội: Chiến dịch Biên giới 1950 và Điện Biên Phủ, 1954. Nhưng cũng vì vậy mà Trung Cộng phải dè chừng. Cuộc chiến biên giới 1979 đã chứng minh cho điều này khi Đặng Tiểu Bình muốn “dậy” cho Việt Nam một bài học.

### **Tướng Nguyễn Ngọc Loan**

CIA ra lệnh thủ tiêu Nguyễn Ngọc Loan Tháng 4, 1968, Cố vấn trưởng Cảnh sát Quốc gia VNCH, J. Accompara (nguyên đại tá Lục



*Tướng Loan bị thương trong trận Tết Mậu Thân*

quân Hoa kỳ) được mời đến gặp vị tân Trưởng Trạm CIA (*Station Chief*) tại VNCH, ông George Weisz đến thay thế ông Jorgensen. Không úp mở, ông Weisz cho Accompara hay: “Chính phủ Hoa kỳ quyết định thủ tiêu Tổng Giám Đốc Cảnh Sát QGVN, Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan”.

Mặc dầu làm cố vấn cho tướng Loan chưa được 2 năm, Accompara lại rất thân tình và cảm mến ông. Accompara dấu kín chuyện CIA sẽ thủ tiêu ông, nhưng yêu cầu tướng Loan không được rời khỏi Dinh Độc Lập và không được tham gia bất cứ trận đánh nào có mục đích tiêu trừ các lực lượng MTGPMN tại trung tâm và ven đô Sài Gòn..Tướng Loan hứa xướng với Accompara cho qua chuyện, nhưng ông không ngồi yên.

Ở đâu có tiếng súng AK-47 là ông nhào tới. Chỉ cần một tấm áo giáp, một khẩu M-16, với 12 băng đạn 5.56 ly vòng quanh bụng, đầu không nón sắt, chân dép cao su, không lon không lá, tướng Sáu Lèo lâm trận... không coi mũi tên hòn đạn của kẻ thù có kí lô nào. Một Don Quixote hay Triệu Tử Long? Có lẽ cả hai gom một. Nhiều người coi ông như “người hùng đơn độc”, một phán xét có phần cảm tính. Tôi quan niệm đơn

giản: Ông là người chỉ huy biết lãnh đạo. Lãnh đạo bằng cách làm gương, nghĩa là sát cánh cùng quân sĩ, đồng lao đồng khổ, ngay nơi trận tiền. A *true leader*. Phải nói như thế. Như người Mỹ thường nói. Đầu tháng 5, 1968, hay tin VC tràn về khu Tân Cảng, tướng Loan điều động 2 đại đội CS Dã Chiến truy kích Tiểu đoàn Thủ-Biên (6) MTGPMN đang đốt nhà dân để “chém vè” vì bị trực thăng võ trang UH-1B của Sư đoàn 25 BB Mỹ tấn kích từ phía bắc cầu Sài Gòn. Hay tin tướng Loan dẫn CSDC ra Tân Cảng, Accompara vội nhảy

xe Jeep Cảnh sát chặn đoàn xe của ông Sáu Lèo ở ngã tư Dakao - Phan Thanh Giản và yêu cầu ông cùng về Tổng Nha tham dự buổi họp Chương Trình Phụng Hoàng do W. Colby chủ tọa. Tướng Sáu Lèo từ chối.

### **Ai bắn nát chân tướng Loan?**

Tin tức loan tải: 11 giờ 45 ngày 7 tháng 5, 1968, một tên VC núp dưới chân cầu Sài Gòn bắn sê viên đạn “dum dum” (7) phá vỡ nát bắp chân trái tướng Nguyễn Ngọc Loan. Các bác sĩ giải phẫu tại Tổng Y Viện Cộng Hòa, sau khi khám vết thương, nêu thắc mắc và khẳng định:

- Đầu đạn phá nát bắp chân trái tướng Loan không phải là “dum dum”. Nếu phải thì nó phải để lại những mảnh li ti và dấu vết thuốc nổ khi đầu đạn nổ lần thứ 2.

- Súng xung kích AK-47 của CS Bắc Việt sử dụng ở miền Nam không trang bị loại đạn “dum dum”.

- Súng bắn sê CKC của Tiệp Khắc cũng không trang bị đầu đạn “dum dum”.

- Đầu đạn AK-47 và CKC không phải là đạn xuyên phá. Loại đạn này chỉ tạo 1 lỗ nhỏ đường kính không quá 1 cm ở mặt trước vết thương, và mặt sau ít khi có lỗ rộng quá 5 cm. Có lẽ chỉ có cố vấn Accompara biết rõ viên đạn làm tan nát cuộc đời binh nghiệp của tướng

Loan là loại đạn gì. Và sát thủ là ai?

*2005: Sau rút, màn bí mật cũng được vén lên, bởi không ai khác là chính Accompra.*

Sát thủ thi hành bản án tử hình tướng Loan là một hạ sĩ quan TQLC Hoa kỳ có vợ Việt Nam, làm việc cho CIA Sài Gòn. Khẩu súng bắn lên tướng Loan là M-16 gắn viên vọng kính. Viên đạn M-16 cỡ 5.56 mm thuộc loại Flechette (8). Chi tiết được biết thêm: *Sát thủ đứng trên sàn trực thăng võ trang UH-1B, qua viên vọng kính đã lấy cò khi chiếu môn thập tự [+] nhắm trúng đầu tướng Loan.. May thay, “Thiên bất dung gian”, người không thể giết người, chỉ có Trời mới giết được người. Lúc sát thủ lấy cò cũng vừa là lúc trực thăng gặp “air turbulence” hụp hẫng đưa viên đạn trúng bắp chân trái Sáu Lèo đang gác trên thành cầu thay vì trúng đầu ông. Viên đạn Flechette 5.56mm đã phá nát bắp thịt toàn thể bắp chân trái tướng Loan, cắt đứt gân lòng thông và động mạch tiếp tế máu cho bàn chân. Bác sĩ Trường Khoa Giải Phẫu Tổng Y Viện Cộng Hòa đề nghị cắt bàn chân bởi vì động mạch đã bị phá nát, nếu không, một thời gian ngắn bàn chân sẽ bị hư thối. Tướng Loan yêu cầu, bằng mọi cách, giữ lại bàn chân trái cho ông.*

### **Ảnh hưởng tiêu cực của tám hình hay do lệnh CIA?**

Bác sĩ cố vấn trưởng Tổng Y Viện đề nghị đưa tướng Loan đến điều trị tại Bệnh viện Quân Y Mỹ tại Long Bình. Giám đốc Bệnh viện từ chối vì không có khả năng nối động mạch vì ti ở bắp chân.

Tướng Kỳ yêu cầu MACV can thiệp với Hạm Đội 7 có tàu bệnh viện đón nhận tướng Loan để chữa trị. Tàu Bệnh Viện Đệ Thất Hạm Đội từ chối. Chính phủ VNCH yêu cầu Tòa Đại sứ Hoa kỳ giúp đỡ đưa tướng Loan đến Bệnh viện Jama trên đất Nhật. Tòa Đại sứ Hoa kỳ khước từ.

Không thể trông cậy vào Đồng minh Hoa Kỳ giúp đỡ, tướng Kỳ cuối cùng nhờ đến Tòa Đại sứ Úc chấp thuận cho tướng Loan được điều trị tại Canberra. Chính quyền Canberra

khước từ lời yêu cầu của VNCH, viện cố dư luận dân chúng Úc không đồng tình chứa chấp một kẻ giết tù binh chiến tranh không vũ khí trong tay (9).

Tướng Loan giải ngũ, trở lại đời sống dân sự. Tướng Kỳ mất một người vừa là bạn thân, vừa là quân sư lỗi lạc trong cuộc đời tham chính của mình.

Hoa kỳ không giết chết được Loan nhưng vẫn căm tức “Sáu Lèo” một lúc phá hỏng hai giải pháp chính trị và quân sự của Mỹ tại Việt Nam. Họ quả quyết: “Nếu Loan không rút 2 trung đội Cảnh sát Dã chiến bảo vệ Sứ quán ở đường Thống Nhất thì không tài nào tổ đặc công C-10 của MTGPMN có thể xâm nhập thành lũy tối cao và kiên cố nhất của Mỹ, làm ô danh siêu cường số 1 thế giới”.

Rất có lý, nhưng Hoa kỳ vẫn khờ khạo khi tin rằng “nắm được Nguyễn Thị Bình, Trần Bạch Đằng và Trần Văn Trà là chế ngự được thể thượng phong quân sự của đối phương”. Sự thực phủ phàng là [như ngày nay ai cũng biết] Cuộc Tổng Công Kích – Tổng Nổi Dậy Tết Mậu Thân 1968 của CSVN là thuộc quyền quyết định và được điều khiển bởi Lê Đức Thọ, Bí Thư Trung Ương Cục miền Nam và Võ Văn Kiệt, Bí thư Đặc ủy Khu ủy Sài Gòn – Chợ Lớn.

Lý do tướng Loan rút 2 trung đội CSDC bảo vệ Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ trên đường Thống Nhất rất đơn giản và ngay thẳng. Đã là nơi sẽ diễn ra thương thảo giữa MTGPMN và Hoa Kỳ, thì VNCH cần gì phải canh gác? Đó là trách nhiệm của Mỹ.

### **Dự tính bắt cóc 6,000 người Mỹ làm con tin**

Trong cuốn “Khi Đồng Minh Tháo Chạy”, TS Nguyễn Tiến Hưng có đề cập đến một tình huống mà ông gọi là “cực kỳ ê chề” (10) khi Tòa Đại sứ Mỹ phải đối diện, nếu và khi QLVNCH hay Cảnh sát “nổi khùng” mà cưỡng chế cuộc di tản 6 ngàn người Mỹ và một số người Việt thân quen hay làm việc cho Mỹ khi thấy những người này cứ kìn kìn ra đi, bỏ mặc họ cho số phận. Nên nhớ là khi ấy, trong nội vi Sài Gòn, lực lượng Cảnh Sát Dã Chiến hầu như nguyên vẹn cũng như một số đơn vị Nhảy Dù và TQLC. Nếu có ai xúi dục và thuyết phục được họ đó là

biện pháp duy nhất có thể làm để Mỹ phải đem quân tham chiến trở lại thì họ có khả năng quay súng bắn lại người Mỹ. Do đó, Hoa kỳ cũng có kế hoạch phòng hờ (11) đối phó với tình huống này, và Đại sứ Graham Martin cứ phải hành xử “bình chân như vại” cho tới phút chót mới chịu ra đi sáng ngày 30 tháng 4.

Điều này lý giải tại sao Mỹ phải cho ưu tiên di tản những phi công khu trục sang Utapao, Thái Lan, bởi vì QLVNCH chỉ cần vài chiếc F-5 là có thể bắn hạ những trực thăng di tản rơi rụng như sung. Trong tình huống này, TS Hưng lập luận, VNCH sẽ tức khắc trở thành thù địch, và sẽ không thể có Eden Center, Little Saigon hay Cabramatta vì không có người Việt nào được di tản thì làm gì có cộng đồng Người Việt Hải Ngoại như ngày nay?

Ý tưởng “bắt con tin” này có thể đã nhen nhúm trong đầu óc tướng Loan và có thể ông đã bàn bạc với bạn bè hay người thân. Từ ý tưởng sang ý định và đem ra thực hiện thì một người có uy tín và thành tích như ông có thể dễ dàng thuyết phục bạn bè tướng lãnh và thuộc cấp trong Không Quân và Cảnh Sát Quốc Gia. Nhưng ông đã không làm mặc dù Mỹ đã thù hận ông vì làm như thế sẽ có hại cho cả hai bên Việt, Mỹ và CSVN sẽ là kẻ thủ lợi. Ý tưởng này đã được một chuẩn úy KQVN kể lại cho Tòa Đại sứ Mỹ.

Từ cuối 1972, tướng Loan đã được một người bạn chính trị gia làm việc ở Tòa Bạch Ốc gửi thư riêng thông báo đầy đủ về kế hoạch rút quân của Hoa Kỳ theo đúng những điều khoản của Hiệp Định Paris ký kết giữa Lê Đức Thọ và H. Kissinger ngày 27 tháng 1, 1973. Cuối thư, người bạn khuyên ông liên lạc với TVQL Anh tại Sài Gòn để thu xếp việc di tản cho chính bản thân ông và gia đình một khi Sài Gòn lọt vào tay các toán tiền tiêu của 6 sư đoàn CSBV. Ông biết là Hoa Kỳ sẽ chẳng bao giờ đem quân trở lại tham chiến tại miền Nam. Trừ phi...

Rốt cuộc, trưa ngày 29 tháng 4, 75, tướng Loan và gia đình đã phải chật vật lắm mới leo lên được một vận tải cơ C-130 và tới Utapao lúc 16:00 giờ chiều.

*Trời kia đã bắt làm người có thân – Nguyễn Du*

Để kết thúc câu chuyện, tôi xin nhường lời cho Eddie Adams:

“Ông Loan chạy thoát Việt Nam trong thời gian Sài Gòn sụp đổ và đến Mỹ. Sau cùng ông định cư ở vùng Burke, tiểu bang Virginia. Ông gắng mở một tiệm ăn ở miền Bắc Virginia nhưng khi có người biết ông là chủ thì tiệm ăn đóng cửa. Có những người phản đối đi vòng quanh khu đó hò hét để xả hơi nổi bất bình của họ một cách thời thượng, an toàn.

“Ông ta rất đau yếu vì bị ung thư một thời gian. Và tôi nói chuyện với ông trên điện thoại tôi muốn làm một cái gì đó. Tôi giải thích mọi điều và kể lại chuyện tám hình đã hủy hoại đời ông như thế nào thì ông ta chỉ muốn quên chuyện đó. Ông nói thôi bỏ đi. Còn tôi thì không muốn ông bỏ đi như vậy.”

“Thiếu tướng Loan từ gĩa cõi đời cách đây một năm và một tháng (12). Ông để lại vợ và năm đứa con. Phần lớn những bản tóm lược tiểu sử người quá cố cũng giống như tám ảnh đã hủy hoại đời ông, chỉ có một chiều và cố chấp”.

Adams gửi hoa phúng điếu với một tấm thiệp trên viết dòng chữ, “Cho tôi xin lỗi. Lệ đang ứa trong mắt tôi.”

**CHU VIỆT**  
Tháng 5, 2012

#### **Nguồn:**

*Tài liệu Ngành Tình Báo Điện Tử (SIGINT, Signal Intelligence) QLVNCH Tuần báo TIME ngày 27 July, 1968*

(1) *Tuần báo TIME ra ngày July 27, 1968.*

(2) *Đại tá Cửa bị trọng thương do trực thăng Mỹ bắn làm quân bạn tại đường Khổng Tử, Chợ Lớn trong cuộc Tổng Công Kích đợt II, tháng 5, 1968. Cũng bị sát hại nơi đây là Trung tá Phó Quốc Trụ, Quận trưởng 5 Cảnh sát và Thiếu tá Nguyễn Bảo Sĩ (em trai Trung tướng Nguyễn Bảo Trị) là bạn người viết bài này*

(3) *Trong thời gian này, Trần Văn Trà là Tư lệnh CT-5 (CT = Công Trường hay Sư đoàn), Nguyễn Văn Sỹ, Tư lệnh CT-7, và Đồng Văn Cống, Tư lệnh CT-9. Trần Bửu Kiếm là Ủy viên Ngoại Giao của Trung Ương Cục Miền Nam*

(Cục R). Nguyễn Thị Bình là Bộ trưởng Ngoại Giao, Dương Quỳnh Hoa, Bộ trưởng Y tế và Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Chính phủ Lâm thời MTGPMN.

(4) Loại kết sắt này chịu được nhiệt hỏa hoạn cao hàng ngàn độ C, phía trong được trang bị chất phóng xạ radium chống chụp hình lén.

(5) CORDS (Civil Operations and Revolutionary Development Support) là nỗ lực bình định nông thôn miền Nam của Hoa Kỳ qua chương trình “Phượng Hoàng”.

(6) Thủ Dầu Một – Biên Hòa

(7) Đầu đạn “dum dum” có sức công phá mạnh vì dẫn nổ hay nổ lần thứ hai khi xuyên vào mục tiêu. Do đó, công ước The Hague đã cấm chỉ sử dụng.

(8) Đạn Flechette BF3, tốc độ cực nhanh có thể xuyên qua thiết giáp.

(9) Đại úy đặc công Nguyễn Văn Lém bị Cảnh Sát dã chiến bắt tại trại gia binh Thiết Giáp Phù Đổng Thiên Vương, Gò Vấp, sau khi hắn đã tàn sát dã man toàn thể gia đình Trung tá Tuấn, gồm cha mẹ và vợ con ông (trong đó có đứa con 6 tuổ*i*). Tuấn là bạn đồng khóa, rất thân với tướng Loan. Khi bị bắt, trong mình Lém vẫn còn dấu khẩu súng lục K-54 bị áo che khuất. Lém không được coi là tù binh chiến tranh theo Công Ước Geneva.

(10) Xem Chương 15: “Vào để giúp... Ra lại Bắn Nhau?”.

(11) Kế hoạch phòng hờ này được TS Hưng lược trình trong Chương 15, Sách đã dẫn. Đại sứ Martin gọi nó là “crazy” (điên rồ) và cực lực phản đối. Đại khái, nó bao gồm 3 phương sách thay thế nhau để di tản 6,000 người Mỹ và một số người Việt nhất định:

- Mỹ trải 2,000 TQLC dọc theo QL-15 (Sài Gòn

- Vũng Tàu) giữ an ninh di tản.

- Mỹ thiết lập cầu không vận bằng C-130 và C-141 giữa Tân Sơn Nhất và Utapao.

- Mỹ thiết lập cầu không vận trực thăng giữa Sài Gòn và các quân vận hạm ngoài khơi Vũng Tàu.

(12) Ông mất ngày 14 tháng 7, 1998 ở tuổi 68.

## THU THA HƯƠNG



Gió Thu thổi lạnh lá vàng rơi  
Man mác sầu dâng nhớ một người  
Đã mấy Thu rồi trôi lặng lẽ ?  
Tình vương nỗi nhớ có nào nguôi

Xa cách u hoài nỗi nhớ thương  
Thu sang lá úa rụng bên đường  
Mình tôi dạo bước chiều Thu vắng  
Giọt nắng vàng lên chiếu rọi buồn

Thu đến rồi sao? Lá rụng đầy  
Ngoài hiên gió lạnh lá vàng bay  
Đàn ai dạo khúc lòng xao xuyến  
Đất khách thêm buồn mắt lệ cay

Chiều Thu âm đạm chón tha hương  
Chạnh nhớ sầu dâng lại thấy buồn  
Bến vắng chờ ai ...thuyền lẻ bóng  
Sao hoài ngơ ngác với chờ mong

Nắng về chưa đủ ấm lòng nhau  
Sợi nhớ, sợi thương giọt lệ sầu  
Mây xám giăng buồn vương kỷ niệm  
Làm sao quên được thuở ban đầu

Thu về phố núi phủ đầy sương  
Bến vắng chiều nay lá rụng buồn  
Dối mắt nhìn theo đàn nhạn trắng  
Mơ ngày về lại chón Quê hương?

NGUYỄN VĂN THẮNG

# TẦM QUAN TRỌNG CỦA LIVING TRUST : Bảo Vệ Tài Sản và Tương Lai Gia Đình tại Mỹ



Trong bối cảnh xã hội ngày càng phức tạp và phát triển, việc có một tài liệu quản lý tài sản và tài chính như “Living Trust” đã trở nên vô cùng quan trọng đối với người Việt tại Hoa Kỳ. Với sự thành

công khá ấn tượng tại nước Mỹ, nhiều người Việt đã tích lũy được nhiều tài sản quý báu. Tuy nhiên, để bảo vệ tài sản khỏi các yếu tố rủi ro như Medi-Cal Recovery (đối với người California) và các loại thuế khi nhận tài sản như thuế di sản (Estate Tax), thuế đất (Property Tax), và thuế lợi nhuận (Capital Gain Tax), việc hiểu rõ tầm quan trọng của Living Trust trở nên cực kỳ cần thiết.

## Tại sao Living Trust quan trọng cho người Việt tại Mỹ?

**Bảo vệ tài sản và gia đình:** Living Trust giúp bạn xác định rõ ràng việc phân chia tài sản và tài chính của mình sau khi bạn ra đi. Điều này đảm bảo rằng nguyện vọng của bạn sẽ được thực hiện theo ý muốn, ngăn ngừa những tranh chấp và xung đột trong gia đình về việc chia tài sản. Living Trust cũng bảo vệ quyền lợi của người thừa kế và người thừa kế sau nữa.

**Tránh sự can thiệp của tòa án:** Living Trust cho phép bạn xác định người được ủy quyền điều hành tài sản khi bạn không còn khả năng quản lý. Điều này giúp tránh việc phải thông qua quy trình phức tạp và tốn kém của tòa án để chỉ định người quản lý.

**Bảo mật và riêng tư:** Một lợi ích quan trọng của Living Trust là tính riêng tư. Khi tài liệu này được thiết lập, nó không cần phải được đăng ký hoặc trở thành tài liệu công cộng như di chúc thông thường. Điều này giúp bảo vệ thông tin về tài sản và quyền lợi gia đình khỏi sự hiểu biết của công chúng.

**Tiết kiệm thời gian và tiền bạc:** So với quá trình thừa kế thông thường, trong đó cần

phải thông qua tòa án và tuân theo quy trình pháp lý phức tạp, việc quản lý và phân chia tài sản qua Living Trust nhanh chóng và tiết kiệm nhiều thời gian cũng như tiền bạc.

**Tính linh hoạt:** Living Trust có thể được điều chỉnh và điều chỉnh trong suốt thời gian bạn còn sống, theo các thay đổi trong cuộc sống và tình hình gia đình. Điều này đảm bảo tài liệu vẫn phù hợp với tình hình thực tế và mong muốn của bạn.

## Vai Trò Cụ Thể Của Living Trust Tại California

Tại tiểu bang California, trong năm 2023, khi ai đó qua đời và tài sản của họ vượt quá \$185,000, gia đình sẽ phải thông qua tòa án để nhận tài sản. Living Trust có khả năng giúp gia đình tránh việc phải thông qua quy trình tốn kém và phức tạp của tòa án, đảm bảo rằng tài sản được chuyển giao một cách hiệu quả và nhanh chóng. Thêm vào đó, quy trình tòa án thường đòi hỏi khoản phí rất lớn, thường là khoảng 5% của giá trị tài sản, là một chi phí không mong muốn trong giai đoạn gia đình đang đau buồn.

## Lựa Chọn Luật Sư Chuyên Nghiệp Trong Lập Kế Hoạch Di Sản:

Việc có một Living Trust không chỉ giúp bảo vệ tài sản và quyền lợi gia đình mà còn giúp giảm bớt phiền phức pháp lý sau này. Với sự hiểu biết về pháp luật Việt Nam và tài chính Hoa Kỳ, các luật sư Việt Nam có thể giúp khách hàng hiểu rõ hơn về cơ hội và lợi ích của Living Trust khi sống tại Mỹ. Tuy nhiên, việc tạo lập một Living Trust cần sự tư vấn chính xác từ luật sư hoặc chuyên gia tài chính để đảm bảo rằng tài liệu này phản ánh đúng ý muốn và cơ cấu phù hợp với tình hình cá nhân của từng gia đình..!.

**LS TRIẾT VÕ**

Law Office of Matthew Triet Vo  
919 Story Rd. #1204 - San Jose, CA 95122  
Phone: (408) 978-7076  
Email: [info@matthewvolaw.com](mailto:info@matthewvolaw.com)



# THƯ TRẢ LỜI ÔNG CAO HỒNG

## Liên quan đến việc làm của ông David Dương

NGUYỄN VĂN BÌNH

Anh Cao Hồng thân mến,

Tôi đã nhận thư của anh gửi cho tôi qua email vào ngày 19-5-2023, nhưng vì bận việc phải đi Nam Cali, nên tôi hồi âm trễ đến anh.

Sở dĩ, tôi viết thư hồi âm này, vì anh là đồng môn Luật Khoa, đồng hương của tôi và nhất là anh đang là Giám Đốc Việt Museum, một cơ sở Văn Hóa, mà nội dung thư của tôi có bàn đến văn hóa VN của chúng ta.

Văn hóa có một tầm bao quát rộng rãi gồm có ngôn ngữ, tập quán, kinh tế, chính trị, nghệ thuật v.v.. Là dân Việt, chúng ta phải hãnh diện là có một nền Văn Hóa nhắm đến mục đích Nhân Bản, Khai Phóng, Dân Tộc và Thiện Mỹ. Ngôn ngữ Việt Nam thật đơn giản, dễ học nhưng lại rất phong phú với một chiều dài trên 4000 năm hiện diện.

Chẳng hạn về cách xưng hô trong việc trò chuyện, hai chữ Mày, Tao chỉ dành cho giữa những người bạn thân, nhưng không thể dùng khi ta xưng hô với người lớn tuổi hay người có địa vị trong xã hội.

Nói về cái chết, tiếng Việt có các chữ qua đời, quá vãng, từ trần, tử trận, tuẫn tiết, tử nạn, tự tử, viên tịch, băng hà. Đối với dân thường thì chúng ta dùng chữ từ trần hay qua đời. Chữ Viên Tịch chỉ dành cho các vị cao tăng Phật Giáo. Chữ Băng Hà thì chỉ dùng cho nhà vua hay đức giáo hoàng.

Cũng thế, chữ Thông Điệp có nghĩa là lời nhắn nhủ, một bức thơ hay văn từ để chuyển tải ý tưởng, quan điểm của mình đến người nhận. Thông Điệp chỉ nên dùng trong phạm vi giới hạn như tôi đã viết là chỉ cho các vị lãnh đạo trong chính quyền hay tu sĩ và thần thánh mà thôi. Như thông điệp của Đức Giáo Hoàng, thông điệp của Tổng thống Hoa Kỳ, thông điệp của Đức Mẹ Maria. Khi Đức Mẹ Maria hiện ra tại Lộ Đức, Pháp Quốc, Đức Mẹ đã gửi ra một

Thông Điệp là Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Tại Fatima, Bồ Đào Nha, Đức Mẹ đã gửi Thông Điệp kêu gọi mọi người hãy ăn năn tội và lần chuỗi mân côi. Vì thế, không ai lại dùng chữ: “chồng gửi thông điệp cho vợ” qua điện thoại. Một cô gái điếm hay một kẻ giết người không thể gửi thông điệp kêu gọi mọi người là phải tôn trọng trình tiết hay yêu mến tha nhân.

Vì thế, những ai dùng chữ Thông Điệp dành cho ông David Dương hay tệ hại hơn nữa nếu trong trường hợp khi ông ta qua đời mà dùng chữ ông David Dương băng hà thì họ quá mù tịt về văn hóa VN, quá ngớ ngẩn và cũng nói lên thái độ nâng bi và bưng bô quá lộ bịch của mình.



Trong thư của anh Cao Hồng cho rằng ông David Dương đã cho thuê máy bay kéo cờ VNCH cùng logo của hội Vaba trên nền trời thành phố Westminster, Nam Cali vào ngày 30- 4-2023 là biểu lộ thái độ chính trị Quốc Gia của ông ta. Đã nhiều lần, ông David Dương đã chụp hình dưới tượng của Hồ Chí Minh và cờ của CSVN với các viên chức cao cấp của CSVN. Vậy tôi xin hỏi anh Cao Hồng, thái độ chính trị của ông David Dương khi ấy là Cộng Sản hay Quốc Gia ?

Tôi đã nói cộng đồng người Việt và ngay cả chính quyền Hoa Kỳ khi treo cờ Hoa Kỳ và cờ VNCH, hai lá cờ phải cùng kích thước và phải treo ngang bằng nhau. Hành động của ông David Dương cho kéo cờ Logo của Vaba cùng kích thước và ngang bằng với quốc kỳ VNCH là thái độ trịch thượng, khinh thường quốc kỳ



VNCH. Tôi xin gửi kèm tấm hình tại đài tưởng niệm chiến sĩ Việt Mỹ tại Nam Cali, hình hai lá quốc kỳ Hoa Kỳ và VNCH phải được treo ngang bằng nhau và cờ MIA (Missing In Action) phải có kích thước nhỏ hơn và chỉ được treo thấp hơn

hai quốc kỳ Hoa Kỳ và VNCH.

Riêng việc ông David Dương gửi Vòng Hoa đến Viet Museum vào ngày 30-4-2023



với hàng chữ: Fr:Vaba: “Tri ân chiến sĩ VNCH và Tưởng Nhớ Thuyền Nhân”

tại đài tử sĩ, thì anh Cao Hồng lại cho rằng đã nói lên tấm lòng tốt của ông David Dương. Tôi đã giải thích rõ trong bài viết trước đây, đây là thái độ bức tử cả tập thể quân nhân QLVNCH và hàng triệu thuyền nhân VN tức là bao gồm các quân nhân,

thuyền nhân đã chết và còn sống. Anh Cao Hồng cho rằng vì phạm vi của banner có giới hạn nên không thể ghi đầy đủ hàng chữ: “Tri ân các chiến sĩ VNCH đã hy sinh, tuân tiết cho tổ quốc trước và trong ngày 30-4-1975”. Theo tôi, trên banner chỉ cần ghi hàng chữ: “Tri ân các Tử Sĩ VNCH”. Tương tựa với Thuyền Nhân thì chỉ cần ghi là: “Tưởng Nhớ các thuyền nhân tử nạn”. là đủ. Ngoài ra, chữ Fr: VABA không được để chữ lớn và để riêng biệt ra khỏi vòng hoa. Như anh đã từng tham dự các tang lễ trong cộng đồng VN các vòng hoa phúng điếu có các hàng chữ: “Thành kính Phân Ưu” và bên dưới có tên người gửi được treo trên vòng hoa. Vì thế, khi vòng hoa của VABA do ông David Dương gửi đến Viet Museum với hàng chữ Vaba thật lớn chỉ có mục đích phô trương



của Vaba và nói lên thái độ trịch thượng của ông ta đối với những người tham dự lễ tưởng niệm 30/4 cùng hàng triệu quân dân cán chính VNCH và thuyền nhân VN. Tôi thật không hiểu tại sao anh Cao Hồng lại cho phép để một vòng hoa trịch thượng như thế tại đài tử sĩ của Viet Museum ?

Ngoài ra, khi tôi cho rằng với vòng hoa

của ông David Dương với hàng chữ Vaba thật lớn thì khi mọi người vái lạy các tử sĩ tại đài tử sĩ thì cũng đã vái lạy hội Vaba của ông David Dương. Anh Cao Hồng cho rằng nếu vậy thì khi để con gà luột trên bàn thờ, chẳng lẽ mọi người cũng vái lạy con gà hay sao? Anh Cao Hồng cần phải hiểu rằng con gà luột hay con heo quay được để trên bàn thờ thì chúng nó chỉ những con vật tế lễ mà thôi. Chỉ khi nào mà có hình con gà, con heo trên bàn thờ thì mọi người mới vái lạy những con vật đó.

Trong một video clip mới đây của anh Vũ Nhân của đài SBTN khi phỏng vấn ông David Dương là tại sao ông đã cho kéo lá cờ VNCH cùng logo của Vaba và đặt vòng hoa tri ân chiến sĩ VNCH và tưởng nhớ thuyền nhân tại Viet Museum vào ngày 30-4-2023?. Ông David Dương đã trả lời: Tôi chỉ cho kéo cờ VNCH phải vào đúng lúc và đúng chỗ mà thôi. Ông ta lại mạnh mẽ cho rằng quốc kỳ VNCH chỉ là di sản. Vì thế, khi ông ta trưng quốc kỳ VNCH ông ta không sợ khi làm ăn ở trong nước, vì nhà cầm quyền CSVN không hề quan tâm đến việc này. Chúng ta phải đặt câu hỏi với

ông David Dương thế nào là đúng lúc và đúng chỗ để trưng cờ VNCH? Như thế, trong 48 năm qua, công đồng người Việt tỵ nạn tại hải ngoại đã làm lễ chào cờ VNCH tại các cơ sở chính quyền sở tại là không đúng lúc, đúng chỗ hay sao? Các hội đoàn dân sự và quân nhân làm lễ chào cờ VNCH vào các ngày đầu năm, ngày Quân Lực, các buổi tiệc họp mặt, việc phủ cờ VNCH cho các quân cán chính VNCH trong các tang lễ là không đúng lúc, đúng chỗ hay sao?. Và tại sao, ông David Dương nói nhà cầm quyền CSVN không quan tâm đến quốc kỳ VNCH vì nó chỉ là Di sản mà thôi. Nhưng tại sao gần đây, nhà cầm quyền CSVN đã phản đối dữ dội khi chính quyền Úc Đại Lợi đã cho in quốc kỳ VNCH trên đồng xu 2 dollars của Úc? Ngoài ra, ông David Dương có thể bảo đảm rằng là khi ông treo cờ VNCH tại công ty rác Đa Phước của ông ở VN sẽ không bị nhà cầm quyền CSVN cấm đoán?

Với những việc làm của ông David Dương trong quá khứ là đã từ bỏ vai trò tỵ nạn cộng sản, làm ăn buôn bán, nhận bằng khen của CSVN, đứng dưới tượng của Hồ Chí Minh, dưới lá cờ máu của CSVN và đã đồng ý tuyên bố quốc kỳ VNCH chỉ là di sản mà thôi, tức là một lá quốc kỳ đã chết là một thái độ khinh thường đối với tập thể người Việt Quốc Gia chống Cộng và đã bội ơn đối với sự hy sinh cao quý của hàng triệu quân dân cán chính VNCH đã chiến đấu bảo vệ miền Nam



Ông David Dương gặp Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc của CSVN

VN hầu cho cho người dân miền Nam được an bình và đã xem thường cuộc đấu tranh của gần

**Luật Khoa VN tại Bắc Cali. 2023**



chủ.

Ông David Dương đã cho đặt quốc kỳ VNCH trên vòng hoa với hàng chữ Tri ân Chiến sĩ VNCH và tưởng nhớ thuyền nhân cùng đồng ý tuyên bố khi trả lời cuộc phỏng vấn với ông Vũ Nhân của SBTN là quốc kỳ VNCH chỉ là Di sản. Phải chăng ông ta đã chọn Viet Museum, San Jose là đúng chỗ để làm việc này. Nhiều người Việt Quốc Gia đã thấy rõ dã tâm của ông David Dương, chủ tịch Vaba đã bức tử tất cả quân nhân QLVNCH và thuyền nhân VN và theo quan điểm của ông ta quốc kỳ VNCH chỉ là di sản thì phải bị đưa vào Bảo Tàng Viện Viet Museum.

Những ai lên tiếng cho rằng ông David Dương đã kêu gọi mọi người cần phải tôn trọng quốc kỳ VNCH, ông David Dương đã hồi chánh quay về chính nghĩa Quốc Gia thì quả thật quá ngây thơ về chính trị và mù tịt về văn hóa VN.

Tôi cũng kêu gọi ông Cao Hồng, nếu đã không rành về văn hóa VN, ngây thơ về chính trị thì nên vì danh dự của một kẻ sĩ, anh Cao Hồng nên từ chức Giám Đốc Viet Museum. Vì việc làm của ông chỉ đem lại sự thiệt hại cho cuộc đấu tranh của người Việt Quốc Gia tại hải ngoại.

Tổng thống Tường Giới Thạch đã tuyên bố một câu đáng cho chúng ta suy niệm: “ Lãnh thổ của một quốc gia bị kẻ khác xâm chiếm, thì vẫn có ngày chúng ta lấy lại được. Nhưng nếu mất đi văn hóa thì dân tộc đó sẽ bị tiêu diệt”

Thân chào anh./.

San Jose, 23-5-2023 -

**NGUYỄN VĂN BÌNH**

Chủ nhiệm, chủ bút báo Ý Dân.

4 triệu người Việt hải ngoại đã và đang đấu tranh cho một nước VN được tự do dân

# CHUYẾN HÀNH HƯƠNG Ở ÂU CHÂU



**Âu Châu (Ý Dân – Nguyễn Vạn Bình):** 108 người đã tham dự cuộc Hành Hương ở Âu Châu 15 ngày từ 23/6/2023 đến 7/7/2023 do công ty du lịch Hồng Minh tổ chức. Ngoài các thành viên của Hồng Minh gồm có chị Nguyễn Thị Hồng, anh Bùi Việt Cường cùng hai linh mục linh hướng là Trịnh Tuấn Hoàng, thuộc giáo phận San Francisco, Trịnh Minh Thái, chánh xứ của nhà thờ St Elizabeth Ann Seton, Irvine, Nam California và các đồng hương đến từ các tiểu bang Arizona, Washington, Oregon, Oklahoma, Virginia và California. Người tham dự có tuổi lớn nhất là 86 và nhỏ nhất là 8 tuổi. Đa số người tham dự là giáo dân Công Giáo và vài người là Phật tử. Về giới truyền thông có nhà báo Nguyễn Vạn Bình, chị Mai Mỹ Thiên và anh Nguyễn Việt Tiến.

Cuộc hành hương trải dài qua 4 nước Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Ý với những chuyến đi thăm các thánh địa nơi Đức Mẹ hiện ra, mộ các vị thánh, các thánh đường vĩ đại và tòa thánh Vatican.

Sau đây, là những địa điểm mà đoàn đã đi qua như sau:

**1- Ngày 23-6-2023 và 24-6-2023:** Đoàn hành hương khởi hành tại San Francisco vào 11 giờ sáng qua chuyến bay kéo dài 13 giờ từ San Francisco đến Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ) và từ đó chuyển máy bay mất 2 giờ 30 phút để sang Paris, Pháp vào 6:30 tối. Vì Pháp hơn giờ Cali 9 giờ nên đến đây đã là ngày 24-6-2023. Tại đây, đoàn tiếp đón anh hướng dẫn viên Trịnh Công Sơn đến từ VN và anh Nguyễn Việt Tiến phụ trách quay video đến từ Toronto, Canada. Vì số lượng người đông, nên đoàn chia ra làm hai xe bus để đến khách sạn dùng cơm tối và nghỉ ngơi. Đoàn cư ngụ tại khách sạn này 3 đêm.

**2- Ngày 25-6-2023:** Sau khi ăn sáng, vào 8 giờ sáng, đoàn trực chỉ đến Lisieux để thăm viếng Vương cung thánh đường và đền thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu vào 11 giờ trưa. Đoàn cũng được hai linh mục từ VN đang tu nghiệp tại Paris là Lm Nguyễn Thế Tào và Lm Mai Thanh Toàn làm hướng dẫn viên. Lm Tào đi trên xe bus số 2 cho biết Thánh nữ Têrêsa

Hài Đồng Giêsu năm nay kỷ niệm 150 năm sinh nhật và 100 năm được giáo hội phong thánh.

Được biết thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu, thường được gọi là Bông Hoa Nhỏ, sinh năm 1873 tại Normandie, nước Pháp. Song thân ngài là ông Louis Martin và bà Zélie Martin. (Hai ông bà được phong Chân phước hôm 19-10-2008) Têrêsa là cô gái út trong gia đình có năm chị em. Têrêsa rất hoạt bát và dễ thương. Thân phụ Têrêsa hay gọi ngài là “nữ hoàng nhỏ” của ông.

Trong truyện tự thuật, **Một Tâm Hồn**, Têrêsa viết : “ Tôi *chẳng cho Thiên Chúa tốt lành điều gì ngoài tình yêu và Người sẽ trả lại cho tôi chính tình yêu. Sau khi tôi chết, tôi sẽ làm mưa hoa hồng. Từ thiên đàng, tôi sẽ tiếp tục làm phúc xuống cho trần gian!*”

Têrêsa rất ao ước được gia nhập đan viện Camêlo, nơi có hai người chị của Têrêsa đã khấn dòng tại đây; nhưng vì chỉ mới 15 tuổi nên Têrêsa không được chấp nhận. Têrêsa đã tiếp tục cầu nguyện và xin Mẹ bề trên nhận vào dòng. Thậm chí, trong chuyến đi Rome, Têrêsa đã dám trực tiếp xin đức giáo hoàng Lêô XIII ban cho đặc ân như lòng mong muốn. Và cuối cùng, Têrêsa đã được phép gia nhập đan viện Camêlo.

Dù chỉ mới 15, Têrêsa đã có một đời sống rất trưởng thành. “Vâng lời, cầu nguyện và hy sinh” là chương trình sống của Têrêsa. Thánh nữ viết: “Xin Chúa hãy cho con được chịu tử đạo hoặc trong tâm hồn, hoặc ngoài thể xác – hoặc tốt hơn, cả hai !” Và Thánh nữ có ý muốn như vậy! Bất cứ khi nào cảm thấy bị làm nhục hay bị hiểu lầm, Têrêsa liền dâng những đau khổ ấy lên Chúa Giêsu yêu quý. Têrêsa dùng nụ cười tươi để che giấu đau khổ của mình. Thánh nữ đã vượt ra khỏi chính mình để đến với những chị em khó hòa hợp. Têrêsa đã xin Chúa Giêsu cùng đồng hành với Thánh nữ để chu toàn thánh ý của Thiên Chúa.

Têrêsa về trời ngày 30-9-1897. Têrêsa được Đức Thánh cha Piô XI tôn phong lên bậc Hiển Thánh năm 1925; và Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tuyên nhận thánh nữ Têrêsa Hài Đồng Giêsu là Tiến sĩ Hội Thánh năm 1997.

Nơi Lisieux, đoàn hành hương đã viếng thăm vương cung thánh đường, tu viện, phòng triển lãm cùng xuống hầm viếng ngôi mộ của cha mẹ ngài và xem những di tích của thánh nữ Têrêsa. Đoàn cũng cử hành thánh lễ tại đây vào 12 giờ trưa .

**3- Ngày 26-6-2023:** Đoàn đến thăm Tu Viện Hội Thừa Sai Paris (MEP: Missions Etrangères de Paris)). Nơi đây, đoàn tham dự thánh lễ. Trong phần giảng, Lm Nguyễn Thế Tào cho biết các vị Lm Thừa Sai khi nhận nhiệm vụ đi truyền đạo, thường đi mà không có ngày về. Các ngài phải chịu nhiều gian khổ để đi loan truyền đức tin đến những quốc gia xa xôi nghèo khổ, trong đó có VN. dịp này, đoàn cũng viếng thăm nhà thờ Our Lady of Miraculous Medal, nơi Đức Mẹ hiện ra với thánh nữ Catherine Labouré. Đức Mẹ ngự trên một chiếc gai vàng yêu cầu chị phổ biến lòng tôn kính sự thụ thai vô nhiễm của Mẹ, Chị Catherine được ĐGH Piô XII phong thánh năm 1947 và thân xác của chị đến nay không bị hư hoại. Đoàn cũng đi thăm tháp Eiffel, nhà thờ Sacré Coeur và đi du thuyền trên sông Seine.

**4- Ngày 27-6-2023:** Đoàn rời Paris để đi Lourdes. Thời gian đi xe bus mất 6 tiếng. Đoàn đến Lourdes lúc gần tối nên ngừng nghỉ tại khách sạn và dùng cơm tối

**5- Ngày 28-8-2023:** Vào 8 giờ 30 sáng, đoàn dự thánh lễ tại hang đá Lộ Đức, đặc biệt cầu nguyện cho nhiều đôi vợ chồng trong đoàn. Nơi đây, đoàn đi thăm căn nhà của thánh Bernadette, lấy nước suối từng làm nhiều phép lạ, thăm thánh đường Đức Mẹ Vô Nhiễm



### *Phái đoàn tại Hang Đá Đức Mẹ Lộ Đức*

Nguyên Tội, thánh đường Mân Côi, đại thánh đường Chúa Ba Ngôi có sức chứa 20 ngàn người, viếng 14 chặng dâng thánh giá, tham dự phần cầu nguyện chữa lành qua việc rửa tay, rửa mặt, rửa mắt bằng nước suối và rước kiệu trọng thể vào 9 giờ tối với hàng ngàn giáo dân đến từ nhiều quốc gia.

Được biết Đức Mẹ Lộ Đức hiện ra đầu tiên vào ngày 11-2-1858 với Bernadette khi đó mới là một bé gái 14 tuổi. Bernadette nói với mẹ rằng đã gặp Đức Mẹ ở hang núi Massabielle trong khi đang đi nhặt củi với em gái và 1 người bạn. Bernadette về sau đã được phong thánh bởi Công giáo La Mã. Nhiều người tin rằng việc Đức Mẹ hiện ra với Bernadette được xác thực bởi khả năng chữa bệnh kỳ lạ tại suối nước Lourdes. Tước hiệu “Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội” đã được Đức Mẹ gởi ra với thánh nữ Bernadette.

Tổng cộng đã có 18 cuộc hiện ra tại hang đá Massabielle từ tháng 2 cho tới tháng 7 năm 1858.

Lần thứ nhất vào buổi trưa ngày 11-2-1858. Cùng đi với Bernadette có em gái là Marie-Antoinette và bạn gái là Jeanne Abadie. Khi đến trước hang đá Massabielle ở chỗ con kênh giao thoa với sông Gave, Marie và Jeanne lội qua trước để nhặt củi trong hang. Bernadette đang cúi xuống cời vớ để chuẩn bị lội theo.

Bernadette thuật lại như sau: “Thình lình tôi nghe thấy một cái gì đó như tiếng gió vi vu.

Tôi ngoảnh đầu lại hướng về phía đồng cỏ gần bờ sông, song cây cối vẫn lặng lẽ, rõ ràng là tiếng động không xuất phát từ chúng. Đoạn tôi nhìn lên và thấy ngay trong động đá một người nữ mặc chiếc áo trắng dễ thương với chiếc dây thắt óng ánh. trên chân của bà mỗi bên đều có một bông hồng màu vàng nhạt, cùng màu với những hạt ở tràng chuỗi mân côi của bà”.

Bernadette giơ tay dụi mắt, rồi nhắm và mở ra, nhưng Bà vẫn ở đó, tiếp tục mỉm cười và ra dấu cho biết cô không làm. Bernadette thò tay vào túi lấy tràng hạt và quỳ xuống. Khi Bernadette lần hạt xong Bà ra hiệu cho cô lại gần nhưng Bernadette không dám. Khi đó Bà lui vào trong và biến mất cùng với đám mây sáng.

Bernadette muốn giữ kín mọi sự, nhưng trên đường về nhà cô em gái đã gắng hỏi khiến cho cô kể lại chuyện xảy ra với điều kiện là không được nói với ai. Nhưng Marie Antoinette mách lại cho mẹ biết. Bà Soubirous cho là chuyện bịa đặt nên đánh cho hai con gái một trận.

Ba ngày sau đó Bernadette quay trở lại hang đá cùng với em gái và cô bạn. Bernadette đem theo một chai nước thánh như 1 sự kiểm chứng. “*Nếu bà ấy đến từ Thiên Chúa, bà ấy sẽ ở lại, còn nếu bà ấy là quỷ dữ, bà ấy sẽ phải đi*”. Lát sau, Bernadette kêu lên: “*Bà ở đó! Bà ở đó!*”. Cô đứng dậy vội vã rảy nước thánh về phía bụi hồng và nói: “*Nếu Bà đến nhân danh Thiên Chúa, thì xin hãy lại gần*”.

Ngày 18 tháng 2, lần đầu tiên Đức Mẹ nói chuyện với Bernadette và xin cô hãy trở lại hằng ngày trong vòng 15 ngày kế tiếp. Đồng thời cũng yêu cầu Bernadette nói với các vị linh mục hãy xây cất lên một thánh đường ở đó. Bà còn nói với cô: “*Ta không hứa cho con được hạnh phúc ở đời này nhưng đời sau*”.

Ngày 24 tháng 2, Đức Mẹ yêu cầu Bernadette hãy cầu nguyện và sám hối thay cho các tội nhân. Ngày hôm sau Đức Mẹ bảo cô hãy uống nước ở rạch nước. Điều này khiến cho Bernadette bối rối vì chỉ có con sông Gave là dòng nước duy nhất ở đó. Nhưng bà ra dấu không phải sông mà là một tia nước nhỏ cạnh

chỗ cô đang đứng: “Tôi chỉ thấy có một vài giọt nước, còn toàn là bùn. Tôi chụm tay lại để hứng lấy một chút nhưng không được, tôi liền cào đất lên. Tôi cố tìm lấy một ít giọt nước, nhưng mãi vào lần thứ bốn tôi mới có đủ lượng nước để uống”.

Những người chứng kiến đã rất thất vọng khi thấy Bernadette bới đất nhưng rồi 1 dòng nước sạch từ đó chảy ra và nó đã nhanh chóng trở thành tâm điểm của những cuộc hành hương. Thông tin loan truyền từ vùng này qua vùng khác và người ta mang đến đây đủ thứ bệnh. Đã có nhiều bệnh nhân được ghi nhận là được chữa khỏi một cách thần kỳ.

Những điều này đã khiến Giáo hội và chính quyền hết sức quan tâm. Từ tháng 4 tới tháng 10 năm 1858, chính quyền cấm dân chúng đến hang đá, cấm bất cứ người nào lấy nước từ mạch Massabielle. Một hàng rào bằng ván gỗ sẽ được dựng vững chãi trước cửa hang để ngăn cản mọi người lui tới hang. Những người vi phạm sẽ phải chịu hình phạt theo luật định. Muốn đến hang đá phải có giấy phép của hoàng đế Napoléon III

Trong các cuộc hiện ra, Bernadette Soubirous đã nhiều lần hỏi về tên của bà, song bà chỉ mỉm cười. Sau cùng ngày 25 tháng 3 với cánh tay giang ra và đôi mắt ngược lên trời, bà phán rằng bà là Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội. Bernadette Soubirous không hiểu kiểu nói “vô nhiễm nguyên tội” là gì. Vì thế cô đến gặp Linh mục và người này hiểu đó là Đức Mẹ Maria.

Ngày 7 tháng 4, những người có mặt trông thấy sự say mê của Bernadette như 1 sự xuất thần. Chính ngày đó bác sĩ Dozous đã quan sát thấy trong vòng 15 phút “phép lạ cây nến”. Ngọn lửa của cây nến đã không gây ra vết cháy nào trên da thịt Bernadette trong lúc cô xuất thần và tham dự vào sự vô cảm. Lần cuối cùng vào ngày 16 tháng 7 năm 1858. Vì hang đá đã bị rào bởi lệnh của chính quyền, Bernadette cùng với dì Lucile và vài bạn gái đi đến bờ bên phải của sông Gave trong cánh đồng Ribère đối diện với hang đá. Tất cả quỳ gối và cầu nguyện. Sau một lúc Bernadette kêu lên: “Vâng, vâng, Mẹ đó! Mẹ mỉm cười với

*chúng ta và chào chúng ta bên trên hàng rào cản. Chưa bao giờ tôi thấy Mẹ đẹp như vậy”.* Đó lần cuối cùng được ghi nhận về việc Đức Mẹ hiện ra với Bernadette.

*“Từ những phân tích trên, chúng tôi kết luận: Mẫu nước mạch Lourdes không có gì đặc biệt, chỉ là nước uống bình thường, nó không chứa đựng chất nào chữa bệnh cả. Hiệu quả chữa bệnh của nó mà người ta gán cho không nằm trong nước.*

Cho tới nay trên tổng số 7.000 vụ khỏi bệnh không thể giải thích được trên bình diện y khoa.

Thánh nữ Bernadette chết vào năm 1879 khi mới được 35 tuổi. Điều lạ cho đến nay đã 144 năm, xác của thánh Bernadette vẫn còn nguyên vẹn như nằm ngủ.

**6- Ngày 29-6-2023:** Vào 8 giờ 45 sáng đoàn hành hương khởi hành đi Salamanca, Tây Ban Nha. Trên đường đi, đoàn hành hương ngừng lại Burgos để viếng thăm vương cung thánh đường Santa Maria tại đây. Sau đó, đoàn đến Salamanca ăn tối và nghỉ ngơi.

**7- Ngày 30-6-2023:** Đoàn khởi hành đi vào 8 giờ sáng và đến Fatima gần tối. Đoàn dùng cơm tối và nghỉ ngơi tại khách sạn.

**8- Ngày 1-7-2023:** Vào 7:30 giờ sáng, đoàn dự thánh lễ tại Vương Cung Thánh Đường Chúa Ba Ngôi có sự đồng tế của Lm Bùi Thượng Lưu đang nghỉ hưu tại đây. dịp này, Lm Bùi Thượng Lưu cho biết tượng Đức Mẹ Fatima đã có lần được rước qua VN vào năm 1973. Lm Lưu cũng cho biết ngài đang xây dựng Nhà Mẹ La Vang tại Fatima nhằm kết nối giáo dân VN với Trung Tâm Thánh Mẫu Fatima. Và đến tháng 10/2023 Đức TGM Sài Gòn Nguyễn Năng sẽ sang Fatima khánh thánh Nhà Mẹ La Vang. Email của Lm Lưu là: pmaj.fatima@gmail.com

Dịp này, đoàn hành hương đã thăm viếng ngôi mộ của các thánh Francis, Jacinta và Lucia được chôn cất trong nhà thờ. Đoàn thăm Cây Sồi 200 năm, nơi Đức Mẹ đã hiện ra với ba trẻ 6 lần trong năm 1917 với sứ điệp là: Hãy ăn năn tội, tôn sùng Mẫu Tâm và siêng năng lần hạt mân côi. Đoàn cũng đi thăm các



Thánh đường Fatima

ngôi nhà ở trước đây của Francisco, Jacinta và Lucia.

Được biết vào giai đoạn 1911-1916 là giai đoạn đẫm máu nhất với giáo hội Công Giáo Bồ Đào Nha. Vào năm 1917, thế chiến thứ nhất vẫn còn tiếp diễn, Đức Mẹ đã hiện ra 6 lần với ba trẻ là Lucia và hai em họ là Francisco và Jacinta.

Đức Mẹ hiện ra lần đầu vào ngày 13.5.1917 vào lúc trưa, 1 bà mặc áo trắng toát hiện ra với 3 em bé chăn cừu, nói với các em là hãy lần chuỗi đọc kinh Mân Côi hàng ngày để cầu nguyện cho thế giới chấm dứt chiến tranh, được hòa bình. Trước khi biến mất, Bà bảo 3 em hãy trở lại nơi đây đúng giờ trưa ngày 13 tháng sau. Jacinta - quên giữ kín - về nhà thuật lại sự việc cho cha mẹ nghe. Tin này loan truyền nhanh khắp làng. Mọi người tỏ ra không tin. Vị linh mục chính xứ hỏi Lucia, nhưng cũng không tin. Trong báo cáo gửi lên Giám mục cai quản giáo phận Leiria, vị linh mục viết: «cần phải xa lánh chuyện này».

Lần thứ hai, vào ngày 13 tháng 6, đúng giờ trưa, 3 em lại tới nơi hẹn, theo sau có khoảng vài chục người tò mò đến xem sự thể ra sao. Mọi người lần chuỗi đọc kinh. Đức Mẹ lại hiện ra với 3 em, nhắc Lucia về tầm quan trọng của việc đọc kinh Mân Côi cầu nguyện dâng kính «trái tim vô nhiễm Maria», đồng thời báo trước cái chết của 2 anh em Francisco và Jacinta Marto: «Ta sẽ sớm đưa Francisco và Jacinta về trời, còn con, con sẽ ở lại thế gian một thời gian. Chúa Giêsu muốn dùng con để

loan truyền cho mọi người biết ta và yêu mến ta». Đức Mẹ cũng yêu cầu Lucia học chữ để dễ loan báo lời Đức Mẹ cho các người khác. Những người đi theo không nhìn và nghe thấy gì. Họ chỉ nhìn thấy cành cây nhỏ của cây sồi (mà Đức Mẹ đứng) trĩu xuống bởi sức nặng, rồi đột nhiên bật lên (khi Đức Mẹ biến đi)

Lần thứ ba, ngày 13.7.1917, «bà mặc áo trắng» lại hiện ra với 3 em - có khoảng 4.000 người theo sau. Đức Mẹ vẫn nhắc Lucia việc đọc kinh Mân Côi mọi ngày, để chiến tranh chóng chấm dứt. Lần này Đức Mẹ tiết lộ cho 3 em «bí mật» gọi là «bí mật Fatima». (Năm 1942, 2 bí mật đầu đã được công bố, còn bí mật thứ 3 thì mãi tới năm 2000, Giáo hội Công giáo Rôma mới công bố).

Ngày 10.8.1917, viên chánh tổng - 1 người chống đối hàng giáo sĩ - đòi 3 em Lucia, Francisco và Jacinta tới để tra hỏi, nhưng không có kết quả. Ngày 13.8, ông ta nhốt 3 em vì làm rối loạn trật tự công cộng và tiếp tục tra hỏi, nhưng hoài công. Rốt cuộc, ngày 15.8, ông ta phải thả 3 em ra.

Lần thứ tư, ngày 13.8- 1917 có khoảng 18.000 người tới bãi chờ xem sự lạ, nhưng 3 em vắng mặt vì còn bị nhốt. Chúa nhật 19.8, khi 3 em dẫn đàn cừu tới thả ở bãi Cova de Iria, Đức Mẹ lại hiện ra với 3 em, yêu cầu các em nói với mọi người cầu nguyện cho những người tội lỗi mau thống hối và hứa sẽ làm 1 phép lạ cho mọi người tin.

Lần thứ năm, ngày 13.9, có khoảng 30.000 người tụ họp tại bãi Cova de Iria, cầu nguyện cùng với 3 em. Đức Mẹ lại hiện ra với 3 em và cho biết tháng sau, sẽ có Chúa, Đức Mẹ núi Carmêlô, thánh Giuse và Chúa Hải đồng Giêsu sẽ cùng tới.

Lần thứ sáu, ngày 13.10.1917, mưa như trút nước trên bãi *Cova da Iria*. Một đám đông khoảng 70.000 người - kể cả nhiều phóng viên chụp hình và các ký giả - tụ tập tại đây lần chuỗi, đọc kinh cầu nguyện. Lúc giữa trưa, Đức Mẹ hiện ra với 3 em và yêu cầu cho xây 1 nguyện đường tại đây để vinh danh Đức Mẹ. Đức Mẹ cũng loan báo thế chiến thứ



nhất sẽ sớm chấm dứt và yêu cầu những kẻ có tội hãy mau sám hối. Khi Đức Mẹ về trời thì mưa ngưng rơi, mặt trời xuất hiện trên bầu trời xanh biếc. Đám đông đã có thể nhìn thẳng vào mặt trời và thấy mặt trời nhảy múa, tung ra các chùm tia sáng nhiều màu. Mặt trời dường như xuống thấp gần trái đất, khiến đám đông sợ hãi. Việc lạ xảy ra trong 10 phút, sau đó mọi sự trở lại bình thường. Hiện tượng này được hầu hết đám đông chứng kiến, và một số người ở cách đó mấy dặm cũng nhìn thấy. Trong thời gian này, các nhà khoa học trên thế giới không hề ghi nhận 1 hiện tượng khác thường nào của mặt trời. Trong khi đó, riêng 3 em nhìn thấy Thánh Gia, rồi Đức Mẹ Sầu Bi, Chúa Hài Đồng Giêsu và sau chót là Đức Mẹ núi Carmêlô lần lượt xuất hiện như đã hứa trước với 3 em.

**8- Ngày 2-7-2023:** Đoàn lại dự thánh lễ tại thánh đường ở Fatima và đi thăm phòng triển lãm có nhiều chuỗi mân côi của các đức giáo hoàng. Ngoài ra, Fatima cũng có Museum ở dưới hầm có trưng tượng Đức Mẹ với mũ triều thiên có viên đạn đã bắn ĐGH Gioan Phaolô đệ II.

Sau đó, đoàn hành hương tiến về Lisbon, thủ đô của Bồ Đào Nha để viếng thăm Pháo đài Bê Lem cùng nhà thờ thánh An Tôn và dự thánh lễ. Bên cạnh nhà thờ thánh An Tôn là nhà thờ chánh tòa có ngôi mộ của thánh An Tôn. Được biết thánh An Tôn là người nổi tiếng làm phép lạ ngay lúc sinh thời. Ngài nổi tiếng về câu chuyện con lừa đang đói bụng không đến ăn mà lại đến quỳ lạy mình thánh Chúa khi ngài mang đến. Ngài cũng đã uống độc được trước mặt kẻ muốn ám sát ngài, mà không hề hấn gì.

Sau đó, đoàn ra phi trường ở Lisbon và đến 7 pm đoàn đến Rome dùng cơm tối tại nhà hàng Thiên Kim VN rồi nghỉ ngơi tại khách sạn.

**9- Ngày 3-7-2023:** 8 giờ sáng đoàn đến vương cung thánh đường Đức Bà Cả, là nhà thờ đầu tiên trên thế giới để cung kính Đức Mẹ. Nơi đây đoàn được Lm Tuấn đang làm việc tại Rome và hai Lm Quý và Thạch từ VN sang tu nghiệp tại Rome làm hướng dẫn viên. Lần lượt

đoàn đã được quý cha hướng dẫn thăm viếng các nhà thờ Thánh Giá Chúa Giê-su-salem nơi có lưu lại ngón tay trở của thánh Tô Ma, một mẫu gỗ từ cây thánh giá đóng đinh Chúa, 3 mẫu gai và cây đinh trên thánh giá. Đoàn cũng đến nhà thờ Cầu Thang Thánh, nơi nhiều giáo dân lên 28 bậc thang bằng đầu gối. Lm Tuấn cũng hướng dẫn đoàn đến nhà thờ chánh tòa thánh Gioan thật to lớn có tượng 11 vị môn đệ của Chúa và Thánh Phaolô môn đệ ngoại thành. Đoàn cũng đến thánh đường thánh Phaolô nơi có mộ của ngài.

**10- Ngày 4-7-2023:** Vào 9 giờ sáng khi xe bus số 2 đang di chuyển, mọi người đã đồng ca bài quốc ca Hoa Kỳ nhân dịp mừng Lễ Độc Lập. Vào 10 am đoàn đến Hang Toại Đạo và cử hành thánh lễ tại đây. Dịp này, Lm Chuyên thuộc dòng Thừa Sai đang làm việc tại đây cho biết chữ Toại Đạo có nghĩa là gần Cái Hang nhưng cũng có nghĩa khác là con đường toại nguyện. Lm Chuyên cho biết vào thế kỷ 3 và 4, hang Toại Đạo được xây dựng để chôn cất các giáo dân Công Giáo và có mộ của 9 giáo hoàng. Hang rộng 15 mẫu và đã chôn cất 500 ngàn người. Nhưng đến thế kỷ 5 thì không còn chôn ai.

Sau đó, đoàn đến Giác Đấu Trường (Coliseum) được xây thời đế quốc La Mã có sức chứa 50 ngàn người. Kế đến đoàn đến thăm đài phun nước Trevi Fontaine cùng thưởng thức món kem nổi tiếng của Ý.

**11- Ngày 5-7-2023:** Vào 7:30 sáng, đoàn tham dự thánh lễ ngay nhà nguyện của tòa thánh Vatican. Sau đó, đoàn xuống hầm thăm mộ của Thánh Phêrô, các Đức Giáo Hoàng John Paul II, Benedicto XVI cùng nhiều vị giáo hoàng khác. Đoàn thăm viếng các gift shops bán nhiều sản phẩm về tôn giáo. Đoàn cũng đi thăm nhà thờ Lâu Đài Các Thiên Thần, thánh đường cầu nguyện cho các linh hồn ở luyện ngục và nhà thờ Đức Bà Cầu Thang (Maria Della Scala) nơi có mộ của Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, ngài qua đời tại Rome ngày 16-9-2002 và đã được giáo hội phong lên Hàng Đáng Kính vào năm 2017.

Được biết Tòa Thánh Vatican là trung tâm của Giáo Hội Công Giáo của thế giới.



### Mộ Hồng Y Nguyễn Văn Thuận

Vatican được xem là quốc gia nhỏ bé nhất thế giới với diện tích 44 mẫu có dân số khoảng 900 người, nhưng lại có tầm ảnh hưởng to lớn vì có trên 1.2 tỷ giáo dân trên thế giới. Vị trí của Vatican nằm tại Rome, thủ đô của nước Ý, nhưng lại có tước cách biệt lập với Ý.

Tòa thánh Vatican nơi qui tụ những tinh hoa nghệ thuật của thế giới mà khó có nơi nào so sánh được.

**12- Ngày 6-6-2023:** Vào 8 giờ 30 đoàn hành hương đi xe bus mất 3 tiếng đến thành phố Assisi. Nơi đây, đoàn thăm thánh Francis Assisi (Phanxicô) và nữ thánh Clara. Tại đây, đoàn được Lm Trần Văn Hoài hướng dẫn đi thăm các nhà thờ Đức Bà Các Thiên Thần, thánh Clara và thánh Francisco. Đoàn cũng tham dự thánh lễ tại đây và thăm mộ của thánh Francisco.

Được biết thánh Phanxicô chào đời vào khoảng cuối năm 1182, tại thành Assisi, ở phía bắc thủ đô Rome và qua đời cũng tại đây ngày 3.10.1226. Cha ngài là ông Phêrô Bênađônê, một thương gia chuyên nghề bán len dạ rất giàu có; mẹ là bà Pica, một phụ nữ hiền đức, hiếm có.

Cậu Phanxicô rất hào hoa, lại được gia đình giàu có nuông chiều, nên cậu mặc sức ăn chơi phung phí. Mong công danh thôi thúc, Phanxicô theo bá tước Gôthiê đi Briennơ đi chinh phục vùng Apulia, gần thành Assisi. Nhưng ý Chúa nhiệm mầu đã khiến Phanxicô đau nặng và bắt buộc phải trở về quê hương.

Lần này, tuy vẫn ăn chơi như trước,

nhưng Phanxicô cảm thấy những thú vui xưa kia dần dần mất hết ý nghĩa. Thế rồi Phanxicô đi tìm lý tưởng cao đẹp hơn. Một hôm, lúc đang cầu nguyện trong nguyện đường Đamianô nhỏ bé, Phanxicô nghe thấy tiếng Chúa phán ra từ cây Thánh Giá: **“Phanxicô, con hãy đi sửa lại ngôi đền thờ của ta đang đổ nát!”** Phanxicô hiểu câu nói này cách nông cạn, nên tình nguyện đi xin từng viên đá đem về sửa lại ba ngôi nguyện đường cạnh Assisi. Phanxicô chưa hiểu rằng, ngôi đền thờ mà Chúa muốn nói chính là Hội Thánh.

Ngày 24.2.1208, đang buổi lễ, Phanxicô nghe được đoạn Phúc Âm: *“Các con hãy đi rao giảng Tin Mừng... Các con đừng mang theo tiền bạc, bao gậy...”* (Mt 10,10). Phanxicô đã nhận ra tiếng gọi của Chúa, từ nay quyết tâm triệt để sống khó nghèo và theo Chúa trên con đường Thập Tự (Mt 19,21; Lc 9,1-6; Mt 16,24). Phanxicô vừa đi rao giảng Tin Mừng vừa khát thực.

Phanxicô muốn giống Chúa Giêsu cách trọn vẹn trong sự khó nghèo, trong tình yêu, trong sự giảng dạy và trong đau khổ. Chính vì thế mà Ngài hết lòng yêu thương những người nghèo khó, nhất là những bệnh nhân mà ngài nhìn thấy Chúa Giêsu ở nơi họ. Năm 1220, vì những khó khăn nội bộ của Hội Dòng do một số anh em cấp tiến gây ra, Phanxicô phải bỏ dở cuộc truyền giáo cho người Hồi giáo để trở lại nước Ý. Những anh em này muốn sửa đổi lý tưởng nghèo khó thuở ban đầu. Đây chẳng khác gì một cuộc tử đạo đặc biệt đối với Ngài. Vì quá đau khổ cho nên năm 1224, Phanxicô xin rút lui về ẩn mình tại núi Laverna. Nơi đây, ngài được Chúa **in năm dấu thánh** của Chúa trên chân tay và cạnh sườn của Ngài. Phanxicô đã sống một cuộc tử đạo này trong hai năm trời. Các vết thương luôn rỉ máu rất đau đớn nhưng còn đau đớn hơn nữa khi phải chứng kiến cảnh một số anh em càng ngày càng sống xa lý tưởng ban đầu đang diễn ra. Trong nỗi cô đơn và đau khổ do bệnh hoạn, ngài chỉ muốn hoàn tất ý định của Thiên Chúa cho đến khi “Bạn Chết” của ngài đến kết thúc cuộc đời vào ngày 3.10.1226. Đức Giáo Hoàng Grêgôriô IX đã phong ngài lên bậc hiển thánh vào ngày 16.7.1228.

Khi đoàn xe trở về Rome vào 6 giờ

chiều, đoàn đã tổ chức tiệc Tạ Ơn tại nhà hàng Thiên Kim với chương trình văn nghệ, xổ số, khen tặng những người con hiếu thảo lo cho các bà mẹ già trong chuyến hành hương và kỷ niệm ngày cưới 33 năm và 23 năm cho hai đôi vợ chồng.

Cuộc hành hương ở Âu Châu kể như chấm dứt sau khi đi qua các thánh địa quan trọng, thăm những ngôi thánh đường đồ sộ, xây dựng công phu và mỹ thuật, thăm Đức Mẹ hiện ra tại Lộ Đức, Fatima cùng thăm tòa thánh Vatican, trung tâm điểm của giáo hội Công Giáo cùng xem thắng cảnh của 4 quốc gia Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Ý.

Chuyến hành hương đã đem lại mọi người trong đoàn hành hương được tăng thêm đức tin, kính yêu Thiên Chúa, Mẹ Maria, ngưỡng mộ cuộc sống thánh thiện của các thánh nhân là thực thi 2 điều Chúa răn dạy là kính yêu Thiên Chúa và yêu mến tha nhân cùng hiểu biết thêm nền văn minh, cuộc sống của người dân tại Âu Châu.

Chuyến đi hành hương được xem là khá tốt đẹp, mọi người không ai bị bệnh, duy chỉ có hai vụ bị mất cell phone tại Paris và mất bóp tại Ý..

Chuyến đi cũng cho thấy tình cảm đáng khen của những người con trai hiếu thảo đã chăm sóc chu đáo cho bà mẹ già yếu của mình. Tình cảm vợ chồng, tình anh chị em trong đoàn và tình bạn bè lại thêm phần thấm thiết. Một điều cũng cần nên nhớ rằng, hành hương ở Âu Châu là phải đi bộ rất nhiều nên có phần hơi mệt cho những ai có sức khỏe kém.

Trong 15 ngày cùng đi hành hương, đoàn 108 người đã tạo được sự thân tình, chăm lo cho nhau như anh chị em trong một đại gia đình.

**13- Ngày 7-7-2023:** Đoàn ra phi trường Rome để đi Istanbul từ 3 giờ sáng, sau đó đáp chuyến máy bay để về lại San Francisco mất 13 giờ đồng hồ. Đoàn hành hương về tới San Francisco an toàn vào 5 giờ chiều cùng ngày./.

**NGUYỄN VĂN BÌNH**

## TUỔI HỌC TRÒ



Mượn vần thơ viết lên giòng tâm sự  
Nhớ thương về mùa phượng đỏ thân yêu  
Tóc em bay trong gió những buổi chiều  
Giờ tan học ...cổng trường anh đứng đợi

Buổi hẹn hò ...giận hờn em không tới  
Để mình anh thơ thẩn bước trên đường  
Gió vi vu, hàng cây phượng dễ thương  
Vài cánh phượng rơi buồn trên phố vắng

Cô học trò ngày xưa có còn giận?  
Để mưa về ướt lạnh cả bờ môi  
Lòng cô sao băng giá chẳng một lời  
Làm héo úa trái tim sầu hiu quạnh

Nơi đất khách khi Đông về giá lạnh  
Cảm thông giùm nỗi xa vắng người thương  
Đã bao năm chưa thăm lại mái trường  
Người đâu hỏi! Có còn hay đã mất

Cô học trò giờ còn rơi nước mắt?  
Khi nỗi buồn xa vắng đã bao năm  
Bạn bè xưa, thầy cũ chắc yên nằm  
Bao tâm sự gửi vào trang sách cũ

Tuổi học trò những giòng thơ tích tụ  
Tiếng cười vui bên mái ấm sân trường  
Trang thư tình e thẹn thật dễ thương  
Giờ xa vắng trong tôi hoài kỷ niệm

**Nguyễn Văn Thắng**

# MẮT BIẾC VÀ NGƯỠNG CỬA TRƯỜNG LUẬT



**Ls. LÊ CÔNG TÂM**

Cũng như bao nhiêu chàng trai trẻ khác ở lứa tuổi chuẩn bị bước chân vào khung trời đại học với những giấc mơ được thành tựu trong một xã hội hiện đang chìm đắm trong một cuộc chiến tranh thảm khốc và dai dẳng. Phần lớn ai cũng muốn sau khi rời khỏi ngưỡng cửa trường trung học được tiếp tục thành tựu trong những lĩnh vực huy hoàng và vững chắc, nhất là thành phần nam giới. Hầu hết, đều muốn được thâm nhập vào các trường y, nha, dược, khoa học, công chánh, kiến trúc... là những ngành phải qua một kỳ thi tuyển khó khăn và tốn kém. Kể đến mới kể tới các ngành khoa học nhân văn và xã hội như luật khoa, văn khoa.

Vì thế khi ở các lớp trung học đệ nhị cấp, sau khi tốt nghiệp văn bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp là mọi người phải bắt đầu chuẩn bị một hành trình ròng rã ba năm trời, các lớp đệ tam, đệ nhị và đệ nhất, chưa kể phải đậu Văn Bằng Tú Tài Đệ Nhất Cấp, kế tiếp lại là Tú Tài Toàn Phần. Nếu không vượt qua hai rào cản này, thì đành phải hát bài con đường chinh chiến rất gần với anh...

Tôi đã chọn ban A, ban Vạn Vật, với giấc mơ của cô Perrette trong chuyện ngụ ngôn của La Fontaine, học hành khá chăm chỉ, đặc biệt với những bộ môn Toán, Lý Hóa và Vạn Vật.



Đường Đồng Khánh, Ty Cảnh Sát Quốc Gia Q5 góc ngã tư Đồng Khánh – Lương Nhữ Học

Nhờ những năm đầu trung học được rèn luyện kể cả bị phạt vì kỷ luật liên miên tại trường Ký Túc Xá Đồng Công, Thủ Đức, tôi vượt qua rào cản Tú Tài 1 không khó vào thời điểm năm 64, gần một năm sau chính biến 1963. Kỳ thi Tú Tài của năm 64 là một dấu mốc lịch sử mà hầu hết mọi thí sinh nam giới nếu phải đi thi vào năm này sẽ không ai có thể quên được cái ký ức kinh hoàng. Đó là năm thi tú tài mà thí sinh bị đánh rớt nhiều nhất vì vấn đề động viên quân dịch. Thí sinh rơi rụng quá nhiều đến nỗi một tờ nhật báo lớn đã vẽ tranh hí họa chiếc quan tài chở mảnh bằng tú tài trong đó. Những ai thi đậu được tiếp tục hoãn dịch và học tiếp lên đại học. Năm đệ nhất tôi theo học tại trường Trung Học Hưng Đạo ở đường Cống Huỳnh của thầy Nguyễn Văn Phú làm Hiệu Trưởng, tôi học chung với Huỳnh Thanh Trà, sau này là tài tử đóng trong phim Loan Mất Nhung.

Đây là một kỷ niệm đẹp, tôi còn nhớ hoài, Huỳnh Thanh Trà dáng người thon thả, giọng nói nhẹ nhàng của một người miền Nam, học hành cũng rất giỏi, nhưng sau này lên đại học và ra đời chúng tôi không bao giờ có cơ hội gặp lại nhau dù chỉ trong khoảnh khắc...và cũng không nghĩ anh ta trở thành một nam tài tử nổi tiếng.

Nhà tôi ở đường Đồng Khánh đối diện với cư xá sĩ quan cảnh sát Quận Năm. Đây là một chung cư hai tầng có tất cả 13 căn, được xây dựng theo lối kiến trúc Pháp từ cuối thế kỷ 19. Đứng từ lan can nhà tôi có thể nhìn thấy rõ sinh hoạt của các gia đình sĩ quan cảnh sát này mà thời đó được gọi là biên tập viên cảnh sát. Phần lớn con cái của những người này là bạn bè của tôi từ lúc thiếu thời. Ngày nào tôi cũng sang đó vui chơi với những người bạn này cho mãi đến đêm mới chạy về nhà vào những năm thanh bình hay cả những thời gian loạn lạc, giới nghiêm. Tôi chỉ chạy vụt trong khoảnh khắc là về nhà tôi bên kia đường. Nơi chúng tôi ở được coi là trung tâm điểm của Chợ Lớn - thủ phủ của người Việt gốc Hoa.

Một trong số những người bạn của tôi, có một người tên Hóa, nhà ở căn số 2. Hóa cũng cỡ trạc tuổi của tôi hay lớn hơn một vài tuổi, tính tình vui vẻ, Hóa rất khôi hài với nụ cười lúc nào cũng bắt đầu với cái nhìn. Gia đình Hóa rất đông con. Hóa là con riêng của bố anh ta, trong khi đó bà mẹ ghẻ của anh thì lại có một người con gái riêng, Bé Hai và kế đến là những người con cùng cha khác mẹ với Hóa.

Kế đến là căn nhà số 3, của một người sĩ quan cảnh sát khác, gia đình này có quốc tịch Tây, chủ nhà có một người em vợ mang cấp bậc trung tá Thủy Quân Lục Chiến, ông này có một bộ râu hàm yén thật đặc biệt, vì tôi còn bé nên cũng không nhớ đến tên tuổi của ông ta, chỉ biết một điều thật đặc biệt mà ít ai nhắc đến, ông ta là người tình của nữ Nghệ Sĩ Cải Lương Thanh Nga. Lý do chắc chắn mà tôi vẫn còn nhớ rõ trong ký ức là mỗi lần nghệ sĩ Thanh Nga đến thăm ông tại căn nhà này, dân chúng hiếu kỳ, nhất là trẻ con đều bu lại chung quanh người nghệ sĩ tài danh và vẫn số ấy. Sau này, mối tình trên cũng không thành, bởi vì Thanh Nga lập gia đình với ông Đồng Lân và chúng tôi không còn thấy cô ấy đến cư xá này nữa

Căn nhà số 7 là nhà của một người bạn của tôi cũng tên Jacques, nó cũng lớn hơn tôi đến vài tuổi, sau này đi lính lực lượng đặc biệt. Nhà của Jacques có người chú hay cậu gì đó là Thiếu Tướng Đoàn Văn Quảng, tư lệnh Lực



Lượng Đặc Biệt. Cuối tuần ông ta, thường hay về nhà này, mỗi lần về xe Jeep đậu trước nhà tôi với đầy ắp những người lính cận vệ...

Câu chuyện tôi kể lang bang phía trên nó mờ mờ tượng như chuyện cuốn phim classic của Alfred Hitchcock "The Rear Window" do hai tài tử nổi tiếng đóng James Stewart và Grace Kelly, tuy nhiên tình tiết khác nhau. Câu chuyện phim có tính cách trinh thám, hư cấu, còn câu chuyện của tôi mô tả sinh hoạt xã hội của một thế giới thật nhỏ, được cô đọng trong ký ức bé thơ của một thiếu niên vừa mới lớn, và vẫn tiếp tục ám ảnh tôi mỗi khi hồi tưởng lại.

Trở lại câu chuyện gia đình Hóa, người bạn của tôi và Bé Hai người em "con anh, con tôi" của Hóa. Đây là câu chuyện chính chủ đề của bài tạp ghi này. Câu chuyện về Bé Hai, người con gái đã làm thay đổi một phần nào giấc mơ tuổi trẻ của tôi. Bé Hai lớn hơn tôi ít nhất là từ 3 đến 5 tuổi. Trong cư xá cảnh sát Quận 5 này, Bé Hai là người thiếu nữ đến tuổi cập kê xinh đẹp nhất. Đặc biệt Bé Hai có cặp mắt biếc, sâu, đẹp tuyệt vời, với đôi làn mi cong nằm dưới đôi chân mày đậm đen, đã biến gương mặt trắng mịn của Bé Hai thành một vẻ đẹp huyền thoại mà sau này tôi chỉ mờ mờ tượng nhìn thấy lại ở nét đẹp của những người nữ diễn viên Trung Hoa trong các phim kiếp hiệp. Vào thời buổi xa xưa ấy, trong một khu xóm nhỏ nằm lạc lõng trong một thành phố hoàn toàn đặc thù của người Hoa, có một người con gái với một sắc đẹp lộng lẫy là một điều hiếm có. Mẹ Bé Hai cũng chẳng phải là một người đàn bà có nhan sắc gì. Những sự kiện này cứ ám ảnh tôi mãi sau này.

Trong xóm ai cũng trộm nhìn cái nhan sắc dậy thì của Bé Hai, từ bé tới lớn. Bé Hai có một người yêu tên là Oanh, ở cùng cư xá,



dãy đằng sau. Oanh là anh của một trong những thằng bạn của tôi. Chẳng hiểu tại sao, một người con trai miền Nam lại có cái tên ngộ nghĩnh như vậy. Oanh là một sĩ quan không quân, tốt nghiệp tại Mỹ. Trong xóm ai cũng đều biết mối tình này. Ai cũng mong đợi, để xem đám cưới của Bé Hai và Oanh.

Trên thực tế, Mối tình của Bé Hai và Oanh không suông sẻ như bao nhiêu mối tình khác. Gia đình bên Oanh không chấp nhận Bé Hai như một người con dâu trong tương lai, mặc dầu gia đình hai bên cũng không có gì cách biệt, cả hai người bố đều là sĩ quan cảnh sát tương đồng. Nhưng không biết vì lý do gì, sau đó đôi tình nhân đã chia tay. Oanh nhập ngũ và đi Mỹ học để trở thành phi công chiến đấu. Một ít lâu sau Bé Hai cũng gia nhập quân đội trở thành một nữ quân nhân. Mọi người đều bàng hoàng, khi thấy tự nhiên Bé Hai vắng bóng trong cư xá, và đột nhiên một hôm trở về trong bộ quần áo lính.

Tôi hỏi Hóa, được biết Bé Hai đã nhập ngũ và làm việc tại một quận lỵ hẻo lánh ở miền Tây. Câu chuyện về Bé Hai lần hồi nhạt phai trong sinh hoạt hàng ngày của cái cư xá nhỏ bé này. Bẵng đi một hai năm sau đó, riêng tôi cũng đang chuẩn bị để vào đại học, câu chuyện người con gái hàng xóm có đôi mắt biếc thật buồn rồi cũng nhạt phai theo ngày tháng.

Một hôm bỗng dưng tôi nhìn sang bên nhà Hóa thấy mọi người tụ về, khóc lóc âm ỉ, nhất là bà mẹ của Bé Hai. Tôi lần sang hỏi thăm Hóa. Người bạn tôi mặt buồn, khóe mắt ứa lệ. Hóa cho tôi biết Bé Hai đã chết. Tôi bàng hoàng sửng sốt, thoáng nghe như tiếng sét đánh ngang tai. Cuộc chiến miền Nam đang đến độ bùng phát dữ dội vào thời điểm ấy. Cái chết của những người trong quân ngũ là chuyện thường tình. Nhưng cái chết của Bé Hai là một điều bí ẩn. Không thấy xác được đưa về, không thấy có đám ma. Mãi về sau, có một lần Hóa tâm sự và

tôi cũng nói chuyện được với người mẹ của Bé Hai, nội dung câu chuyện thật mơ hồ. Có tin là Bé hai đã tự vẫn, tin khác là Bé Hai bị ghen tuông, bị đánh đập hay bị đầu độc. Có quá nhiều tin đồn từ hàng xóm trong cư xá. Đại để là Bé Hai trở thành một người tình của viên trưởng đồn hay quận trưởng gì đó, có thai rồi tự tử... nhưng theo lời người mẹ kể cho tôi nghe là khi bà đi nhận xác Bé Hai, thân thể tím bầm, và người ta không cho mang xác về. Rồi câu chuyện cũng chìm xuống như bao uẩn khúc xảy ra trong cuộc chiến triền miên này.

Riêng tôi, từ đó tôi mang một nỗi buồn không định nghĩa được, trong tâm trí tưởng tượng của một người thanh niên mới lớn, bỗng dưng nổi lên một niềm uất hận vì những bất công của chiến tranh. Những đêm tối đứng thờ người trên lan can nhà mình nhìn sang nhà Hóa tôi vẫn mường tượng như nhìn thấy hình bóng một người con gái có đôi mắt buồn vời vợi. Tôi nhớ đến những kỷ niệm thật đẹp mà Bé Hai vẫn thường đối xử với tôi như một người em trong gia đình, mỗi lần tôi sang chơi với Hóa, một đám con trai chúng tôi ngồi tán gẫu trước sân nhà, và Bé hai vẫn thường mang bánh kẹo hay trái cây cho chúng tôi ăn.

Bỗng dưng một ý nghĩ lạ kỳ hiện lên trong tâm trí tôi, tôi tự nhủ một ngày nào tôi lớn

lên tôi phải trở thành luật sư hay thẩm phán để làm việc này cho ra lẽ. Từ đó, tôi không còn mơ mộng trở thành những ông bác sĩ, nha sĩ hay dược sĩ, kỹ sư như tôi thường mơ ước nữa. Tôi phải đi học luật cho bằng được.

Tôi bước vào ngưỡng cửa trường Luật những những nôn nao và tự hào.

Thế giới trường Luật rộng lớn hơn cái cư xá cảnh sát năm nào. Tôi rời khỏi Chợ Lớn hòa nhập vào một khung trời mới. Những người bạn đồng môn, hoàn toàn khác hẳn với đám bạn thời thơ ấu tại cư xá. Trường Luật cũng có quá nhiều đôi mắt biếc và mỹ nhân. Giấc mơ đi tìm công lý cho Bé Hai đã mờ nhạt dần. Khi tốt nghiệp tôi đi tập sự cho văn phòng Thủ Lãnh Nguyễn Ngọc San. Văn phòng tôi đại diện cho hãng rượu Bia Con Cọp. Hàng ngày tôi phải ra tòa Lao Động để bảo vệ cho giới chủ nhân chống lại những khiếu nại của nhân viên, nhất là những người phụ nữ lao động bị sa thải khi có thai nghén, hay đau ốm, hoặc không được lòng thưởng cấp. Vì công việc, vì tương lai tôi đối đầu với công lý.

Tôi không bao giờ quên được hình ảnh một người đàn ông mỗi tuần đều ra hầu tòa Lao Động, ông ta tự biện hộ cho người vợ là nhân viên của hãng Máy Bay Pan Am, bị sa thải vì thai nghén. Sự kiên nhẫn của ông ấy mỗi khi tòa đình hoãn vụ kiện do bên luật sư đối phương kéo dài vụ kiện khiến tôi để ý đến con người này. Oái oăm thay, sau này khi tôi lập gia đình với nhà tôi, người đàn ông này là anh em cột chèo với tôi. Anh ấy là chồng của bà chị lớn nhà tôi!!!

Định mệnh và cuộc sống đầy đũa, tôi không bao giờ có cơ hội đi tìm công lý cho Bé Hai dù đã chọn ngành luật. Thịnh vượng trong ký ức, hình ảnh của Bé Hai sống lại một cách mãnh liệt trong niềm ân hận của tôi.

Mắt biếc và ngưỡng cửa trường Luật không còn nữa, có chăng chỉ nằm trong ký ức của tôi hay trong những giấc mơ thổn thức../.

***Fountain Valley, Mùa Thu 2022.***

**Ls LÊ CÔNG TÂM**

## **Cô Gái Việt Nam Ơi**



Cô gái Việt Nam ơi!  
Từ thuở sơ sinh lận đận rồi  
Tôi biết tình cô u uất lắm  
Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi.

Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa  
Má hồng mỗi tiết mỗi phôi pha  
Khi cô vui thú là khi đã  
Bồng bế con thơ đón tuổi già!

Cô gái Việt Nam ơi!  
Ngọn gió thời gian đổi hướng rồi  
Thế hệ huy hoàng không đủ xóa  
Nghìn năm vàng vạc ánh trăng soi.

Tôi đến đây tìm lại bóng cô  
Trở về đường cũ hái mơ xưa  
Rau sam vẫn mọc chân rào trước  
Son sắt lòng cô vẫn đợi chờ.

Dải lúa cô trồng nay đã tươi  
Gió xuân ý nhị vít bông cười,  
Ai hay lòng kẻ từng chăm lúa  
Trong một làng con đã héo rồi!

Cô gái Việt Nam ơi!  
Nếu chữ hy sinh có ở đời  
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực  
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi.

**HỒ DZÍNH**

# Chuyến di tản của **DƯƠNG VẠN HẠM THỊ NẠI, HQ 502**

PHAN LẠC TIẾP



Chuyến di tản của Dương Vạn Hạm Thị Nại, HQ 502, một con tàu hồng máy, đang trong thời kỳ sửa chữa, chờ theo trên 5000 người, rời cầu tàu trong Hải Quân Công Xưởng đêm hôm 29 tháng 4 năm 1975 với bao nhiêu là khó khăn, hãi hùng, nguy hiểm. Hầu như trên mười năm sau đó, đã định cư ở Mỹ an toàn, nhiều đêm ngủ, thần trí tôi vẫn bị trôi theo cơn hốt hoảng kinh hoàng bởi chuyến đi này.

Trong những giấc mơ kinh dị đó, tôi vẫn thấy rất rõ rừng người đặc nghịt ở trên sàn tàu. Bầu trời thì đen thẫm, những ánh đèn xanh đỏ của những chiếc trực thăng vùn vủ, nặng nề bay qua bay lại. Những đám cháy sáng rực bùng lên ở mấy góc trời. Kho xăng Nhà Bè trắng xoá, lấp lánh dưới ánh lửa đang cuộn

cuộn bốc cao từ Căn Cứ Hải Quân. Những tiếng nổ oà vỡ bên tai, kéo theo những tiếng rít của những trái đạn rời nòng từ hai khẩu đại bác của Đặc Khu Rừng Sát. Con tàu ôm sát bờ lửa đạn ấy để vào nhánh sông Soi Rạp, bò ra cửa biển.

Sáng ngày 30 tháng tư, con tàu liệt máy, buông trôi ở cửa sông. Biển ở trước mặt, sóng trắng lô xô từng đợt. Lại những đợt máy bay từ phía Saigon tủa ra. Những chiếc trực thăng bay thấp, dọc theo hông tàu, thấp hơn chiều cao của đài chỉ huy chiến hạm. Cửa máy bay mở rộng. Chúng tôi thấy trong lòng máy bay chập chững những đàn bà, trẻ con. Mấy bà già hướng về chiến hạm, quỳ, cúi gập người, chấp hai tay mà lễ. Trong khi đó viên phi công rà được tần số của chiến hạm. Bằng một giọng nói đầy khấp thiết: “Anh em Hải Quân ơi, cứu chúng tôi với. Chúng tôi được lệnh bay ra biển để đáp xuống tàu Mỹ.



Nhưng tới điểm hẹn chỉ thấy biển mông mênh, tàu Mỹ đâu không thấy, nên phải quay về. Tàu tôi chỉ còn 5 phút xăng. Xin cứu chúng tôi, gia đình tôi, mẹ tôi...” Không cầm lòng được, Hạm Trưởng Nguyễn Văn Tánh và “Ban Tham Mưu” chấp nhận những khó khăn, bất trắc, đồng ý là cho trực thăng đáp xuống sân chiến hạm. Sân chiến hạm đông đặc những người, lũng nhùng những chiếc mền đủ màu căng ra che sương gió qua đêm. Nắng bắt đầu oi ả. Tất cả phải giải toả cấp kỳ. Mọi người phải xuống hết sân chiến xa. Sân tàu trống vắng. Chiếc trực thăng từ từ đáp xuống. Một chiếc. Lại một chiếc nữa...

Tới gần trưa ngày 30 tháng 4, ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Cả tàu mấy ngàn người xốn xang, cuống quýt. Có những tiếng khóc vỡ oà đâu đó. Một buổi họp khẩn cấp để đi đến quyết định: Bằng mọi giá phải thoát ra khỏi lãnh hải VN. Phải ra đi cho bằng được. Toán thợ máy kết hợp lạ lùng cố sửa chữa. Máy tàu nổ, một máy. Tàu ra được ngoài khơi, lết đến gần Côn Sơn, gặp được hạm đội mình ở đó. Lệnh từ Soái Hạm HQ 3 chỉ thị cho HQ16 tới kéo HQ502 đi

Những đêm lừ đừ ở ngoài khơi, đoàn tàu vừa đi vừa đợi nhau. Những chiếc ghe đầy ứ người sáp vào chiến hạm. Không thể làm ngờ, tàu thả thang dây, lại vớt thêm người. Đêm xuống, hải đăng Vũng Tàu loé lên từng đợt như thách thức, như mời gọi, như những vẫy tay giã từ. Bờ biển quê hương đầy mà giờ đã trở nên kinh khiếp, chia lìa, đớn đau. Ngày đêm, qua làn sóng điện của đài Saigon, không còn là những giọng nói thân quen, mà là những lời kêu gọi chát chúa, đe dọa của kẻ thù : ... quân, cán chính của ngụy quân Saigon mau mau ra trình diện...”

Những ngày thiếu thốn, chật chội, chia nhau từng ngụm nước, từng nắm cơm chỗ sống, chỗ khô, chỗ thì thiu chua.

Mấy ngày sau, bờ biển Phi Luật Tân hiện ra, núi non chập chùng đen thẫm. Lễ chào và ha. Quốc Kỳ VNCH lần cuối được diễn ra, đơn giản nhưng vô cùng nghiêm trang mà rất đớn đau. Lá Quốc Kỳ nền vàng ba sọc đỏ bạc. màu từ từ được kéo xuống, cùng với hàng ngàn giọng hát, già, trẻ, nam, nữ cất lên, vừa

hùng tráng, vừa chất chứa những nghẹn ngào. Những lời hát như trùm kín cả vùng trời biển nước mênh mông.

Lời ca dứt. Những tiếng kêu khóc bỗng bùng vỡ. Nhìn đâu tôi cũng chỉ thấy những cặp mắt đầm đăm nước mắt. Trong những tiếng kêu khóc thảng thốt ấy, tôi thấy có tiếng kêu của một người đàn bà: “Ồi, con ơi, con ơi...” Trong tập bút ký viết về cuộc di tản này, tôi đã không quên ghi lại tiếng kêu thảng thốt, lạ lùng này. Tại sao tôi lại không ghi những tiếng kêu khóc khác tràn ứ quanh tôi trên con tàu Thị Nại HQ 502 lúc đó. Tôi không trả lời được. Vì khi viết lại giây phút xúc động lịch sử này, tay tôi như chỉ tuân theo những gì mà thần trí tôi đã ghi dấu mà tự động viết ra. Viết ra như vẽ lại rất tự nhiên, không có một sự lựa chọn nào. Nhưng bây giờ thì tôi hiểu. Tình cờ tôi đã hiểu. Có những hình ảnh tuy mờ nhoà, khi ẩn khi hiện, nhưng không bao giờ biến mất trong trí nhớ của tôi.

Tôi không bao giờ quên. Tôi nhớ lại rồi. Tôi nhớ thật rõ. Tôi hiểu tại sao tôi lại ghi lại tiếng kêu này. Xin hãy cho tôi từ từ nhớ lại. Tôi bỏ chiếc xe hơi nhỏ ở ngoài cửa Hải Quân Công Xưởng, sát bên Bệnh Xá Bạch Đằng. Tôi đi đầu, hướng dẫn cả gia đình trên mười người, theo đoàn người lũ lượt chạy bộ dọc theo chiều dài của Hải Quân Công Xưởng. Vừa chạy vừa ngoái cổ nhìn trở lại để kiểm soát đoàn “rồng rắn” của gia đình. Chỉ sợ có người bị lạc. Lạc là vô cùng khôn khổ, khó khăn.

Tìm đến cầu tàu trước Bộ Tư Lệnh Hạm Đội. Con tàu Thị Nại, HQ 502 nằm đó, vị trí một. Bên ngoài con tàu này còn ba con tàu khác cặp song song. Tất cả bốn con tàu xám ngắt, hướng mũi phía hạ giòng. Người từ phía sau tràn tới. Như đã hẹn, tôi sẽ phải lên cho được con tàu này. Con tàu do bạn thân cùng khoá với tôi làm Hạm Trưởng, Hải Quân Trung Tá Nguyễn Văn Tánh. Chúng tôi cũng đã hùn tiền mua thêm nhiều gạo, mì và những thức ăn khô chất sẵn ở tàu này. Nước lấy tối đa. Lúc này nước thủy triều dâng cao, bắt đầu xuống. Người chen sát nhau như gạch trên cầu tàu, nhích tới, nhích tới. Cái thang dài độc nhất dựng dốc ngược bên hông tàu. Tôi biết rằng khi

khẩn cấp, chỉ cần thả hai mối dây là cái thang tự động tuột xuống cầu tàu, lăn theo hai bánh xe ghi trên mặt đất, không một chút khó khăn. Tàu sẽ tách bến dễ dàng. Nhưng bây giờ rùng người đang ùn ùn tiến tới. Những quân nhân, trai tráng thì tìm mọi cách bám vào thành tàu mà lên. Gia đình tôi tất cả mười ba người, con số tình cờ không vui, trong đó có hai ông bà nhạc tôi ốm yếu, bốn đứa con nhỏ dưới mười tuổi.

Chúng tôi không có cách nào khác là phải leo ngược cầu thang nhỏ, dốc ngược này để lên tàu mà thôi. Tôi lên đầu tiên, bế trên tay thằng con út hai tuổi bị sứt, nặng chĩu. Trên lưng đeo một ba-lô quần áo và các thứ cần dùng. Một tay xách cái va-ly nhỏ đựng đầy giấy tờ, bản thảo và hình ảnh. Rất nhiều hình ảnh. Cầu thang dốc và trơn, khiến tôi trượt chân. Cái va-ly trở nên nặng quá bung ra phía ngoài. Tôi buông tay, nắm vội vào sợi giây cable, cái va-ly rơi tòm xuống nước, mất tăm. Hai tay ôm chặt thằng nhỏ trong lòng. Tôi cúi người xuống để ghi lấy mặt thang. Trong phút chông chênh đó có bàn tay ai rất mạnh giữ chặt lấy cánh tay tôi. Chỉ trong một sát na kinh khiếp đó, tôi gượng lại được và bò lên sàn tàu. Không biết cánh tay ấy của ai. Ai đã cứu bố con tôi. Đặt con xuống sàn tàu tim tôi còn đập bập bùng hồi hộp. Tôi quay lại cùng các em tôi kéo vợ tôi, hai ông bà nhạc lên tàu. Kiểm điểm lại “quân số” gia đình. Đủ cả.

Tôi quay lại cầu thang, đứng chân trước chân sau thật vững trên sàn tàu. Một tay vịn vào hàng rào chắn, một tay chìa ra kéo những người đang trèo ngược thang lên. Bao nhiêu bàn tay tôi đã nắm. Có bao nhiêu bàn tay bè bạn thân quen, nắm chặt tay nhau kéo lên, buông ra với những nụ cười. Anh Trần Văn Tâm, (nhà văn Trần Quán Niệm), anh Nguyễn Hưng Quảng, anh Nguyễn Đă Phúc và bao nhiêu người nữa.

Chúng tôi xúm nhau ở đó để tiếp tay, đỡ đàn những người yếu đuối. Có bao nhiêu là những bàn tay già nua, hay non dại của những ai tôi chưa bao giờ gặp gỡ. Tất nhiên chúng tôi cũng đã chuyển, bế bao nhiêu là con trẻ ở tuổi các con tôi. Lúc kéo người lên như thế,

cũng là lúc tôi nhìn xuống khoảng trống giữa thành tàu và cầu tàu, tôi không còn thấy cái va-ly của tôi đâu cả. Nước đã cuốn nó đi trôi nổi ở góc kẹt nào. Khoảng trống dọc theo thân tàu chỉ độ bốn mươi phân thôi, là bề dày của trái độn cao-su. Cái khe này hun hút đen thẳm dọc theo thân tàu dài hàng trăm thước. Dưới sâu là mặt nước, những làn sóng nhỏ, lấp lánh ánh đèn trôi đi, trôi đi. Tôi biết sức nước trông thế nhưng thật là mạnh mẽ.

Chân cầu tàu lù xù những vết xò hén, tác rườì bám đầy. Nếu ban nãy tôi không có cánh tay nào bám lấy, ngã xuống đây...Mới thoáng nghĩ thế, toàn thân tôi như lạnh buốt. Tôi nghĩ đến con tôi. Đứa con út của tôi. Rồi cầu thang quay gót trở lại với gia đình, tôi vừa quay gót, có tiếng người đàn bà thảng thốt kêu lên : ” Con tôi, con tôi rơi...rồi. Oái con ơi là con ơi...” Tôi quay phắt lại, người ta đen đặc, đang kéo người đàn bà vào sàn tàu. Ở phía cầu thang người vẫn cứ ùn tấp lên không dứt. Người đàn bà khốn khổ, mất con như mê đi, đang được người ta xúm lại chữa chạy, giựt tóc, bôi dầu. Hình như không ai quan tâm gì đến số phận của đứa nhỏ vừa rời tay mẹ rơi xuống cầu tàu, mất tăm. Vô phương cứu tìm. Mà ai còn có thì giờ đâu để ngó xuống cái khe đen thẳm đó. Người càng lúc càng lên thêm, đứng đen đặc cả sàn tàu. Không ai biết, chẳng ai quan tâm đến cảnh huống bi thảm vừa mới xảy ra. Đêm mỗi lúc mỗi sâu. Nỗi khốn khổ của người mẹ mất con như bay theo, mất hút giữa đêm đen mỗi lúc mỗi thêm kinh sợ.

Lên được trên tàu, tìm gặp bạn tôi, HQ Trung Tá Nguyễn Văn Tấn, Hạm Trưởng, anh nhường phòng của anh cho gia đình tôi. Tôi ngần ngại, nhưng anh bảo: “Tôi còn cái phòng nhỏ trên Trung Tâm Hành Quân. Tạm yên tâm, tôi sát cánh cùng anh, tập hợp tất cả những quân nhân có mặt, tìm mọi cách để đem tàu ra khơi.

Người thì chặt cứng ở sân boong chính, ở hầm chiến xa, và la liệt cả hành lang, mọi chỗ. Nhưng như anh Tấn sau này cho biết thì “nhân viên cơ hữu trên 100 nay chỉ còn có 9 người...” Tình trạng chiến hạm thì còn đang sửa chữa : “Hai máy chánh ráp xong, nhưng chưa thử tại chỗ. Hai máy điện chưa được ráp

song song. Bơm nước ngọt và bơm cứu hoả chưa ráp. Bình cứu hoả CO2 còn nằm trên Hải Quân Công Xương. Hai máy neo trước và sau bất khiển dụng. Sàn tàu cắt mở lối đem máy chánh lên chưa hàn lại”.

Biết bao nhiêu là trở ngại, khó khăn, nguy hiểm. Khi khởi động được máy thì tay lái bất khiển dụng. Giây cable lái bị cắt đứt. Nói ra không hết những nguy hiểm của chuyến đi này.

Bao nhiêu điều, bao nhiêu hình ảnh vẫn đầy áp trong trí nhớ của tôi. Nhưng hình như tiếng kêu vô vọng, thảng thốt của người đàn bà khốn khổ đó đã thấm nhập sâu đậm vào trí não tôi. Lúc mờ lúc tỏ, nhưng tiếng kêu đó không bao giờ mất được trong tiềm thức của tôi. Khi có những sự tương quan, hình ảnh ấy sẽ tự động hiện ra mà lý trí tôi hình như không thể can dự vào. Và sự việc đã được xảy ra rất tình cờ mới đây, gần 30 năm xa cách. Trong một buổi gặp gỡ thu hẹp của mấy bà bạn cựu nữ sinh Trưng Vương của bà xã tôi tại San Jose, chuyện trò đang nở như cái chợ, bỗng khựng lại, khi tình cờ chi. D. N. nói : “Thế ra gia đình tao cùng di tản trên con tàu Thị Nại HQ 502 với tụi mày à. A, sao cả tuần lễ trên tàu mà mình không gặp được nhau. Ừ, người đông như kiến. Trên 5000 người. Khiếp thật!” Anh Ng., chồng chi. N. nói:” Khi ở trên tàu tôi xung phong trong toán nhà bếp, nóng như cái hầm. Lúc có điện lúc không. Cơm nấu suốt ngày mà không đủ. Lúc sống, lúc khê. Khi ra đi đại gia đình chúng tôi có 20 người. Nếu kể cả thằng cháu P. bị rơi ở cầu tàu là 21. Bây giờ tổng số đã là 40...” Lòng tôi như có điện giật. Cả một khung trời kinh khiếp đêm 29 rạng 30 tháng 4 năm cũ lại hiện ra rõ ràng. Cái khe sâu dài dọc theo cầu tàu đen thẫm, lấp lánh những lượn sóng trôi đi, trôi đi. Tiếng kêu thảng thốt của người đàn bà : “con tôi, con tôi rơi rồi. Oái con ơi là con ơi.” Lạ nhỉ. Quả đất tròn thật. Tôi phải tìm gặp cho được người đàn bà ấy.

Bà D. t. L, qua điện thoại kể lể : “...một tay tôi cầm cái túi. Một tay tôi dắt thằng cháu P. bước lên cầu thang dốc ngược của con tàu. Người từ phía dưới cứ nóng lên. Mà là người nhà mình cả chứ đâu. Gót giày tôi như kẹt vào khe cầu thang, chân tôi bỗng nghiêng đi, lao

chao muốn ngã. Thế là tôi buông tay thẳng nhỏ ra. Nó rơi ngay xuống khe tàu, mất tiêu. Tai tôi như chỉ còn thấy tiếng cháu kêu : me. L...Tôi kêu lên, nhưng có ai giúp được gì đâu. Mà có ai thấy gì đâu mà giúp. Tay tôi bỗng trống không. Tôi được người ta kéo lên sàn tàu. Tôi mê đi chẳng còn biết gì nữa sất. Bên tai tôi cứ như loáng thoáng tiếng kêu của nó. Từ đó, nói ông bỏ quá đi cho, tôi cứ ngỡ ngẩn, chả còn thiết gì nữa cả. Tôi nằm như chết ở sàn tàu, chả thiết ăn uống gì. Khi đoàn tàu sửa soạn vào cảng ở Phi Luật Tân, mọi người lên sân chính để chào quốc kỳ lần cuối, trong tai tôi vẫn vang vang lời kêu của cháu : Mẹ L. ơi ... Vì thế, trong giờ phút ấy tôi bỗng oà khóc và kêu lên...”

Vấn lời kể của bà L. : “Lúc ấy cháu T t. P. được 6 tuổi rưỡi. Cháu nhờ trời cũng chịu ăn, chịu chơi nên cũng có da có thịt, chắc nịch. Mỗi khi cháu trái nắng, trở trời cháu cứ hay kêu : Mẹ L. ơi cứu P. Tôi không quên được tiếng kêu ấy của cháu, ông à. Tiếng kêu ấy cứ vang vang ở trong đầu tôi, hình như không lúc nào dứt. Lúc thức, lúc ngủ, lúc tụng kinh, không lúc nào tôi không nghe thấy tiếng kêu ấy của con tôi, nên tôi nghĩ rằng con tôi còn sống. Vì thế suốt mấy chục năm, ngày nào tôi cũng thắp hương cầu Phật Bà Quan Âm cứu khổ cứu nạn phù hộ độ trì cho cháu. Sau này chúng tôi trở lại đạo, tôi hàng ngày lại cầu xin Đức Mẹ Maria che chở cho cháu. Tôi tin tưởng hoàn toàn vào đáng thiêng liêng và tôi vẫn tin rằng cháu còn sống ông à.”

Vấn lời kể của bà L. : “Rồi cách đây ít năm, người VN từ hải ngoại về nước mỗi lúc mỗi đông. Tôi cũng về thăm lại làng xóm, thăm thân nhân. Trong câu chuyện qua lại giữa bà con, có người nhắc rằng : nếu chị tin là cháu còn sống, thì phải có người vớt được cháu. Chị thử đăng báo tìm xem thế nào. Không thiếu những trường hợp thất lạc con cái, rồi người ta cũng tìm lại được đấy. Thế là tôi nhờ đăng tin tìm cháu ở báo Tuổi Trẻ, thì có 6 người cùng tuổi với cháu liên lạc với tôi. Người thì ở ngay trong thành phố Saigon, người thì ở dưới quê. Cũng là người tử tế cả. Có anh nói : thôi con không qua Mỹ đâu. Đã có vợ con và sống ở đây quen rồi, mẹ có thương con thì cho con ít

cây (vàng), con mua mấy mẫu ruộng. Thì nghe thế biết thế, tôi cũng chưa có gì đích xác để quyết định cả. Trong 6 người nhận là con tôi, có một anh cao, giống thằng con tôi hiện ở Mỹ. Anh này hiện học nghề Đông Y, chưa vợ con gì cả. Với tôi anh ấy đối sử lịch sự, bình thường, không vồn vã mà chẳng đề nghị xin số gì. Vì theo bà mẹ nuôi của anh kể lại thì câu chuyện khá dài, nhiều uẩn khúc lắm”.

Vẫn theo lời kể của bà L. :” Bà này giàu có lắm. Trước 75 bà là dược sĩ, có tiệm thuốc tây rất lớn. Bà đã có gần 10 người con do bà đẻ ra. Nhưng trong hoàn cảnh tang thương của thời loạn lạc, có mấy người không nuôi được con, đem cho bà, bà đều nhận hết. Bà săn sóc trên mười đứa con, con đẻ cũng như con nuôi, như nhau. Đứa nào học được bà cho đi học. Nhiều đứa thành tài là kỹ sư, bác sĩ. Có đứa lớn lên xin về nhà bố mẹ đẻ, bà cũng vui lòng, còn cấp vốn liếng cho để làm ăn. Có đứa làm ăn thất bại lại bỏ lên xin ở lại với bà, bà lại nhận nuôi nấng cả gia đình vợ con nó như xưa. Bây giờ trong thời đổi mới, bà đang kinh doanh về ngành du lịch. Bà mua cả một khu rừng xây khách sạn, đắp núi non, vườn cảnh. Trong đó có những nhánh sông, bà cho xây cây cầu qua lại thật là đẹp. Nói ra có lẽ khó ai tin được. Bà ấy nói với tôi rằng thằng Mỹ do một bà bán chè ở bến sông Saigon cho bà ấy. Thằng nhỏ này trôi trên sông Saigon, có một người lái đò vớt được, đưa lên bờ. Thằng bé bơ vơ, rét mướt khóc quá xá, nên cho đứng tạm cạnh bà bán xôi chè, đợi bố mẹ nó tìm đến. Nhưng chả thấy bố mẹ nó đâu, bà hàng xôi tìm đến bà dược sĩ bảo rằng : bà làm phước nuôi dùm thêm đứa nhỏ này. Hỏi bố mẹ con đâu, nó nói trong nước mắt : đi Mỹ rồi. Do đó bà dược sĩ mới đặt tên nó là Mỹ.”

Vẫn lời của bà L. :”Cái anh tên Mỹ này lớn lên trong gia đình bà dược sĩ. Dù không ai nhắc nhở, nhưng anh ta vẫn tin rằng sẽ có lúc anh ta phải qua Mỹ đoàn tụ với cha mẹ ruột. Thời gian vùn vụt trôi, gần ba mươi năm cơ hội chưa đến. Trong khi chờ đợi, anh ta quyết không lập gia đình, sợ lòi thòi khi đi đoàn tụ. Và để có một nghề qua Mỹ không cần học lại, anh ta học nghề đông-y-sĩ. Bà dược sĩ nói với tôi rằng, tuy là con nuôi, nhưng tôi thương thằng Mỹ như

con ruột. Nó muốn gì, tôi không tiếc. Đấy cái cửa hiệu đông y đấy, rất khang trang, đủ mọi thứ thuốc, từ sâm nhung hảo hạng, đến các thứ quế đất tiền, thứ gì tôi cũng đặt mua đầy đủ. Nó vừa sửa soạn là thầy lang vừa làm người bào chế, rất mát tay tuy chưa ra trường nhưng cũng đông khách lắm. Sang Mỹ chưa chắc gì đã có một cơ sở vững vàng như thế. Nhưng nó biết, nó tin là nó không ở đây lâu đâu. Thế nào nó cũng qua Mỹ đoàn tụ với bố mẹ ruột của nó. Nó muốn thế, tôi cũng sẵn sàng giúp nó được toại ý khi cơ hội đến. Nếu nó thực sự là con bà, bà chứng minh được nó là con bà, tôi sẽ cố gắng tìm mọi cách để nó về với bà.”

Vẫn lời của bà L. :” Tôi trở lại Hoa Kỳ, tôi cứ nhớ cái thằng Mỹ này quá. Chắc chắn nó là con tôi. Nhưng bảo rằng chứng minh cụ thể thì tôi chưa có cách. Tôi có đem chuyện này hỏi ông bác sĩ gia đình. Ông bác sĩ nói rằng : Dễ lắm. Nếu nó là con bà, chỉ đem đi thử máu, thử DNA là ra ngay. Thì cái vụ thử nghiệm này thì chắc rồi. Nhưng tôi lại không muốn làm thế. Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng, nhờ tôi thành tâm lễ bái, khẩn cầu, nên đáng thiêng liêng đã đưa đầy cho tôi tìm thấy cháu. Bây giờ lại đem thử nghiệm thì có khác gì không tin vào đáng linh thiêng nữa, nên tôi không làm. Nghe thế, ông bác sĩ ngồi thừ ra hồi lâu rồi hỏi tôi. Nếu nó là con bà, thì nó không giống ông bà cái tai, cũng phải giống cái tóc chứ. Bà nhìn nó bà có thấy nó giống ai trong nhà không, chắc là phải giống ông nó nhà tôi. Khốn nỗi ông nhà tôi sang bên Mỹ được ít năm thì mất. Ông mất cũng là tại tôi một phần. Ông cứ cần nần tôi bao nhiêu năm : sao đang nắm tay nó bà lại buông tay ra. Làm gì cũng phải có ý có tứ chứ. Nắm thật chặt tay thì nó đâu có rơi được. Đành rằng thế, nhưng nào tôi có muốn buông tay ra đâu. Trời xui đất khiến nó hoá như thế, chứ có người mẹ nào lại nở buông con ra cho nó rơi xuống sông hờ ông. Thế là bao nhiêu năm đằng đẵng xót sa, rồi ông ấy mất. Lúc mất hình như ông ấy còn gọi trên nó trong phút lâm chung. Thế là bao nỗi cay đắng đổ cả trên đầu tôi. Thôi thì trăm sự tôi trông vào đáng linh thiêng, Đức Quan Thế Âm khi trước và bây giờ là Đức Mẹ Maria. Đêm nào tôi cũng thắp hương, cầu khẩn.”



Vẫn lời bà L.:"Tôi thần thờ đau khổ, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến nó.Còn thằng em nó hầu như tôi quên bằng để mặc cho ông nhà tôi trông nom. Nhà tôi mất đi, trên bàn thờ bây giờ có hình ông ấy nhà tôi nữa. Hàng ngày khi đọc kinh, nhìn hình ông nhà tôi trên bàn thờ, tôi bảo: Ông có khôn thiêng thì ông mách bảo cho tôi tìm ra thằng P. Một hôm, em thằng P. đi đánh banh về, từ trong nhà tắm đi ra, nó ngồi trước mặt tôi, lấy khăn lông lau đôi bàn chân. Nó lau kỹ lắm, khiến tôi chú ý.Sao mà hai ngón chân cái của nó lại xoè ra như người Giao Chỉ ngày xưa.Tôi hỏi nó sao thế.Nó bảo thì ngón chân con nó thế.Đi giày thì hai ngón chân cái ép lại.Để chân không, nó lại xoè ra.Tôi trở lại VN, trở lại nhà bà được sĩ. Bà vẫn ân cần, niềm nở đón tôi, và vẫn một mực nói : tôi sẽ trả con cho bà, với điều kiện bà phải chứng minh được nó đích thực là con bà.Thì cũng là tình cờ thôi, hôm ấy thầy-lang-Mỹ lội xuống khúc sông trước nhà, bơi, tắm. Tắm xong, lúc ngồi ở nhà ngang anh ta ngồi lau chân, trời ơi, hai ngón chân cái của thằng Mỹ cũng xoè ra như thằng con tôi, em nó ở bên Mỹ. Không sai được nữa rồi.Tôi bỗng bật khóc và kêu lên P. ơi, con ơi.Thầy-lang-Mỹ trở mắt nhìn tôi. Bà được sĩ cũng thảng thốt, đứng lên. Ba chúng tôi ôm choàng lấy nhau, nước mắt chan hoà. Thằng P. ôm tôi và nói: con là P. của mẹ đây, mẹ. L. ơi. Bà được sĩ thì bảo: " Sao trước đây bà không cho tôi biết tên nó trước đây là P." Vẫn lời bà L. :” Bà được sĩ nói rằng : hàng ngày chúng tôi kêu nó là Mỹ.Nhưng những khi đau ốm, mê sảng, nó đều kêu : Mẹ L. ơi cứu P. Nhưng quả đúng 100% nó là con bà. Bà được sĩ lại hỏi tôi, vừa cười vừa nói, trong người

nó có vết tích gì đặc biệt không.Tôi đáp ngay: mông dít nó có một vết chàm.Thế là chúng hai chúng tôi lại ôm lấy nhau lần nữa. Và lần này thì bà được sĩ đành dọt nói : Đúng thằng Mỹ đây, khi bé có tên là P. Nó đích thực là con bà. Tôi dằn dụa nước mắt xà lại ôm lấy P. Hai mẹ con chúng tôi ôm nhau thật chặt. Tôi bầu vào vai nó. Tôi nắm chặt cánh tay nó. Không rời ra được nữa đâu. Và trong lúc xúc động này, tôi lại hốt hoảng kêu lên : “Ồi, con ơi, con ơi...” Tôi buông P. ra, buông con tôi ra, tôi chấp tay, đọc thầm một đoạn kinh tạ ơn Chúa, tạ ơn Trời, Phật. Nước mắt tôi tuôn như mưa. Tôi quỳ xuống, tôi vái tứ phương. Tôi gọi tên nhà tôi. Ông ơi, tôi tìm thấy con rồi... Hai mẹ con tôi quay lại, thấy bà được sĩ đứng nhìn chúng tôi, máu máo với hai hàng lệ chảy. Chúng tôi, mẹ con tôi tiến tới, choàng tay ôm chặt bà vào lòng. Tôi nói : Bà ơi! Bà là ân nhân của chúng tôi, bà mới thật là mẹ nó. Trời, Phật đã dẫn dắt nó là con bà. Con tôi cũng nói: Con xin đa tạ mẹ...Thật, chưa bao giờ tôi vui sướng như thế mà cũng khóc nhiều như thế.Và cũng chưa bao giờ tôi tin tưởng mạnh mẽ như thế vào sự huyền diệu của các đấng thiêng liêng.”Cho đến khi chúng tôi viết những giòng này thì Bà L. đã hoàn tất mọi thủ tục để đưa người con trai tên P. sang Mỹ đoàn tụ với gia đình. Khi mọi việc đã xong, tên tuổi những người liên hệ sẽ được in đầy đủ trong bài viết.

Gần 30 năm đã qua.Một thời gian đủ dài để một thế hệ được sinh ra, lớn lên và trưởng thành.Những con em chúng ta khi ra đi còn bé dại, nay đã không thiếu những người thành tài, có mặt trong hầu hết những sinh hoạt cao cấp nơi quê hương mới, là niềm vui sướng và hạnh diện cho cha mẹ, cho cộng đồng.

Nhân câu chuyện trên, người viết đang thu thập những gương thành công của con em những gia đình ra đi trên Dương Vận Hạm Thị Nại, HQ 502, để viết thêm vào phần cuối cuốn bút ký di tản này, như phần thưởng cho lòng can trường, liều chết ra đi vì Tự Do, vì tương lai của con cái. Rất mong được đón nhận những kết quả đẹp đẽ của những ai cùng đi trên chuyến tàu trên../.

**PHAN LẠC TIẾP**

# VĨNH BIỆT CHỊ TRƯỞNG GIA VY



**NGUYỄN VĂN BÌNH**

Chị Trương Gia Vy, chủ nhiệm của tuần báo Việt Tribune đã qua đời vào ngày 9-4-



2023, hưởng thọ 72 tuổi tại nhà thương Regional Medical Center, San Jose. Chị Vy là người thứ 4 trong số các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali đã qua đời trong những năm qua. Chị ra đi để lại niềm

thương tiếc cho 4 người con, cùng 11 đứa cháu và các thân hữu.

Tôi quen biết chị Vy khi chị gia nhập vào Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali từ ngày thành lập vào tháng 5 năm 2010. Lúc bấy giờ chị là chủ nhiệm tuần báo Việt Tribune và là hiện thân của giáo sư, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, từng dạy môn Triết học tại các trường trung học Gia Long, Pétrus Kỳ v.v..



*Chị Vy tham dự Đại Hội Luật Khoa năm 2019*



*Hợp ca bài Hội Ngộ Mùa Thu Luật Khoa*

Ngay từ năm 2010, khi chị Vy gia nhập Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali chị đã cho chúng tôi biết là chị bị bệnh ung thư máu và thận suy. Nhưng chị vẫn cố gắng sống, giữ tinh thần lạc quan để cùng với chồng, con tạo nên một gia đình hạnh phúc.

Qua những năm sinh hoạt của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali, cùng trong cộng đồng người Việt tại San Jose, tôi phải mến mộ chị Vy là một người có tinh thần xã hội hay cứu giúp các nạn nhân thiên tai, nghèo khổ. Chị có mối tình đẹp với nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, rất mực yêu thương các con, cháu cùng có sức chịu đựng dẻo dai với các căn bệnh ngặt nghèo và có niềm tin tôn giáo mãnh liệt.

Nhiều lần khi nghe có tin nạn lụt tại VN, nạn nhân của vụ khủng bố 11-9-2001 v.v.. chị



Anh Hoàng & Chị Vy trên du thuyền

Vy cùng một số bạn hữu thân thiết đã sốt sắng mở các cuộc quyên góp để cứu giúp họ. Riêng chuyện tình với Giáo sư, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng thì là một mối tình đẹp. Tôi thấy hai anh chị luôn thương yêu, săn sóc



Các chị Vy, Tiến, Liễu

cho nhau tận tình. Trong cuộc đi chơi do Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali tổ chức bằng đi du thuyền HornBlower trên vịnh San Francisco vào năm 2012, anh chị Hoàng & Vy luôn quấn quít, săn sóc nhau như đôi vợ chồng mới cưới. Khi chúng tôi đi thăm anh Hoàng tại tư gia của anh chị tại Milpitas, khi anh đang mang bệnh ung thư xương, anh Hoàng đã nắm tay tôi và nói: “Anh Bình ơi ! Tôi không biết tại sao căn bệnh này làm cho tôi đau quá, tôi không chịu nổi !. Tôi vẫn nghĩ rằng Vy sẽ ra đi trước tôi, nhưng không ngờ tôi phải ra đi trước, tôi thấy thương và tội nghiệp cho Vy quá!”. Sau đó, anh Hoàng đã lấy quyển sách của anh với tựa đề: “NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY” và viết vài chữ với chữ ký tặng như sau: Bản Tặng Liễu & Bình - Nguyễn Xuân Hoàng. Quyển sách mà tôi vẫn lưu giữ đến nay để làm kỷ niệm. Anh Hoàng ra đi vào ngày 13-9-2014 và tang lễ của anh đã được chị Vy tổ chức rất chu đáo.

Chị Vy cũng đã dành tình thương yêu vô bờ cho các con và các cháu của chị. Được biết bao nhiêu tiền dành dụm, tiền 401K của anh Hoàng, chị đều cho các con, cháu và giúp cho các con mua nhà mà chỉ dành lại một ít tiền để tiêu xài.

Chị là một bệnh nhân rất can đảm. Nhờ sự chăm sóc tận tình của bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh mà cuộc sống của chị đã kéo dài thêm nhiều năm. Vợ chồng tôi, các chị Cao Ánh Nguyệt, Nguyễn Ngọc Dung, Dương Thị Tiến, Nguyễn Thanh Hương, Thái Hà, Ngọc Thủy ,

Bs Nguyễn Văn Thịnh đã nhiều lần vào bệnh viện Regional Medical Center để thăm chị. Có thể nói chị Vy ra vào nhà thương thường xuyên, nhưng lúc nào chị vẫn luôn giữ tinh thần lạc quan hầu cố sống với gia đình và các bạn hữu.

Vào đầu năm 2022, chị Vy vì thận suy và bệnh tiểu đường khiến máu không xuống đủ cho hai bàn chân của chị, nên các ngón chân của chị bị hoại tử. Bác sĩ của nhà thương khởi đầu chỉ cắt đi vài ngón, rồi lần lượt cả mười ngón, xong cuối cùng là cả phân nửa hai bàn chân của chị. Vợ chồng tôi vào Nursing Home tên Springs Canyon trên đường Jackson Ave, San Jose mà thấy đau xót cho chị, nhất



*Chị Vy sau khi chịu Lễ Rửa Tội*



*Chị Vy rước mình thánh Chúa*

là khi thấy thân xác của chị rất tiều tụy và chị rên la vì đau đớn. Vợ chồng tôi khi vào thăm chị Vy vẫn thường mua thức ăn, tặng cho chị ảnh Đức Mẹ, nước phép Lộ Đức, và khuyên chị hãy thử cầu nguyện Chúa và Mẹ Maria ban ơn chữa lành cho chị. Bỗng một hôm, khi chúng

tôi vào thăm chị, thì chị Vy bảo Liễu, vợ tôi:

*“ Bà làm ơn giúp cho tôi được vào đạo Công Giáo đi. Trước đây, tôi đã học trường đạo, nên tôi cũng biết sơ qua về đạo Công Giáo và tôi cũng đọc thuộc các kinh Lạy Cha và Kính Mừng nữa. Khi vào đạo, bà làm ơn làm Mẹ đỡ đầu cho tôi.”*

Liễu ngại ngùng từ chối vì nghĩ mình không đủ sự đạo hạnh để làm mẹ đỡ đầu, nên nói đùa rằng: *“ đầu của bà nặng lắm, tôi không đỡ nổi đâu, nhưng hứa sẽ tìm giúp mẹ đỡ đầu cho bà.”*

Đứng cạnh đấy, tôi liền hỏi chị Vy: *“ Khi vào đạo Công Giáo, ngoài việc có Mẹ đỡ đầu, chị phải chọn tên thánh cho mình. Thế chị Vy thích lấy tên thánh nào?”*

Chị Vy cho tôi biết chị thích tên thánh Têrêsa. Tôi vui mừng, vì tên thánh chị Vy chọn trùng hợp với tên thánh của chị Dương Thị Tiến. Tôi hỏi chị: vậy chị đồng ý chọn chị Tiến là mẹ đỡ đầu cho chị nha? .Chị Vy vui mừng trả lời đồng ý.

Lễ Rửa Tội, Thêm Sức và Rước Mình Thánh Chúa cho chị Vy đã được LM Lê Trung Tướng, chánh xứ của nhà thờ Maria Goretti tổ chức tại đền thánh Các Thánh Tử Đạo trên đường Singleton Rd, San Jose vào ngày 29-5-2022. Từ ngày đó, chị Vy đã được chị Dương Thị Tiến, ngoài tình bạn, còn là mẹ đỡ đầu đã thường xuyên vào Nursing Home để chăm sóc, nấu thức ăn và còn đút cơm cho chị Vy ăn trong suốt gần 1 năm trời.

Chị Vy đã qua đời trong nhà thương Regional Medical Center vào ngày 9-4-2023. Lễ tưởng niệm của chị được diễn ra một cách đơn sơ tại nhà quán Oak Hill, San Jose do các con và thân hữu của chi tổ chức có sự tham dự của các con cháu, các bạn hữu và các đồng nghiệp.

Xin vĩnh biệt cho Trương Gia Vy. Các thành viên trong Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali luôn thương nhớ chị.

Thay mặt cho Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali, chúng tôi nguyện xin Thiên Chúa và qua lời cầu bầu của Mẹ Maria xin cho linh hồn chị Têrêsa Trương Gia Vy được về hưởng Nhan Thánh Chúa./

**NGUYỄN VĂN BÌNH**



# CÁNH HẠC TRỜI KHÔNG



**NGỌC THỦY**

Buổi sáng hôm ấy, tôi thức dậy sớm hơn mọi ngày nên mở cửa ra vườn sau để ngắm bãi cỏ xanh vừa mới cắt và mấy cây ăn trái trồng bên hàng rào. Kia là cây táo tàu đang trĩu quả trên nóc nhà kho, rồi cây sung xanh um tàn lá với những quả đã ửng màu nâu chín, còn cây cam thì xum xuê dày đặc lá xanh tươi nổi bật



những trái cam vàng rực đẹp như tranh vẽ với hình dáng và màu sắc tươi thắm làm sao.! Kế đó là cây bưởi ở góc sân cũng ra nhiều trái tròn trịa ửng vàng. Lại thêm tiếng chim hót líu lo trên cành cho tôi cảm giác vui vẻ nhẹ nhàng, mang theo tâm trạng tươi tỉnh phơi phới đó.

Tôi bước vào nhà vì nghe tiếng chuông điện thoại reo vang, bắc phò lên giọng tôi vui vẻ: “Chào bà Liễu, buổi sáng này có gì vui?” Bên kia đầu dây tiếng nói người bạn gái trầm trầm: “Tôi gọi sớm để báo cho bà biết ông Nguyễn Trung mất hồi khuya đêm qua rồi.” Tôi kêu lên hoảng hốt “Trời ơi, anh Nguyễn Trung



*Tại Arizona*

sao đi lẹ vậy, tụi mình mới đi thăm đây mà..!”

Tôi sửng sốt vì cách đây 3 tháng tôi cùng với anh chị Nguyễn Vạn Bình & Mã Phương Liễu và Nguyễn Xuân Nam đến thăm anh Nguyễn Trung ở nhà Tổ Quyên, con gái lớn của anh.. Khi cháu ra mở cửa chúng tôi vào phòng khách ngồi đợi thì ít phút sau anh đẩy walker ra tươi cười tiếp đón chúng tôi, thấy

anh vẫn còn minh mẫn nói năng từ tốn. Dù bị đau cột xương sống đã gần 3 năm nay, mới đầu thì ít gặp anh trong những buổi tiệc tùng sinh hoạt vì đi đứng khó khăn, có khi phải chống gậy.

Tuy ít gặp nhưng tôi vẫn thường hỏi thăm về sức khỏe của anh và vẫn luôn cầu nguyện cho anh sớm bình phục. Vì trước nạn Covid, chúng tôi 1 nhóm 5,6 người vẫn đi chung với nhau thăm 1 số thắng cảnh ở San Jose và các vùng phụ cận. Xa hơn nữa là đi chơi với nhau nhiều ngày ở Oregon, Seattle, Vancouver hoặc Arizona vv.. Cùng với anh chị Nguyễn Vạn Bình & Mã Phương Liễu và vợ chồng anh Nguyễn



Thăm Đức Mẹ Sầu Bi tại Portland, Oregon

Trung, lúc đó anh còn có đôi có cặp, rất vui vẻ và thắm thiết .

Tôi quý mến anh bởi phong cách nhã nhặn từ tốn, biểu hiện của 1 người tử tế trí thức. Anh từng là giáo sư trung học trước 1975 ở Huế và khi sang Hoa Kỳ anh từng là chủ nhiệm tuần báo Chánh Đạo. Anh dành nhiều tâm huyết để nghiên cứu và sinh hoạt về Phật giáo , cho đến tận cuối đời anh vẫn luôn giữ được tính chất của 1 nhà mô phạm, 1 phật tử thuần thành luôn tâm niệm với những giáo điều tốt đẹp của Phật pháp.

Nhóm chúng tôi cũng thường đi thăm cảnh chùa ở San Jose, có khi đến tận Fresno. Những dịp như vậy, anh Nguyễn Trung tỏ ra rất am tường và được các sư thầy trụ trì tiếp đón niềm nở. Quý mến anh qua những lần tiếp xúc , tuy lúc nà anh cũng chùng mịch ít nói và qua nhân cách điềm đạm, tử tế của anh nên bảo sao tôi không khỏi sửng sốt và bùi ngùi khi nghe tin anh mới qua đời 0 giờ 20 phút sáng ngày 6 tháng 9 năm 2023.

Tôi cảm thấy lòng mình chùng xuống thật mau, mới trước đó vài phút, tôi thấy lòng mình vui khi ngắm nhìn cảnh đẹp của thiên nhiên, cây cỏ đang tràn đầy sức sống, tai nghe chim hót líu lo. Bỗng chốc nghe tin buồn 1 người bạn, người anh vừa ra đi. Lòng chợt thấy cuộc đời sao thoáng chốc ! .Cuộc đời sắc sắc không không. Mới vui đó đã thấy buồn ngay phải chăng đó cũng là lẽ vô thường của cuộc sống. Thấy đó rồi mất đó Tôi chợt nghĩ đến phận người, đến nỗi đau buồn mà anh



Thăm vườn hoa tại Canada



Nguyễn Trung lặng lẽ mang theo về bên kia thế giới.

Cũng bất chợt tôi nhớ đến bài thơ Lá Rơi của Tu sĩ & Thi

sĩ Minh Đức Triều Tâm:

*Buông mình theo chiếc lá rơi.*

*Phiền lao trăm nỗi, thả trôi nước dòng*

*Qua bờ với chiếc đờ không*

*Như con hạc trắng chơi rong kiếp người*

Tôi nghĩ, trong bao năm qua anh Nguyễn Trung đã sống hết lòng với lý tưởng, nghề nghiệp, gia đình. Xin tiễn anh về cõi Vĩnh Hằng và nguyện cầu cho anh sớm siêu thoát .

Từ đây những khổ sầu buồn đau trong cuộc sống không còn ràng buộc anh nữa. Hãy bay cao về Trời, là 1 “Cánh Hạc Trời Không “ Như tu sĩ và thi sĩ Tuệ Minh đã viết:

*Đêm buông xuống bên sông cánh hạc*

*Gió giao mùa tương tác hồn thiêng*

*Khoan thai chân bước khách thiền*

*Thong dong nhẹ gót về miền Tịnh*

*quang*

Mong thầy Ngô Văn Bằng, tức nhà báo Nguyễn Trung sớm được ánh sáng từ quang của chư Phật tiếp dẫn, độ trì .

A Di Đà Phật./.

**NGỌC THỦY**

# VĨNH BIỆT

## ANH NGÔ VĂN BẰNG



**NGUYỄN VĂN BÌNH**

Được tin anh Ngô Văn Bằng tức nhà báo Nguyễn Trung qua đời vào 0 giờ 20 phút sáng ngày thứ tư 6-9-2023, thọ được 83 tuổi trong Nursing Home ở San Jose, Cali qua sự thông báo của con gái của anh là cháu Ngô Tố Quyên đã làm vợ chồng tôi thật bàng hoàng, Sự ra đi của anh thật quá nhanh không như thời gian dự đoán của chúng tôi.



Cách đây hơn 6 tháng, chúng tôi gồm có anh chị Nguyễn Trung, Nguyễn Xuân Nam và vợ chồng tôi đã cùng dùng cơm trưa tại nhà hàng Huế trong khu thương xá Paloma, San Jose. Lúc bấy giờ anh Nguyễn Trung chỉ đi đứng khó khăn vì bị cột xương sống đè lên dây thần kinh khiến đôi chân anh bị đau và khó đi đứng, nên anh phải dùng gậy để đi, nhưng anh vẫn ăn khỏe và đầu óc còn rất minh mẫn.

Tôi quen biết anh Nguyễn Trung vì là đồng nghiệp làm báo. Tôi là chủ nhiệm báo Ý Dân, còn anh Nguyễn Trung là chủ nhiệm báo Chánh Đạo từ thập niên 1990. Sau này, anh chị Nguyễn Trung đã cùng gia nhập vào Gia Đình

Luật Khoa Bắc Cali, vì vợ của anh là cựu sinh viên Luật Sài Gòn cùng nhiều anh chị em cựu sinh viên Luật và các vị phối ngẫu hoạt động từ năm 2010 cho đến nay.

Tôi được biết anh Ngô Văn Bằng sinh ngày 5-2-1941 tại Thừa Thiên, Huế. Anh tốt nghiệp đại học sư phạm tại Huế và sau đó, anh dạy môn Việt Văn tại các trường trung học. Anh được giáo sư đại học sư phạm Lê Tuyên mời làm phụ khảo cho đại học sư phạm tại Huế. Sau biến cố 30-4-1975, anh vẫn tiếp tục dạy học tại Sài Gòn.



*Gs Lê Tuyên và phụ khảo Ngô Văn Bằng*

Anh Nguyễn Trung vốn là một thành viên hoạt động hăng say trong giáo hội Phật Giáo tại Huế trước năm 1975 và sau khi ra hải ngoại anh cũng là một thành viên nòng cốt trong giáo hội Phật Giáo hải ngoại.

Trong thời gian hoạt động trong Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali, anh là người ít nói, thỉnh thoảng mới đưa ra những lời nhận xét góp ý kiến cho tổ chức. Vợ chồng anh đã đi du lịch với chúng tôi tại Thái Lan, Canada, Oregon, Washington, Arizona, Colorado, Nam Cali. và Las Vegas trong bầu không khí vui vẻ. Anh Nguyễn Trung thích nghiên cứu về Phật pháp, văn hóa cùng tình hình chính trị của VN và thế giới. Giải trí của anh là nhẩy đầm, đi các



*Chuyến du lịch Thái Lan năm 2000*  
casino qua việc kéo máy (slots mahine) bằng số tiền nho nhỏ cho vui.



phải gởi anh Nguyễn Trung vào Nursing Home. Chỉ trong vòng hai tháng sau, sức khỏe của anh Nguyễn Trung đã sa sút thật nhanh. Chúng tôi có ý muốn đi thăm anh tại Nursing Home, nhưng cháu Quyên nói là anh không còn nhận diện ra ai, kém ăn và mất ngủ

nên sức khỏe rất tệ. Anh ra đi vào sáng sớm ngày 6-9-2023 để lại nhiều tiếc thương cho các con, các cháu và các thân hữu của anh.



*Con trai và hai cháu ngoại của anh Bằng*

Vào tháng 6/2023 vợ chồng tôi cùng Ngọc Thủy, các anh Nguyễn Mùi và Nguyễn Xuân Nam đã đến thăm anh tại nhà của cháu Ngô Tố Quyên, con gái của anh. Trong cuộc nói chuyện, anh Trung tỏ vẻ không vui, vì sức khỏe không tốt, đi đứng phải dùng Walker và sau khi không còn sống chung với vợ từ tháng 4/2023 sau 46 năm chung sống. Chúng tôi rất tiếc và buồn cho đời sống hôn nhân của anh. Nhưng có điều là các bạn bè của anh Trung đều nhận thấy rằng anh rất thương yêu gia đình của anh, trong đó có hai con là cháu Ngô Tố Quyên, Ngô Anh Quân và các đứa cháu ngoại của anh.

Sau khi không còn sống chung với vợ, anh sang sống với cháu Ngô Tố Quyên một thời gian. Nhưng vì tình trạng gia đình, cháu Quyên phải đi làm hai jobs, có con nhỏ và phải chăm sóc gia đình của cháu, nên cháu đã



*Anh Bằng tham dự nhạc cảnh của GDLKBC*

Nhân dịp này, chúng tôi xin kèm theo sau đây là những lời tâm sự của cháu Ngô Tố Quyên về sự ra đi của cha mình được trích trong facebook như sau:



Anh Nguyễn Trung và con gái Ngô Tố Quyên

*This is the last photo of us together. It was taken during a turbulent period for our family, which is clearly reflected on*

*his face.*

*Back when I was a kid, he introduced me to something pretty cool called brahmavihāras (Vietnamese: Từ Bi Hỷ Xả) from Buddhism. Basically, they're four virtues and practices meant to nurture them. What really struck me was that, right up until the end, my dad lived by these values. He felt sadness about things, but he never held grudges against those who wronged him.*

*He also taught me that "death is liberation, and this is just a temporary realm," so throughout my life, I have never been afraid of death. But what I fear is loneliness, the feeling of having no one to confide in and tell me, "You are going to be alright."*

*While my dad didn't stay with me during his final weeks, I never experienced that overwhelming sense of emptiness. Each day had a clear purpose: driving to the nursing home to be with him, whether he recognized me or had an appetite. He was still there, and that was what truly counted. These days, it's challenging to start the day without the chance to see him or hear him reassuringly say, "You're going to be alright."*

Con thương nhớ Ba nhiều lắm.

### **Cháu Quyên dịch như sau:**

Đây là bức ảnh cuối cùng chúng tôi chụp cùng nhau. Nó được chụp trong giai đoạn bão táp ập đến với gia đình, và điều này được thể

hiện rõ ràng trên khuôn mặt u sầu của ba tôi.

Hồi tôi còn bé, ông đã giới thiệu cho tôi một triết lý rất hay là Từ Bi Hỷ Xả của Phật giáo. Về cơ bản, đó là bốn đức tính và sự thực hành nhằm phát huy chúng. Điều thực sự làm tôi ấn tượng là cho đến phút cuối cùng, ba tôi vẫn sống theo những điều giáo huấn này. Ba buồn về nhiều điều, nhưng Ba tôi không bao giờ oán hận những người đã làm lỗi với ông.

Ba tôi còn dạy tôi rằng "chết là giải thoát, đây chỉ là cảnh giới tạm bợ", nên suốt đời tôi chưa bao giờ sợ chết. Nhưng điều tôi sợ nhất là sự cô đơn, là cảm giác không có ai để tâm sự và nói với mình rằng "mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi".

Mặc dù ba tôi không ở bên tôi những tuần cuối đời nhưng lúc ấy trong lòng tôi không phải trải qua một cảm giác trống rỗng tột độ như bây giờ. Bởi vì khi ấy, mỗi ngày tôi đều có một mục đích rõ ràng, đó là lái xe đến viện dưỡng lão để thăm Ba, dù ông có nhận ra tôi hay có ăn uống gì được không thì ba tôi vẫn còn đó. Những ngày này là một sự thử thách lớn đối với tôi, khi mà tôi nhận ra rằng từ nay sẽ không còn có cơ hội được gặp lại ba hoặc nghe ba tôi trấn an rằng: "Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi".

Con thương nhớ Ba nhiều lắm.



*Các thành viên của GĐLKBC dự tang lễ của anh Nguyễn Trung ngày 26-9-2023*

Trước sự ra đi của anh, thay mặt cho các thành viên trong Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali nguyên xin Đức Phật nhân từ cho hương linh của anh Ngô Văn Bằng được về Cõi Vĩnh Hằng./.

**NGUYỄN VĂN BÌNH**

## CẢM NGHĨ

của Ls Võ Duy Thương:



Chào anh Bình,

Tôi có đọc qua bài viết “VĨNH BIỆT ANH NGÔ VĂN BẰNG” của anh. Nội dung bài viết rất súc tích về các sinh hoạt của anh Nguyễn Trung khi còn sinh thời, trước và sau biến cố mất nước năm 1975 khi lưu lạc sống nơi đất tạm dung tại Hoa Kỳ. Lời văn viết rất chân tình nhưng quá tả chân về hoàn cảnh khó khăn, thăm nào của Nguyễn Trung khiến người đọc thật đau lòng cho đoạn cuối cuộc đời của phật tử Nguyễn Trung.

Tôi cũng rất xúc cảm khi đọc lời tâm tình của cháu Tố Quyên viết về những lời giáo huấn, khuyên bảo của cha mình về niềm tin và quan niệm sống theo lời giảng dạy trong Phật pháp.

Riêng cá nhân tôi có vài cảm nghĩ khi tưởng nhớ đến anh Nguyễn Trung nên nêu cao sự thấm nhuần giáo lý nhà Phật mà anh đã tu học và thực hành từ thuở trung niên tại Việt Nam và tiếp tục trong suốt cuộc đời tị nạn của anh sau này. Anh vốn là thành viên nòng cốt trong các hoạt động của giáo hội Phật giáo khi còn trong nước và tiếp tục hoạt động cho giáo hội Phật giáo tại hải ngoại. Do đó, là một phật tử trí thức, tất nhiên anh Nguyễn Trung đã nhận thức và thực hành một cách thuần thành trong cuộc sống tại thế gian vốn là vô thường, mọi vật đều vô ngã, tạm bợ, không có cái gì là thực sự của riêng mình và trường tồn mãi mãi. Thế nên, khi đối diện với những bất trắc của cuộc sống của chính mình, trong gia đình, hoặc ngoài xã hội, là người phật tử thấm nhuần giáo lý nhà Phật, anh Nguyễn Trung chắc chắn vượt qua được và an nhiên tự tại khi già từ trần thế..!

## GIỖ THÂN PHỤ (3)



Mượn thơ con viết nhớ về Ba  
Giọt lệ trong tim mãi nhạt nhòa  
Dấu biết thời gian mòn mỗi cạn  
Tình Cha nghĩa nặng mãi chia xa

Mưa chiều tháng Hạ khóc thương ai ?  
Gọi nhớ niềm đau tiếng thở dài  
Tiễn biệt Ba đi lòng héo úa  
Khôn quên kỷ niệm phút chia tay

Âm dương cách biệt đã lâu rồi  
Giọt lệ thương thâm bỗng lại rơi  
Mượn bút đề thơ hồi tưởng lại  
Thời gian như mãi chẳng ngừng trôi

Đất khách bao năm vẫn ngỡ ngang  
Mây sầu giăng kín phủ màu tang  
Ba đi lặng lẽ chiều Thu vắng  
Nỗi nhớ khôn nguôi ...cảnh lỡ làng

Hôm nay ngày giỗ con ra thơ  
Ngày tháng qua mau chẳng đợi chờ  
Hai mấy năm rồi xa cách biệt  
Văn thơ tiễn biệt khó phai mờ

**Nguyễn Văn Thắng**

# NHỮNG NĂM THÁNG CÒN LẠI TRONG CUỘC ĐỜI.



**ĐỖ HỮU PHƯƠNG**

Từ khi người Việt tị nạn trên thế giới vào năm 1975 đến nay thì thế hệ Cha Mẹ chúng ta, bậc Anh Chị chúng ta đang vui hưởng tuổi già và bây giờ đến lứa tuổi mà người ta gọi là baby boomer cũng đã và đang bắt đầu về hưu.

Đời người thật ngắn ngủi. Nhớ lại vào lứa tuổi đôi mươi, chúng ta lang thang trong khung viên trường đại học, vui cười vô tư và bây giờ đã hơn 40 năm trôi qua. Đời người thoáng chốc đã già. Hơn bốn mươi năm trôi qua, chúng ta đã trải qua một đoạn đời trai trẻ trong một đất nước chiến tranh. Dầu trực tiếp cầm súng chiến đấu tại mặt trận, hay gián tiếp chống lại kẻ thù chung, chúng ta đã trải qua những năm tháng sống nay, chết mai và cuộc sống không có tương lai. Và rồi, những năm bị đầy đọa cực kỳ gian khổ trong các trại tù hay những ngày lo sợ vì đói khát, chết chóc trong khi tìm cách vượt biên tìm tự do. Đến được đất nước thanh bình với một thân thể đã yếu, tinh thần còn vương vấn những khổ đau trong quá khứ, và rồi phải tiếp tục đi “cày” để lo cho cuộc sống mới trên xứ lạ quê người...

Bây giờ, những năm còn lại trong cuộc đời của một người, chúng ta cần sống thanh thản, sống thoải mái, sống hạnh phúc. Vì qua một ngày, chúng ta đã mất một ngày. Vì vậy,

một ngày đến, chúng ta vui một ngày. Vui một ngày...rồi không biết được bao nhiêu ngày nữa. Hạnh phúc là do chính mình tạo ra, vui sướng cũng do chính mình tìm lấy vì những niềm vui ấy đã ẩn chứa trong những sự việc nhỏ nhặt xảy ra trong đời sống. Hạnh phúc là những gì hiện đang ở chung quanh chúng ta, trong tầm tay chúng ta. Nhà nho Nguyễn Công Trứ quan niệm “ Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc. Tri nhàn, tiện nhàn, đãi nhàn, hà thời nhàn”.

Tiền rất quan trọng trong đời sống của con người, nhưng tiền không phải là tất cả. Đừng quá coi trọng đồng tiền, và cũng đừng lệ thuộc vào đồng tiền, mặc dù biết rằng nếu không có tiền thì làm sao chúng ta sống, làm sao để được thoải mái. Ta vẫn biết khi ta ra đời ta đâu có mang nó đến, và khi ra đi chúng ta cũng không mang nó theo. Đồng tiền có thể mua một lâu đài to lớn, nhưng đồng tiền không mua được mái ấm gia đình. Đồng tiền giúp chúng ta mua được nhiều thứ tiện nghi trong cuộc sống, nhưng đồng tiền không mua được sức khỏe cũng như hạnh phúc trong đời sống. Quảng đời còn lại thì quá ngắn ngủi, ta phải sống những ngày tháng cho đáng sống, ta phải làm cho cuộc đời thêm phong phú. Chúng ta phải thay đổi cuộc sống khổ hạnh thời xa xưa, đừng nghĩ đến những năm tháng đói, lao động khổ cực trong các trại tù miền Bắc, hay những ngày tháng đói, khát trên biển cả trong khi đi tìm tự do. Những gì cần ăn thì cứ ăn, cần mặc thì cứ mua sắm, muốn đi du lịch thì cứ đi. Tập cho mình có nhiều đam mê, tự tìm niềm vui cho chính mình. Vào trong internet để gửi thư cho bạn bè, để chia sẻ một tin hay, một chuyện vui, một bản nhạc, đọc những bài viết có giá trị, hay “chat” với người mình quen biết. Chúng ta cần trao dồi bộ óc để trí nhớ vẫn còn sáng suốt. Nếu có người bạn cần giúp, ta cứ mở lòng nhân ái, tốt bụng với mọi người. Rảnh rỗi đi làm những việc từ thiện ngoài xã hội, giúp một tay tại những nơi tôn kính như nhà Chùa, nhà Thờ,... lấy việc giúp



người làm niềm vui, đó là những thú vui trong tuổi già.

Hơn nửa đời, chúng ta dành khá nhiều thời gian cho sự nghiệp, cho gia đình, cho con cái, bây giờ thời gian còn lại chẳng bao nhiêu nên dành cho chính mình, quan tâm đến bản thân, sống thế nào cho thanh thản, vui vẻ. Việc gì muốn thì làm, ai nói sao thì mặc kệ vì mình đâu phải sống để người khác thích hay không thích, nên sống thật với mình. Sống phải năng hoạt động nhưng đừng quá mức, ăn uống quá kiêng cử thì không đủ chất bổ dưỡng, quá nhàn rỗi thì buồn tẻ, quá ồn ào thì khó chịu...

Cuộc sống tuổi già thật đa nguyên, đa dạng, nhiều màu sắc nên ta cần có nhiều bạn bè, nhiều nhóm bạn bè hoặc tham dự vào những sinh hoạt trong các Hội đoàn ái hữu lành mạnh. Gặp bạn, nói ra những điều phiền muộn cho nhau nghe. Hãy tìm cách gặp gỡ bạn bè và người thân vì không còn nhiều thời gian nữa. Một người lớn tuổi, sống cô đơn, biệt lập, không đi ra ngoài, không giao thiệp với bạn hữu, thế nào cũng đi đến chỗ tự than thân trách phận, bất an, lo âu, ủ dột và tuyệt vọng. Từ đó bắt nguồn của bao nhiêu căn bệnh. Đừng bao giờ nói, hay nghĩ là: “Tôi già rồi, tôi không giúp ích được cho ai nữa”. Đừng nói những lời hay những tư tưởng có ý tuyệt vọng. Người già chỉ sáng khoái khi được có bạn tâm giao, đó

là một liều thuốc bổ mà không Bác sĩ nào có thể biên toa cho ta mua được.

Ở tuổi hiện tại, chúng ta đừng nghĩ đến đồng tiền, đừng nghĩ đến giàu hay nghèo nữa và cũng đừng than trách hay hối hận vì những lầm lỗi trong quá khứ và cũng đừng tự hỏi là tại sao bây giờ ta không có nhiều tiền. Đừng nói ta không có tiền. Có những thứ hiện đang chung quanh ta rất quý

giá mà có nhiều tiền cũng không mua được, đó là người phối ngẫu của chúng ta. Nếu có chút ít đồng tiền thì cứ tiêu xài những gì ta cần vì sẽ có lúc chúng ta để lại cho người khác xài. Nếu hôm nay ta còn khỏe mạnh, còn ăn được những món ăn ta thích và ăn biết ngon là ta đã có một khối tài sản to lớn trong tuổi già. Rồi ta tìm đến những người bạn cùng nhau uống tách trà nóng, ly cà phê buổi sáng, kể chuyện năm xưa hay trao đổi những kinh nghiệm trong cuộc sống hiện tại. Cuối tuần, hẹn nhau với người bạn đi câu cá, hưởng không khí trong lành của thiên nhiên và cũng để cho tâm tư lắng đọng, tinh thần thanh thản. Đó là những niềm vui trong cuộc sống của tuổi già. Tứ khoái của tuổi già là: Ăn, ngủ, thể dục và du lịch. Ăn được ngủ được là Tiên. Ăn và ngủ đi đôi với nhau. Người lớn tuổi có nhiều thì giờ nghỉ ngơi, cần có chế độ ăn uống bổ dưỡng, cung cấp đủ calories cho cơ thể. Sự luyện tập thể dục là thời nam châm của cuộc sống và là kim chỉ nam của tuổi thọ. Đi du lịch để cho cuộc đời thoải mái, trí óc thanh thản và vui sống.

Khi về già, chúng ta thường hay sống về quá khứ, hay nhớ lại chuyện xưa. Sự nghiệp, vinh quang xưa kia đã trở thành mây khói, xa vời. Hẹn nhau trong những buổi họp mặt để ta có nhiều người bạn tâm tình, kể lại những kỷ niệm đẹp trong quá khứ... vui cười thích thú. Vợ chồng sống hạnh phúc bên nhau, luôn luôn



yêu thương người bạn đời, gắn bó với nửa kia của mình, là điều mà chúng ta mong ước. Đưa các cháu đi học, đi ăn, chơi đùa với các cháu... là thú vui của tuổi già. Ta phải làm thế nào tuổi già mà tâm không già, thể là già mà không già. Nụ cười là liều thuốc bổ quý nhất. Chúng ta cần tránh đi những sự cãi vã, tranh dành hơn thua từng lời nói hoặc những tranh chấp vô ích với bất cứ ai. Chính những lúc cãi vã, giận dữ đó đã đánh mất đi những niềm vui trong cuộc sống, không thích hợp trong tuổi chúng ta, nhất là những người đang đau yếu. Chúng ta phải đối diện với bệnh tật một cách lạc quan, tự tin, đừng quá lo âu. Khi đã làm hết khả năng theo tầm tay, sẽ có thể ra đi mà không hối tiếc. Hãy để Bác Sĩ chăm sóc, luôn luôn giữ bình an trong tâm hồn.

Chúng ta có thể nói là mình có hạnh phúc thật sự khi có sức khỏe tốt, chịu đi tập thể dục, có cơ hội du lịch thường xuyên, ngủ ngon, ăn uống ít kiêng cử khi vào tuổi hoàng hôn. Thiên đàng không phải đi tìm đâu cho xa mà thiên đàng do ta dựng lên và chui vào đó mà hưởng hạnh phúc. Sự sung sướng và hạnh phúc trong cuộc đời tùy thuộc vào sự thưởng thức nó ra sao. Người hiểu đời rất quý trọng và biết thưởng thức những gì mình đã có, và không ngừng phát hiện thêm ý nghĩa của nó làm cho cuộc sống vui hơn, giàu ý nghĩa hơn.

Hoàn toàn khỏe mạnh, đó là thân thể khỏe mạnh, tâm lý khỏe mạnh và đạo đức khỏe mạnh... Tâm lý khỏe mạnh là biết chịu đựng, biết tự chủ, biết giao tiếp; Đạo đức khỏe mạnh là có tình yêu thương, sẵn lòng giúp người, có lòng khoan dung. Người thích làm điều thiện sẽ sống lâu. Con người là con người xã hội, không thể sống biệt lập, bưng tai, bịt mắt, nên chủ động tham gia hoạt động công ích, hoàn thiện bản thân trong xã hội, thể hiện giá trị của mình đó là cách sống lành mạnh.

Sinh, Lão, Bệnh, Tử là qui luật ở đời, không ai chống lại được. Khi thân chết gọi thì thanh thần mà đi. Cốt sao sống ngay thẳng không hổ thẹn với lương tâm và cuối cùng cuộc đi của một người cũng chỉ là con số không to lớn./.

**ĐỖ HỮU PHƯƠNG**

## **GIỖ THÂN PHỤ**

*Thương về Thân Phụ Nguyễn Vạn An  
tạ thế ngày 16/9/1997)*



Ba đi tiếc nhớ mãi khôn nguôi  
Tháng chín năm xưa tiễn một người  
Héo hắt lòng đau bao kỷ niệm  
Thời gian sao mãi chẳng ngừng trôi?

Lá úa trên cây đổi sắc màu  
Chia tay cách biệt quận lòng đau  
Bầu trời ảm đạm như thương xót  
Một kẻ ra đi trả nợ đời

Mây xám trời Thu, lá đổi vàng  
Năm dài mòn mỏi với thời gian  
Mồ Ba yên nghỉ trong lòng đất  
Rêu phủ thêm buồn với tháng năm

Mỗi lần Thu đến lá vàng rơi  
Hình ảnh năm xưa lại đến rồi  
Ghi dấu trong tim hoài kỷ niệm  
Thương thầm giọt lệ có nào người

Bao năm đất khách, chốn quê người  
Chia cách khôn cầm lệ lại rơi  
Phụ tử tình thâm còn nhớ mãi  
Tình Cha nghĩa nặng có nào vơi

Thu lại về đây có khác nào ?  
Thương về kỷ niệm với buồn đau  
Ba đi lặng lẽ mùa Thu ấy  
Kẻ ở người đi giọt lệ sầu

**NGUYỄN VĂN THẮNG**

# MỘT GÓC

## ĐỜI TỰ NẠN



**HÀO NHIÊN NGUYỄN TẤN ÍCH**

Vợ chồng tôi và bốn đứa con qua Mỹ theo Chương trình Tái Định Cư Cựu Tù Cải Tạo đợt HO8. Vì là diện “đầu trục”, không có bạn bè thân nhân bảo lãnh, nên được phân bổ đến tiểu bang còn thưa dân của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ: Arizona. Hội thiện nguyện đón gia đình tôi tại phi trường Phoenix và đưa đến ở trong căn apartment hai phòng, cách thủ phủ của tiểu bang ba mươi phút lái xe.

Nhờ theo mấy khóa luyện Anh ngữ trước khi ra đi, nên con tôi đứa nào cũng bập bẹ được tiếng Mỹ. Chỉ qua vài ngày “nhập gia” là chúng nó kết bạn với một nhóm Mỹ con cùng dãy chung cư. Mấy hôm sau, cả đám tự động mang đến nhà tặng chiếc TV màu 9 inches còn xài tốt. Con tôi mừng như được trúng số.

Ngày còn ở Việt Nam, cha mẹ không sắm nổi truyền hình dù là loại rẻ tiền đen trắng, nên hàng đêm chúng phải qua nhà láng giềng xem ké. Phiên một nổi là ông cán bộ cần nhân mang bụi đất vào làm dờ cái nền nhà trảng cement mà ông lau chùi hàng ngày lên nước l láng bóng. Hai đứa con nhỏ của ông đưa từ Hà Nội về cứ để lưng trần nằm lăn trên nền mà ngủ. Sau này, để tránh cái đám trẻ con hàng xóm làm dờ nhà, mỗi lần mở truyền hình là ông đóng chặt cửa lại.

Mục sư Hồ là người Việt duy nhất đến thăm chúng tôi nhiều lần. Một hôm, ông ngỡ ý

chờ cả nhà đi xem thủ phủ của Tiểu bang và đến vườn hái nho.

Nghe được hái nho là lũ con tôi mắt sáng lên. Chúng vội vã vọt lên xe chẳng cần đợi mời lần thứ hai.

Sáu mạng người ngồi trong thùng phía sau xe truck có mùi. Trên đường đi, gió nóng quạt vào mặt như đến gần ngọn núi lửa khiến tôi nhớ đến truyện Tây Du Ký, đoạn thầy trò Tam Tạng sắp phải băng qua ngọn hỏa diệm sơn, Tề Thiên Đại Thánh phải mượn quạt ba tiêu của Thiết Phiến công chúa quạt cho tắt lửa để Đường Tăng tiếp tục trên con đường thỉnh kinh.

Mục sư Hồ không có quạt ba tiêu nhưng xe ông có máy lạnh. Tiếc rằng máy lạnh của xe pickup chỉ dành trong phòng lái nên sáu đệ tử của ngài bị nhốt trong thùng sau xe mệt ngất ngư vì cơn nóng thiêu người.

Nắng tháng Tám nám trái bưởi ở Việt Nam, có nghĩa gì so với cái nóng không có độ ẩm của vùng sa mạc này. Mồ hôi bị bốc hơi ngay từ trong lỗ chân lông nên làn da khô khốc.

Xe chạy về hướng Tucson, mất hơn một giờ thì rẽ vào đường tắt, cánh đồng nho hiện ra xanh ngút mắt.

Mục sư liên hệ với chủ nhà vườn, mỗi người nhận một con dao nhỏ và chiếc giỏ đựng nho. Lần đầu tiên trong đời, chúng tôi mới nhìn thấy tận mắt những chùm nho chín mọng đong đưa trên cành. Tha hồ ăn và tha hồ hái. Người nào cũng cố hái cho thật nhiều mang về nhà bỏ tủ lạnh để dành ăn cho đã đời, ngàn năm một thuở mà!

Tôi nghĩ thầm: “Người Mỹ rộng rãi thật, nho còn đẹp thế này mà đã cho vào hái mót.”

Thằng Út nhà tôi thích quá, vui như sáo. Bụng đói và khát mà được ở giữa vườn nho thì khỏi chê vào đâu. Nó ham hồ ăn ngấu nghiến không ngừng nghỉ, những trái nho chín mọng, ngọt lịm cứ liên tiếp ngón vào mồm. Được một lúc, bỗng cu cậu ôm bụng, mặt tái xanh, ngã quỵ xuống gốc nho, mắt trợn trừng. Ông Mục sư hoảng hốt vội vàng vác nó lên vai định đưa vào phòng người coi vườn cấp cứu, chợt nó mưa thốc mưa tháo trên ngực áo ông, rồi từ trong quần shorts của nó chảy dầm dề phân lỏng, tuôn cả trên lưng áo của vị mục sư khả kính.

Sau khi ọc ra hết cả số nho đã lên men

trong dạ dày, cu cậu khỏe lại ngay. Tội nghiệp cho vị Mục sư phải đứng tắm ngoài trời bằng vòi nước tưới cây và “bác tài xế Mục Sư” phải mặc bộ đồ ướt lái xe về nhà.

Tập trung số nhỏ của gia đình hái được là 30 pounds, tiền phải trả là 60 đô, chúng tôi nhìn nhau ngỡ ngàng. Mục sư Hồ không nói rõ ràng là đi mua nho tự hái ngoài vườn, khiến chúng tôi cứ tưởng đi hái mót nho như ở quê nhà mót bắp, mót dưa.

Hẳn nhiên là không có tiền để mua, nhưng bù lại, người nào cũng được đầy một bụng nho, chỉ trừ thằng Cu Út đã trả lại hết cho chủ vườn.

Với tấm lòng hào hiệp, Mục sư chi ra 10 đô-la mua nho biếu chúng tôi mang về. Vị chủ chiên đã “tốn than còn tan lười cày!” Ngài đành bỏ luôn cuộc thăm viếng thủ phủ Phoenix.

Hai tuần lễ sau, hội thiện nguyện giới thiệu vợ chồng tôi vào làm hãng may áo quần ở một thành phố khác, cách nhà nửa giờ chạy xe trên xa lộ. Nếu đi bằng xe bus phải qua nhiều trạm mất cả tiếng rưỡi đồng hồ.

Chán nản và thất vọng, tôi không còn tinh thần để lập nghiệp trên vùng đất khô cằn đầy những cây xương rồng và khí hậu khắc nghiệt này.

Dò la tin tức, tôi biết được một số bạn bè đi trước đã đến đây rồi bỏ đi. Một hôm, tình cờ tôi nhận được một lá thư viết dở dang trong ngăn kéo bàn nơi phòng khách. Tôi nhận ra người gửi là Phan Anh Tuấn HO7, bạn cùng quê sang đây trước tôi hai tháng. Trong thư anh báo cho thân nhân sẽ bỏ tiểu bang này sang Florida. Theo ngày tháng trong thư, Tuấn rời khỏi căn apartment đúng một tuần lễ trước khi tôi tới. Như vậy, gia đình tôi là kẻ kế thừa căn nhà anh thuê nửa chừng.

Tôi như người ở giữa đại dương mênh mông, chẳng biết hướng nào tìm. Một hôm, bất ngờ tôi bắt gặp trong cuốn sổ tay có ghi số phân của Huỳnh thị Phương Thanh là bạn học với em gái tôi hồi còn ở quê nhà. Hiện giờ gia đình Thanh đang định cư tại miền Bắc tiểu bang California. Nhờ điện thoại của người láng giềng, tôi liên lạc ngay và may mắn gặp được cả hai vợ chồng. Họ hứa sẵn sàng giúp đỡ, nếu gia đình tôi di chuyển đến thành phố San Jose. Như người sắp chết đuối chụp được phao, chúng tôi mừng vô hạn.

Ông Mục sư Hồ rất cảm thông sự khó khăn của gia đình tôi Và chính ông đã giúp tôi hoàn thành ý nguyện đi tìm một vùng đất khác.

Phương tiện di chuyển là loại xe bus xuyên bang. Đúng hai mươi ngày kể từ khi đặt chân trên miền đất cực nam nước Mỹ, chúng tôi lại gánh gồng hành lý lên xe bus Greyhound thẳng đến quận hạt Santa Clara nằm về hướng tây bắc Hoa Kỳ.

\* \* \*

Vượt gần hai ngàn kí lô mét, qua một ngày một đêm, chuyến xe bus sau cùng đến thành phố San Jose vào trưa Chủ nhật. Vợ chồng Thanh đã có mặt lúc xe vừa cập bến, chúng tôi mừng rơi nước mắt.

Căn nhà Thanh biệt lập, có rào gỗ chung quanh gồm năm phòng rộng rãi. Chủ nhà dành cho gia đình tôi một phòng trên lầu ở tạm, đợi đến ngày đầu tháng sẽ dọn vào một căn apartment hai phòng do người cậu của Thanh đứng tên mượn hộ.

Chỉ còn một ngày nữa là chúng tôi dọn đến căn nhà thuê, bỗng người cậu báo tin chủ apartment hủy bỏ hợp đồng mượn nhà với lý do gia đình sáu người không thể ở hai phòng.

Tôi vô cùng lúng túng. Thời gian ở đậu nhà Thanh không thể lâu hơn được nữa, mà tìm mượn nhà khác thì phải chờ đầu tháng sau.

Lục tìm cầu may trong báo Việt ngữ mục nhà cho thuê, may mắn tôi phát hiện một căn apartment hai phòng còn trống, Thanh vội vàng điện thoại hẹn người quản lý cho tôi đến xem nhà.

Từ thành phố Milpitas đến San Jose, tôi và thằng con trai lớn thay nhau chở trên chiếc xe đạp đòn dồng không có ba-ga gắn phía sau. Người địa phương nhìn cha con tôi ôm nhau trên chiếc xe đạp với cặp mắt kinh dị. Đối với họ, có lẽ đây là hiện tượng lạ lùng đầu tiên mà họ mục kích. Chúng tôi vô tình đùa cợt với luật lệ đi đường ở Mỹ và gây khó chịu cho những người kỳ thị giới đồng tính.

Chúng tôi di chuyển như thế nhiều lần trên những con đường tấp nập xe hơi mà chưa lần nào gặp cảnh sát và cũng may mắn là không chạy lạc ra ngoài freeway. Sau này có ông bạn HO, còn chân ướt chân ráo như tôi, đi xe đạp bên rìa xa lộ bị gió cuốn hút ra giữa đường, dòng xe cán nát thân thể ông còn chiếc xe đạp bị văng trở lại vào lề đường.

Khu apartment nằm gần đường Senter, phía sau là con suối cạn. Người thuê trước vừa dọn đi cách một ngày. Chúng tôi quyết định mượn căn apartment hai phòng này với giá 650 đô-la mỗi tháng. Tiền deposit cũng 650 đồng được ông chủ nhà là một bác sĩ Việt Nam cảm thông cho khất lại tháng sau mới nộp.

Không chờ đợi chủ nhà quét dọn, sơn sửa mà vợ chồng cùng con cái tự chà rửa phòng tắm, vách tường và bếp núc, chỉ yêu cầu chủ nhà kêu thợ giặt thảm mà thôi.

Đêm đầu tiên vợ chồng tôi ở lại căn nhà mới thuê.

Hai căn đối diện dãy nhà tôi đều là người Việt. Bà Chín Nam Bộ mang biểu chúng tôi một tấm đắp cũ. Ông Bang Bắc Kỳ 54 cho bốn gói mì ăn liền, hai cái chén và hai đôi đũa.

Được sự giúp đỡ của hai người láng giềng trong cơn túng quẫn, lòng chúng tôi vô cùng cảm kích và củng cố thêm lập trường người Việt mới tị nạn nên chọn tiểu bang có đồng hương là cần thiết.

Đêm đó, vợ chồng tôi ôm nhau ngủ trên sàn nhà với tấm đắp vừa làm chiếu vừa làm mền, cuộn tròn như cặp sấu trong trái kén mà xót xa nhớ về quê hương.

Trước khi qua Mỹ, chúng tôi không ngờ lại có những ngày tháng gian truân đến thế.

\* \* \*

Người mới đến định cư cảm thấy đỡ cô đơn nhờ vào những nơi tập trung thường xuyên của đồng hương, như địa điểm cà phê bình dân ở trong khu chợ Senter, có tên rất thời thượng: Quán Cà-phê HO. Nơi đây được coi là đất tụ hội để tìm gặp bạn bè cũ, để học hỏi kinh nghiệm của những người đi trước, để được giới thiệu các loại dịch vụ cần thiết như bán xe, mua xe, học lái xe... và để biết tin tức ở quê nhà.

Một hôm, tôi đạp xe lần mò tìm đến cà phê HO. Một quán giải khát bình dân đúng nghĩa, bàn ghế đơn sơ, khách hàng mộc mạc, đậm đà tình quê hương. Kêu ly cà phê đen ngồi nhâm nhi trong một góc, tôi nghe rầm rì những mẩu đối thoại với nhau:

- “Này, đăng ấy còn nhớ thằng H. không? Nó tù cùng trại với bọn mình đó. Vợ nó vượt biên qua Mỹ hồi năm 82. Vừa rồi nó qua đợt HO 5, nghe nói ngày H. tới phi trường, cô vợ đến chúc mừng và trao cho nó một phong bì đựng 500 đô-la rồi quay lưng thản nhiên bước

lên chiếc xe lộng lẫy có người đàn ông Mỹ ngồi chờ sau tay lái. Lòng H. tê tái. Một khắc sau, người đại diện hội thiện nguyện bảo trợ mời H. lên xe. Nhìn cảnh vật qua màn lệ mà H. tưởng bầu trời Mỹ quốc phủ lớp sương mờ.

- “Sao chuyện xảy ra giống tiểu thuyết quá vậy. Ông qua đây lâu rồi mà có nghe tin tức gì về thằng R. cùng phố với bọn mình không?”

- “Trên đất nước mênh mông này mà cậu tưởng như ở ngã ba Long Khánh của cậu đấy. Nó đi HO mấy?”

- “HO 6, ở quê mình đồn reo về chuyện vợ nó mới qua Hoa Kỳ chưa đầy năm mà đã bỏ chồng, bỏ con theo thằng triệu phú da đen.

- “Ồi, cứ tưởng bỏ, bộ Mỹ nó khoái mấy bà vợ dúi cơm lâu ngày từ trên rẫy bắp, đòi sắn ở quê nhà hay sao? Đó chẳng qua là đòn tuyên truyền của VC bôi xấu anh em HO mình đấy. Cậu nhớ hồi bọn mình còn trong tù, mấy anh “áo vàng” tuyên bố: “Số đàn bà con gái chạy qua Mỹ đều bị “bè lũ đế quốc” dồn vào một nơi làm điểm cho lính GI. Mấy anh chồng đau quá, kéo nhau biểu tình đòi trả về Việt Nam, nhưng Đảng và nhà nước ta đâu có chịu nhận...”

Như thế đấy. Lần đầu tôi đến thăm tiệm cà phê HO, quả thật tiếng đồn không sai. Nơi đây được mệnh danh là “Hãng thông tấn Senter”.

Nhờ người bạn mới quen tại quán cà phê HO giới thiệu cho tôi ông thầy “dạy lái xe tư gia”. Với giá giúp đỡ người đồng hương, ông thầy lấy công 250 đô tập cho từng người, đến khi đậu được bằng lái.

Sau khi đưa cha con tôi đến DMV thi lấy bằng viết, ông cho thực tập ngồi sau tay lái, mỗi ngày vài tiếng đồng hồ trong vòng một tuần lễ. Thằng con lớn của tôi thi lần đầu là đậu ngay. Riêng tôi đã từng lái xe dodge, xe jeep gần chục năm trong quân đội thế mà qua lần thứ năm mới pass. Ông thầy dạy lái với khuôn mặt thăm nảo bắt tay tôi.

Ông bảo:

“Không phải chúc mừng anh đậu mà chúc mừng anh khỏi phải ghi tên vào trường dạy lái chuyên nghiệp chính thức.”

Luật thi lái xe ở Cali, cứ ba lần thi lái không đậu phải thi lại bằng viết và tiếp tục thi ba lần nữa. Thấy tay lái quá yếu, vị chủ khảo có thể bắt buộc thí sinh phải ghi tên học tại trường

lái xe chuyên nghiệp. Hú hồn, nếu không, tôi phải mất bộ tiền và tốn thêm thời gian để tiếp tục học lái xe tại trường.

Trước khi từ giã, tôi bắt tay ông thầy dạy lái, vừa ngỏ lời cảm ơn vừa chúc mừng ông thầy thoát được “của nợ” đã hành ông mất bảy lần lui tới Nha Lộ Vận.

Nhờ kinh nghiệm chưa chát về tôi mà sau này ông thầy tặng tiền dạy lái gấp đôi cho ông HO nào tự xưng mình lái xe lâu nhất và hay nhất ở Việt Nam.

\* \* \*

Vợ tôi được bà láng giềng giới thiệu học nghề nấu ăn trên xe lunch, một phương tiện bán thức ăn lưu động tại các hãng xưởng. Sáng sớm bà chở giúp nhà tôi đến hãng IFCO, chiều về chịu khó lên xe bus. Dù học nghề, nhưng được chủ trả 40 đô mỗi ngày. Cuối ngày phải rửa xe, lau chùi các tủ kính, bếp nấu, tính ra còn khổ hơn người thợ chính. Lương trả cho cook chính mỗi ngày 80 đô, khi xe về đến bến là cook thanh thoi lái xe về nhà.

Vợ tôi làm suốt mười hai tiếng đồng hồ trên xe lunch, đã nhọc mệt mà chiều về còn phải đứng ngoài trời lạnh đón xe bus qua hai ba trạm. Vì vậy, tôi nghĩ đến chuyện mua xe, một mặt đưa đón vợ, một mặt cho con tôi có phương tiện đi làm và đi học.

Một hôm, bất ngờ tôi nhận được thư của Trần Chung, một thuộc cấp cũ gửi thư thăm và có nhã ý lấy vé máy bay mời chúng tôi qua tham quan vùng Houston, nơi anh có ngôi chợ bán seafood. Anh còn đề nghị tôi nên chuyển gia đình qua vùng đó ở, anh sẵn sàng giúp đỡ “ông thầy”.

Được tin đó, vợ chồng cô Thanh góp ý kiến là thay vì ông bạn cho tiền mua vé máy bay khứ hồi từ Cali sang Texas, chỉ xin họ cho mượn 2000 đô-la để mua chiếc xe, hầu có phương tiện cho cả nhà đi lại, rồi trả góp từng tháng một.

Bà chủ chợ Trần Chung là bạn cùng quê với vợ tôi, ông chồng là nhân viên của tôi khi chưa mất nước, cả hai đều thân tình cả. Họ qua đây từ năm 79, có mấy cơ sở làm ăn vững vàng ở Houston. Nghe lời góp ý của Thanh, chúng tôi “hồ hởi” gọi điện thoại ngay.

Cú phôn xuyên bang đối với gia đình đang ăn trợ cấp cũng xót xa lắm. Bà chủ chợ nhận điện thoại, nghe tiếng vợ tôi, bà vui mừng rồi rít. Bà hỏi thăm đủ người, nào là bà nội ông

ngoại, các bà di ông dựng của bà ấy rồi đến láng giềng, cả cái nhà thờ của ông chồng để lại cho đứa cháu kêu bác ruột có sửa sang đẹp để không, ngày chạp mả hàng năm đều gửi tiền về mà nó tổ chức có rình rang không?.. Chờ cho bà bạn cũ nghĩ lấy hơi, vợ tôi mới dám mở lời mượn tiền mua xe. Bà bạn bảo:

- “Ồ tiếc chưa, phải chi gia đình bỏ qua đây trúng mùa xuân, lúc ấy chợ mình đông khách hàng lắm, gặp mùa này chợ nào cũng ế ẩm cả. Để mình hội ý với ông xã rồi trả lời bỏ sau. Phôn cúp, mắt tròn một giờ gọi long-distance, nhưng niềm hy vọng chỉ còn năm mươi phần trăm ở người chồng.

Nhà tôi thao thức chờ đợi tiếng phôn “độ trì” từ thành phố Houston, nhưng vẫn im re. Tôi nghĩ có thể người bạn bạn rộn công việc ở chợ nên đã quên khuấy lời khẩn khoản của vợ mình. Vì vậy, tôi đánh liều gọi điện qua để được trả lời dứt khoát. Lần này tôi không nghe giọng líu lo của vợ chồng bạn tôi mà chỉ nghe tiếng nói chắc nịch của tổng đài báo cho biết số điện thoại đó không xài nữa.

Vợ chồng Thanh sống trong xã hội Mỹ đã mười mấy năm mà đưa ý kiến mượn tiền là đùa cợt trên sự đau khổ của người chưa am tường đời sống thực tế ở đây. Không biết nên trách người hay tội nghiệp cho bản thân mình. Vợ tôi nước mắt đầm đìa, khóc vì tủi phận.

Bà kể lể:

“Ngày trước nó đi buôn quân tiếp vụ bị quân cảnh hốt, chạy tới trường mình đang dạy đòi mượn tiền, phải bỏ lớp về nhà vét sạch đưa cho nó, giờ trong cơn túng quẫn nơi quê người nó lại làm ngơ”.

Tôi sùng máu nạt vợ:

- “Bà có điên không mà kể lể ngược đời. Hồi đó bà cho nó mượn nhiều lắm là năm chục ngàn, còn ở đây hai ngàn đô-la tính ra trên hai mươi triệu đồng Việt Nam đó, sợ bà mới qua không trả nổi nên người ta làm lơ là đúng thôi.

Bà chủ xe lunch muốn giữ vợ tôi làm với bà lâu dài nên cho chúng tôi mượn 1050 đô mua chiếc xe Supra hai cửa, đời 81 bị tông móp bên hông tay lái.

Con tôi chề xe bị tai nạn tước sơn loang lổ. Tôi giải thích:

- “Giai đoạn đầu khó khăn, mình cần xe đi, đâu cần xe đẹp. Người ta nói hiệu xe này

bền lắm, đi cả chục năm nữa vẫn còn tốt chán, vả lại, nó vừa với túi tiền của gia đình mình”.

Nghe tôi sắm xe, nhiều người khuyên mới có bằng lái phải mua bảo hiểm hai chiều. Nghe rồi chỉ ậm ừ chứ tôi biết cóc gì về chiều với hướng.

Sau khi làm xong thủ tục ở nha lộ vận, tôi vội đến văn phòng bảo hiểm của ông chủ người Việt, nguyên là bạn học với vợ tôi. Vị chuyên viên đầy kinh nghiệm này khuyên tôi chỉ nên mua insurance một chiều rưỡi thôi, lý do xe cũ và tiết kiệm tiền. Anh giải thích:

“Bảo hiểm chiều rưỡi là khi xe anh tông xe người ta thì hãng bảo hiểm của tôi sẽ bồi thường cho xe phía bên kia và nếu xui xẻo xe người khác đụng xe anh mà xe họ không mua insurance, thì bảo hiểm của tôi sẽ đền cho anh”.

Tôi đồng ý.

Tính tới tính lui trên máy điện toán, anh bạn kéo ra tờ giấy dài như lá sớ. Phần tổng cộng một năm bảo hiểm phải đóng 1250 đô.

Chân tay rã rời, tôi thì thảo bên tai vị chuyên viên bảo hiểm :

“Tiền mua chiếc xe có 1050 đô, sao bảo hiểm tới 1250 đô?”

Anh ôn tồn giải thích:

- “Hiệu Supra là loại xe thể thao, cha con anh mới có bằng lái và cậu con trai hai mươi hai tuổi, đó là ba yếu tố khiến tiền mua bảo hiểm phải cao. Tuy nhiên, không phải đóng một lần mà có thể đóng từng tháng một cộng thêm lời.”

Tôi ôm đầu ra về thông báo với bà xã. Ngày hôm sau nhà tôi mượn về 150 đô-la đóng tháng bảo hiểm đầu tiên.

Buổi sáng, tôi đưa vợ đi làm từ lúc bốn giờ, rồi vội vã quanh về cho hai con lớn đi làm hãng điện tử. Cái job điện tử nghe kêu thật. Ông bà ngoại đọc thơ thấy cháu mình mới qua Mỹ mà sao học hành giỏi quá, chưa được bao lâu mà đã đạt được cái nghề điện tử!

Một giờ 3 đô, ngày làm tám tiếng vị chi là 24 đô. Một tháng hai mươi ngày tính ra làm được 480 đô chưa trừ thuế. Ông bà ngoại bên nhà nhắm tính lương mỗi đứa cháu hàng tháng gần năm triệu bạc Việt nam. Con gái, chàng rể rồi đây sẽ giàu to ở xứ người, ông bà mừng rơn đi khoe cùng bà con láng giềng.

Giàu đâu chưa thấy, nhưng tiền trợ cấp

vừa đúng sáu tháng là bị cắt bớt, chỉ còn cái check 650 đô với 108 đồng food stamps cho mỗi tháng dành cho cha mẹ và đứa con út dưới mười tám tuổi.

\* \* \*

Từ ngày về đây, gia đình tôi ở tầng lầu, tầng dưới vắng vẻ không người ở, nhưng đêm đến lại thường nghe tiếng khua động. Những tiếng cộp cộp, bình bịch như có người đục vách, tiếng ào ào như tiếng nước chảy.

Vợ tôi thăm thì: “Ma ông à”.

Tôi áp nạt:

“Ngủ đi, mai còn đi làm, thợ sửa nhà đấy. Ở Mỹ người ta làm việc đâu kể ngày đêm.”

Lâu ngày rồi cũng quen tai, vả lại, những tiếng động đó cũng không xảy ra thường xuyên.

Có những buổi sáng đi làm sớm, chúng tôi hay bắt gặp cặp nam nữ thiếu niên người Á

đông ngồi ôm nhau trên ban-công tầng gác đối diện.

Bà xã tôi thắc mắc:

“Con nhà ai mà trốn cha trốn mẹ yêu đương sớm thế?”

Như thường lệ, sáng đúng bốn giờ là tôi phải chở vợ đi làm. Xe vừa ra khỏi đường hẻm, chợt một cảnh sát mặc sắc phục chặn lại. Ông ra lệnh vợ chồng tôi ra khỏi xe, đồng thời đưa hai tay lên đầu. Họ đẩy chúng tôi úp mặt trên nắp ca-pô xe, rồi bắt đầu lục soát trên người, trong xe. Xong, họ chụp hình cả người lẫn xe.

Sau cùng họ hỏi chúng tôi đi đâu. Câu trả lời rất rõ ràng của tôi là đi làm.

Ông ta khoát tay bảo lên xe, không cho bật đèn sáng. Ra khỏi khu vực, chúng tôi mới thấy xe cảnh sát đậu rải rác trên những con lộ gần khu chung cư của chúng tôi ở.

Khi tôi quay về, mọi người trong khu chung cư hầu như đều thức dậy, kẻ đứng lấp ló trong cửa, người ra hẳn ngoài sân, mắt hướng về căn apartment của tôi. Cảnh sát mặc thường phục đang lục soát tầng dưới nhà, một số khác, vũ khí cầm tay xục xạo dọc theo con suối cạn.

Ông Bang lảng giềng đang đứng hút thuốc trước mái hiên ngoắc tôi lại nói nhỏ vào tai:

“Một ổ cướp có súng, khiếp thật. Chúng

nó đục vách nhét hàng điện tử lấy trộm được, khoét sàn bên trong tủ đựng áo quần bỏ cả vũ khí vào trong đó. Tôi đếm được mười thằng, toàn dân da màu bị còng tay, nghe đâu một thằng chạy thoát. Cặp trai gái thường ôm nhau ngồi trên ban-công lúc về sáng cũng có mặt trong số đó. Hàng điện tử chúng cướp ở đâu mà nhiều đến khiếp, chất đầy một xe van, vậy mà chưa hết, cảnh sát còn tiếp tục tháo vách lục tìm.” Tôi thật sự bàng hoàng. Từ chỗ ngạc nhiên đến lo sợ. Mấy tháng trời sống trên hang kiến lửa mà chẳng hay biết gì cả. Xế trưa, một cảnh sát Mỹ gốc Việt đến nhà tôi.

Ông ấy hỏi:

- “Cái nhóm băng đảng ở tầng dưới hoạt động đã gần một năm rồi mà gia đình ông không hay biết gì sao?”

Tôi trung thực trả lời:

-“Chúng tôi là những người tỵ nạn mới sang, thuê căn nhà này chưa đầy bảy tháng.”

Ông cảnh sát nhìn tôi một chặp lâu như để dò xét rồi tiếp tục tra vấn:

-“Bảy tháng sống ở đây, ông không phát hiện được một hiện tượng nào khác lạ?”

Tôi thẳng thắn:

-“Chúng tôi bận rộn suốt ngày, hết chỗ làm part time rồi đến trường học, thì giờ đâu mà để ý đến những sinh hoạt của người khác.”

Khi ông cảnh sát đi rồi tôi mới giật mình. Tay này nghi mình bao che hoặc tiếp tay cho bọn cướp. Trái lại bọn cướp nhìn tôi như là mặt báo viên. Hang ổ bị phá vỡ, tự nó đã chĩa mũi dùi vào kẻ ở tầng trên. Đúng là một cở hai trùng!

Chiều tối cùng ngày, lực lượng FBI lại đột nhập vào căn gác đối diện nhà tôi, bắt thêm được ba tên người Mỹ Tây Cơ và tịch thu ba khẩu súng ngắn.

Đêm đó, tôi bàn với vợ và hai đứa con lớn là phải dọn nhà đi gấp, chần chừ là chúng đến nhà “phơ” hết cả đám. Đồng đảng chắc chắn sẽ nghi gia đình mình mặt báo cho lực lượng an ninh hành tung của chúng. Nghe tôi phân tích, mọi người đều sợ xanh máu mặt.

Chỉ trong vòng hai ngày là chúng tôi lạng lẽ dọn nhà không báo trước. Ra đi âm thầm trong đêm, bỏ lại tất cả những vật dụng nặng nề, bỏ cả tiền deposit, nghĩa là bỏ của chạy lấy người.

\* \* \*

Mấy tháng sau, nhân cuối tuần, tôi  
**Luật Khoa VN tại Bắc Cali. 2023**

ghé vào quán cà-phê HO để kiểm tờ báo Việt ngữ, bất ngờ gặp người bạn láng giềng hồi ở apartment của ông bác sĩ. Ông Bang bắt tay tôi mừng rỡ, nói:

- Ông may mắn thật.

- Chuyện gì thế? tôi ngạc nhiên hỏi.

Bang thì thầm:

“Ông dọn nhà đi là có cặp vợ chồng già và đứa cháu nhỏ đến mượn ngay. Người vợ bị bệnh thần kinh tê liệt. Ông biết không, đúng một tuần lễ, vào nửa đêm, bọn chúng xông vào căn gác ông ở cũ gặp người mượn mới, hỏi ông chồng:

- Các người mượn nhà này bao lâu?

- Chúng tôi đến đây chưa đầy tuần lễ, ông cụ trả lời.

- Mấy người có biết gia đình người mượn trước dời đi đâu không?

- Già cả lại bệnh hoạn, tụi tôi làm sao biết được.

Chúng kéo bà lão tê liệt rớt xuống sàn nhà, giật tấm đắp xem mặt thằng nhỏ đang ngủ, mở cửa tủ áo quần lục soát, xong chúng nhìn mặt từng người trong nhà một lần chót rồi vội vã ra xe đang nổ máy chờ.

Sáng hôm sau ông già kể lại cho hàng xóm nghe sự việc đêm qua mà chẳng biết chuyện gì đã xảy ra trước kia trong nhà ông đang ở.

Ông Bang nhìn tôi với ánh mắt như ngưỡng mộ một vị anh hùng, tiếp:

- “Bà con cả khu apartment đều phục ông là người can đảm. Nói không phải chỗ xin ông bỏ qua cho, chỉ có người cộng tác viên gan lì như ông mới dám đưa gia đình đến sống trà trộn với bọn cướp. Mà phải có người như ông may ra xã hội này mới diệt hết được những băng đảng tội phạm. Từ ngày tiêu trừ được bọn cướp, chúng tôi mới thở phào nhẹ nhõm và luôn luôn nhớ ơn ông.”

Nghe đến đó, tôi sợ tháo mồ hôi. Chính những người bạn láng giềng còn nghi tôi là người của FBI, huống hồ bọn cướp làm sao nghĩ khác đi được! Và tôi tự nhủ sẽ không bao giờ trở lại cái khu “Thông Tấn Xã Senter” này nữa. Đến đây biết đâu, chẳng có ngày mang họa vào thân!./.

**Hạ Nhiên Nguyễn Tấn Ích**



## GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALIFORNIA

